

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC

TỔNG KẾT 8 NĂM THỰC HIỆN

ĐỀ ÁN "XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP GIAI ĐOẠN 2012 – 2020"

(Tài liệu Hội nghị)

Hà Nội, tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
Phần I. Báo cáo tổng kết Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020” và Báo cáo tổng kết các đề án thành phần	4
1. Báo cáo tổng kết Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020”	5
2. Báo cáo tổng kết Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hoá, câu lạc bộ”	62
3. Báo cáo tổng kết Đề án “Truyền thông về xây dựng xã hội học tập”	82
4. Báo cáo tổng kết Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020”	93
5. Báo cáo tổng kết Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2020”	112
6. Báo cáo tổng kết Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020 và Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020	123
7. Báo cáo tổng kết Đề án “Phát triển đào tạo từ xa giai đoạn 2015-2020”	134
8. Báo cáo tổng kết Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2020”	153
Phần II. Báo cáo tham luận	181
1. Tham luận của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng	182
2. Tham luận của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	189
3. Tham luận của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	196
4. Tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh	209
5. Tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình	214
6. Tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình	219
7. Tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	222
8. Tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	230
9. Tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình	238
10. Tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng	244
11. Tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai	246
12. Tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang	255
13. Tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình	260
14. Tham luận của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	266

15. Tham luận của Trường Đại học Mở Hà Nội	271
16. Tham luận của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	287
17. Tham luận của Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển Đô thị Quảng Bình	294
18. Tham luận của Ông Nguyễn Tuấn Anh - Người sáng lập Tủ sách nhân ái và Ngôi nhà trí tuệ	297
Phần III. Các văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước	304
1. Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập	305
2. Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập	309
3. Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030	318

PHẦN I
BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ ÁN “XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP GIAI ĐOẠN 2012-2020”
VÀ BÁO CÁO TỔNG KẾT CÁC ĐỀ ÁN THÀNH PHẦN

(Dự thảo)

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO**Tổng kết Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020”**

Thực hiện Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020” (sau đây gọi là Đề án 89), trong 8 năm qua, ngành Giáo dục đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội (sau đây gọi là các tổ chức xã hội) tích cực triển khai thực hiện và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng góp phần cho thành công của Đề án 89.

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã xây dựng kế hoạch hướng dẫn tổng kết Đề án 89 và đề nghị các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là các bộ, ngành, địa phương), các tổ chức xã hội triển khai tổng kết Đề án 89¹. Trên cơ sở báo cáo của các bộ, ngành, địa phương và tổ chức xã hội, Bộ GDĐT báo cáo như sau:

Phần I**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN “XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP GIAI ĐOẠN 2012-2020”****I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 89****1. Hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2011-2020**

Ngày 22/6/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 927/QĐ-TTg thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia xây dựng xã hội học tập (XHHT) giai đoạn 2011-2020. Ngay sau khi được thành lập, Ban Chỉ đạo quốc gia đã ban hành quy chế làm việc và chỉ đạo các bộ, ngành xây dựng kế hoạch thực hiện công tác xây dựng XHHT; chỉ đạo các địa phương tham mưu cho cấp ủy, chính quyền thành lập Ban Chỉ đạo các cấp; tổ chức tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của việc học

¹Kế hoạch số 326/KH-BGDĐT ngày 22/5/2020 hướng dẫn triển khai tổng kết thực hiện Đề án 89.

tập suốt đời (HTSD), xây dựng XHHT trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nhận thức được vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của HTSD và xây dựng XHHT cho mọi người dân.

Trong thời gian hoạt động, Ban Chỉ đạo đã khẳng định được vai trò quan trọng trong việc chỉ đạo, triển khai thực hiện Đề án 89, đặc biệt, đã tham mưu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ về phương hướng, cơ chế, chính sách và các giải pháp xây dựng XHHT hiệu quả; chỉ đạo, điều phối hoạt động giữa các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về xây dựng XHHT,...

Ngày 26/5/2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 764/QĐ-TTg về việc thành lập Ủy ban Quốc gia đổi mới GDĐT, trong đó có nội dung giải thể Ban Chỉ đạo được thành lập tại Quyết định số 927/QĐ-TTg ngày 22/6/2010. Nhiệm vụ này được giao cho Ban Chỉ đạo Đổi mới GDĐT chỉ đạo, điều hành. Tuy nhiên, do không có bộ phận hoặc tiểu ban chuyên trách chỉ đạo Đề án 89 riêng, cho nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác phối hợp giữa các bộ, ngành và công tác chỉ đạo hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT ở các địa phương.

2. Tổ chức chỉ đạo thực hiện của các bộ, ngành, các tổ chức xã hội

2.1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ GDĐT đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan triển khai Đề án 89 phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cụ thể:

- Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2020” (*Quyết định số 692/QĐ-TTg ngày 04/5/2013*); Đề án “Phát triển đào tạo từ xa giai đoạn 2015-2020” (*Quyết định số 1559/QĐ-TTg ngày 10/9/2015*), Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025” (*Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29/4/2016*);

- Ban hành văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án 89; ban hành kế hoạch thực hiện Đề án 89 và giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ cũng như các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc; xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai thực hiện Đề án 89; lồng ghép các nội dung hướng dẫn triển khai Đề án 89 vào Chỉ thị năm học và văn bản hướng dẫn nhiệm vụ năm học đối với giáo dục thường xuyên (GDTX) hàng năm;

- Ban hành nhiều văn bản hướng dẫn các tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch và tổ chức Tuần lễ hưởng ứng HTSD hằng năm với những nội dung, hoạt động cụ thể, thiết thực, hiệu quả; chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh xây dựng các mô hình học tập; đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá và đổi mới

hoạt động thư viện trường học trong các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở GDTX; chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo từ xa và tăng cường phối hợp cung cấp nguồn học liệu cho các cơ sở GDTX (xem Phụ lục I kèm theo).

Bên cạnh đó, nội dung triển khai Đề án 89 cũng được lồng ghép vào các hội nghị, hội thảo, các hoạt động ký kết hợp tác giữa Bộ GDĐT với các bộ, ngành, các tổ chức xã hội.

- Phối hợp với Hội Khuyến học Việt Nam, Ban Tuyên giáo Trung ương, Trường Đại học Mở Hà Nội, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) và Trung tâm Nghiên cứu HTSD trực thuộc Tổ chức Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á (SEAMEO CELLL) tổ chức các hội nghị, hội thảo về công tác xóa mù chữ (XMC), xây dựng XHHT²;

- Ký kết Chương trình phối hợp hành động thực hiện Đề án 89 với các hội, báo, đài Trung ương; hằng năm tổ chức đánh giá kết quả thực hiện công tác phối hợp thực hiện Đề án 89 (xem Phụ lục II kèm theo).

- Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội Khuyến học Việt Nam tổ chức kiểm tra việc thực hiện Đề án tại các tỉnh, thành phố.

b) Triển khai thực hiện Đề án “Phát triển đào tạo từ xa giai đoạn 2015-2020”

Bộ GDĐT đã xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển đào tạo từ xa giai đoạn 2015-2020”; ban hành các văn bản quy định về đào tạo từ xa trong đó quy định cụ thể các tiêu chí bảo đảm chất lượng đối với chương trình đào tạo từ xa cấp văn bằng; ban hành quy định không ghi hình thức đào tạo trên văn bằng với định hướng bỏ phân biệt bằng cấp đối với các hình thức đào tạo khác nhau (chính quy, vừa làm vừa học, đào tạo từ xa). Chỉ đạo các đại học, trường đại học, học viện, trường cao đẳng sư phạm, trường trung cấp sư phạm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học,

²Hội nghị sơ kết 03 năm thực hiện Đề án 89; hội nghị sơ kết 03 năm và 05 năm thực hiện Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12/12/2014 của Bộ GDĐT quy định việc đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã; Hội thảo “Xây dựng XHHT tại Việt Nam – Từ tầm nhìn đến hành động”; Hội thảo Phát triển văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng; Hội thảo Đọc sách – hoạt động trải nghiệm sáng tạo và nghiên cứu khoa học trong trường phổ thông; Hội thảo khoa học “Đổi mới GDTX đáp ứng nhu cầu HTSD cho mọi người”; Hội thảo “Nâng cao chất lượng đào tạo từ xa theo xu thế phát triển của khu vực và thế giới”; Hội nghị “Phát triển khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT trong các trường đại học, cao đẳng”; Hội thảo “Vai trò của trường đại học với việc HTSD của người lớn”; Hội nghị Á – Âu về “Học tập suốt đời và mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030”; Hội thảo khoa học “Xây dựng XHHT trên huyện đảo”; Hội thảo “Vai trò của các trường đại học đối với việc xây dựng tài nguyên giáo dục mở”; Hội thảo “Phát triển giáo dục thường xuyên thành hệ thống giáo dục mở đáp ứng nhu cầu giáo dục người lớn giai đoạn 2020 - 2030”; Hội thảo về chính sách phát triển giáo dục thường xuyên; Hội thảo khoa học “Trường đại học với việc xây dựng và triển khai mô hình “Công dân học tập” tiếp cận Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”.

kiểm tra, đánh giá; xây dựng và khai thác sử dụng kho bài giảng e-learning, kho học liệu số của ngành phục vụ nhu cầu tự học và đổi mới, sáng tạo trong hoạt động dạy và học; áp dụng phương pháp học trực tuyến (e-learning), kết hợp giữa phương pháp học truyền thống với học trực tuyến (blended learning).

Các cơ sở giáo dục đại học đã quan tâm phát triển công nghệ đào tạo qua mạng, đầu tư hệ thống quản lý học tập (LMS), hệ thống quản lý nội dung học tập (LCMS) và phòng studio để xây dựng học liệu số (Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Thăng Long, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội,...); thường xuyên tổ chức tập huấn, trang bị những kỹ năng cần thiết để triển khai đào tạo qua mạng cho cán bộ quản lý, giảng viên (gần 40% cán bộ quản lý, giảng viên trên toàn quốc được tập huấn kỹ năng đào tạo từ xa); liên kết với các trung tâm GDTX tỉnh để mở các chương trình đào tạo từ xa cấp chứng chỉ, chương trình phổ biến kiến thức.

Sau 5 năm thực hiện Đề án “Phát triển đào tạo từ xa giai đoạn 2015-2020”, số lượng cơ sở giáo dục đại học có mở chương trình đào tạo từ xa cấp văn bằng đã tăng lên đáng kể. Năm 2015, cả nước chỉ có 15 cơ sở giáo dục đại học có mở chương trình đào tạo từ xa cấp văn bằng với khoảng 90 chương trình đào tạo từ xa cấp văn bằng (64 chương trình đào tạo có sinh viên). Đến năm 2020, cả nước đã có 25 cơ sở giáo dục đại học có mở chương trình đào tạo từ xa cấp văn bằng trình độ đại học (chiếm 10,4% số lượng cơ sở giáo dục đại học toàn quốc) với tổng số 178 chương trình đào tạo từ xa trong đó 84 chương trình đào tạo có sinh viên.

Số lượng chương trình đào tạo theo phương thức truyền thống được duy trì, tuy nhiên cũng chỉ tập trung ở 02 đại học mở và Đại học Thái Nguyên với tổng số chương trình 24 (chiếm 13,5% tổng số chương trình đào tạo từ xa).

Về quy mô sinh viên, năm học 2015-2016, tổng số sinh viên theo học chương trình đào tạo từ xa cấp văn bằng là 87.294. Năm học 2019-2020, tổng quy mô đào tạo từ xa còn 45.700 sinh viên. Số lượng quy mô sinh viên theo học chương trình đào tạo từ xa cấp văn bằng giảm, tuy nhiên, số lượng sinh viên tham gia các chương trình đào tạo chính quy có sử dụng phương thức học tập qua máy tính, đào tạo trực tuyến có xu hướng tăng.

c) Triển khai thực hiện Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2020”

Ban hành các văn bản hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2020”. Chỉ đạo các địa phương nâng cao chất lượng học xóa mù chữ (XMC), củng cố kết quả biết chữ, hạn chế tái mù chữ, trong đó ưu tiên XMC cho đồng bào dân tộc thiểu số; tập trung chỉ đạo đối với khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và những địa phương có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

Tổ chức các hội thảo bàn các giải pháp XMC hiệu quả cho đồng bào dân tộc thiểu số; khảo sát, đánh giá việc thực hiện chương trình và tài liệu học XMC, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ; nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy XMC theo nhu

cầu của người học và đặc điểm phát triển của địa phương, gắn việc XMC và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ với phát triển bền vững.

Chỉ đạo các địa phương điều tra thực trạng người mù chữ trên cơ sở đó huy động người học; tích cực phối hợp với bộ đội biên phòng, các tổ chức, các lực lượng trong xã hội để triển khai để thực hiện hiệu quả công tác XMC.

Theo báo cáo của các Sở GDĐT, trong giai đoạn 2012-2020 đã XMC cho 295.308 người trong độ tuổi 15 – 60, nâng tỷ lệ biết chữ độ tuổi từ 15 – 60 là 97,85% (chưa đạt mục tiêu của Đề án XMC) và tỷ lệ biết chữ độ tuổi từ 15 – 35 là 99,3% (vượt mục tiêu của Đề án).

Đối với 14 tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (theo Phụ lục của Đề án XMC) tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15 – 60 là 93,1% (chưa đạt mục tiêu của Đề án XMC) và trong độ tuổi 15 – 35 là 96,7% (vượt mục tiêu của Đề án).

Tỷ lệ người dân tộc thiểu số biết chữ trong độ tuổi 15 – 60 đạt 93,41% và trong độ tuổi 15 – 35 đạt 97,08% (vượt so với mục tiêu đề ra trong Đề án).

Số xã đạt chuẩn mức 1 là 100% và đạt chuẩn mức 2 là 93,5%; số huyện đạt chuẩn mức 1 là 100% và đạt chuẩn mức 2 là 83,4%; số tỉnh đạt chuẩn mức 1 là 100% và đạt chuẩn mức 2 là 50,8% (chưa đạt mục tiêu của Đề án XMC).

2.2. Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Truyền thông về xây dựng XHHT” (Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 13/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ); phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành liên quan chỉ đạo định hướng các cơ quan báo chí, hệ thống phát thanh, truyền hình Trung ương và địa phương, hệ thống thông tin cơ sở tập trung thông tin, tuyên truyền về Đề án 89, Đề án “Truyền thông về xây dựng XHHT” và các đề án thành phần; mở chuyên mục, chuyên đề, tăng cường các tin, bài, hình ảnh phản ánh thông qua nhiều hình thức trên hệ thống phát thanh, kênh truyền hình, báo in, báo điện tử với nhiều nội dung phong phú”; phối hợp với Bộ GDĐT biên soạn tài liệu và tổ chức tập huấn cho phóng viên báo, đài tuyên truyền về xây dựng XHHT-HTSD và chỉ đạo các cơ quan báo, đài xây dựng các chương trình giáo dục, nâng cao năng lực sử dụng máy tính và truy cập internet.

Chỉ đạo các nhà xuất bản, các cơ quan, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, in, phát hành tổ chức xuất bản và phát hành rộng rãi các xuất bản phẩm phục vụ phát triển văn hóa đọc. Hằng năm, xây dựng kế hoạch tổ chức Ngày Sách Việt Nam (21/4) và hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai đồng bộ các hoạt động của Ngày Sách Việt Nam nhằm khuyến khích và đẩy mạnh phong trào đọc sách trong toàn dân. Ban hành Kế hoạch phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng giai đoạn 2020-2030 theo hướng xã hội hóa. Trung bình mỗi năm, toàn ngành đã xuất bản khoảng 30.000 đầu sách với khoảng 400.000.000 bản sách phục vụ nhu cầu bạn đọc.

Để đảm bảo việc học tập trong bối cảnh đại dịch covid-19, Bộ Thông tin và Truyền thông đã chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông lớn, cam kết hỗ trợ, đồng hành cùng ngành giáo dục - đào tạo triển khai, tổ chức các chương trình dạy và

học trực tuyến đã nhận được sự quan tâm, ủng hộ của đông đảo phụ huynh, học sinh.

2.3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động HTSD trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hoá, câu lạc bộ” (*Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ*) và Đề án “Phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” (*Quyết định số 329/QĐ-TTg ngày 15/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ*). Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động HTSD trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ”; hướng dẫn các địa phương xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch; xây dựng mô hình và hướng dẫn triển khai áp dụng mô hình thư viện phục vụ HTSD; xây dựng dự án trang bị xe ô tô thư viện lưu động đa phương tiện cho các thư viện tỉnh từ nguồn xã hội hóa; hằng năm tổ chức cuộc thi “Đại Sứ văn hóa đọc” và trao tặng “Giải thưởng phát triển văn hóa đọc” có tác động lan tỏa và khích lệ học sinh, sinh viên và các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia đọc sách và đóng góp cho việc phát triển văn hóa đọc; phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng tài liệu hướng dẫn tổ chức các hoạt động HTSD trong thư viện, nhà văn hoá, câu lạc bộ; ký kết các chương trình phối hợp và tổ chức nhiều hoạt động thiết thực để thực hiện Đề án³. Tổ chức Hội nghị sơ kết 02 năm triển khai thực hiện Đề án (năm 2016) và Hội nghị tổng kết Đề án giai đoạn 2014 - 2020 (năm 2020) nhằm đánh giá những kết quả đạt được, qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm, nhân rộng các mô hình tiên tiến, hiệu quả, đồng thời đề xuất kế hoạch tiếp tục thực hiện Đề án trong giai đoạn tiếp theo.

2.4. Hội Khuyến học Việt Nam đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 281/QĐ-TTg ngày 20/02/2014 phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng và đơn vị đến năm 2020” (gọi tắt là Đề án 281); phối hợp với Bộ GDĐT xây dựng các Bộ tiêu chí đánh giá công nhận các mô hình học tập.

Hội đã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 281 theo 2 giai đoạn: thí điểm (2014-2015) và triển khai đại trà (2016 - 2020); hướng dẫn các cấp Hội tổ chức triển khai thực hiện Đề án 281.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép triển khai đại trà Bộ tiêu chí trên địa bàn xã, phường, thị trấn trong cả nước (Thông báo số 9961/VPCP-KGVX ngày 27/11/2015 của Văn phòng Chính phủ), Hội Khuyến

3. Ký kết các chương trình phối hợp công tác với các Bộ ngành, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước: Bộ GDĐT, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Hội Người mù Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ đổi mới giáo dục phổ thông Việt Nam, Trung tâm hợp tác trí tuệ Việt Nam, Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty cổ phần tập đoàn Trung Nguyên, Tổ chức GNI Việt Nam, , Công ty TNHH Văn hóa sáng tạo Trí Việt - First News và Công ty TNHH Quảng cáo - tư vấn, tổ chức biểu diễn Cát Tiên Sa, ...; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng bộ tài liệu “Sử dụng di sản trong dạy học ở trường phổ thông”, “Các bước xây dựng Kế hoạch dạy học có sử dụng Di sản văn hóa phi vật thể” với mục đích gắn kết...; tổ chức tập huấn cho hơn 1000 cán bộ thư viện... (năm 2017, 2018, 2019).

học Việt Nam đã ban hành Quyết định số 488/QĐ- KHAVN ngày 01/12/2015 về thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá các danh hiệu gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập và đơn vị học tập; Quyết định số 126/QĐ-KHAVN ngày 18/4/2017 của Hội Khuyến học Việt Nam ban hành Quy định về Thi đua - Khen thưởng của Hội Khuyến học Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện Đề án 281, Trung ương Hội và Hội Khuyến học địa phương đã có sơ kết hằng năm, sơ kết 3 năm và tổ chức Hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện Quyết định 281/QĐ-TTg và Đại hội toàn quốc biểu dương các mô hình học tập tiêu biểu.

Hội Khuyến học Việt Nam đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu xây dựng các mô hình học tập như sau:

- 72,77% tổng số gia đình trong toàn quốc đạt danh hiệu gia đình học tập, vượt mức quy định 2,77%;
- 66,51% dòng họ trong toàn quốc đạt danh hiệu dòng họ học tập, vượt mức quy định 16,51%;
- 65,38% thôn, bản, khóm, ấp, tổ dân phố trong toàn quốc đạt danh hiệu cộng đồng học tập, vượt mức quy định 5,38%;
- 85,73% cơ quan, trường học, hợp tác xã, doanh nghiệp... trên địa bàn xã, phường, thị trấn đạt danh hiệu đơn vị học tập, vượt mức quy định 35,38%.

Trong quá trình triển khai Đề án 281, Hội Khuyến học Việt Nam và các cấp Hội đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền về xây dựng XHHT, về ý nghĩa và vai trò của các mô hình học tập thông qua Báo Khuyến học và Dân trí, Báo điện tử Dân trí, Tạp chí Dạy và học ngày nay, website của Trung ương Hội, nội san của 63 tỉnh, thành Hội và nhiều website của các Hội địa phương.

Hội Khuyến học Việt Nam đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ GDĐT, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,... cùng với hệ thống phát thanh và truyền hình trung ương và địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền về thực hiện Quyết định 89/QĐ-TTg, Quyết định 281/QĐ-TTg, Thông tư 44/2014/TT-BGDĐT. Ký kết chương trình hợp tác xây dựng các mô hình học tập với Bộ GDĐT, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên minh các hợp tác xã Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Phòng Thương mại và Công thương Việt Nam, Hội Người Cao tuổi Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Tổ chức 06 hội thảo về chủ đề trường đại học với việc HTSD của người lớn, với nhiệm vụ xây dựng hệ tài nguyên giáo dục mở và xây dựng mô hình công dân học tập. Ngoài ra, Hội còn tổ chức nhiều đợt tập huấn với sự phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông (xây dựng kỹ năng sử dụng máy tính theo Đề án Bill & Melinda Gates), với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (xây dựng thư viện điện tử), với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Dạy nghề cho lao động nông thôn tại TTHTCD theo Quyết định 971/QĐ-TTg).

2.5. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động HTSD trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2020” (*Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 13/2/2015 của Thủ tướng Chính phủ*); thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án; ban hành các văn bản hướng dẫn liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn quán triệt, triển khai thực hiện Đề án lồng ghép với triển khai Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017-2021 và Chương trình 1464/CTr-TLĐ ngày 08/10/2013 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn về “Nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên và người lao động”; ký kết Chương trình phối hợp đẩy mạnh các hoạt động của Đề án⁴. Phối hợp ban hành cơ chế, chính sách tạo cơ sở để triển khai, thực hiện Đề án⁵. Thực hiện các hoạt động điểm như biên soạn tài liệu nguồn⁶, truyền thông và tổ chức một số hoạt động điểm tại cơ sở⁷; chỉ đạo các cấp công đoàn đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật, giáo dục chính trị, về kỹ năng sống cho công nhân lao động, vận động đơn vị, doanh nghiệp mở lớp học ngoại ngữ, tin học cho công nhân lao động⁸, tăng cường phối hợp giữa các cấp, ngành, các cơ sở giáo dục đào tạo, các tổ chức, doanh nghiệp để hỗ trợ, tạo điều kiện cho công nhân lao động tham gia học tập, xây dựng “tủ sách học tập” tại doanh nghiệp, các “Điểm học tập, sinh hoạt văn hóa” công nhân tại khu công nghiệp, khu chế xuất nhằm hỗ trợ công nhân lao động học tập⁹. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai thực hiện Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010-2020

⁴ Ban hành văn bản số 216/TLĐ ngày 27/02/2015, hướng dẫn các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn quán triệt, triển khai thực hiện Đề án; ban hành Quyết định số 750/QĐ-TLĐ ngày 03/6/2015 thành lập Ban Chỉ đạo của Tổng Liên đoàn thực hiện Đề án; ký kết Chương trình phối hợp hoạt động số 1583b/CTPH-TLĐLĐVN-BGDĐT ngày 22/10/2014 về “Nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp của công nhân, viên chức, lao động giai đoạn 2014-2020” giữa Tổng Liên đoàn và Bộ GDĐT; ký kết Chương trình phối hợp hỗ trợ công nhân lao động học tập; vận động đơn vị, doanh nghiệp hỗ trợ công nhân lao động có thêm điều kiện học tập giữa Tổng Liên đoàn và Hội Khuyến học Việt Nam.

⁵ Thông tư số 68/2016/TT-BTC ngày 05/5/2016 của Bộ Tài chính.

⁶ Tổng Liên đoàn biên soạn, phát hành trên 3 triệu tài liệu; các cấp công đoàn biên soạn, phát hành 1.539.032 tài liệu các loại.

⁷ Tặng học bổng cho công nhân lao động nghèo vượt khó học tập; vận động người sử dụng lao động thực hiện công thức 1/1, người sử dụng lao động bỏ ra 01 giờ trong giờ làm việc để công nhân lao động học tập vẫn trả nguyên lương, công nhân lao động bỏ ra 01 giờ nghỉ của cá nhân để học tập; tổ chức tuần lễ “HTSD” nhằm vận động công nhân lao động học tập.

⁸ Tổ chức được 35.449 cuộc tuyên truyền pháp luật, giáo dục chính trị cho 5.061.736 lượt công nhân lao động; 16.290 cuộc tuyên truyền về kỹ năng sống cho 3.008.853 lượt công nhân lao động; mở lớp học ngoại ngữ cho 560.213 lượt công nhân lao động và lớp học tin học cho 514.677 lượt công nhân lao động; tỷ lệ công nhân lao động có trình độ THPT đạt tỷ lệ 66.7%; tỷ lệ công nhân lao động đã qua đào tạo (bao gồm cả doanh nghiệp tự đào tạo và đào tạo ngắn ngày tại các cơ sở đào tạo) là 80% (tính cả số lượng doanh nghiệp tự đào tạo tại chỗ).

⁹ 15.962 đơn vị, doanh nghiệp có tủ sách học tập, 18.460 đơn vị, doanh nghiệp có điểm sinh hoạt văn hóa phục vụ công nhân lao động.

và công bố 193 bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia để thực hiện chuẩn hóa lực lượng lao động ở 193 nghề.

2.6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã trình Thủ tướng Chính phủ cho phép không xây dựng và thực hiện Đề án “Hỗ trợ người lao động nông thôn, những người hết tuổi lao động, người nội trợ, người khuyết tật có điều kiện thuận lợi để học tập suốt đời” mà thực hiện lồng ghép trong các Chương trình, Đề án đang triển khai thực hiện như: Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2012-2020 (*Quyết định số 1781/QĐ-TTg ngày 22/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ*); Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020 (*Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ*); Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 (*Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ*); Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010-2020 (*Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ*).

Xây dựng kế hoạch triển khai Đề án 89 và giao nhiệm vụ cho các đơn vị thuộc Bộ để thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Đề án 89. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và các địa phương xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, mở rộng các phương thức đào tạo theo mô hình giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt gắn với khung trình độ quốc gia và thị trường lao động. Tăng cường đẩy mạnh các hình thức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo thường xuyên theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn, góp phần tạo điều kiện cho người lao động dễ dàng tiếp cận với giáo dục nghề nghiệp để nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp khi tham gia thị trường lao động. Huy động và gắn kết sự tham gia của doanh nghiệp trong đào tạo, đào tạo lại cho người lao động; chỉ đạo, hướng dẫn triển khai có hiệu quả Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

Phối hợp với Bộ GDĐT hướng dẫn tổ chức và hoạt động của các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên cấp huyện; phối hợp với Hội Khuyến học Việt Nam đẩy mạnh hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập và triển khai Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

2.7. Bộ Nội vụ đã tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ ban hành Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2025; Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18/9/2018 về đẩy mạnh bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức; ban hành các văn bản quản lý, cơ chế, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức¹⁰, qua đó từng bước đưa hoạt động đào tạo, bồi dưỡng vào nề nếp, góp

¹⁰Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐCP ngày 01/9/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 10/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 của Bộ Nội vụ quy định về đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 06/2014/TT-BNV ngày 09/8/2014 của Bộ Nội vụ

phần xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp, có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân, sự nghiệp phát triển của đất nước.

2.8. Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ GDĐT, Hội Khuyến học Việt Nam xây dựng cơ chế chính sách, bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu. Cụ thể, đã ban hành Thông tư số 68/2016/TT-BTC ngày 05/5/2016 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động HTSD trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2020” và Thông tư số 07/2018/TT-BTC ngày 24/01/2018 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án 89.

Căn cứ vào các đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Tài chính đã tích cực phối hợp để cân đối kinh phí thực hiện các đề án, phù hợp với nhu cầu, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và bảo đảm các quy định quản lý tài chính hiện hành¹¹.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức, Bộ Tài chính đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức từng năm và triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch một cách kịp thời và nghiêm túc; đồng thời ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng để thống nhất thực hiện trong toàn ngành; xây dựng, biên soạn các chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức để phù hợp với hoạt động thực tiễn của ngành. Từ năm 2013 đến nay, Bộ Tài chính đã ban hành 123 bộ chương trình, tài liệu bồi dưỡng phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức của ngành tài chính.

2.9. Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 hướng dẫn đào tạo liên tục trong lĩnh vực y tế; Thông tư số 26/2020/TT-BYT ngày 28/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 hướng dẫn đào tạo liên tục trong lĩnh vực y tế; Thông tư số 26/2018/TT-BYT ngày 25/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về tổ chức thực hiện các chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế đối với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu; thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Bộ Nội vụ. Ban hành Kế hoạch hành động triển khai Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết

hướng dẫn chế độ báo cáo định kỳ hằng năm về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của trường trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân; Quyết định số 2886/QĐ-BNV và Quyết định số 2887/QĐ-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt chương trình, tài liệu bồi dưỡng công chức thực hiện công tác cải cách hành chính cấp bộ, cấp tỉnh, cấp huyện giai đoạn 2017 - 2020; công văn số 2424/BNV-CCVC ngày 09/5/2017 hướng dẫn thực hiện Đề án thí điểm đổi mới cách tuyển chọn lãnh đạo, quản lý cấp vụ, cấp sở, cấp phòng tại một số bộ, ngành, địa phương nhằm từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức thúc đẩy việc tự học, tự bồi dưỡng.

¹¹Kinh phí thực hiện Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động HTSD trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2020”: Giai đoạn 2016-2020 bố trí 4.000 triệu đồng; kinh phí thực hiện Đề án “Đẩy mạnh phong trào HTSD trong gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư”: Giai đoạn 2014-2020 bố trí 7.000 triệu đồng; kinh phí thực hiện Đề án 89: Giai đoạn 2014-2020 bố trí 4.360 triệu đồng.

luyện số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT theo Quyết định số 4273/QĐ-BYT ngày 12/10/2020 nhằm tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng XHHT trong ngành y tế, trong đó cụ thể hóa các chỉ tiêu khuyến học, khuyến tài và tạo môi trường thuận lợi nhằm phát huy tinh thần HTSD trong đội ngũ cán bộ, viên chức, học viên, sinh viên ngành y tế; tăng cường phổ biến, tăng cường khả năng tiếp cận của các tầng lớp nhân dân đối với nguồn thông tin/dịch vụ tin cậy về chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh.

2.10. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-BTNMT ngày 20/5/2014 về tăng cường công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT trong ngành tài nguyên và môi trường; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và người lao động hằng năm và 05 năm, đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ công chức, viên chức; thực hiện đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc đối với công chức, viên chức theo quy định; thực hiện các hình thức động viên cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia HTSD, xây dựng văn hóa đọc; xây dựng các quỹ để động viên, khích lệ, khen thưởng các học sinh, sinh viên học khá, giỏi; hỗ trợ quỹ khuyến học các cấp.

Nghiên cứu, xây dựng tiêu chí quy định phục vụ đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và hệ thống tiêu chí đánh giá chất lượng chương trình bồi dưỡng công chức, viên chức ngành Tài nguyên và Môi trường; xây dựng các chương trình, tài liệu bồi dưỡng chuyên ngành; thường xuyên tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ và tổ chức đánh giá hiệu quả sau bồi dưỡng công chức, viên chức.

2.11. Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước (Quyết định số 2395/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ); nghiên cứu biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho viên chức của toàn ngành tham gia học tập; tổ chức Hội thảo phổ biến thông tin công nghệ, sản xuất nông sản an toàn, xử lý môi trường nông thôn với mục đích nâng cao nhận thức cho bà con nông dân về sản xuất nông sản an toàn và bảo vệ được môi trường nông thôn; xây dựng thư viện điện tử khoa học, công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp; phát triển trang Web khoa học và công nghệ địa phương (www.stp.vn) phục vụ công cuộc xây dựng nông thôn mới.

2.12. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan báo chí đã sản xuất và phát sóng nhiều bản tin, phóng sự, chương trình tuyên truyền về HTSD, xây dựng XHHT; xây dựng những chương trình giáo dục mở trên sóng phát thanh, truyền hình và Internet dành cho mọi đối tượng khán giả ở mọi lĩnh vực như: dạy ngoại ngữ, dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài, giáo dục kỹ năng sống, phổ biến kiến thức nông nghiệp, kinh tế, xã hội... góp phần định hướng xã hội, giáo dục cộng đồng, tạo động lực thúc đẩy phong trào HTSD, xây dựng XHHT. Đặc biệt, kênh truyền

hình chuyên biệt về giáo dục “VTV7 - Vì một XHHT” cung cấp các tri thức đa dạng cho nhiều tầng lớp khán giả khác nhau được xây dựng và duy trì tốt gần 7 năm qua. Các chương trình giáo dục trên kênh VTV7 đã phát huy vai trò truyền cảm hứng và khuyến khích mỗi người dân trong xã hội trở thành một người học tập chủ động, tích cực và trọn đời, góp phần tăng cường sự công bằng trong giáo dục với những người dân còn nhiều hạn chế trong việc tiếp cận các dịch vụ giáo dục như người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, cũng như khi có những biến động xã hội, thiên tai, dịch bệnh khiến việc học tập của học sinh bị gián đoạn. Các cơ quan cũng đã ban hành nhiều văn bản quy định, hướng dẫn, chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng và thường xuyên tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan.

2.13. Bộ Quốc phòng đã phối hợp với Bộ GDĐT chỉ đạo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng và các địa phương duy trì, thực hiện tốt các chương trình phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ, phát triển TTHTCĐ, đẩy mạnh công tác xây dựng XHHT ở địa bàn biên giới hải đảo; vận động học sinh bỏ học trở lại trường; mở lớp XMC, phổ cập giáo dục tiểu học cho học sinh ở khu vực biên giới; nhận đỡ đầu, nhận nuôi, hỗ trợ học tập cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, con em đồng bào dân tộc thiểu số góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo tại các địa phương ở khu vực biên giới.

Bộ Quốc phòng đã phối hợp chặt chẽ với Bộ GDĐT triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025”; ban hành Chỉ thị số 89/CT-BQP ngày 9/11/2016 về một số nhiệm vụ cấp bách nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống nhà trường quân đội; Chỉ thị số 105/CT-BQP ngày 26/5/2020 về tăng cường học tập ngoại ngữ và tiếng dân tộc thiểu số trong toàn quân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; Kế hoạch số 1844/KH-BQP ngày 27/5/2020 thực hiện Đề án Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019-2030 trong quân đội; Quyết định số 2810/QĐ-BQP ngày 04/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành kế hoạch thực hiện Đề án Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025; tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực ngoại ngữ và tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ Quân đội, nhất là đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và học viên các nhà trường Quân đội.

2.16. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đã phát động các cuộc vận động, phong trào thi đua về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập sâu rộng trong cả nước; tham gia công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Đề án 89.

2.15. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có nhiều văn bản hướng dẫn, nhiều hoạt động triển khai thực hiện Đề án như: quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức hay chế độ tự học đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền về HTSD, xây dựng XHHT trong thanh thiếu nhi; triển khai các phong trào “Tuổi trẻ sáng tạo”, chương trình “Đồng hành với thanh niên trong học tập”, phát động nhiều phong trào thi đua học tập, nghiên cứu khoa học, lao

động sáng tạo trong thanh niên như: “Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác”, “Sinh viên 5 tốt”, “Tập thể sinh viên 5 tốt” trong sinh viên các trường đại học, cao đẳng, phong trào “Học sinh 3 rèn luyện” trong học sinh trung cấp và học sinh nghề, “khi tôi 18” trong học sinh trung học phổ thông,... đã góp phần thúc đẩy phong trào học tập của các đoàn viên cơ sở tại các cơ sở giáo dục, trong cộng đồng dân cư.

2.16. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã ban hành văn bản hướng dẫn Hội Liên hiệp phụ nữ các địa phương triển khai thực hiện Đề án 89; ký kết Chương trình phối hợp đẩy mạnh hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT giai đoạn 2017-2020 với Hội Khuyến học Việt Nam; thường xuyên tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên phụ nữ cả nước tích cực học tập, nâng cao trình độ mọi mặt và tham gia xây dựng các mô hình học tập tại nơi cư trú và nơi công tác. Phối hợp với các ngành, đoàn thể và các cơ quan triển khai các lớp xóa mù chữ cho phụ nữ và trẻ em gái ở vùng khó khăn, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” gắn với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, quan tâm thực hiện việc khuyến học, khuyến tài, góp phần cùng các ngành, các cấp và cộng đồng xây dựng XHHT.

2.17. Hội Nông dân Việt Nam đã chỉ đạo các cấp Hội xây dựng và củng cố các mô hình “Chi, tổ Hội học tập”, “Chi Hội nông dân khuyến học”, gắn phong trào “Nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới”, phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết cùng nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững” với nội dung xây dựng các mô hình học tập; xây dựng chuyên mục về các làng nghề, phổ biến kiến thức khoa học, kỹ thuật, các gương tiêu biểu trong dạy nghề, học nghề, tạo việc làm và tổ chức các hoạt động thực hiện Đề án 89¹². Hằng năm, Trung ương Hội đều có hướng dẫn và giao chỉ tiêu phối hợp và trực tiếp đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

2.18. Hội Cựu giáo chức Việt Nam đã chỉ đạo các cấp Hội Cựu giáo chức địa phương phối hợp chặt chẽ với Hội Khuyến học trong hoạt động các trung tâm học tập cộng đồng và tham gia công tác xóa mù chữ. Chỉ đạo bồi dưỡng kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, sử dụng máy tính, điện thoại thông minh trong trao đổi thông tin của Hội. Tích cực vận động cử thành viên của Hội tham gia Hội khuyến học và chủ động có các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT, tham gia xây dựng gia đình học tập, dòng họ học tập.

3. Tổ chức chỉ đạo thực hiện của các địa phương

Thực hiện Đề án 89 và Công văn hướng dẫn số 822/BCĐQG-XHHT ngày 30/01/2013 của Bộ GDĐT, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây

¹²Xây dựng chuyên mục “Dạy nghề - Việc làm nông dân” (Báo Nông thôn ngày nay), phát hành ấn phẩm “Học nghề, làm giàu” (Tạp chí Nông thôn mới), đăng tải các tin, bài (trên Cổng thông tin điện tử của Hội Nông dân Việt Nam); tổ chức hội thi “Nhà nông đua tài”, cuộc thi “Nông dân với công nghệ thông tin”, “Sáng tạo kỹ thuật của nhà nông”,...

gọi là tỉnh) đã nghiêm túc triển khai thực hiện Đề án 89, như: ban hành kế hoạch thực hiện Đề án 89 và các đề án thành phần; thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT cấp tỉnh, ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên; chỉ đạo các huyện, thành phố thành lập Ban chỉ đạo cấp huyện và xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Theo đó, 100% các tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án 89 và tổ chức thực hiện.

Các sở GDĐT đã chủ động tham mưu Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết, quyết định, kế hoạch, các văn bản hướng dẫn phù hợp với nhiệm vụ, mục tiêu của Đề án 89. Ký kết các chương trình phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh; phối hợp với Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh định kỳ hàng tuần, tháng phát sóng các tin, bài, phóng sự về xây dựng XHHT, phong trào khuyến học, khuyến tài ở các địa phương, đơn vị, cơ quan; phối hợp với các Báo địa phương tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân về HTSD, xây dựng XHHT; biểu dương các điển hình tiên tiến trong phong trào khuyến học, khuyến tài¹³. Tổ chức tập huấn cho giáo viên và cộng tác viên của các tổ chức, đoàn thể tham gia công tác XMC; triển khai nhân rộng mô hình XMC gắn với phát triển cộng đồng. Chỉ đạo, hướng dẫn các TTHTCD tổ chức các lớp về giáo dục pháp luật, sức khỏe, bảo vệ môi trường, phổ biến khoa học kỹ thuật về chăn nuôi trồng trọt, hướng dẫn làm kinh tế gia đình. Phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan biên soạn các tài liệu đặc thù riêng của địa phương về chính trị, pháp luật, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư để triển khai tại các trung tâm GDTX, TTHTCD. Phối hợp với Hội Khuyến học cấp tỉnh tham mưu UBND tỉnh/thành phố chỉ đạo, hướng dẫn các cấp, các ban ngành, đoàn thể và địa phương triển khai đánh giá, công nhận/xếp loại các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”. Nhiều Sở GDĐT đã tham mưu UBND tỉnh lựa chọn thành phố để đăng ký tham gia Mạng lưới các thành phố học tập toàn cầu của UNESCO để trao đổi ý tưởng, tri thức và kinh nghiệm về HTSD và xây dựng XHHT với các thành phố thành viên khác trên toàn thế giới¹⁴. Hằng năm, tiến hành kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai Đề án của các huyện.

Các tổ chức, đoàn thể như: Hội Khuyến học, Hội Người cao tuổi, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên... phát huy tích cực vai trò liên kết, phối hợp các tổ chức, lực lượng xã hội tham gia vào các hoạt động xây dựng XHHT tại các địa phương, đơn vị¹⁵.

¹³Một số Sở GDĐT đã phát hành Bản tin xây dựng XHHT hằng quý về XMC, xây dựng XHHT, HTSD (Thái Bình, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Tuyên Quang, Thanh Hóa,...).

¹⁴Nghệ An, Đồng Tháp, Lâm Đồng, Thái Bình, Bắc Ninh, Phú Thọ, Quảng Ninh,...

¹⁵Tổ chức đánh giá, công nhận “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” (thôn/bản/ấp/tổ dân phố), “Đơn vị học tập” ở cơ sở thuộc xã quản lý; đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã; tổ chức các lớp học xóa mù chữ, phổ cập giáo dục; mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; các lớp phổ biến kiến thức, dạy nghề ngắn hạn, phổ cập tin học, ngoại ngữ, kỹ năng sống cho người dân,...

Nhằm thúc đẩy công tác xây dựng XHHT ngày càng phát triển, từ năm 2014 đến nay, nhiều tỉnh đã bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách cho việc thực hiện các hoạt động của Đề án 89, đồng thời vận động, thu hút nhiều nguồn lực từ các doanh nghiệp, cộng đồng, đoàn thể chăm lo, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn và khen thưởng học sinh đạt thành tích khá - giỏi trong học tập¹⁶. Thực hiện lồng ghép vào các mục tiêu, chỉ tiêu xây dựng XHHT giai đoạn 2012-2020 với các mục tiêu của các chương trình, dự án như: Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới,... từ đó cũng tranh thủ được các nguồn vốn để hỗ trợ cho công tác xây dựng XHHT tại các địa phương.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu 1: Xóa mù chữ và phổ cập giáo dục

a) Tỷ lệ người biết chữ độ tuổi từ 15-60 là: 97,85% (thấp hơn 0,15% so với mục tiêu của Đề án 89 đến năm 2020), trong đó: số người biết chữ trong độ tuổi 15-35 chiếm tỷ lệ 99,3% (cao hơn 0,3% so với mục tiêu của Đề án 89 đến năm 2020).

Đối với các tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ tỷ lệ tương ứng là 94,88% (cao hơn 0,88% so với mục tiêu của Đề án 89 đến năm 2020) và 97,91% (cao hơn 1,91% so với mục tiêu của Đề án 89 đến năm 2020).

b) 90,8% số người mới biết chữ tiếp tục học tập và không mù chữ trở lại (cao hơn 0,8% so với mục tiêu của Đề án 89 đến năm 2020).

c) Tỷ lệ biết chữ của nữ giới (từ 15 – 60 tuổi) khá cao. Chỉ số cân bằng giới gần đạt được sự cân bằng tuyệt đối.

d) 100% (63/63) tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2 và 33,3% (21/63) tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; 100% (63/63) tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1 và 27,93% tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 và 4,76% tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3.

Tính đến tháng 12 năm 2020, có 34/63 tỉnh, thành phố đạt được mục tiêu số 1 của Đề án là: Điện Biên, Tuyên Quang, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Hoà Bình, Bắc Giang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hoà, Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ.

(Xem Phụ lục IIIa, IIIb kèm theo).

2. Mục tiêu 2: Kết quả học tập nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ

¹⁶Phú Thọ, Nam Định, Thanh Hóa, Quảng Trị, Thái Bình, Ninh Bình, Quảng Bình, Hải Dương, Quảng Nam, Yên Bái... và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

a) Số cán bộ, công chức, viên chức tham gia học tập nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm đạt 93,89% (thấp hơn 6,11% so với mục tiêu của Đề án 89 đến năm 2020).

b) Số cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ bậc 2 đạt 43,53% (cao hơn 3,53% so với mục tiêu của Đề án 89 đến năm 2020).

c) Số cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ bậc 3 đạt 19,14% (thấp hơn 0,86% so với mục tiêu của Đề án 89 đến năm 2020).

d) Tỷ lệ công nhân lao động có kiến thức cơ bản về tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc và giao lưu văn hóa tăng hằng năm (năm 2020 đạt 38,28%).

Tính đến tháng 12 năm 2020, có 22/63 tỉnh, thành phố đạt được mục tiêu số 2 của Đề án là: Tuyên Quang, Quảng Ninh, Hoà Bình, Bắc Giang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, Thái Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Lâm Đồng, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ.

(Xem Phụ lục IV kèm theo).

3. Mục tiêu 3: Kết quả học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề để lao động có hiệu quả hơn

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức

- Đối với cán bộ, công chức từ trung ương đến cấp huyện:

+ 94,22% cán bộ, công chức từ trung ương đến huyện được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định (thấp hơn 5,78% so với mục tiêu của Đề án 89 đến năm 2020);

+ 84,98% cán bộ, công chức giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định (thấp hơn 15,02% so với mục tiêu của Đề án 89 đến năm 2020);

+ 82,77% cán bộ, công chức thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hằng năm (thấp hơn 7,23% so với mục tiêu của Đề án 89 đến năm 2020).

- Đối với cán bộ, công chức cấp xã:

+ 86,84% cán bộ cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc (thấp hơn 13,16% so với mục tiêu của Đề án 89 đến năm 2020);

+ 94,75% cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định (thấp hơn 0,25% so với mục tiêu của Đề án 89 đến năm 2020);

+ 83,88% công chức cấp xã thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hằng năm (thấp hơn 1,12% so với mục tiêu của Đề án 89 đến năm 2020).

b) Đối với lao động nông thôn

Số lao động nông thôn tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại các TTHTCD đạt 69,78% (thấp hơn 0,22% so với mục tiêu của Đề án 89 đến năm 2020).

c) Đối với công nhân lao động

Tính đến tháng 12/2020, cả nước có 66,97% công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế có trình độ trung học phổ thông và tương đương (thấp hơn 23,03% so với mục tiêu của Đề án 89 đến năm 2020); tỷ lệ công nhân lao động có tay nghề cao ở các ngành kinh tế mũi nhọn tăng hằng năm; tỷ lệ công nhân lao động đã qua đào tạo (bao gồm cả doanh nghiệp tự đào tạo và đào tạo ngắn ngày tại các cơ sở đào tạo) là 82,4% (thấp hơn 12,6% so với mục tiêu của Đề án 89 đến năm 2020).

Tính đến tháng 12 năm 2020, có 19/63 tỉnh, thành phố đạt được mục tiêu số 3 của Đề án là: Tuyên Quang, Quảng Ninh, Hoà Bình, Bắc Giang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Lâm Đồng, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ.

(Xem Phụ lục V và Phụ lục VI kèm theo).

4. Mục tiêu 4: Hoàn thiện kỹ năng sống, xây dựng cuộc sống cá nhân và cộng đồng ngày càng hạnh phúc hơn

Theo báo cáo của các địa phương, tỷ lệ học sinh, sinh viên và người lao động tham gia học tập các chương trình giáo dục kỹ năng sống tăng nhanh theo từng năm. Số học sinh, sinh viên được học kỹ năng sống thông qua các môn học tại các cơ sở giáo dục đạt tỷ lệ 64,6% (cao hơn 14,6% so với mục tiêu của Đề án 89 đến năm 2020).

Tính đến tháng 12 năm 2020, có 51/63 tỉnh, thành phố đạt được mục tiêu số 4 của Đề án là: Điện Biên, Sơn La, Lai Châu, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Hoà Bình, Bắc Giang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Hưng Yên, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước, Bình Dương, Ninh Thuận, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, An Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ.

(Xem Phụ lục VII kèm theo).

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỦA ĐỀ ÁN

1. Nâng cao nhận thức về mục đích, ý nghĩa, vai trò, lợi ích của việc xây dựng XHHT

Công tác tuyên truyền được triển khai tích cực ở một số bộ, ngành và địa phương; hình thức và nội dung tuyên truyền khá phong phú, huy động được sự tham gia tích cực của toàn xã hội, từ đó đã nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng

viên, nhân dân về vai trò, ý nghĩa và sự cần thiết của việc HTSD, xây dựng XHHT, thúc đẩy công tác khuyến học, khuyến tài trong cả nước đi vào chiều sâu và thực chất. Các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội nâng cao ý thức trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Cán bộ, nhân dân tích cực hơn trong việc tham gia và công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT. Phong trào khuyến học, khuyến tài ở nhiều nơi đã gắn với phong trào xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, học đi đôi với hành, với cuộc vận động xóa đói, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, xây dựng gia đình văn hóa. Hội khuyến học các cấp đã chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền và có nhiều hình thức và nội dung tuyên truyền phong phú, sinh động như: tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng, các chuyên san, chuyên mục, các tấm gương học tốt; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về khuyến học, khuyến tài; tuyên truyền thông qua các phong trào xây dựng Gia đình học tập, Dòng họ học tập, Đơn vị học tập. Nhiều báo, đài ở trung ương và địa phương đã xây dựng chuyên mục “xây dựng XHHT”, biên soạn và phát triển bản tin, các tài liệu tuyên truyền về “xây dựng XHHT”, xây dựng các phóng sự, bài viết về gương tiêu biểu trong học tập.

Hàng năm, Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT các tỉnh, thành phố đều tổ chức Tuần lễ hưởng ứng HTSD với những nội dung, hoạt động cụ thể, thiết thực, hiệu quả, huy động được sự tham gia của các ban, ngành, các tổ chức xã hội, qua đó tuyên truyền nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về vai trò, ý nghĩa của việc HTSD và xây dựng XHHT.

2. Tổ chức các hoạt động HTSD thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ

Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam đã đẩy mạnh các hoạt động thông tin tuyên truyền, sản xuất và phát sóng nhiều bản tin, phóng sự, chương trình tuyên truyền về HTSD, xây dựng XHHT; xây dựng những chương trình giáo dục mở ở nhiều lĩnh vực, cho mọi đối tượng trên sóng phát thanh, truyền hình và Internet.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xây dựng mô hình và hướng dẫn triển khai áp dụng mô hình thư viện HTSD; hướng dẫn tổ chức các hoạt động HTSD trong thư viện, nhà văn hoá, câu lạc bộ.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã tuyên truyền, vận động công nhân lao động học tập, tìm hiểu pháp luật, tư vấn pháp luật qua Fanpage Công đoàn Việt Nam; xây dựng hệ thống tư vấn pháp luật trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử tạo điều kiện thuận lợi cho đoàn viên công đoàn tìm hiểu, tư vấn về chính sách, pháp luật.

3. củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục

Các địa phương đã quan tâm hoàn thiện hệ thống các cơ sở giáo dục thực hiện việc HTSD cho mọi người từ cấp cơ sở. Mạng lưới các cơ sở giáo dục được phát triển và mở rộng, tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã có trường trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, cao đẳng nghề. Số

lượng các cơ sở GDTX tăng nhanh, đặc biệt là hệ thống các trung tâm tin học, ngoại ngữ đã hỗ trợ tích cực trong việc nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học cho học sinh, sinh viên, cán bộ công chức, giáo viên và mọi người dân theo hướng xã hội hoá.

Bên cạnh đó, các cơ sở đào tạo mở để thực hiện theo phương thức đào tạo từ xa và các cơ sở học tập thường xuyên của các cơ quan, tổ chức, của các công ty, cơ sở sản xuất, dịch vụ kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế khác nhau để bồi dưỡng thường xuyên cho người lao động cũng đã được hình thành và phát triển.

Đến tháng 12/2020, cả nước có 17.459 cơ sở GDTX, trong đó có 71 trung tâm GDTX cấp tỉnh; 619 trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện, 10.469 TTHTCD, 5.642 trung tâm ngoại ngữ - tin học, 658 cơ sở, trung tâm thực hiện giáo dục kỹ năng sống.

(Xem Phụ lục VIII kèm theo).

4. Đẩy mạnh hình thức học từ xa, học qua mạng

Bộ GDĐT đã ban hành các văn bản chỉ đạo các sở GDĐT, hướng dẫn các cơ sở giáo dục tăng cường các hình thức dạy học qua Internet và trên truyền hình; phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông huy động các doanh nghiệp chuyển đổi số hỗ trợ ngành giáo dục về đường truyền, hạ tầng, phần mềm dạy học trực tuyến,... Có trên 53.000 trường học tổ chức dạy - học trực tuyến, nâng tỷ lệ học sinh tham gia học trực tuyến trung bình đạt 80%. Đối với các trường đại học, với mức độ tự chủ cao, nhiều trường đã chủ động triển khai dạy-học trực tuyến từ rất sớm, có hiệu quả cao (như Đại học Mở Hà Nội và Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh). Đến nay, trên 50 trường đại học có hệ thống quản lý học tập (Learning Management System – LMS), nhiều trường triển khai thí điểm một số môn học kết hợp với trực tiếp (blended); 240 cơ sở đào tạo đại học đã áp dụng phương thức đào tạo trực tuyến theo các mức độ khác nhau, trong đó 79 cơ sở tổ chức quản lý và dạy học hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến; trên 70% cơ sở giáo dục đại học đã triển khai hệ thống thư viện điện tử¹⁷ và triển khai hệ thống học tập e-Learning liên thông, chia sẻ học liệu với các cơ sở đào tạo đại học khác nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, đào tạo trong giáo dục đại học.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp¹⁸; ban hành Thông tư hướng dẫn đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn.

Trong 8 năm qua, công tác đào tạo từ xa đã góp phần tích cực trong việc đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho đất nước, đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao

¹⁷Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã triển khai Cổng thư viện dùng chung; Trường Đại học Kinh tế Quốc dân triển khai xây dựng Thư viện điện tử dùng chung

¹⁸Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017

trình độ của người học, người lao động. Bên cạnh đó, còn góp phần tạo cơ hội tốt nhất cho người học cả về không gian và thời gian, mọi người học không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam nữ, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, đáp ứng đủ các yêu cầu về hồ sơ tuyển sinh đều được nhận vào học.

5. Triển khai các biện pháp hỗ trợ người học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả HTSD

Để triển khai các biện pháp hỗ trợ người học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả HTSD, Bộ GDĐT đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá phù hợp với việc học tập của người lớn tuổi; xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 12/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 quy định chính sách hỗ trợ học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trong đó quy định đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ là học sinh người dân tộc thiểu số, người Kinh thuộc hộ nghèo ở xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đang học bán trú tại các trường trung học phổ thông công lập; xây dựng tài liệu giáo dục và phát triển cộng đồng.

Nhiều địa phương đã có chính sách để huy động người mù chữ ra học XMC và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ; chính sách cho người dạy và người học.

6. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình xây dựng XHHT

Bộ GDĐT, Hội Khuyến học Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành, tổ chức đoàn thể trung ương đã ký kết các chương trình phối hợp đẩy mạnh việc tổ chức các hoạt động HTSD và hướng dẫn, các địa phương ký kết chương trình phối hợp, triển khai các hoạt động của Đề án. Hằng năm, tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện các chương trình phối hợp.

Các tỉnh, thành phố đã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 89; phân công trách nhiệm cụ thể cho các các sở, ban ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội,... từ tỉnh đến xã; chỉ đạo sở GDĐT ký kết chương trình phối hợp với các sở, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức xã hội – nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh để tổ chức hoạt động HTSD, xây dựng XHHT, cũng như kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án 89 tại địa phương¹⁹.

¹⁹Sở GDĐT đã phối hợp với sở, ban ngành, đoàn thể và các tổ chức xã hội xây dựng, ký kết chương trình phối hợp nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, giải pháp của Đề án 89; phối hợp với Hội Khuyến học tỉnh xây dựng, củng cố tổ chức Hội trong các cơ sở giáo dục và tổ chức các chương trình khuyến học, khuyến tài như: “Tiếp sức học sinh nghèo đến trường”, “Vì em hiếu học”, “Tết cho học sinh nghèo”, “Chấp cánh ước mơ”; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các địa phương trong tỉnh xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, bản tin về xây dựng XHHT, HTSD và cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí, xuất bản và hệ thống thông tin cơ sở về các nội dung hoạt động thực hiện Đề án 89. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã ký chương trình phối hợp với Hội Khuyến học tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, phát triển hội viên và triển khai phong trào thi đua xây dựng gia đình, dòng họ học tập, cộng đồng học tập gắn với cuộc vận động xây dựng nông thôn

7. Hợp tác quốc tế

Trong những năm qua, Bộ GDĐT đã phối hợp với Văn phòng UNESCO tại Việt Nam, Trung tâm khu vực về HTSD của tổ chức SEAMEO, Hội đồng thống đốc Quỹ Á – Âu (ASEF) triển khai các hoạt động thực tiễn liên quan đến HTSD cụ thể: Tổ chức các hội thảo quốc tế về HTSD, xây dựng XHHT²⁰; phối hợp với Viện HTSD của UNESCO (UIL) cung cấp bản quyền, dịch thuật các tài liệu về HTSD của UNESCO ra tiếng Việt để phổ biến đến các cơ sở GDTX cũng như các tổ chức, cá nhân liên quan khác tại Việt Nam²¹; đưa đoàn chuyên gia của Việt Nam tham dự, chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm tại nhiều hội nghị, hội thảo, khóa tập huấn, diễn đàn quốc tế về nâng cao năng lực thực hiện chính sách HTSD, xây dựng XHHT.

Ký biên bản ghi nhớ hợp tác (MOU) với Hội đồng khảo thí tiếng Anh Trường Đại học Cambridge và tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giáo viên cốt cán các trung tâm GDTX về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc CEFR và phát triển các mô hình học tập tiếng Anh cộng đồng. Ký biên bản ghi nhớ hợp tác với Hàn Quốc (Sở Giáo dục Gyeongsangnam) đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, giáo viên của cơ sở GDTX²². Năm 2016, Bộ GDĐT đã phối hợp với Ủy ban UNESCO tại Việt Nam đề cử thành công Giải thưởng Xóa mù chữ quốc tế cho Chương trình Sách hóa nông thôn Việt Nam; năm 2020, tiếp tục phối hợp hỗ trợ thành phố Vinh và Sa Đéc trở thành 2 thành phố đầu tiên của Việt Nam được công nhận là thành viên chính thức của Mạng lưới thành phố học tập toàn cầu của UNESCO

Hỗ trợ, đồng hành của UNESCO, UIL và các tổ chức uy tín trên thế giới trong lĩnh vực GDTX, HTSD trong những năm qua đã đem lại các tác động sâu sắc về mặt nhận thức, chính sách, tầm nhìn đối với việc xây dựng XHHT ở Việt Nam cũng như giúp giáo dục Việt Nam từng bước hội nhập và trở thành một bộ phận hữu cơ của giáo dục khu vực và quốc tế.

mới/đô thị văn minh, xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư. Hội khuyến học các cấp đã phát huy vai trò nòng cốt trong việc liên kết, phối hợp các tổ chức, các lực lượng xã hội trên cùng địa bàn trong việc tuyên truyền, giúp đỡ các hoạt động giáo dục trong nhà trường và bên ngoài nhà trường, đặc biệt là phong trào khuyến học, khuyến tài và hỗ trợ các TTHTCĐ xã, phường, thị trấn bảo đảm hoạt động có chất lượng và hiệu quả. Liên đoàn Lao động tỉnh đã chỉ đạo, động viên, theo dõi việc đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ người lao động trong các doanh nghiệp, hỗ trợ lao động trong các doanh nghiệp có điều kiện thuận lợi để HTSD.

²⁰Hội thảo "Xây dựng XHHT từ tầm nhìn đến hành động" cấp trung ương và cấp vùng miền (miền Bắc, miền Trung và miền Nam); hội thảo quốc tế về Kominkan, thiết chế học tập cộng đồng thành công của Nhật Bản; hội thảo "Diễn đàn chính sách về xây dựng mô hình HTSD"; hội nghị Á – Âu về "HTSD và mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030".

²¹Hướng dẫn của UNESCO về ghi nhận, xác nhận và công nhận kết quả học tập không chính quy và phi chính quy; các vấn đề cộng đồng: Phát huy tối đa tiềm năng học tập cho nam và nữ thanh niên; các cộng đồng hành động: HTSD vì sự phát triển bền vững.

²²Trong 8 năm đã đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và bồi dưỡng phương pháp giáo dục đặc biệt cho hơn 470 cán bộ, giáo viên của các cơ sở GDTX tại Hàn Quốc.

IV. NHỮNG HẠN CHẾ, BẤT CẬP VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những hạn chế, bất cập

Bên cạnh những kết quả nêu trên, việc triển khai thực hiện Đề án 89 trong thời gian qua còn tồn tại một số hạn chế nhất định, cần được khắc phục để các hoạt động triển khai thực hiện Đề án giai đoạn tiếp theo có chất lượng, hiệu quả cao, quy mô ngày càng rộng rãi hơn, như:

a) Nhận thức về công tác khuyến học, khuyến tài xây dựng XHHT ở một số địa phương, cơ quan, doanh nghiệp, trường học, đơn vị lực lượng vũ trang chưa đúng mức.

b) Công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa gắn với yêu cầu công việc, vị trí việc làm, chức danh mà cán bộ, công chức đảm nhiệm.

c) Các hoạt động HTSD ở ngoài nhà trường chưa đa dạng, phong phú và điều kiện hoạt động còn nhiều khó khăn nên chưa đáp ứng nhu cầu học tập của người dân. Hoạt động của nhiều TTHTCD kém hiệu quả, chưa đáp ứng được yêu cầu học tập đa dạng của người dân và các yêu cầu phát triển bền vững của các cộng đồng, địa phương. Số lượng người tham gia học tập ít, nội dung hoạt động nghèo nàn, thiếu hấp dẫn, thậm chí có nơi còn tổ chức mang tính hình thức.

d) Số người mù chữ ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn rất cao; tỷ lệ huy động người học XMC còn thấp, kết quả XMC không bền vững, hiện tượng tái mù chữ còn khá lớn và tập trung chủ yếu ở độ tuổi 36 đến 60 (theo kết quả điều tra 53 dân tộc thiểu số năm 2019 của Ủy ban Dân tộc hiện nay còn 1,98 triệu người chưa biết đọc, biết viết tiếng Việt. Các nhóm dân tộc thiểu số như Mảng, Lự, La Hủ có trên 50% dân số không biết chữ). Tỷ lệ huy động người theo học các lớp XMC rất thấp so với số người còn mù chữ; số người tái mù chữ gia tăng đáng kể.

đ) Việc học tập và ý thức tự học trong nhân dân chưa cao; nhiều nơi chưa coi trọng công tác đào tạo nghề, bồi dưỡng kỹ năng sống cho công nhân, lao động nông thôn; chất lượng công tác đào tạo từ xa chưa cao, chưa theo kịp xu thế phát triển giáo dục của thế giới.

e) Một số nhiệm vụ, giải pháp Đề án chưa hoàn thành đầy đủ, như việc chưa xây dựng mã ngành đào tạo về giáo dục cộng đồng, về HTSD; chưa xây dựng chương trình và triển khai bồi dưỡng về phương pháp giáo dục người lớn cho giáo viên các cơ sở GDTX; chưa có cơ chế đánh giá, công nhận kết quả học tập không chính quy và phi chính quy; chưa tổ chức nghiên cứu về các hình thức HTSD, phát triển các loại học liệu phục vụ cho HTSD.

2. Nguyên nhân của hạn chế, bất cập

a) Công tác phổ biến, quán triệt, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về học tập thường xuyên, HTSD, xây dựng XHHT đến các

tổ chức và người dân chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục, chất lượng hoạt động tuyên truyền chưa đồng đều giữa các vùng miền.

b) Cấp ủy, chính quyền một số địa phương và cơ quan, doanh nghiệp chưa quan tâm đầy đủ và chưa kịp thời có chủ trương, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức việc học tập thường xuyên, HTSD, xây dựng XHHT.

c) Cơ chế tài chính chưa được ban hành cụ thể, nguồn kinh phí thực hiện Đề án còn eo hẹp, phải lồng ghép với các chương trình, nhiệm vụ chính trị của địa phương và chưa tích cực huy động các nguồn lực xã hội tham gia xây dựng XHHT nên chưa đạt hiệu quả cao.

d) Nhận thức của lãnh đạo một số địa phương về vai trò của các TTHTCĐ đối với việc thực hiện mục tiêu “Giáo dục cho mọi người” và xây dựng “Xã hội học tập” còn hạn chế, dẫn đến việc quan tâm và đầu tư cho hoạt động còn nhiều bất cập. Đội ngũ cán bộ quản lý của nhiều TTHTCĐ chưa quan tâm, chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động học tập cho người dân. Kinh phí triển khai các hoạt động học tập tại TTHTCĐ chưa đảm bảo.

đ) Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, XMC cấp xã, cấp huyện ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa quan tâm, chỉ đạo các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội tham gia công tác XMC. Công tác điều tra, thống kê số người mù chữ, người tái mù chữ hằng năm của nhiều địa phương chưa được coi trọng, số liệu báo cáo không được cập nhật thường xuyên và thiếu chính xác, ảnh hưởng đến việc xây dựng kế hoạch mở lớp XMC. Cách thức tổ chức học, phương pháp dạy XMC chưa phù hợp; chưa có chế độ, chính sách thỏa đáng nhằm huy động người dân tộc thiểu số học XMC. Công tác điều tra cơ bản số người mù chữ hằng năm của nhiều địa phương chưa được coi trọng, số liệu báo cáo không cập nhật và thiếu chính xác, ảnh hưởng đến việc xây dựng kế hoạch, thực thi chính sách.

e) Một số chỉ tiêu đề ra trong Đề án còn cao, chưa sát với nhu cầu, nguyện vọng và yêu cầu công việc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong giai đoạn 2012-2020 (chỉ tiêu về tin học, ngoại ngữ của cán bộ, công chức; chỉ tiêu công nhân có trình độ trung học phổ thông; chỉ tiêu công nhân lao động đã qua đào tạo; chỉ tiêu công nhân lao động được học tập nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ).

g) Công tác phối hợp thực hiện giữa các ngành chưa chặt chẽ, chưa thường xuyên; công tác kiểm tra việc thực hiện còn chưa được quan tâm đúng mức; thông tin, báo cáo không kịp thời, số liệu báo cáo chưa cập nhật, thiếu chính xác.

V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Cần có sự vào cuộc đồng bộ, sát sao, phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, các tổ chức xã hội và các địa phương. Tất cả các bộ, ngành, các tổ chức xã hội và các địa phương có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Đề án ở ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý; tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc ngành

mình được HTSD. Từng người dân và mỗi cá nhân trong hệ thống chính trị cần nhận thức rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của mình trong xây dựng XHHT.

2. Phải thực sự coi trọng công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ công chức, người lao động và nhân dân về ý nghĩa, sự cần thiết và tầm quan trọng của HTSD, xây dựng XHHT và việc tự học của mỗi người. Các cơ quan chức năng, các địa phương chủ động cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí, xuất bản, hệ thống thông tin cơ sở về các chương trình, dự án, đề án, các mô hình hay, cách làm hiệu quả; những gương sáng về tự học, tự học thành tài để lập thân, lập nghiệp; có các hình thức tuyên truyền, ghi nhận, biểu dương các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT của ngành, của địa phương nhằm tạo sức lan tỏa sâu rộng, góp phần triển khai Đề án được tốt hơn.

3. Các sở GDĐT phải chủ động, phối hợp chặt chẽ với Hội Khuyến học cấp tỉnh và các sở, ban ngành trong tỉnh để tham mưu, đề xuất tỉnh ủy/thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành chỉ thị, nghị quyết, chương trình, kế hoạch, chính sách thúc đẩy HTSD, xây dựng XHHT; tập trung chỉ đạo nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở GDTX, đặc biệt là nâng cao hiệu quả hoạt động của các TTHTCĐ; phối hợp chỉ đạo xây dựng các mô hình học tập nhằm thúc đẩy HTSD một cách hiệu quả nhất, bền vững nhất.

4. Phải coi trọng công tác kiểm tra, đánh giá và sơ kết, tổng kết định kỳ rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

5. Tăng cường huy động sự tham gia của các cơ sở giáo dục đại học trong việc biên soạn các tài liệu học tập và cung cấp, chia sẻ nguồn học liệu mở để đáp ứng nhu cầu học tập cho các tầng lớp nhân dân; huy động mọi người dân, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên trong ngành Giáo dục chủ động, tích cực tham gia xây dựng và khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên giáo dục mở và tham gia phát triển nội dung của Hệ tri thức Việt số hóa.

6. Cần có sự đầu tư thích đáng về nguồn nhân lực, ngân sách trung ương và địa phương hỗ trợ theo phân cấp quản lý để các cấp, các ngành, các tổ chức triển khai các hoạt động HTSD, xây dựng XHHT. Tăng cường hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong việc vận động nguồn lực để triển khai các hoạt động của Đề án.

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong 08 năm qua, với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước; sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa Bộ GDĐT với các bộ, ngành liên quan trong việc hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Đề án 89; sự nỗ lực cố gắng của các địa phương, các cơ quan, tổ chức xã hội có liên quan, các mục tiêu đề ra trong Đề án 89 về cơ bản đã được hoàn thành, các nhiệm vụ đã được thực hiện đúng tiến độ và đạt được một số kết quả quan trọng, cụ thể:

- Nhận thức của các cấp ủy, chính quyền và xã hội về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT có chuyển biến tích cực;

- Công tác phổ cập giáo dục và XMC được củng cố vững chắc;
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn, lý luận chính trị cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được tăng cường;
- Mạng lưới cơ sở GDTX tiếp tục được củng cố và phát triển nhanh chóng về số lượng, đa dạng về mô hình, hoạt động mang lại hiệu quả thiết thực đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của người dân;
- Các cơ sở giáo dục đã đẩy mạnh dạy học từ xa, dạy học trực tuyến, dạy học trên truyền hình và từng bước xây dựng các khóa học trực tuyến mở đại chúng;
- Các thiết chế văn hóa, các phương tiện thông tin đại chúng đã tham gia cung ứng các chương trình HTSD và tổ chức các chương trình giáo dục mở trên sóng phát thanh, truyền hình;
- Việc triển khai các mô hình học tập được thực hiện linh hoạt, từng bước vững chắc, nhận được sự đồng thuận của nhân dân;
- Số lượt người tham gia các lớp cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyên giao công nghệ, các lớp phổ cập ngoại ngữ, tin học ứng dụng, giáo dục kỹ năng sống, nghề ngắn hạn tại các TTHTCĐ tăng hằng năm;
- Việc học tập cho người lớn đã được chú trọng, trình độ dân trí được nâng lên.

Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT của các tỉnh Quảng Ninh, Hoà Bình, Bắc Giang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Lâm Đồng, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng,... đã hoạt động tích cực, hiệu quả trong công tác tham mưu và chỉ đạo, hướng dẫn các sở, ngành, các tổ chức, đoàn thể tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động của Đề án và đã hoàn thành cả 04 mục tiêu của Đề án.

Tuy nhiên, sau 8 năm thực hiện Đề án 89, nhiều vấn đề khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện cũng dần dần bộc lộ và cần phải được nhìn nhận một cách nghiêm túc từ trung ương đến cơ sở, từ cách tiếp cận vận dụng sáng tạo những bài học kinh nghiệm được rút ra từ thực tiễn xây dựng XHHT của giai đoạn 2012-2020 để xác định mục tiêu, tiêu chí cụ thể, thiết thực hơn, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp khả thi, phù hợp với thực tiễn của đất nước, xu thế và bài học kinh nghiệm xây dựng XHHT của các nước trên thế giới và trong khu vực, những cơ hội và thách thức mà bối cảnh thời đại số đã đặt ra đối với công tác xây dựng XHHT ở nước ta trong giai đoạn tới.

Phần II

QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP GIAI ĐOẠN 2021-2030

I. BỐI CẢNH

1. Bối cảnh quốc tế

Xây dựng XHHT đang là xu thế tất yếu và mang tính thời đại sâu sắc. HTSD được coi là mục tiêu phát triển giáo dục của nhiều quốc gia nhằm nâng cao nguồn nhân lực, đẩy mạnh sự gắn kết xã hội, duy trì và cạnh tranh trong khu vực và trên toàn cầu. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra nhiều cơ hội, đã và đang tác động mạnh mẽ đến các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung và định hướng xây dựng XHHT. HTSD ngày nay mở ra nhiều cơ hội học tập tốt hơn, có chất lượng hơn gắn liền với giáo dục mở với nền tảng để thực thi là chuyển đổi số, công nghệ số.

Ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương, chuyển đổi số để thực hiện giáo dục mở được coi là nòng cốt trong các chiến lược phát triển tổng thể về HTSD. Các quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, Singapore... đều có các chiến lược HTSD bài bản, quyết liệt, trong đó vai trò nòng cốt là các trường cao đẳng, đại học cộng đồng, đại học mở, các khoá học mở trực tuyến đại chúng... để người dân dễ dàng tiếp cận với các kiến thức từ cơ bản đến tinh hoa.

2. Bối cảnh Việt Nam

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã mang lại nhiều cơ hội đối với việc xây dựng XHHT. Công nghệ thông tin và truyền thông, ứng dụng trí tuệ nhân tạo tiếp tục phát triển mạnh mẽ, tạo cơ hội đa dạng các mô hình giáo dục, tiếp cận các phương pháp và kỹ thuật hiện đại, hỗ trợ học tập, giúp người dân dễ dàng tiếp cận, dễ dàng sử dụng và sở hữu; các nguồn tài nguyên học tập, các lớp học thông minh, các khóa học trực tuyến mở đại chúng giúp người dân có thể dễ dàng tiếp cận và khai thác miễn phí hoặc thu phí rất thấp thông qua các ứng dụng di động mọi lúc, mọi nơi.

Bối cảnh trên vừa mang lại những lợi thế lớn đối với việc đa dạng hóa các cơ hội học tập cho người dân; đồng thời cũng đặt ra không ít thách thức đối với xây dựng XHHT trong giai đoạn tới, như: quá trình chuyển đổi số quốc gia nói chung và trong ngành Giáo dục còn chậm, thiếu đồng bộ và chưa gắn liền với việc nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; chưa có quy định thống nhất trong việc quản lý chất lượng và công nhận kết quả học tập của các loại hình học tập; người dân còn thiếu những kỹ năng cần thiết (kỹ năng tự học, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng tin học, kỹ năng số...) để nâng cao chất lượng cuộc sống và hiệu quả công việc; cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu, sự phát triển kinh tế - xã hội không đồng đều giữa các địa phương cũng là một rào cản cho việc chuyển đổi số trong giáo dục, xây dựng XHHT.

Đổi mới cách dạy, học và khuyến khích tự học trên cơ sở áp dụng công nghệ số, đặc biệt là các công nghệ tiên tiến như dữ liệu lớn, điện toán đám mây, blockchain, trí tuệ nhân tạo, 5G...; khuyến khích các mô hình giáo dục, đào tạo mới dựa trên các nền tảng số là những vấn đề đặt ra đối với giáo dục Việt Nam. Chính vì vậy, chuyển đổi số trong giáo dục phải trở thành một nhiệm vụ trọng tâm và ưu tiên hàng đầu để triển khai hiệu quả việc xây dựng XHHT trong giai đoạn mới.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Xây dựng XHHT dựa trên nền tảng phát triển đồng thời, gắn kết và liên thông giữa giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên, liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo; vận dụng mọi hình thức giáo dục, đào tạo tiên tiến, hiệu quả, phù hợp với mục đích và mục tiêu giáo dục; mọi phương thức tổ chức học tập đạt mục tiêu, chất lượng giáo dục như nhau đều có giá trị ngang nhau.

2. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục trên cơ sở áp dụng công nghệ số và dạy học trực tuyến trong việc tổ chức các hoạt động dạy và học, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia và hội nhập quốc tế.

3. Duy trì và phát huy truyền thống hiếu học của gia đình, dòng họ và cộng đồng; xây dựng môi trường HTSD tại nơi làm việc đáp ứng các yêu cầu về năng suất, hiệu quả, chuẩn mực đạo đức và tác phong văn hóa nghề nghiệp.

4. Mọi công dân có nghĩa vụ và trách nhiệm học tập thường xuyên, học suốt đời, tận dụng mọi cơ hội học tập để trở thành công dân số, công dân học tập toàn cầu.

5. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cộng đồng dân cư và dòng họ, gia đình có trách nhiệm cung ứng các cơ hội học tập công bằng, bình đẳng, nhân văn và tạo điều kiện thuận lợi để mọi người, ở mọi lứa tuổi, mọi trình độ được học tập thường xuyên, HTSD; ưu tiên các đối tượng chính sách, người dân tộc thiểu số và miền núi, người bị thiệt thòi, yếu thế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tạo chuyển biến cơ bản trong xây dựng XHHT theo hướng hình thành hệ thống giáo dục mở, linh hoạt và liên thông, bảo đảm đến năm 2030 mọi người dân đều có cơ hội bình đẳng trong việc tiếp cận giáo dục suốt đời có chất lượng, góp phần thực hiện thành công khâu đột phá chiến lược về phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh đất nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2025

- XMC và phổ cập giáo dục:

+ 65% tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là tỉnh) đạt chuẩn XMC mức độ 2.

+ 100% tỉnh hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo 4 tuổi.

+ 40% tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

+ 20% tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3.

- Nâng cao năng lực cơ bản và trình độ của người dân

+ 90% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số.

+ 90% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp.

+ 50% người trong độ tuổi lao động được phổ cập kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, kỹ năng số cơ bản.

+ 50% người trong độ tuổi lao động được trang bị kỹ năng sống, kỹ năng làm việc.

+ 23% dân số từ 15 tuổi trở lên được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật. Trong đó, 12,5% dân số có trình độ đại học trở lên.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục

+ 60% các trường đại học và cao đẳng tham gia xây dựng tài nguyên giáo dục mở, phục vụ nhu cầu HTSD của người dân.

+ 60% cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở GDTX, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục khác thực hiện chuyển đổi số và dạy học trực tuyến.

+ 50% TTHTCĐ hoạt động hiệu quả theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Xây dựng các mô hình học tập

+ 40% công dân đạt danh hiệu công dân học tập theo tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

+ 25% huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là huyện) được công nhận huyện học tập theo tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

+ 15% số tỉnh được công nhận tỉnh học tập theo tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

b) Mục tiêu đến năm 2030

- XMC và phổ cập giáo dục:

- + 85% tỉnh đạt chuẩn XMC mức độ 2.
- + 100% tỉnh hoàn thành phổ cập giáo dục cho trẻ em mẫu giáo.
- + 80% tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.
- + 40% tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3.
- Nâng cao năng lực cơ bản và trình độ của người dân
 - + 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số.
 - + 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp.
 - + 70% người trong độ tuổi lao động được phổ cập kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, kỹ năng số cơ bản.
 - + 70% người trong độ tuổi lao động được trang bị kỹ năng sống, kỹ năng làm việc.
 - + 27% dân số từ 15 tuổi trở lên được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật. Trong đó, 15% dân số có trình độ đại học trở lên.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục
 - + 80% các trường đại học và cao đẳng tham gia xây dựng tài nguyên giáo dục mở, phục vụ nhu cầu HTSD của người dân.
 - + 80% cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở GDTX, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục khác thực hiện chuyển đổi số và dạy học trực tuyến.
 - + 75% TTHTCĐ hoạt động hiệu quả.
- Xây dựng các mô hình học tập
 - + 60% công dân đạt danh hiệu công dân học tập.
 - + 50% huyện được công nhận huyện học tập.
 - + 35% số tỉnh được công nhận tỉnh học tập.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về mục đích, ý nghĩa, vai trò, lợi ích của việc HTSD, xây dựng XHHT đến mọi người dân.
2. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong tổ chức các hoạt động HTSD.
3. Tăng cường sự tham gia của các cơ sở giáo dục đại học liên thông qua hệ thống các cơ sở GDTX để cung ứng nguồn tài nguyên học liệu mở, mở rộng cơ hội HTSD cho tất cả mọi người.

4. Gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

5. Nâng cao chất lượng hoạt động của TTHTCD gắn với XMC và dạy nghề ngắn hạn.

6. Xây dựng kế hoạch với các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể, sát với thực tiễn; tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát định kỳ, hằng năm; có chế độ khen thưởng kịp thời các đơn vị tích cực triển khai công tác xây dựng XHHT ở địa phương.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Bộ GDĐT đề nghị Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030” nhằm tiếp tục cụ thể hóa và triển khai: Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT; Kết luận số 49-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị và Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW của Ban Bí thư.

- Chính phủ kiến nghị Quốc hội cho chủ trương xây dựng dự án Luật học tập suốt đời.

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm ưu tiên bố trí kinh phí để các địa phương triển khai công tác xây dựng XHHT.

- Cho phép thành lập Tiểu ban chuyên trách chỉ đạo xây dựng XHHT thuộc Ủy ban quốc gia Đổi mới giáo dục và đào tạo để tham mưu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ về phương hướng, cơ chế, chính sách, các giải pháp xây dựng XHHT; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và duy trì công tác chỉ đạo hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT ở các địa phương.

- Chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc triển khai công tác xây dựng XHHT.

2. Kiến nghị với các bộ, ngành trung ương

- Tăng cường công tác phối hợp với Bộ GDĐT và các địa phương trong việc triển khai công tác xây dựng XHHT.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc bộ, ngành có trách nhiệm cung ứng các chương trình HTSD và tạo mọi điều kiện thuận lợi để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị được HTSD; tổ chức biên soạn và số hóa các tài liệu học tập cho mọi tầng lớp nhân dân về các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ của từng bộ, ngành.

3. Kiến nghị với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về mục đích, ý nghĩa, vai trò, lợi ích của việc HTSD, xây dựng XHHT đến mọi người dân.

- Kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2030 các cấp ở địa phương; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình xây dựng XHHT; thiết lập cơ chế kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kỳ hằng năm.

- Có kế hoạch xây dựng XHHT hằng năm và bố trí kinh phí bảo đảm cho việc triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trong Đề án.

- Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và có các chính sách, cơ chế, giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục nói chung và các cơ sở giáo dục thường xuyên, các thiết chế giáo dục ngoài nhà trường, các thiết chế văn hóa ở cơ sở để các cơ sở, các thiết chế này hoạt động có hiệu quả, bền vững.

Trân trọng./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục I

**CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 89
CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

TT	Tên văn bản
I	Văn bản quy phạm pháp luật
1	Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
2	Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa
3	Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã;
4	Thông tư liên tịch số 39/2015/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BNV ngày 19/10/2015 về hướng dẫn sáp nhập trung tâm dạy nghề, trung tâm GDTX, trung tâm kỹ thuật tổng hợp – hướng nghiệp công lập cấp huyện thành trung tâm GDNN-GDTX
5	Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, XMC
6	Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22/4/2016 của Bộ GD&ĐT quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng
7	Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ GD&ĐT và Bộ TTTT quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin
8	Thông tư số 10/2017/TT-BGDĐT ngày 28/4/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học
9	Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm ngoại ngữ, tin học
10	Thông tư số 28/2018/TT-BGDĐT ngày 26/11/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình tiếng Việt cho người nước ngoài
11	Thông tư số 34/2018/TT-BGDĐT ngày 28/12/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình tiếng Nhật thực hành theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
12	Thông tư số 27/2019/TT-BGDĐT ngày 30/12/2019 của Bộ GD&ĐT quy định nội dung chính ghi trên văn bằng và phụ lục văn bằng giáo dục đại học
13	Thông tư số 22/TT-BGDĐT ngày 06/8/2020 quy định về đánh giá, xếp

	loại Đơn vị học tập
14	Thông tư 38/2020/TT-BGDĐT ngày 06/10/2020 của Bộ GDĐT quy định về liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ theo hình thức trực tuyến và hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến
15	Thông tư số 39/2020/TT-BGDĐT ngày 09/10/2020 của Bộ GDĐT quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học
II	Văn bản chỉ đạo điều hành
1	Công văn số 822/BCĐQG-XHHT ngày 30/01/2013 của Ban Chỉ đạo Quốc gia xây dựng XHHT về việc triển khai đề án “xây dựng XHHT giai đoạn 2012-2020”
2	Công văn số 3428/BGDĐT-GDTH ngày 22/5/2013 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2020”
3	Công văn số 2750/BCĐQG-XHHT ngày 28/5/2014 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện Đề án “Đẩy mạnh phong trào HTSD trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020”
4	Công văn số 4163/BGDĐT-GDTH ngày 07/8/2014 của Bộ GDĐT hướng dẫn nội dung và mức chi thực hiện Đề án 89
5	Công văn số 5942/BCĐQG-XHHT ngày 29/8/2013 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức Tuần lễ hưởng ứng HTSD năm 2013
6	Công văn số 4583/BGDĐT-GDTH ngày 26/8/2014 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức Tuần lễ hưởng ứng HTSD năm 2014
7	Công văn số 4677/BGDĐT-GDTH ngày 11/9/2015 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức Tuần lễ hưởng ứng HTSD năm 2015
8	Công văn số 3314/BGDĐT-GDTH ngày 07/7/2016 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức Tuần lễ hưởng ứng HTSD năm 2016
9	Công văn số 4148/BGDĐT-GDTH ngày 08/9/2017 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức Tuần lễ hưởng ứng HTSD năm 2017
10	Công văn số 3636/BGDĐT-GDTH ngày 21/8/2018 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức Tuần lễ hưởng ứng HTSD năm 2018
11	Công văn số 4080/BGDĐT-GDTH ngày 10/9/2019 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức Tuần lễ hưởng ứng HTSD năm 2019
12	Công văn số 3589/BGDĐT-GDTH ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức Tuần lễ hưởng ứng HTSD năm 2020
13	Công văn số 943/BGDĐT-GDTH ngày 12/3/2019 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn sắp xếp, tổ chức và quản lý hiệu quản TTGDTH
14	Công văn số 1893/BGDĐT-CSVCBTH ngày 14/4/2014 của Bộ GDĐT về việc hưởng ứng Ngày Sách Việt Nam trong các cơ sở giáo dục.

15	Công văn số 222/BGDĐT-CSVCTBTH ngày 16/01/2015 của Bộ GDĐT về việc hưởng ứng Ngày Sách Việt Nam lần thứ 2 trong các cơ sở giáo dục.
16	Công văn số 1246/BGDĐT-GDTEX ngày 28/3/2016 của Bộ GDĐT về việc hưởng ứng Ngày Sách Việt Nam lần thứ 3 trong các cơ sở giáo dục.
17	Công văn số 1381/BGDĐT-GDTEX ngày 05/4/2017 của Bộ GDĐT về việc hưởng ứng Ngày Sách Việt Nam lần thứ 3 trong các cơ sở giáo dục.
18	Công văn số 1166/BGDĐT-GDTEX ngày 26/3/2018 của Bộ GDĐT về việc hưởng ứng Ngày Sách Việt Nam lần thứ 4 trong các cơ sở giáo dục.
19	Công văn số 1165/BGDĐT-GDTEX ngày 25/3/2019 của Bộ GDĐT về việc hưởng ứng Ngày Sách Việt Nam lần thứ 5 trong các cơ sở giáo dục.
20	Công văn số 1230/BGDĐT-GDTEX ngày 09/4/2020 của Bộ GDĐT về việc hưởng ứng Ngày Sách Việt Nam lần thứ 6 trong các cơ sở giáo dục.
21	Công văn số 1877/BGDĐT-GDTEX ngày 11/4/2014 của Bộ GD&ĐT về việc tăng cường quản lý đối với các trung tâm ngoại ngữ, tin học
22	Công văn số 2264/BGDĐT-GDTEX ngày 06/5/2014 của Bộ GDĐT về việc tăng cường chỉ đạo các TTHTCĐ hoạt động hiệu quả và phát triển bền vững
23	Công văn số 118/BGDĐT-GDTEX ngày 09/01/2015 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai tuyên truyền, phổ biến nội dung đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT tại TTHTCĐ
24	Công văn số 463/BGDĐT-GDTEX ngày 28/01/2015 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng sống tại các cơ sở GDMN, GDPT và GDTEX
25	Công văn số 6841/BGDĐT-GDTEX ngày 31/12/2015 của Bộ GDĐT về việc đổi mới thư viện và phát triển văn hóa đọc trong nhà trường phổ thông, mầm non
26	Công văn số 162/BGDĐT-GDTEX ngày 18/01/2017 về tăng cường công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT
27	Công văn số 2866/BGDĐT-GDTEX ngày 05/7/2017 của Bộ GDĐT về thành lập chi hội khuyến học tại trường đại học, cao đẳng
28	Công văn số 86/BGDĐT-GDTEX ngày 08/01/2019 của Bộ GDĐT hướng dẫn đăng ký tham gia Mạng lưới thành phố học tập toàn cầu của UNESCO
29	Công văn số 2672/BGDĐT-GDTEX ngày 20/6/2019 của Bộ GDĐT chỉ đạo các sở GDĐT tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động tại các trung tâm GDTEX, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – GDTEX
30	Công văn số 4301/BGDĐT-GDTEX ngày 20/9/2019 của Bộ GDĐT về việc xây dựng và phát triển tài nguyên giáo dục mở

31	Công văn số 4934/BGDĐT-GDTH ngày 30/10/2019 của Bộ GDĐT về việc nâng cao chất lượng học XMC, củng cố kết quả biết chữ, hạn chế tái mù chữ
32	Công văn số 219/BGDĐT-GDTH ngày 21/01/2020 của Bộ GDĐT về việc rà soát, chấn chỉnh, tăng cường quản lý các TTHTCĐ hoạt động hiệu quả và phát triển bền vững
33	Công văn số 1231/BGDĐT-GDTH ngày 06/4/2020 của Bộ GDĐT về việc đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Đề án 89

Phụ lục II

**CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHỐI HỢP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 89
GIỮA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐOÀN THỂ TRUNG ƯƠNG**

TT	Tên văn bản
I	Bộ Giáo dục và Đào tạo
1	Chương trình số 766/CTr-BGDĐT-HKHAVN-HCGCVN-HNCTVN ngày 19/6/2013 phối hợp hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT giữa Bộ GDĐT với Hội Khuyến học Việt Nam, Hội Cựu giáo chức Việt Nam, Hội Người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2013-2015
2	Chương trình số 275/CTr-BGDĐT-ĐTHVN ngày 29/4/2014 giữa Bộ GDĐT với Đài Truyền hình Việt Nam về công tác tuyên truyền về khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT
3	Chương trình số 123/CTr-BGDĐT-TLĐLĐVN ngày 23/10/2014 phối hợp hoạt động giữa Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam với Bộ GDĐT về nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp của công nhân, viên chức, lao động giai đoạn 2014 – 2020
4	Chương trình phối hợp công tác số 122/CTPH-BVHTTDL-BGDĐT ngày 15/01/2016 giữa Bộ GDĐT với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về thư viện và đẩy mạnh các hoạt động giáo dục, HTSD trong các thư viện giai đoạn 2016-2020
5	Chương trình phối hợp số 681/CTr-BGDĐT-HKH ngày 20/9/2017 giữa Bộ GDĐT với Hội Khuyến học Việt Nam về đẩy mạnh hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT giai đoạn 2017 – 2020
6	Chương trình số 633/CTr-BTLBĐBP-BGDĐT ngày 02/3/2018 đẩy mạnh công tác xây dựng XHHT ở địa bàn biên giới, hải đảo giai đoạn 2018 – 2025 giữa Bộ GDĐT với Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng
II	Hội Khuyến học Việt Nam
1	Chương trình số 766/CTr-BGDĐT-HKHAVN-HCGCVN-HNCTVN ngày 19/6/2013 phối hợp hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT giữa Bộ GDĐT với Hội Khuyến học Việt Nam, Hội Cựu giáo chức Việt Nam, Hội Người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2013-2015
2	Chương trình phối hợp số 681/CTr-BGDĐT-HKH ngày 20/9/2017 giữa Bộ GDĐT với Hội Khuyến học Việt Nam về đẩy mạnh hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT giai đoạn 2017 – 2020
3	Chương trình phối hợp số 01/CTPH-HLHPN-HKHAVN ngày 23/6/2017 giữa Hội Khuyến học Việt Nam với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đẩy mạnh hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT giữa Hội

	Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam với Hội Khuyến học Việt Nam giai đoạn 2017 – 2020
4	Chương trình phối hợp số 40/CTPH-HKHAVN-ĐTNCSHCM ngày 19/9/2017 giữa Hội Khuyến học Việt Nam với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh về phối hợp hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT giữa Hội Khuyến học Việt Nam và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 – 2020
5	Chương trình phối hợp số 1687/CTPH-TLĐLĐVN-KHAVN ngày 23/10/2017 giữa Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Hội Khuyến học Việt Nam về đẩy mạnh các hoạt động HTSD trong công nhân lao động tại doanh nghiệp, khuyến học, khuyến tài, góp phần xây dựng XHHT giai đoạn 2017 - 2020
6	Chương trình phối hợp số 10/CTPH-HKHAVN-HNCTVN ngày 17/01/2018 giữa Hội Khuyến học Việt Nam với và Hội Người cao tuổi Việt Nam về đẩy mạnh HTSD trong gia đình, dòng họ, cộng đồng giai đoạn 2018 - 2021
7	Chương trình phối hợp số 3836/CTPH-BLĐTBXHN-KHAVN ngày 13/9/2018 giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Hội Khuyến học Việt Nam trong hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT và đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2018 - 2023
8	Chương trình phối hợp số 05/CTPH-HNDVN-HKHAVN ngày 06/5/2019 giữa Hội Khuyến học Việt Nam với Hội Nông dân Việt Nam về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT giai đoạn 2019 - 2023
9	Chương trình phối hợp số 235/CTPH- HKHAVN-VCCI ngày 16/10/2020 giữa Hội Khuyến học Việt Nam và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT, thúc đẩy phát triển kinh tế doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu hội nhập khu vực và quốc tế giai đoạn 2020 - 2025
III	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
1	Chương trình phối hợp công tác số 122/CTPH-BVHTTDL-BGDĐT ngày 15/01/2016 giữa Bộ GDĐT với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về thư viện và đẩy mạnh các hoạt động giáo dục, HTSD trong các thư viện giai đoạn 2016-2020
2	Chương trình phối hợp số 2013/CTPH-BCA-BVHTTDL ngày 06/12/2016 giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với Bộ Công an
3	Chương trình phối hợp số 4025/CTPH-BVHTTDL-HNMVN ngày 07/10/2019 giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với Hội người mù Việt Nam
4	Chương trình phối hợp số 263/CTPH-BVHTTDL-NXBGDVN ngày

	16/01/2020 giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Chương trình phối hợp số 809/CTPH-BVHTTDL-VIGEF ngày 26/02/2020 giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với Quỹ hỗ trợ đổi mới giáo dục phổ thông Việt Nam
6	Chương trình phối hợp số 1564/CTPH-BVHTTDL-CTTNHHVHSTTV-FN-TNHHQCTVTCBDCTS ngày 27/4/2020 giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với Công ty TNHH Văn hóa sáng tạo Trí Việt – First News và Công ty TNHH Quảng cáo – Tư vấn – Tổ chức biểu diễn Cát Tiên Sa

Phụ lục IIIa

TỔNG HỢP TỶ LỆ NGƯỜI BIẾT CHỮ TOÀN QUỐC NĂM 2020

TT	Tên tỉnh/TP	Tỷ lệ % người biết chữ		Tỷ lệ người mới biết chữ tiếp tục học tập và không mù chữ trở lại
		Độ tuổi 15-60	Độ tuổi 15-35	
	CẢ NƯỚC	97,85	99,30	90,80
1	Điện Biên*	96,10	98,82	90,09
2	Sơn La*	96,55	96,55	86,20
3	Lai Châu*	91,93	97,47	79,50
4	Cao Bằng	97,11	98,22	81,20
5	Bắc Kạn	95,29	98,03	82,60
6	Hà Giang	97,32	97,92	81,20
7	Tuyên Quang	98,66	99,54	82,00
8	Lào Cai*	97,20	99,23	85,70
9	Yên Bái*	94,34	97,89	81,20
10	Quảng Ninh	99,41	99,71	95,20
11	Lạng Sơn	98,55	99,46	96,50
12	Hoà Bình	99,70	99,94	90,20
13	Bắc Giang	99,98	99,98	96,30
14	Thái Nguyên	99,80	99,85	92,20
15	Phú Thọ*	99,83	99,94	93,86
16	Hải Dương	99,73	99,87	99,97
17	Hưng Yên	99,95	99,96	99,93
18	Bắc Ninh	99,77	99,80	99,98
19	Vĩnh Phúc	99,93	99,90	99,96
20	Hà Nam	99,99	99,99	99,95
21	Nam Định	99,95	99,99	99,98
22	Ninh Bình	99,94	99,95	99,89
23	Thái Bình	99,99	99,99	99,24
24	Thanh Hoá	99,39	99,40	96,90
25	Nghệ An	99,65	99,86	97,17
26	Hà Tĩnh	99,99	99,99	98,28
27	Quảng Bình	98,81	99,56	79,80
28	Quảng Trị	99,27	99,65	81,20
29	Thừa Thiên Huế	97,92	99,21	93,10
30	Quảng Nam	97,94	99,25	76,20
31	Quảng Ngãi	99,34	99,71	98,00
32	Bình Định	98,35	99,56	87,90
33	Phú Yên	98,47	99,48	91,10
34	Khánh Hoà	99,60	99,99	91,70
35	Gia Lai*	96,20	97,61	86,20
36	Kon Tum*	97,99	99,04	90,70

37	Đắk Lắk*	96,03	97,65	91,00
38	Đắk Nông*	96,39	97,72	89,20
39	Lâm Đồng*	97,15	98,43	91,20
40	Đồng Nai	95,31	98,60	92,90
41	Bình Phước	92,04	96,36	77,20
42	Bà Rịa VT	94,68	97,16	92,20
43	Bình Dương	97,76	99,02	99,50
44	Tây Ninh	98,80	99,80	90,35
45	Ninh Thuận	94,30	96,89	86,22
46	Bình Thuận	96,55	99,33	97,31
47	Long An*	98,67	99,73	92,92
48	Đồng Tháp*	99,32	99,66	91,20
49	Tiền Giang*	99,75	99,99	90,55
50	Bến Tre*	91,04	97,42	82,10
51	An Giang*	81,58	91,70	81,00
52	Vĩnh Long*	93,86	98,54	88,20
53	Trà Vinh*	93,45	97,18	83,20
54	Hậu Giang	95,38	98,84	85,50
55	Sóc Trăng*	89,17	96,43	82,20
56	Kiên Giang*	94,40	97,55	87,20
57	Bạc Liêu*	93,14	96,30	86,20
58	Cà Mau*	97,58	98,78	83,35
59	Hà Nội	99,97	99,99	97,90
60	TP,HCM	99,86	99,94	98,20
61	Hải Phòng	99,08	99,23	99,86
62	Đà Nẵng	99,89	99,98	96,80
63	Cần Thơ*	98,91	99,42	97,70

*Ghi chú: * Các tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ*

Phụ lục IIIb

**TỔNG HỢP TỶ LỆ NGƯỜI BIẾT CHỮ CỦA CÁC TỈNH
THUỘC KHU VỰC TÂY BẮC, TÂY NGUYÊN, TÂY NAM BỘ NĂM 2020**

TT	Tên tỉnh/TP	Tỷ lệ % người biết chữ		Tỷ lệ người mới biết chữ tiếp tục học tập và không mù chữ trở lại
		Độ tuổi 15-60	Độ tuổi 15-35	
	CẢ NƯỚC	97,85	99,30	90,80
	CẢ KHU VỰC	94,72	97,84	87,34
1	Điện Biên	87,00	96,80	90,09
2	Sơn La	96,55	96,55	86,20
3	Lai Châu	91,93	97,47	79,50
4	Lào Cai	97,20	99,23	85,70
5	Yên Bái	94,34	97,89	81,20
6	Phú Thọ	99,83	99,94	93,86
7	Gia Lai	96,20	97,61	86,20
8	Kon Tum	97,99	99,04	90,70
9	Đắk Lắk	96,03	97,65	91,00
10	Đắk Nông	96,39	97,72	89,20
11	Lâm Đồng	97,15	98,43	91,20
12	Long An	98,67	99,73	92,92
13	Đồng Tháp	99,32	99,66	91,20
14	Tiền Giang	99,75	99,99	90,55
15	Bến Tre	91,04	97,42	82,10
16	An Giang	81,58	91,70	81,00
17	Vĩnh Long	93,86	98,54	88,20
18	Trà Vinh	93,45	97,18	83,20
19	Hậu Giang	95,38	98,84	85,50
20	Sóc Trăng	89,17	96,43	82,20
21	Kiên Giang	94,40	97,55	87,20
22	Bạc Liêu	93,14	96,30	86,20
23	Cà Mau	97,58	98,78	83,35
24	Cần Thơ	98,91	99,42	97,70

Phụ lục IV

**TỔNG HỢP MỤC TIÊU NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ TIN HỌC, NGOẠI NGỮ
CỦA 63 TỈNH, THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2013-2020**

TT	Tỉnh/TP	Kết quả học tập nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ			
		Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức tham gia các chương trình học tập nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm (%)	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (%)	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (%)	Tỷ lệ công nhân lao động có kiến thức cơ bản về tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc và giao lưu văn hóa (%)
	CẢ NƯỚC	93,89	43,53	19,14	38,28
1	Điện Biên	84,40	20,90	6,10	58,25
2	Sơn La	99,00	20,00	10,00	15,00
3	Lai Châu	100,00	20,00	11,00	20,00
4	Cao Bằng	80,00	37,40	5,40	8,94
5	Bắc Kạn	81,48	30,07	11,97	18,03
6	Hà Giang	80,00	45,19	15,86	19,35
7	Tuyên Quang	100,00	60,10	20,10	40,60
8	Lào Cai	100,00	42,00	5,00	35,00
9	Yên Bái	86,00	40,40	15,40	3,80
10	Quảng Ninh	100,00	56,00	25,00	80,00
11	Lạng Sơn	96,30	44,00	9,90	92,41
12	Hoà Bình	100,00	41,10	22,17	43,50
13	Bắc Giang	100,00	47,07	24,64	65,38
14	Thái Nguyên	100,00	41,60	21,30	61,90
15	Phú Thọ	100,00	67,00	30,60	53,18
16	Hải Dương	100,00	32,90	28,50	6,67

17	Hưng Yên	90,00	50,30	30,00	16,00
18	Bắc Ninh	100,00	60,00	40,00	60,01
19	Vĩnh Phúc	100,00	69,00	30,00	66,80
20	Hà Nam	71,70	63,74	18,11	1,21
21	Nam Định	91,00	37,60	20,00	71,00
22	Ninh Bình	100,00	55,10	20,60	70,00
23	Thái Bình	100,00	45,00	23,00	45,77
24	Thanh Hoá	100,00	46,30	24,50	20,90
25	Nghệ An	100,00	50,40	20,25	44,00
26	Hà Tĩnh	100,00	56,36	21,28	25,00
27	Quảng Bình	98,70	48,57	18,19	14,30
28	Quảng Trị	72,00	49,00	8,00	35,00
29	Thừa Thiên Huế	99,87	67,74	18,01	39,00
30	Quảng Nam	90,50	25,00	15,00	8,00
31	Quảng Ngãi	100,00	64,29	29,14	79,45
32	Bình Định	100,00	51,81	32,59	13,20
33	Phú Yên	100,00	48,47	32,66	43,35
34	Khánh Hoà	97,40	54,60	24,60	88,80
35	Gia Lai	80,00	25,00	0,95	15,10
36	Kon Tum	84,00	38,90	4,00	85,80
37	Đắk Lắk	91,90	40,10	25,30	3,39
38	Đắk Nông	95,00	20,00	11,70	70,00
39	Lâm Đồng	100,00	41,80	28,97	35,30
40	Đồng Nai	100,00	48,30	7,80	41,25
41	Bình Phước	80,40	42,20	22,70	73,00
42	Bà Rịa - Vũng Tàu	91,02	44,47	13,48	10,29
43	Bình Dương	89,50	50,97	8,40	58,60
44	Tây Ninh	100,00	38,00	19,00	9,00
45	Ninh Thuận	84,10	43,30	31,30	13,40

46	Bình Thuận	86,95	43,49	1,45	27,80
47	Long An	100,00	20,38	2,50	17,60
48	Đồng Tháp	81,30	48,50	9,10	30,00
49	Tiền Giang	95,60	45,90	5,08	41,70
50	Bến Tre	82,00	43,25	0,54	23,62
51	An Giang	98,90	40,30	16,20	51,30
52	Vĩnh Long	97,95	15,20	22,26	17,60
53	Trà Vinh	93,36	27,30	6,10	48,56
54	Hậu Giang	87,00	3,00	2,00	20,00
55	Sóc Trăng	87,77	47,80	30,02	7,06
56	Kiên Giang	96,67	20,19	8,02	12,00
57	Bạc Liêu	99,06	49,59	7,54	20,00
58	Cà Mau	94,40	44,60	50,40	53,15
59	Hà Nội	100,00	50,00	20,00	58,00
60	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00	60,00	20,00	60,00
61	Hải Phòng	100,00	47,52	46,64	25,11
62	Đà Nẵng	100,00	61,00	27,09	60,00
63	Cần Thơ	100,00	51,37	67,60	50,95

Phụ lục V

**TỔNG HỢP MỤC TIÊU NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ, TAY NGHỀ CỦA 63 TỈNH,
THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2013-2020**

TT	Tỉnh/TP	Đối với cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện			Đối với cán bộ, công chức cấp xã		
		Tỷ lệ cán bộ, công chức được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định (%)	Tỷ lệ cán bộ, công chức giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định (%)	Tỷ lệ cán bộ, công chức thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hằng năm (%)	Tỷ lệ cán bộ cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc (%)	Tỷ lệ cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định (%)	Tỷ lệ công chức cấp xã thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hằng năm (%)
	CẢ NƯỚC	94,22	84,98	82,77	86,84	94,75	83,88
1	Điện Biên	99,40	100,00	92,75	100,00	89,10	89,20
2	Sơn La	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	81,70
3	Lai Châu	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	95,20
4	Cao Bằng	100,00	14,00	50,60	12,70	100,00	35,70
5	Bắc Kạn	93,35	27,90	59,68	83,40	97,46	68,95
6	Hà Giang	100,00	100,00	100,00	100,00	45,00	43,00
7	Tuyên Quang	100,00	100,00	90,10	100,00	100,00	88,00
8	Lào Cai	83,50	72,00	81,50	91,00	93,00	96,00
9	Yên Bái	99,55	63,20	93,25	73,60	85,30	59,50
10	Quảng Ninh	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
11	Lạng Sơn	100,00	96,50	90,20	91,50	90,20	90,70
12	Hoà Bình	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00

13	Bắc Giang	100,00	100,00	97,26	100,00	100,00	90,02
14	Thái Nguyên	100,00	100,00	91,27	100,00	100,00	100,00
15	Phú Thọ	100,00	100,00	92,50	100,00	100,00	93,00
16	Hải Dương	100,00	71,55	41,30	39,05	100,00	49,60
17	Hưng Yên	100,00	90,00	47,50	90,00	100,00	75,90
18	Bắc Ninh	100,00	100,00	95,00	100,00	100,00	100,00
19	Vĩnh Phúc	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
20	Hà Nam	90,27	67,51	56,39	66,20	99,61	85,83
21	Nam Định	100,00	95,00	95,00	90,00	99,00	100,00
22	Ninh Bình	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	85,00
23	Thái Bình	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
24	Thanh Hoá	87,05	96,60	31,30	28,20	85,20	27,20
25	Nghệ An	100,00	100,00	95,00	100,00	96,00	86,00
26	Hà Tĩnh	100,00	100,00	90,05	100,00	97,03	96,65
27	Quảng Bình	100,00	85,77	80,40	91,21	97,35	77,82
28	Quảng Trị	91,21	28,24	88,03	57,85	88,14	88,38
29	Thừa Thiên Huế	99,19	98,70	94,39	93,31	100,00	84,59
30	Quảng Nam	100,00	100,00	95,00	95,00	90,00	75,00
31	Quảng Ngãi	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
32	Bình Định	100,00	100,00	95,20	100,00	97,40	97,40
33	Phú Yên	99,93	100,00	94,27	94,16	100,00	95,67

34	Khánh Hoà	91,30	63,10	70,10	81,90	98,60	100,00
35	Gia Lai	100,00	95,00	83,54	100,00	90,00	75,00
36	Kon Tum	100,00	100,00	92,25	99,80	99,80	90,60
37	Đắk Lắk	96,65	96,65	93,15	100,00	94,00	85,00
38	Đắk Nông	99,10	99,40	100,00	99,40	100,00	94,00
39	Lâm Đồng	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
40	Đồng Nai	100,00	99,40	54,21	61,90	95,10	61,20
41	Bình Phước	90,00	40,70	9,50	44,90	100,00	30,80
42	Bà Rịa - Vũng Tàu	99,30	36,90	50,00	100,00	100,00	67,63
43	Bình Dương	67,85	52,49	86,86	73,15	87,45	79,38
44	Tây Ninh	100,00	47,50	100,00	100,00	100,00	100,00
45	Ninh Thuận	99,85	45,60	77,00	97,00	100,00	100,00
46	Bình Thuận	100,00	100,00	91,10	100,00	100,00	100,00
47	Long An	100,00	100,00	100,00	100	100,00	100,00
48	Đồng Tháp	99,75	48,40	35,90	34,20	100,00	38,80
49	Tiền Giang	96,48	95,24	89,65	86,41	94,42	85,94
50	Bến Tre	0,34	43,12	5,74	7,68	93,30	136,67
51	An Giang	99,90	100,00	100,00	100,00	99,40	100,00
52	Vĩnh Long	20,00	20,12	20,09	20,13	20,08	19,64
53	Trà Vinh	100,00	99,00	85,00	100,00	99,52	91,01
54	Hậu Giang	99,00	99,00	91,00	92,00	87,00	73,00

55	Sóc Trăng	99,38	99,00	90,00	100,00	96,00	100,00
56	Kiên Giang	33,58	66,00	69,00	78,00	69,00	26,43
57	Bạc Liêu	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
58	Cà Mau	100,00	100,00	100,00	97,20	100,00	90,30
59	Hà Nội	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
60	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
61	Hải Phòng	100,00	100,00	90,95	100,00	95,81	85,42
62	Đà Nẵng	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
63	Cần Thơ	83,09	95,03	91,65	100,00	99,78	97,47

Phụ lục VI

**TỔNG HỢP MỤC TIÊU NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ, TAY NGHỀ CỦA 63 TỈNH,
THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2013-2020**

TT	Tỉnh/TP	Tỷ lệ số lao động nông thôn tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại các TTHTCĐ (%)	Đối với công nhân lao động		
			Tỷ lệ công nhân lao động tại các khu chế xuất, khu công nghiệp có trình độ học vấn THPT hoặc tương đương (%)	Tỷ lệ công nhân lao động có tay nghề cao ở các ngành kinh tế mũi nhọn (%)	Tỷ lệ công nhân qua đào tạo nghề (%)
	CẢ NƯỚC	69,78	66,97	35,90	82,40
1	Điện Biên	50,00	80,75	22,16	88,23
2	Sơn La	65,00	0,00	25,00	95,00
3	Lai Châu	49,60	78,00	45,00	67,00
4	Cao Bằng	50,00	78,90	30,50	68,76
5	Bắc Kạn	45,00	72,70	4,50	85,50
6	Hà Giang	42,00	60,90	13,70	76,60
7	Tuyên Quang	63,00	35,70	15,00	68,80
8	Lào Cai	84,00	64,12	83,96	95,00
9	Yên Bái	46,60	13,00	11,40	69,80
10	Quảng Ninh	86,00	95,00	60,00	95,00
11	Lạng Sơn	52,38	91,00	96,00	38,22
12	Hoà Bình	73,40	93,80	40,10	95,80

13	Bắc Giang	89,50	93,11	71,51	95,00
14	Thái Nguyên	85,00	90,70	80,00	95,25
15	Phú Thọ	90,00	97,20	41,00	98,30
16	Hải Dương	80,00	40,00	60,00	90,96
17	Hưng Yên	85,50	96,00	35,00	97,90
18	Bắc Ninh	80,80	96,90	35,60	96,50
19	Vĩnh Phúc	81,00	98,00	71,00	95,00
20	Hà Nam	80,50	96,38	32,51	100,00
21	Nam Định	80,00	90,00	27,00	82,00
22	Ninh Bình	80,00	97,70	13,30	100,00
23	Thái Bình	94,50	90,90	26,8	95,00
24	Thanh Hoá	74,20	17,90	21,50	74,30
25	Nghệ An	76,00	92,50	60,00	95,28
26	Hà Tĩnh	71,00	93,00	40,00	95,00
27	Quảng Bình	63,02	91,90	51,60	99,60
28	Quảng Trị	69,59	95,45	86,46	83,34
29	Thừa Thiên Huế	89,00	76,80	15,40	81,10
30	Quảng Nam	55,00	40,00	75,60	82,50
31	Quảng Ngãi	90,00	94,95	57,97	97,90
32	Bình Định	81,40	20,80	24,10	66,70
33	Phú Yên	57,57	93,76	50,95	97,23
34	Khánh Hoà	65,00	85,50	50,80	79,20

35	Gia Lai	71,10	50,80	0,00	59,40
36	Kon Tum	80,10	72,30	22,50	86,60
37	Đắk Lắk	62,00	21,10	8,80	54,80
38	Đắk Nông	80,00	75,00	15,00	69,30
39	Lâm Đồng	71,20	90,80	26,00	95,10
40	Đồng Nai	52,30	66,20	20,60	61,50
41	Bình Phước	55,11	82,00	17,90	65,70
42	Bà Rịa - Vũng Tàu	71,00	16,23	86,00	81,60
43	Bình Dương	61,85	7,21	52,06	83,12
44	Tây Ninh	42,30	38,00	17,50	67,00
45	Ninh Thuận	50,40	58,30	0,00	56,20
46	Bình Thuận	62,15	66,10	0,72	72,50
47	Long An	79,70	63,47	22,33	57,89
48	Đồng Tháp	54,44	33,13	40,00	45,28
49	Tiền Giang	71,18	44,02	35,20	68,10
50	Bến Tre	50,04	36,27	0,00	50,00
51	An Giang	46,22	25,37	4,84	65,20
52	Vĩnh Long	79,70	42,50	22,33	100,00
53	Trà Vinh	70,90	88,50	0,00	100,00
54	Hậu Giang	78,00	17,00	80,00	80,00
55	Sóc Trăng	60,85	39,00	0,00	60,00
56	Kiên Giang	58,70	25,00	25,00	84,00

57	Bạc Liêu	54,83	52,77	46,02	77,70
58	Cà Mau	71,30	77,00	30,00	80,00
59	Hà Nội	87,00	98,00	33,00	95,00
60	Thành phố Hồ Chí Minh	90,00	94,50	60,00	95,00
61	Hải Phòng	89,64	95,70	32,14	96,20
62	Đà Nẵng	71,00	94,00	73,00	97,00
63	Cần Thơ	72,86	95,34	15,36	98,13

Phụ lục VII

TỔNG HỢP MỤC TIÊU HOÀN THIỆN KỸ NĂNG SỐNG

CỦA 63 TỈNH, THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2013-2020

TT	Tỉnh/TP	Tỷ lệ học sinh, sinh viên được học kỹ năng sống tại các cơ sở giáo dục (%)	Ghi chú
	CẢ NƯỚC	64,6	
1	Điện Biên	66,0	
2	Sơn La	65,5	
3	Lai Châu	70,0	
4	Cao Bằng	95,7	
5	Bắc Kạn	50,0	
6	Hà Giang	23,6	
7	Tuyên Quang	50,0	
8	Lào Cai	52,8	
9	Yên Bái	47,0	
10	Quảng Ninh	90,0	
11	Lạng Sơn	81,7	
12	Hoà Bình	68,1	
13	Bắc Giang	75,0	
14	Thái Nguyên	79,0	
15	Phú Thọ	75,5	
16	Hải Dương	29,5	
17	Hưng Yên	50,0	
18	Bắc Ninh	70,0	
19	Vĩnh Phúc	99,0	

20	Hà Nam	65,6	
21	Nam Định	60,0	
22	Ninh Bình	90,0	
23	Thái Bình	68,1	
24	Thanh Hoá	82,7	
25	Nghệ An	82,0	
26	Hà Tĩnh	90,0	
27	Quảng Bình	78,7	
28	Quảng Trị	85,0	
29	Thừa Thiên Huế	43,2	
30	Quảng Nam	50,0	
31	Quảng Ngãi	87,5	
32	Bình Định	10,2	
33	Phú Yên	61,0	
34	Khánh Hoà	10,5	
35	Gia Lai	72,5	
36	Kon Tum	80,1	
37	Đắk Lắk	53,2	
38	Đắk Nông	59,2	
39	Lâm Đồng	50,0	
40	Đồng Nai	74,1	
41	Bình Phước	96,0	
42	Bà Rịa - Vũng Tàu	37,2	
43	Bình Dương	65,8	
44	Tây Ninh	7,4	

45	Ninh Thuận	82,4	
46	Bình Thuận	15,0	
47	Long An	59,9	
48	Đồng Tháp	34,6	
49	Tiền Giang	86,1	
50	Bến Tre	50,0	
51	An Giang	61,4	
52	Vĩnh Long	80,0	
53	Trà Vinh	40,0	
54	Hậu Giang	59,0	
55	Sóc Trăng	70,5	
56	Kiên Giang	29,7	
57	Bạc Liêu	80,0	
58	Cà Mau	80,0	
59	Hà Nội	93,1	
60	Thành phố Hồ Chí Minh	99,0	
61	Hải Phòng	80,0	
62	Đà Nẵng	99,0	
63	Cần Thơ	72,2	

Phụ lục VIII

**SỐ LIỆU MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
TỪ NĂM HỌC 2012 - 2013 ĐẾN NĂM HỌC 2019 – 2020**

Năm học	Tổng số	Chia ra các trung tâm					
		TTGDTX	Chia ra		TT HTCD	TT THNN	TT GDKNS
			Cấp tỉnh	Cấp huyện			
2012-2013	13.474	715	73	642	10.877	1.882	-
2013-2014	13.501	721	73	648	10.994	1.786	-
2014-2015	13.470	726	71	655	10.992	1.752	-
2015-2016	13.328	733	73	660	11.057	1.538	-
2016-2017	13.987	707	72	635	11.081	2.199	-
2017-2018	14.837	695	74	621	11.019	2.854	269
2018-2019	15.995	662	71	591	10.917	3.974	442
2019-2020	17.459	690	71	619	10.469	5.642	658

Nguồn: Số liệu thống kê của Bộ GDĐT tháng 12/2020

Phụ lục IX

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG NGƯỜI THEO HỌC CÁC CHƯƠNG TRÌNH GDTX GIAI ĐOẠN 2012-2020

Năm học	Người học các chương trình GDTX							
	Tổng số	Trong đó						
		Số người học XMC và GDTTSKBC	Số người học chương trình GDTX cấp THCS và THPT	Số người học tin học	Số người học ngoại ngữ	Số người học nghề ngắn hạn	Số người học các chuyên đề khác	Học viên học hướng nghiệp, học nghề
2012-2013	15.634.191	45.743	263.319	186.955	534.818	343.743	13.700.337	559.276
2013-2014	21.704.493	38.057	243.466	204.741	898.857	403.021	19.178.890	737.461
2014-2015	20.194.264	40.379	224.431	111.468	254.637	364.455	18.607.665	591.229
2015-2016	21.150.549	38.625	215.550	126.201	336.909	398.708	19.428.683	605.873
2016-2017	22.313.258	28.386	194.540	183.735	136.712	298.457	20.691.958	779.470
2017-2018	22.255.377	32.267	220.650	96.111	1.599.337	314.159	19.103.815	889.038
2018-2019	24.182.459	26.863	244.385	157.708	1.966.404	273.246	20.850.564	663.289
2019-2020	15.531.556	44.852	260.708	183.397	1.434.734	327.911	12.682.600	597.354
Tổng	162.966.147	295.172	1.867.409	1.250.316	7.162.408	2.723.700	144.244.512	4.422.990

Nguồn: Số liệu thống kê của Bộ GDĐT tháng 12/2020

BÁO CÁO**Tổng kết 07 năm thực hiện Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ”**

Ngày 09 tháng 01 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020” (Quyết định số 89/QĐ-TTg). Theo đó, Đề án đã xác định trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VHTTDL) trong việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và thực hiện Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ”.

Thực hiện Quyết định số 89/QĐ-TTg, Bộ VHTTDL đã triển khai xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ” (sau đây gọi là Đề án) tại Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 27/01/2014. Qua 07 năm triển khai thực hiện Đề án đã đạt được những kết quả, cụ thể:

Phần I**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN “ĐẨY MẠNH CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP SUỐT ĐỜI TRONG CÁC THƯ VIỆN, BẢO TÀNG, NHÀ VĂN HÓA, CÂU LẠC BỘ”****I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ”, ngày 15/8/2014, Bộ VHTTDL đã phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án giai đoạn 2014 - 2020 (Quyết định số 2549/QĐ-BVHTTDL); tiếp đó, ngày 10/10/2014 Bộ VHTTDL đã có Công văn số 3592/BVHTTDL-TV gửi các địa phương hướng dẫn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án.

Với kế hoạch triển khai ngày một hoàn thiện và sự phối hợp, hưởng ứng tích cực của các Bộ, ngành, địa phương, Đề án đã được triển khai trên khắp các tỉnh/thành, tạo sự hưởng ứng sôi nổi trong hệ thống thư viện công cộng, thư viện trường học, thư viện

lực lượng công an nhân dân, các bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ, ...

Bộ VHTTDL đã ký kết và thực hiện các Chương trình phối hợp công tác với: Bộ Giáo dục và Đào tạo (Chương trình số 112/CTr-BVHTTDL-BGĐT ngày 15/01/2016); Bộ Công an (Chương trình số 2013/CTPH-BCA-BVHTTDL ngày 06/12/2016); hội Người mù Việt Nam (Chương trình số 4025/CTPH-BVHTTDL-HNMVN ngày 07/10/2019); nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (Chương trình số 263/CTPH-BVHTTDL-NXBGDVN ngày 16/01/2020); Quỹ Hỗ trợ đổi mới giáo dục phổ thông Việt Nam (Chương trình số 809/CTPH-BVHTTDL-VIGEF ngày 26/2/2020); công ty TNHH Văn hóa sáng tạo Trí Việt-First News và Công ty TNHH Quảng cáo - tư vấn - tổ chức biểu diễn Cát Tiên Sa (Chương trình số 1564/CTPH-BVHTTDL-CTTNHHVHSTTV-FN-TNNHQCTVTCBDCTS ngày 27/4/2020); phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các địa phương thí điểm mô hình kết hợp Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp xã và Trung tâm Học tập cộng đồng thành Trung tâm Văn hóa-Thể thao và Học tập cộng đồng.

Biên soạn tài liệu hướng dẫn và tổ chức tập huấn về kỹ năng tổ chức các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ; tài liệu hướng dẫn tổ chức các hoạt động học tập suốt đời trong thư viện (Quyết định số 2593/QĐ-BVHTTDL ngày 30/6/2017); xây dựng mô hình và hướng dẫn triển khai áp dụng mô hình thư viện phục vụ học tập suốt đời (Quyết định số 2594/QĐ-BVHTTDL ngày 30/6/2017); hướng dẫn tổ chức các hoạt động học tập suốt đời trong Nhà Văn hóa - Câu lạc bộ” (năm 2017); phối hợp với Bộ Giáo dục - Đào tạo xây dựng bộ tài liệu “Sử dụng di sản trong dạy học ở trường phổ thông” với mục đích gắn kết các hoạt động của bảo tàng với việc giáo dục tại các trường trung học trên phạm vi toàn quốc. Xây dựng tài liệu “Các bước xây dựng Kế hoạch dạy học có sử dụng Di sản văn hóa phi vật thể” (Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam phối hợp với Bộ Giáo dục - Đào tạo, Văn phòng UNESCO tại Hà Nội phối hợp nghiên cứu, xây dựng).

Tổ chức 06 lớp tập huấn cho hơn 1.000 cán bộ quản lý nhà nước, người làm công tác thư viện cả nước về Kỹ năng tổ chức các hoạt động phục vụ học tập suốt đời trong thư viện; triển khai áp dụng mô hình thư viện phục vụ học tập suốt đời (năm 2017, 2018, 2019).

Phối hợp với Hội Khuyến học Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức các lớp tập huấn “Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong việc hỗ trợ việc học tập suốt đời trong cộng đồng tại các thiết chế văn hóa và giáo dục” cho 38 tỉnh/thành (năm 2015).

Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” (Quyết định số 329/QĐ-TTg ngày 15/3/2017) trong đó đề ra các nhiệm vụ nhằm xây dựng và phát triển thói quen, nhu cầu, kỹ năng và phong trào đọc trong mọi tầng lớp nhân dân, nhất là trong thanh niên, thiếu niên, học sinh, sinh viên và chú trọng tới người dân ở vùng nông thôn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; cải thiện môi

trường đọc; góp phần nâng cao dân trí, phát triển tư duy, khả năng sáng tạo, bồi dưỡng nhân cách, tâm hồn, tăng cường ý thức chấp hành pháp luật, hình thành lối sống lành mạnh trong con người, xã hội Việt Nam, đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập.

Tổ chức Hội nghị Sơ kết 02 năm triển khai thực hiện Đề án (năm 2016). Hội nghị đã đánh giá những kết quả đạt được trong hai năm triển khai thực hiện Đề án, đồng thời đề ra các giải pháp khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Đề án và kế hoạch triển khai thực hiện Đề án đến năm 2020.

Ngày 21/10/2020, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tổ chức Hội nghị Tổng kết Đề án với sự tham gia của nhiều bộ ngành, cơ quan, đơn vị như: Văn phòng Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hoá và Thể thao, các thư viện, bảo tàng, nhà văn hoá, trung tâm văn hoá tỉnh/thành phố. Hội nghị đã đánh giá những kết quả đạt được từ năm 2014 đến năm 2020 trong việc triển khai thực hiện Đề án; thông qua đó nghiên cứu hoàn thiện những mô hình tổ chức phục vụ học tập suốt đời tại các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ phù hợp với điều kiện và đặc thù của từng vùng, miền, địa phương trên cả nước; đồng thời đề xuất kế hoạch tiếp tục thực hiện Đề án trong giai đoạn tiếp theo.

Để nâng cao hiệu quả công tác triển khai thực hiện Đề án tại các địa phương, Bộ VHTTDL đã chỉ đạo các đơn vị chức năng:

- Hướng dẫn các địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu tài liệu phục vụ các nhiệm vụ chính trị; tổ chức trưng bày triển lãm, tuyên truyền giới thiệu sách báo, tranh ảnh, tư liệu chào mừng các ngày Lễ kỷ niệm của đất nước và địa phương; tổ chức Ngày hội Sách và Văn hóa đọc - Hưởng ứng Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam (21/4) và Ngày Sách và bản quyền thế giới (23/4); tuần lễ Học tập suốt đời, Ngày Di sản Việt Nam, ...

- Xây dựng Dự án Trang bị xe ô tô thư viện lưu động đa phương tiện “Ánh sáng tri thức” cho các thư viện tỉnh/thành trên cơ sở huy động từ nguồn xã hội hóa. Kết quả từ năm 2016 - 2019 đã vận động được tài trợ trao tặng 44 xe cho 44 thư viện cấp tỉnh (5 xe năm 2016, 8 xe năm 2018, 31 xe năm 2019) và tập huấn kỹ năng vận hành, phục vụ xe thư viện lưu động; mỗi xe có 4500 cuốn sách, 6 - 10 máy tính, 1 máy chủ, phần mềm, máy chiếu, vô tuyến, phần mềm quản lý thư viện, tài liệu điện tử và sách nói phục vụ cho người khiếm thị; huy động các đơn vị tặng hàng nghìn tủ sách cho các thư viện tại các địa phương có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, trường học, đồn biên phòng, trại giam, ...

- Tổ chức thành công Ngày hội “Đọc và học tập suốt đời theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại” vào ngày 19/5/2017 tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, đồng thời phát động phong trào “Đọc sách và làm theo tấm gương tự học của Hồ Chí Minh” trong các nhà trường, cơ quan, đơn vị. Hàng năm, Bộ VHTTDL đã chỉ đạo các

thư viện trên toàn quốc tổ chức các hoạt động thiết thực nhân Tuần lễ Học tập suốt đời. Năm 2020, nhân Tuần lễ Học tập suốt đời, Vụ Thư viện đã trao tặng 01 tủ sách hơn 1.000 cuốn cùng giá trị và các thiết bị khác cho xã Đồng Tâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

- Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức Cuộc thi “Đại sứ Văn hóa đọc” năm 2019, 2020. Năm 2019, vòng sơ khảo ở các địa phương: có 40 tỉnh/thành và hơn 10 trường đại học/cao đẳng trên cả nước đã tổ chức với tổng số 536.557 bài dự thi; từ đó chọn ra 1.050 bài thi xuất sắc nhất tham dự Chung kết. Năm 2020, Cuộc thi tiếp tục triển khai với quy mô lớn trong cả nước tại các tỉnh/thành, trường học và lực lượng vũ trang với hơn 1 triệu học sinh, sinh viên tham gia, lựa chọn hơn 1.200 bài thi xuất sắc nhất tham dự Chung kết.

- Triển khai chương trình “Cùng bạn đọc sách - Nâng tầm trí tuệ Việt”: Đã huy động hàng vạn cuốn sách, trang thiết bị thư viện trao tặng các trường học, thư viện công cộng, thư viện trại giam, thư viện tư nhân, thư viện cộng đồng, không gian đọc có phục vụ cộng đồng tại nhiều địa phương, đặc biệt các vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn như: Điện Biên, Thái Nguyên, Hòa Bình, Sơn La, Hà Giang,... Chương trình đồng thời triển khai nhiều hoạt động dành cho người khuyết tật: vận động và tặng hơn 100 máy nghe sách nói và thẻ nhớ cho người khiếm thị của Hội Người mù Việt Nam ở trung ương và một số địa phương; hỗ trợ Quỹ Khuyến học cho học sinh, sinh viên khiếm thị; tổ chức cuộc thi “Gia đình đọc sách - Gắn kết yêu thương” nhân ngày Gia đình Việt Nam (28/6/2020); cuộc thi “Đọc và tự học suốt đời theo tấm gương chủ tịch Hồ Chí Minh” hưởng ứng Tuần lễ Học tập suốt đời (tháng 10/2020).

- Năm 2020, trước sự lây lan và diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, Hưởng ứng lời kêu gọi của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng ngày 30/3/2020, sự chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Bộ VHTTDL đã ban hành các văn bản hướng dẫn các thiết chế văn hóa, đặc biệt hướng dẫn các thư viện trong cả nước đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra (Công văn số 445/BVHTTDL-TV ngày 06/02/2020) và thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/4/2020 Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 đối với hoạt động thư viện trong tình hình mới (Công văn số 1604/BVHTTDL-TV ngày 28/4/2020). Từ những văn bản hướng dẫn này các thư viện đã tích cực tham gia vào công tác tuyên truyền và triển khai nhiều dạng dịch vụ trực tuyến hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin và tri thức.

- Thiết lập Kênh “Cùng bạn đọc sách” trên không gian mạng gồm 06 chuyên mục: Sách hay nên đọc; đọc sách cùng bạn; góc bạn đọc; góc thiếu nhi; đại sứ văn hóa đọc và góc dành cho người tâm huyết với văn hóa đọc. Kênh “Cùng bạn đọc sách” ra đời ngày 08/4/2020 đã thực sự phát huy tác dụng, nhất là trong thời gian cả nước thực hiện giãn cách xã hội, nhiều thư viện, trường học đã sử dụng kênh này cho bạn đọc và học sinh sử dụng. Chỉ sau một thời gian ngắn, hàng trăm nghìn lượt người đã xem và theo dõi, qua đó góp phần truyền

cảm hứng, nâng cao kiến thức, kỹ năng sống, mở rộng hiểu biết, ... truyền lòng yêu đọc sách cho bạn đọc và khán, thính giả.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI TẠI CÁC BỘ NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Với sự phối hợp, hưởng ứng tích cực của các cơ quan, tổ chức ở Trung ương, nhất là sự vào cuộc tại các địa phương, trong đó tập trung chỉ đạo, tổ chức, hướng dẫn thực hiện việc củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ nhằm góp phần phát triển bền vững, bảo đảm môi trường thân thiện, hữu ích, bình đẳng và phù hợp, tạo thuận lợi cho người dân học tập suốt đời, khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập.

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có nhiều hoạt động phối hợp với Bộ VHTTDL trong việc thúc đẩy các hoạt động liên quan đến đẩy mạnh hoạt động phục vụ học tập suốt đời trong thư viện, bảo tàng và trung tâm văn hóa:

Để tận dụng nguồn lực về cơ sở vật chất của thiết chế văn hóa-thể thao cấp xã và huy động sự tham gia của các ngành, đoàn thể, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo các địa phương thí điểm mô hình kết hợp Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp xã và Trung tâm Học tập cộng đồng thành Trung tâm Văn hóa-Thể thao và Học tập cộng đồng; đồng thời củng cố, nâng cao hiệu quả, chất lượng của các trung tâm học tập cộng đồng.

Xây dựng các chương trình giáo dục thông qua thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ trong trường phổ thông các cấp. Triển khai thực hiện Chương trình phối hợp công tác số 122/CTr-BVHTTDL-BGĐT ngày 15 tháng 01 năm 2016 trong việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về thư viện và đẩy mạnh các hoạt động giáo dục, học tập suốt đời trong các thư viện giai đoạn 2016 - 2020.

Thông điệp được đưa ra trong Tuần lễ học tập suốt đời là “Chung tay xây dựng thư viện để có nhiều sách hay” (năm 2015), “Phát triển văn hóa đọc trong kỷ nguyên số” (năm 2016), “Học tập để hoàn thiện nhân cách, phát triển bản thân” (năm 2017), “Học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học nhân dân” (năm 2018), “Đọc và học tập suốt đời theo tám gương Bác Hồ vĩ đại”, “Tự học để phát triển năng lực và phẩm chất”, “Tự học là một cách xây dựng xã hội học tập”, “Phát triển thói quen đọc để trở thành người học suốt đời” (năm 2019), “Chuyển đổi số thúc đẩy học tập suốt đời” (năm 2020) đã có hiệu ứng xã hội tốt. Nhờ đó, hoạt động phục vụ học tập suốt đời trong các thư viện nhà trường bao gồm cả phổ thông và đại học được đẩy mạnh.

2. Bộ Công An

Bộ Công an đã ban hành Kế hoạch số 164/BCA-X15 ngày 15/5/2014 về đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ trong Công an Nhân dân (CAND) và giao Cục Công tác đảng và công

tác chính trị là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch, quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc trong toàn lực lượng; Ban hành 02 chỉ thị về thư viện và bảo tàng²³; kế hoạch số 132/KH-BCA-X11 ngày 20/6/2018 về “Phát triển văn hóa đọc trong CAND đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 4910/QĐ-BCA ngày 26/8/2014 của Bộ Công an phê duyệt Đề án “Thành lập Thư viện Công an nhân dân”; Bước đầu xây dựng được hệ thống thư viện từ cơ quan Bộ đến Công an các đơn vị, địa phương gồm có: 48 Thư viện thuộc các đơn vị trực thuộc Bộ Công an; 60 Thư viện trong các cơ sở giam giữ (*54 thư viện trại giam, 3 cơ sở giáo dục, 3 trường giáo dưỡng có đối tượng bạn đọc đặc thù*); 10 Thư viện thuộc các học viện, trường CAND; 63 thư viện Công an tỉnh, thành phố (*chưa kể thư viện, phòng đọc thuộc Công an huyện, thị xã*)); chỉ đạo tổ chức phục hồi, xây dựng tôn tạo, đưa vào khai thác phát huy giá trị các khu di tích, khu lưu niệm CAND: Khu di tích lịch sử An ninh Khu V (tại tỉnh Quảng Nam), năm 2008; khu di tích lịch sử Hòn Đá Bạc - Trung tâm chỉ huy Kế hoạch phản gián CM12 (tại tỉnh Cà Mau), năm 2010; khu di tích lịch sử An ninh Khu IX (tại tỉnh Kiên Giang), năm 2015; khu lưu niệm Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân (tại tỉnh Bắc Giang), năm 2018.

Bộ Công an (Cục Công tác Đảng và Công tác chính trị) đã triển khai Chương trình phối hợp công tác với Bộ VHTTDL (Vụ Thư viện) trong việc đẩy mạnh các hoạt động giáo dục, học tập suốt đời trong hệ thống thư viện CAND giai đoạn 2016 - 2021; chỉ đạo các đơn vị chức năng trong Công an Nhân dân tăng cường sự phối hợp với Bộ VHTTDL xây dựng cơ chế, chính sách để các thư viện trong CAND hoạt động bền vững; đồng thời động viên, đôn đốc, tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ CAND tham gia học tập, nghiên cứu, mượn tài liệu qua luân chuyển sách, sử dụng dịch vụ tại các thư viện công cộng.

3. Các địa phương

Từ những chỉ đạo của Bộ VHTTDL và kế hoạch cụ thể của các Bộ ngành, địa phương, các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao/Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành trên cả nước đã ban hành các chương trình phối hợp, văn bản chỉ đạo, tổ chức, hướng dẫn nghiệp vụ đối với hệ thống thiết chế văn hóa các cấp: Tổ chức các hoạt động giáo dục, học tập; xây dựng và nhân rộng các mô hình hiệu quả; thành lập các chuyên mục xây dựng xã hội học tập; tuyên truyền và khuyến khích cộng đồng tham gia các hoạt động giáo dục, học tập, hỗ trợ học tập được tổ chức trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ. Sau đây là các kết quả cụ thể trong từng lĩnh vực:

3.1. Trong hoạt động thư viện

²³ Chỉ thị 09/CT-BCA-X03 ngày 07/8/2020 về công tác thư viện và phát triển Văn hóa đọc trong CAND; chỉ thị số 10/CT-BCA-X11 ngày 11/11/2016 về công tác khoa học lịch sử và bảo tàng CAND đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

Hệ thống thư viện gồm: Thư viện Quốc gia Việt Nam, 63 thư viện tỉnh/thành, 667 thư viện cấp huyện, 3290 thư viện cấp xã, phường, thị trấn, 19.881 phòng đọc, tủ sách cơ sở và 178 thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng; hệ thống thư viện đa ngành, chuyên ngành với gần 400 thư viện các trường đại học và tương đương, 25.915 thư viện trường phổ thông; trên 100 thư viện thuộc các Bộ ngành, viện nghiên cứu, trung tâm tâm nghiên cứu khoa học; thư viện lực lượng vũ trang nhân dân với 110 thư viện, 529 phòng đọc, 3.027 tủ sách của lực lượng công an và 421 thư viện, khoảng 1.000 phòng đọc sách Hồ Chí Minh trong hệ thống thư viện quân đội phát triển mạnh mẽ góp phần đắc lực vào việc đẩy mạnh các hoạt động phục vụ học tập suốt đời cho người dân.

Về nguồn lực thông tin trong hệ thống thư viện công cộng: tổng số bản sách trong hệ thống thư viện công cộng đạt 43.968.664 bản sách (tăng 18% so với năm 2014). Tính đến nay, bình quân số bản sách/người/năm trong hệ thống thư viện công cộng là 0,45.

Nhiều địa phương tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất và xây dựng thêm các thư viện như: Thanh Hóa, Đà Nẵng, Đồng Tháp, Quảng Bình, Kiên Giang được đầu tư xây mới trụ sở Thư viện tỉnh. Mạng lưới thư viện tiếp tục được duy trì và củng cố, đặc biệt với hoạt động xã hội hóa được đẩy mạnh, số lượng thư viện cấp xã, phòng đọc cơ sở và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng đã tăng lên nhanh chóng. Tính đến hết năm 2019, cả nước đã có 24.080 thư viện công cộng (tăng 36% so với năm 2014); các thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng tiếp tục được phát triển, cả nước hiện có 178 thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân và phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng.

Các thư viện đã không ngừng đổi mới phương thức hoạt động, phát huy nguồn lực thông tin tư liệu hiện có, mở rộng các dịch vụ mới. Thư viện công cộng các tỉnh/thành tăng cường hoạt động tuyên truyền, giới thiệu sách báo, xây dựng và triển khai các mô hình phục vụ đọc sách hiệu quả, phù hợp chủ trương xây dựng thư viện là nơi học tập thường xuyên, học tập suốt đời; đẩy mạnh công tác luân chuyển, trao đổi sách giữa các thư viện, khuyến khích phong trào đọc sách trong nhân dân. Với việc nâng cao chất lượng, đổi mới hoạt động thư viện, nhiều địa phương trong cả nước có các chỉ số về hiệu quả hoạt động thư viện cao trong những năm qua được giữ vững như Tp. Hồ Chí Minh (34.725 thẻ), Hà Nội (14.096 thẻ), Đà Nẵng (11.011 thẻ), Đồng Tháp (8.600 thẻ). Nhiều địa phương đã khẳng định vị thế của mình trong phục vụ việc học tập suốt đời cho người dân tại thư viện với số lượng bạn đọc đến thư viện đông, lượt sách báo phục vụ lớn trong đó phải kể đến như Thư viện thành phố Cần Thơ (với 1,5 triệu lượt bạn đọc và 3 triệu lượt sách báo phục vụ/năm), Thư viện Khoa học tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh (với 1,4 triệu lượt bạn đọc và 4,5 triệu lượt sách báo phục vụ/năm), Nhiều địa phương đã đẩy mạnh hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tăng cường phục vụ người sử dụng thông qua mạng internet như Vĩnh Long (phục vụ 1,5 triệu lượt bạn đọc), Cà Mau (1,7 triệu lượt bạn đọc).

Tăng cường công tác luân chuyển sách báo xuống các phòng đọc sách cơ sở, điểm bưu điện văn hóa xã, trường học, khu chế xuất, mái ấm, bệnh viện, đồn biên phòng, trại giam, các điểm sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi, giải trí, khu nhà trọ cho công nhân, đồng bào dân tộc, ... (Yên Bái, Lào Cai, Sơn La, Nghệ An, Thanh Hóa, Gia Lai, Đắk Lắk, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Tháp, Tp. Hồ Chí Minh, An Giang, ...). Các thư viện công cộng cấp tỉnh đã triển khai hiệu quả việc phục vụ lưu động bằng xe ô tô thư viện lưu động đa phương tiện, vừa phục vụ sách báo truyền thống, vừa phục vụ các dịch vụ điện tử cho người sáng mắt và người khiếm thị. Trung bình mỗi thư viện tổ chức hơn 40 đợt luân chuyển, phục vụ lưu động/năm.

Từ kết quả của Dự án trang bị xe ô tô thư viện lưu động đa phương tiện “Ánh sáng tri thức” do Bộ VH-TT-DL (Vụ Thư viện) xây dựng và triển khai thực hiện từ năm 2016, theo báo cáo của các địa phương, đến tháng 12/2019, 44 thư viện tỉnh/thành được hưởng Dự án đã triển khai 2394 đợt luân chuyển sách báo và phục vụ lưu động đến các thư viện cấp xã, thư viện trường học, đồn biên phòng, người dân tộc với 6.296.660 lượt người được phục vụ (trong đó tại một số địa phương đã có tổ chức phục vụ đối tượng là người khiếm thị, phạm nhân tại trại giam), 12.776.113 lượt sách báo được luân chuyển, 500.000 lượt truy cập máy tính và internet, 641.519 lượt phục vụ chiếu phim, tư liệu, 400 đợt trưng bày, triển lãm sách, báo.

Một số thư viện tỉnh, tiêu biểu như Thư viện tỉnh Tuyên Quang, Thừa Thiên Huế, Sóc Trăng đã chủ động phối hợp với Hội Khuyến học Việt Nam tổ chức Hội nghị “Tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ học tập suốt đời tại các thiết chế văn hóa - giáo dục cơ sở”. Tại các cuộc tập huấn này, các học viên được tập huấn các chuyên đề: Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy cập Internet công cộng tại Việt Nam; vị trí vai trò của thư viện trong việc hỗ trợ, thúc đẩy học tập suốt đời ở cộng đồng; khai thác nội dung, tài liệu học tập suốt đời qua mạng Internet theo chương trình giáo dục thường xuyên đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ. Đồng thời, tại hội nghị các học viên còn được thực hành khai thác nội dung, tài liệu học tập suốt đời qua mạng Internet và thực hành sử dụng phần mềm quản lý trung tâm học tập cộng đồng (CLC-MIS.EDU.VN).

Hưởng ứng Tuần lễ Học tập suốt đời hàng năm, nhiều thư viện tỉnh/thành đã phối hợp với các trường học trên địa bàn luân chuyển sách giúp thư viện trường học xây dựng các mô hình tủ sách lớp học, tủ sách phụ huynh như Thái Bình, Gia Lai, ...; nhiều tỉnh đã đẩy mạnh việc vận động, quyên góp sách từ các doanh nghiệp, nhà tài trợ, tổ chức, cá nhân, ... vận chuyển, trao tặng cho học sinh ngoại thành, vùng sâu, vùng xa trong chương trình “Tặng sách cho học sinh ngoại thành” (Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Ninh, ...).

Hàng năm 100% thư viện cấp tỉnh đã tổ chức hoạt động sự kiện như: trưng bày, triển lãm, Hội Báo xuân; các hoạt động hưởng ứng Ngày Sách Việt Nam và Ngày Sách và Bản quyền thế giới; các hoạt động tăng cường phục vụ thiếu nhi

trong dịp hè, ... Tăng cường công tác tuyên truyền phục vụ đắc lực các nhiệm vụ chính trị; tuyên truyền nhân các ngày lễ lớn của đất nước và địa phương; các cuộc trưng bày, giới thiệu sách theo chuyên đề, ... Trưng bình mỗi thư viện tổ chức từ 20 đến 30 cuộc trưng bày, triển lãm/năm. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền cho văn hóa đọc, khuyến đọc, khuyến học thông qua việc tổ chức các sự kiện văn hóa trong thư viện như các hội thi: “Đọc một cuốn sách, đi muôn dặm đường”, “Kể chuyện sách hè”, “Gia đình đọc sách”, “Kiến thức muôn màu”, “Nét vẽ xanh”, “Sắc màu quê em”, ... Đổi mới nâng cao chất lượng, nội dung, hình thức công tác biên soạn, in và phát hành các sản phẩm thông tin như: “Thông tin Khoa học chuyên đề”, “Tài liệu truyền thông Hỏi - Đáp”, “Thư mục chuyên đề”, ... Phối hợp với Đài phát thanh và Truyền hình địa phương xây dựng các chuyên mục giới thiệu sách trên sóng phát thanh và truyền hình như: Chuyên mục “Giới thiệu sách” trong Chương trình “Miền Tây ngày mới” trên VTV Cần Thơ, “Sách, báo và cuộc sống”, “Mỗi ngày một cuốn sách”, “Biển đảo Việt Nam” và “Sách thiếu nhi” (Sơn La), Tạp chí thư viện Kiên Giang, ...

Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong thư viện tiếp tục được đẩy mạnh. Nhiều thư viện công cộng cấp tỉnh đã tăng cường cập nhật, tuyên truyền quảng bá trên các trang thông tin điện tử, mạng xã hội,...; ứng dụng các phương thức mới, hiện đại trong quản lý, điều hành thư viện và hoạt động nghiệp vụ. Triển khai mô hình hiện đại trong phục vụ như ”Thư viện thông minh lưu động” tại Thư viện KHTH Thành phố Hồ Chí Minh, Không gian chia sẻ S.HUB tại Thư viện KHTH Đà Nẵng, Ứng dụng mã QR đọc tài liệu trên thiết bị di động của Thư viện thành phố Cần Thơ...

Kết quả thực hiện các mục tiêu của Đề án:

Theo báo cáo của 58/63 địa phương, đến nay đã có hơn 90% thư viện cấp tỉnh, hơn 70% thư viện cấp huyện và hơn 30% thư viện cấp xã tổ chức cung cấp dịch vụ truy cập Internet miễn phí để người dân được tiếp cận với thông tin, tri thức phục vụ nhu cầu học tập, nâng cao hiểu biết và các nhu cầu khác; thường xuyên tổ chức các lớp hướng dẫn sử dụng thư viện, tra cứu tìm kiếm thông tin, tri thức phù hợp với nhu cầu của người sử dụng, người dân sinh sống trên địa bàn; tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về các vấn đề mà cộng đồng quan tâm. Một số địa phương tiêu biểu đã đạt và vượt mục tiêu của Đề án như: Thành phố Cần Thơ (100% người dân được cung cấp dịch vụ truy cập Internet miễn phí; cấp miễn phí 11.000 tài khoản đọc - mượn Ebook cho người dân; trung bình 2.986.000 lượt người/năm truy cập, sử dụng thông tin, tài liệu tại các thư viện công cộng); tỉnh Bình Định (đạt 125% thư viện cấp huyện, 76% thư viện cấp xã); Yên Bái (100% thư viện cấp tỉnh, 88% thư viện cấp huyện cung cấp dịch vụ truy cập Internet); Đồng Nai (81% thư viện cấp huyện, 94% thư viện cấp xã); cà Mau (100% thư viện cấp huyện, 52% thư viện cấp xã) cung cấp dịch vụ Internet; hậu Giang (100% thư viện cấp huyện ứng dụng công nghệ thông tin và cung cấp dịch vụ Internet; củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động 90% thư viện cấp xã), ...

100% thư viện cấp tỉnh, một số thư viện cấp huyện và cấp xã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức các lớp hướng dẫn, cập nhật kỹ năng, kiến thức cần thiết cho bạn đọc. Tiêu biểu như: Điện Biên, Đà Nẵng, Vĩnh Long, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, ...

Nhiều tỉnh/thành có số lượt người sử dụng thư viện công cộng hằng năm tăng bình quân trên 10%; tỷ lệ người dân trên địa bàn sử dụng thư viện phục vụ nhu cầu học tập, tìm hiểu kiến thức nâng cao hiểu biết đạt trên 10 - 15% số dân. Tiêu biểu như: Hà Nội, Đà Nẵng, An Giang, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Đồng Nai, Cần Thơ, ...

Hầu hết các chỉ tiêu về lĩnh vực thư viện đến nay đã phần nào đạt và vượt các mục tiêu Đề án đã đề ra.

3.2. Trong hoạt động Bảo tàng

Triển khai Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ”, nhiều bảo tàng đã xây dựng Kế hoạch thực hiện với các nội dung: tổ chức lồng ghép các nội dung truyền thông về xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời tại bảo tàng, chú trọng việc nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục. Trong thời gian qua, với sự nỗ lực của các đơn vị, địa phương đã đạt được nhiều kết quả:

- Cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho bảo tàng: Nhiều địa phương đã đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở bảo tàng của một số bảo tàng tỉnh, thành phố đạt nhiều kết quả, tiêu biểu như: Bảo tàng Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Nghệ An, Quảng Trị, Điều khắc Chăm, Đà Nẵng, Hưng Yên, Bắc Ninh, Bà Rịa-Vũng Tàu, Quang Trung (Bình Định), Phú Yên, Bình Phước, ... Nhiều bảo tàng đã tiến hành chỉnh lý các phòng trưng bày, đổi mới nội dung trưng bày, quy hoạch khuôn viên bảo tàng tạo sự thu hút khách tham quan: Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa đã bổ sung hoàn thiện thiết kế nội thất và nội dung đề cương 02 phòng trưng bày; Bảo tàng Hải Phòng nâng cấp, chỉnh lý 09 phòng trưng bày cố định; Bảo tàng Đà Nẵng chỉnh lý 22 không gian tái tạo, chuyên đề trưng bày; Bảo tàng An Giang duy tu, sửa chữa trụ sở, hoàn thành trưng bày nội thất và xây dựng đề cương 02 phòng trưng bày; Bảo tàng Nghệ An đã hoàn thành Dự án trưng bày nội, ngoại thất năm 2019; Bảo tàng Bà Rịa-Vũng Tàu đã khánh trưng bày tháng 7 năm 2020, Bảo tàng Yên Bái đã hoàn thành Dự án trưng bày nội, ngoại thất tháng 9/2020, ... Bảo tàng Hùng Vương (Phú Thọ) đang tiến hành sửa chữa công trình và chỉnh lý trưng bày, sân khấu, phòng chiếu phim 3D; Bảo tàng Sơn La đang chỉnh lý 02 phòng trưng bày "Đặc trưng văn hóa các dân tộc Sơn La", "Bác Hồ với nhân dân các dân tộc Sơn La"; Bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh chỉnh lý, bổ sung hiện vật của phòng số 6, 7; Bảo tàng Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đang thực hiện trưng bày Paronama; Bảo tàng Quảng Ninh thường xuyên thực hiện việc chỉnh lý, đổi mới nội dung trưng bày; Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ khánh thành gian trưng bày ứng dụng công nghệ "Phụ nữ miền Nam trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ" tháng 10/2020, ...

- Tăng cường đưa di sản tới cơ sở thông qua các hình thức triển lãm lưu động, trưng bày chuyên đề: Bên cạnh việc quan tâm đổi mới hệ thống trưng bày cố định, các bảo tàng cũng chú trọng tới việc tổ chức hoặc phối kết hợp với các bảo tàng trung ương, bảo tàng các tỉnh hoặc với các cơ quan, ban ngành trong tỉnh để thực hiện trưng bày chuyên đề, lưu động vừa phục vụ nhiệm vụ chính trị, vừa góp phần giới thiệu quảng bá giá trị di sản văn hóa tiêu biểu của địa phương đến đông đảo công chúng. Nhiệm vụ này được nhiều đơn vị thực hiện tốt, trung bình hàng năm thực hiện được từ 5 - 20 cuộc trưng bày chuyên đề/lưu động/chương trình giáo dục học đường, tiêu biểu: Đồng Tháp tổ chức được 20 cuộc, Sóc Trăng 16 cuộc, Cần Thơ 14 cuộc, Sơn La 12 cuộc, Gia Lai 11 cuộc, Hà Nam, Tây Ninh 9 cuộc, Lào Cai, Yên Bái 8 cuộc, Vĩnh Phúc, Cà Mau 8 cuộc, Phú Thọ, Thái Nguyên, Ninh Bình 6 cuộc, Thái Bình, Bắc Ninh 5 cuộc. ...

- Đổi mới các hoạt động bảo tàng, gắn di sản văn hóa với học đường:

+ Việc số hóa các hiện vật, hình ảnh, phim tư liệu, ...; biên soạn các ấn phẩm phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu của quần chúng nhân dân được nhiều bảo tàng quan tâm. Đặc biệt, có một số dự án số hóa các hiện vật, hình ảnh, phim tư liệu của bảo tàng công lập được các công ty, tập đoàn tư nhân tài trợ kinh phí thực hiện, như dự án số hóa hiện vật tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia. Bên cạnh đó, nhiều bảo tàng đã và đang từng bước tiến hành số hóa hiện vật phục vụ công tác bảo quản và nâng cao chất lượng, đa dạng hóa hoạt động bảo tàng.

+ Việc ứng dụng công nghệ thông tin, như thực tế ảo, thuyết minh tự động, phim 3D giúp không gian bảo tàng trở nên sinh động, hấp dẫn, khách tham quan sẽ được chủ động tìm hiểu thông tin về hiện vật, mang lại cảm giác được khám phá, trải nghiệm. Các bảo tàng cấp tỉnh trên cả nước cũng đang tích cực nghiên cứu, xây dựng những giải pháp để từng bước áp dụng khoa học công nghệ cho những hoạt động của mình, có thể kể đến như: xây dựng mô hình bảo tàng ảo, thực hiện trưng bày 3D, số hóa hiện vật, hệ thống thuyết minh tự động, hệ thống quét mã tra cứu tìm hiểu thông tin hiện vật QR code (các Bảo tàng: Đà Nẵng, Điều khắc Chăm, Lâm Đồng, Quảng Ninh, Ninh Thuận, Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh, Chứng tích chiến tranh, Phụ nữ Nam Bộ, Tôn Đức Thắng, ...).

+ Trong những năm qua, các bảo tàng đã chủ động liên kết với ngành giáo dục thực hiện chương trình “Trường học thân thiện, học sinh tích cực” thông qua các hoạt động: tổ chức sinh hoạt hè, thi tìm hiểu, học tập lịch sử, văn hóa địa phương tại các bảo tàng, di tích. Đối với trẻ em (học sinh, nhóm trẻ em đi theo gia đình), bảo tàng tổ chức các hoạt động như: tham quan bảo tàng, tham quan kết hợp thi trắc nghiệm, củng cố kiến thức lịch sử, sử dụng những tài liệu, hiện vật bảo tàng vào bài giảng môn lịch sử ở trường; tổ chức học lịch sử theo chủ đề trong hệ thống trưng bày; tổ chức học mà chơi, chơi mà học. Đối với thanh niên, tuổi trưởng thành, bảo tàng tổ chức các hình thức: tham quan trưng bày, nghe thuyết minh, hướng dẫn, trao đổi thảo luận, tham dự các buổi thuyết trình chuyên đề, ... Các đối tượng khác (khách du lịch theo tour, khách tham quan tự

do...), bảo tàng phục vụ nhu cầu tham quan, tìm hiểu trưng bày, thưởng ngoạn cổ vật, giải trí, ... Hàng năm, Bảo tàng Đồng Nai đón 50 đoàn học sinh, sinh viên; Vĩnh Phúc đón 40 đoàn học sinh, sinh viên. Đặc biệt, Bảo tàng Cần Thơ đón 120 đoàn của 86 trường trên địa bàn đến tham quan, học tập với 10.801 giáo viên, học sinh, sinh viên (năm học 2018 - 2019).

+ Công tác tổ chức và thực hiện giáo dục trải nghiệm đang dần trở thành một trong những hoạt động mang tính chủ lực để thu hút khách tham quan, đặc biệt là thế hệ học sinh, sinh viên đến với bảo tàng. Về nội dung này, các bảo tàng ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đều xây dựng các hoạt động giáo dục trải nghiệm (có phòng/khu trải nghiệm riêng) hoặc tổ chức trong dịp trưng bày chuyên đề: Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Lịch sử quốc gia, Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Bảo tàng Chứng tích chiến tranh..., cụ thể: “Câu lạc bộ Em yêu lịch sử” (Bảo tàng Lịch sử quốc gia); không gian cho các hoạt động Học tập theo tấm gương Chủ tịch Hồ Chí Minh (Bảo tàng Hồ Chí Minh); phòng trải nghiệm “Bình đẳng giới” (Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam); “Phòng giáo dục nghệ thuật” (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam); không gian ngoài trời dành riêng cho các chương trình giáo dục di sản văn hóa (Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam); chương trình đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục - truyền thông, Phòng Trải nghiệm cùng di sản (Trung tâm Hoạt động Văn hóa Khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám); “Em là nhà khảo cổ nhí” (Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội), ... Với vai trò là Bảo tàng quốc gia, Bảo tàng Lịch sử quốc gia đã tích cực phối hợp với một số bảo tàng tỉnh, thành phố và các ban ngành địa phương, thường xuyên tổ chức các cuộc thi tìm hiểu kiến thức, trưng bày triển lãm phục vụ các sự kiện chính trị của đất nước. Các hoạt động du khảo về nguồn, trải nghiệm di sản văn hóa tại địa phương cho cán bộ, viên chức, học sinh, sinh viên, ... nhằm bồi dưỡng, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa tại các di tích đã được nhiều địa phương quan tâm, tiêu biểu như: Hà Nội, Bắc Ninh, Quảng Ngãi, Lâm Đồng, Bình Thuận, Ninh Thuận, ... Câu lạc bộ “Em yêu lịch sử” và “Giờ học lịch sử tại bảo tàng” tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia đã đón hơn 300 đoàn học sinh đến học tập, tham gia trải nghiệm hàng năm.

+ Ở các tỉnh/thành phố trên cả nước, nhiều bảo tàng cũng đã nhận thấy vai trò của hoạt động giáo dục trải nghiệm nên đã từng bước tiếp cận, xây dựng chương trình để tổ chức thực hiện thường xuyên hoặc tổ chức nhân dịp các ngày kỷ niệm, ngày Lễ, Tết cổ truyền của dân tộc, như: ngày Quốc tế Thiếu nhi, Quốc tế bảo tàng, tết Trung thu, ngày Di sản văn hóa Việt Nam,... có thể kể đến hàng loạt chương trình: "Tiết học lịch sử địa phương - Em yêu lịch sử Lào Cai" của Bảo tàng Lào Cai; "Chúng em làm chiến sĩ Điện Biên" của Bảo tàng Chiến thắng Lịch sử Điện Biên Phủ; "Tiết học lịch sử" tại Bảo tàng Nam Định; "Đưa hiện vật bảo tàng tới trường học" của Bảo tàng Ninh Bình; "Sắc màu văn hóa" tại Bảo tàng Sơn La, "Theo dòng lịch sử" của Bảo tàng Thanh Hóa; "Đưa lịch sử Xô Viết Nghệ Tĩnh vào trường học" ở Nghệ An - Hà Tĩnh; hội thi "Thuyết minh viên nhí" cho các trường học của Bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh; "Sắc xuân miệt

vườn" tại Bảo tàng Cần Thơ; "Sĩ tử xưa nay" các trò chơi gian và hoạt động hè cho thiếu nhi của Bảo tàng Quảng Ninh... Ngoài ra, còn rất nhiều chương trình bổ ích, thiết thực được tổ chức vào dịp tết Nguyên đán tại các bảo tàng (gói bánh chưng, bánh dày, tập làm thầy đồ, viết thư pháp, trò chơi dân gian, trình diễn di sản văn hóa phi vật thể và nhiều hoạt động văn hóa, thể thao khác, ...) phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí ngày Tết cho nhân dân địa phương và du khách.

+ Một hoạt động khác với mục đích kết nối bảo tàng và trường học là xây dựng tài liệu “Các bước xây dựng Kế hoạch dạy học có sử dụng Di sản văn hóa phi vật thể” do Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam phối hợp với Bộ Giáo dục - Đào tạo, Văn phòng UNESCO tại Hà Nội phối hợp thực hiện.

- Các địa phương đã khuyến khích và tạo điều kiện phát triển mạng lưới bảo tàng ngoài công lập, tôn vinh các tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ xây dựng các chương trình giáo dục trong bảo tàng. Tính đến thời điểm hiện tại, cả nước đã có 48 bảo tàng ngoài công lập được cấp phép hoạt động, trong đó nhiều bảo tàng đã có những đóng góp cho công tác giới thiệu, quảng bá, thu hút khách tham quan, giáo dục công chúng, phát triển du lịch như: Bảo tàng Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt và tù đày (Hà Nội), Bảo tàng Đồng Quê (Nam Định), Di sản văn hóa Mường (Hòa Bình), Nước mắm làng chài xưa (Bình Thuận), Thế giới cà phê (Đắk Lắk), ...

- Công tác nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ đang công tác tại các bảo tàng luôn được quan tâm, chú trọng. Hàng năm, Cục Di sản văn hóa đều tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ thuộc hệ thống bảo tàng Việt Nam, như: Hội nghị - Tập huấn ngành Di sản văn hóa; tập huấn về công tác thuyết minh: Tập huấn về công tác bảo quản phòng ngừa; tập huấn về công tác kiểm kê, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền về di sản văn hóa truyền thống điển hình của các dân tộc thiểu số Việt Nam, ...

- Công tác tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá ngày càng được quan tâm, chú trọng nhằm đưa các hoạt động bảo tàng đến với công chúng, từng bước thu hút được sự quan tâm của nhân dân và học sinh, sinh viên với hàng loạt các hình thức đa dạng, phong phú: viết tin, bài đăng trên các phương tiện truyền thông đại chúng (báo, đài trung ương và địa phương), trên các website, trang thông tin điện tử của các cơ quan, tổ chức, trên mạng xã hội (facebook, zalo), tờ gấp được các bảo tàng thực hiện thường xuyên, có thể kể đến Sơn La, Điện Biên, Hòa Bình, Hà Giang, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh, Gia Lai, Thanh Hóa, Hậu Giang,...

- Về các hoạt động hợp tác quốc tế: Các bảo tàng trên cả nước đã đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tổ chức được nhiều cuộc trưng bày, triển lãm lớn về di sản văn hóa Việt Nam ở các quốc gia trên thế giới, như: Trưng bày “Rồng bay - Nghệ thuật cung đình Việt Nam” tại Bảo tàng quốc gia Nghệ thuật Châu Á Guimet tại Paris, Pháp (2014); trưng bày “Đông Nam Á sớm: Điêu khắc Ấn Độ giáo - Phật giáo từ thế kỷ 5 đến thế kỷ 8” tại Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan, New York, Hoa Kỳ (2014); các tác phẩm tranh lưu giữ tại Bảo tàng Mỹ thuật

Việt Nam Việt Nam trưng bày tại Bảo tàng Nghệ thuật quốc gia Singapore (2015); trưng bày “Báu vật khảo cổ học Việt Nam” tại Đức (2016 - 2017), Trưng bày đặc biệt về “Di sản văn hóa biển Việt Nam” tại Hàn Quốc (2017 - 2018), ... Tính từ năm 2014 đến 2020 đã có 13 cuộc trưng bày/triển lãm được các bảo tàng phối hợp thực hiện ở nước ngoài.

Kết quả thực hiện các mục tiêu của Đề án:

Về việc phân đầu thu hút số lượng khách nội địa tham quan bảo tàng hàng năm, trong đó khuyến khích khách tham quan là học sinh, sinh viên: Mục tiêu này đã được các đơn vị thực hiện tốt, có nhiều kết quả khả quan, trong những năm gần đây, lượng khách tham quan đến bảo tàng hàng năm đạt từ 15-17 triệu lượt, trong đó số khách nội địa (đặc biệt là đối tượng học sinh, sinh viên tăng đều qua từng năm). Các bảo tàng đang lưu giữ gần 4 triệu hiện vật là cơ sở để xây dựng các bộ sưu tập tiêu biểu, tổ chức các hoạt động trưng bày lưu động.

Về công tác ký kết với các Sở Giáo dục và Đào tạo đã có 48/63 Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao triển khai thực hiện.

Về tổ chức các hoạt động giới thiệu giá trị di sản văn hóa tại bảo tàng nhân ngày Di sản văn hóa Việt Nam nhằm thu hút nhân dân, đặc biệt là học sinh, sinh viên được các bảo tàng thực hiện thường xuyên, với nhiều hình thức đa dạng, kết hợp trưng bày với các hoạt động giáo dục, trải nghiệm, trình diễn di sản văn hóa phi vật thể, ... từng bước thu hút được sự quan tâm của công chúng, góp phần nâng cao vị trí, vai trò của bảo tàng trong đời sống xã hội của từng địa phương, vùng miền.

3.3. Trong hoạt động nhà văn hóa, câu lạc bộ

Những năm qua hệ thống nhà văn hóa, câu lạc bộ (nay đổi tên gọi là thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) ở nước ta không ngừng phát triển khắp các địa phương trên cả nước. Thiết chế văn hóa, thể thao các cấp đã được quan tâm đầu tư, sửa chữa và phát huy hiệu quả sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo các giá trị văn hóa của các tầng lớp nhân dân. Hiện cả nước có 66 thiết chế văn hoá cấp tỉnh (Trung tâm văn hoá, Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật, Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh, Trung tâm Thông tin Triển lãm, ...); 700 quận, huyện có Trung tâm Văn hoá - Thể thao hoặc Nhà Văn hoá, đạt tỷ lệ khoảng 96,5%; 7.945 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hoá - Thể thao, đạt tỷ lệ 74,5 %; 78.273 làng, thôn, bản, ấp, ... có Nhà văn hoá.

a) Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh:

Các Trung tâm văn hóa cấp tỉnh đã nỗ lực đổi mới, sáng tạo, đa dạng về loại hình, cách thức thể hiện, phương thức tổ chức, hướng dẫn hoạt động văn hoá, văn nghệ tại chỗ và lưu động thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Về thực hiện nhiệm vụ lồng ghép các nội dung truyền thông về xây dựng xã hội học tập trong quá trình xây dựng và triển khai Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hóa, trung tâm

văn hóa - thể thao, câu lạc bộ”, Đội Tuyên truyền lưu động, Câu lạc bộ sở thích thuộc Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh, Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện đã thường xuyên cử cán bộ xuống cơ sở đào tạo, hướng dẫn thể nghiệm các mô hình hoạt động, hội thi, hội diễn, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở đạt hiệu quả cao góp phần thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương. Các Trung tâm Văn hóa đã gắn nội dung “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời” vào các buổi sinh hoạt và biểu diễn định kỳ của các câu lạc bộ, cung cấp thông tin tới hội viên các câu lạc bộ và giúp hình thành thói quen tự học, hưởng ứng các hoạt động giáo dục, học tập cũng như đóng góp về vật lực, trí lực cho các hoạt động này, bên cạnh đó, thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng năng khiếu cho thanh thiếu nhi. Một số địa phương đã thực hiện tốt như Bến Tre, Cần Thơ, Đồng Nai, Hà Nam, Hải Dương, Hòa Bình, ...

Ở một số địa phương, Trung tâm Văn hóa các tỉnh đã xuống cấp, có nơi chỉ có trụ sở làm việc, có nơi không có trụ sở độc lập, chưa được bố trí quy hoạch quỹ đất để xây dựng, phải hoạt động chung trong các thiết chế khác hoặc có trụ sở làm việc nhưng không có hội trường và các phòng chức năng. Về trang thiết bị hoạt động, hầu như đã cũ, không được bổ sung, không đáp ứng được các nhiệm vụ tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, sự kiện lớn và tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật; thiếu phương tiện chuyên chở máy móc thiết bị, con người.

b) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện:

Các Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện hàng năm tổ chức các hội thi, hội diễn, sự kiện của ngành, địa phương, mở các lớp năng khiếu thu hút hàng nghìn người tham gia. Cũng như tại Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh, Đội Tuyên truyền lưu động, Câu lạc bộ sở thích thuộc Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện đã thường xuyên cử cán bộ xuống cơ sở đào tạo, hướng dẫn thể nghiệm các mô hình hoạt động, hội thi, hội diễn, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở đạt hiệu quả cao, góp phần thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp huyện ở nhiều địa phương chưa được đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, nhiều huyện chưa có cơ sở vật chất hoặc đang xuống cấp, chấp vá thiếu đồng bộ. Nguồn nhân lực chưa đảm bảo về số lượng và chất lượng, hoạt động chưa phong phú hấp dẫn, khó thu hút người dân tham gia.

c) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã:

Hệ thống Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp xã tại các địa phương trên cả nước đã được quan tâm đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động phát huy trong công tác duy trì, tổ chức biểu diễn văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao hoạt động thường xuyên, từng bước mang lại hiệu quả, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt vui chơi giải trí, nâng cao thể lực, sức khỏe, phát triển thể chất của người dân.

Nhiều địa phương ngoài biểu diễn văn nghệ, các tổ, đội, câu lạc bộ còn lồng ghép tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật

của Nhà nước đến nhân dân, góp phần ổn định tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn.

Những năm gần đây, việc sáp nhập Trung tâm Văn hóa-Thể thao và Trung tâm Học tập cộng đồng tại nhiều địa phương đã đạt được nhiều hiệu quả tích cực như: Bắc Giang, Thanh Hóa, Long An, Đồng Tháp, Bến Tre, Đà Nẵng, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, ... Các Trung tâm thể thao - Học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn thường tổ chức các lớp tập huấn; tổ chức dạy võ cổ truyền; hoạt động văn nghệ thể thao của xã, phường thị trấn: tổ chức các giải bóng đá mini, câu lạc bộ cầu lông, bóng bàn, văn nghệ, thể dục dưỡng sinh, ... bên cạnh đó còn tổ chức các lớp học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất.

Bên cạnh đó, Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã nhiều nơi còn chưa được xây dựng và đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, thiếu trang thiết bị hoạt động, cán bộ kiêm nhiệm. Chính sách, chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa cơ sở còn thấp, chưa phù hợp nhất là ở các vùng miền núi, dân tộc thiểu số, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn.

d) Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn:

Ở cấp thôn có 75.327 làng, thôn, bản, ấp, có Nhà văn hóa, đạt tỷ lệ 74,4%. Nhà văn hóa - Khu thể thao, về cơ bản thiết chế văn hóa cấp thôn có nội dung hoạt động đa dạng phong phú, gắn bó thiết thực với đời sống cộng đồng, là nơi sinh hoạt chính trị - xã hội như: Họp Chi bộ, các đoàn thể, quán triệt các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, phổ biến thời sự, khoa học kỹ thuật, tuyên truyền giáo dục về lối sống, thực hiện việc cưới, việc tang và lễ hội theo nếp sống văn minh; triển khai các nhiệm vụ về bảo vệ an ninh, trật tự, xây dựng gia đình văn hóa, làng, thôn, bản văn hóa, đây cũng chính là nơi tổ chức các hội thi, liên hoan, tập luyện, giao lưu văn hóa, thể thao, câu lạc bộ sở thích, ... Vì đây là thiết chế văn hóa, thể thao gần gũi nhất với người dân do vậy nếu có nhiều hoạt động phong phú, hấp dẫn, ban chủ nhiệm nhiệt tình, sáng tạo thì việc thực hiện Đề án sẽ đạt hiệu quả cao.

Tuy vậy, việc quy hoạch quỹ đất đối với một số thôn, tổ dân phố mới (sau sáp nhập) để xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao không thể mở rộng do không còn quỹ đất hoặc quỹ đất không tập trung. Một số Nhà văn hóa được xây dựng trước khi ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, hoặc sửa chữa từ nhà kho, nhà trẻ mẫu giáo nên quy mô nhỏ, thậm chí nhiều Nhà văn hóa dột nát, khuôn viên chật hẹp đang trong tình trạng xuống cấp nên số lượng Nhà Văn hóa thôn, xóm, ấp đạt quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chưa cao.

đ) Đối với hệ thống Câu lạc bộ:

Cùng với sự hình thành của hệ thống thiết chế văn hóa là sự ra đời của hàng nghìn câu lạc bộ hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự giác được hình thành theo sở thích ở nhiều nhóm lĩnh vực như: văn học, văn hóa nghệ thuật, thể

dục - thể thao, khoa học kỹ thuật, ... đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của đời sống xã hội, nâng cao đời sống tinh thần và thể chất cho nhân dân, tạo lối sống lành mạnh, có ý thức, có văn hóa trong các tầng lớp nhân dân.

Tính đến hết năm 2019, cả nước có 9.368 Câu lạc bộ văn nghệ quần chúng cấp tỉnh, huyện với 161.924 hội viên; trên 60.000 Câu lạc bộ Thể dục thể thao tham gia sinh hoạt tại hệ thống các Trung tâm văn hóa các cấp qua đó tạo không gian văn hóa lành mạnh vừa thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ, giải trí sáng tạo, vừa để truyền dạy và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống góp phần vào việc nâng cao đời sống tinh thần, đặc biệt là đối với người dân nông thôn.

III. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ KHI TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN

Bên cạnh những kết quả nêu trên, việc triển khai thực hiện Đề án trong thời gian qua còn tồn tại một số hạn chế nhất định, cần được khắc phục để các hoạt động triển khai thực hiện Đề án giai đoạn tiếp theo có chất lượng, hiệu quả cao, quy mô ngày càng rộng rãi hơn, như:

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn lực về tư liệu đáp ứng cho các hoạt động học tập suốt đời ở các thiết chế văn hóa còn chưa đảm bảo, kinh phí triển khai các hoạt động học tập tại hệ thống các thiết chế thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ nhìn chung vẫn chưa đảm bảo.

- Cơ chế tài chính chưa được ban hành cụ thể, nguồn kinh phí thực hiện Đề án còn eo hẹp, phải lồng ghép với các chương trình, nhiệm vụ chính trị của địa phương nên chưa đạt hiệu quả cao.

- Công tác tuyên truyền thực hiện Đề án gặp nhiều khó khăn do không được cấp kinh phí chi cho việc thực hiện Đề án, vì vậy phải thường xuyên lồng ghép kết hợp với các hoạt động chuyên môn khác của thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ. Mặt khác, công tác tuyên truyền chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục, chất lượng hoạt động chưa đồng đều giữa các vùng miền.

- Hoạt động đầu tư, nâng cấp các thiết chế văn hóa chưa thực sự được quan tâm đúng mức nhất là các thiết chế ở cấp huyện và cấp xã. Nhận thức của lãnh đạo một số địa phương/bộ, ngành về vai trò của các thiết chế văn hóa đối với xã hội và đối với việc xây dựng môi trường văn hóa, thúc đẩy học tập suốt đời còn hạn chế, dẫn đến việc quan tâm và đầu tư cho hoạt động còn nhiều bất cập. Ví dụ điển hình với ngành thư viện: Trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập, một số địa phương đã chưa nghiêm túc trong thực hiện yêu cầu và tinh thần của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII, chủ trương và triển khai sáp nhập thư viện cấp tỉnh, cấp huyện với các cơ sở văn hóa khác (như Bảo tàng, Đài phát thanh, Quản lý di tích, Trung tâm văn hóa...) gây nên những xáo trộn về tâm lý cho người làm công tác thư viện cũng như sẽ ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động thư viện nói chung và việc triển khai các hoạt động học tập suốt đời trong thư viện nói riêng.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ tại các địa phương còn hạn chế, đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

- Các chế độ, chính sách đãi ngộ dành cho người làm công tác thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa còn thấp chưa đáp ứng được yêu cầu, đặc biệt là ở cấp xã.

- Nhận thức của người dân về tầm quan trọng của việc học tập suốt đời còn hạn chế, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo còn nhiều khó khăn trong đời sống.

- Công tác phối hợp thực hiện giữa các ngành, kiểm tra việc thực hiện còn chưa được quan tâm đúng mức. Ở một số nơi phong trào phát triển của các câu lạc bộ còn mang tính tự phát, thiếu sự quan tâm, chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

TIẾP TỤC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN “ĐẨY MẠNH CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP SUỐT ĐỜI TRONG CÁC THƯ VIỆN, BẢO TÀNG, NHÀ VĂN HÓA, CÂU LẠC BỘ”

I. PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG

Các cấp các ngành cần tiếp tục quán triệt và thực hiện có hiệu quả hơn nữa Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ”, gắn với triển khai thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; góp phần nâng cao dân trí, thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Trên cơ sở thực tiễn triển khai Đề án, nhằm khắc phục những khó khăn, hạn chế đã nêu trong nội dung trên, Bộ VHTTDL tiếp tục phối hợp với các Bộ ngành, địa phương thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp để thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa thực sự hỗ trợ cho việc học tập suốt đời của người dân, cụ thể:

1. Đối với Bộ VH TTDL

- *Thứ nhất*, tiếp tục hoàn thiện thể chế trong đó chú trọng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và các chính sách hỗ trợ phát triển các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ; khuyến khích các nghệ nhân truyền dạy, phát huy các loại hình nghệ thuật, văn hóa dân gian nhằm thúc đẩy hoạt động phục vụ người dân học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ.

- *Thứ hai*, tăng cường đầu tư, thực hiện kiện toàn, củng cố hệ thống thiết chế văn hóa về mô hình tổ chức, phương thức hoạt động để các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ thực sự trở thành các trung tâm giáo dục ngoài nhà trường, hỗ trợ đắc lực cho người dân thực hiện việc học tập suốt đời.

- *Thứ ba*, tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân và các cấp lãnh đạo địa phương; đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, quảng bá và triển khai các hoạt động phục vụ việc học tập suốt đời của người dân tại các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ.

- *Thứ tư*, tăng cường phối hợp và liên kết trong tổ chức hoạt động của các thư viện, bảo tàng, di tích, nhà văn hóa tạo thành mạng lưới rộng khắp, có sức mạnh tổng hợp để đáp ứng nhu cầu của người dân, đặc biệt là học sinh, sinh viên; đồng thời cần tích cực triển khai công tác phối hợp thông qua việc thực hiện các Chương trình phối hợp công tác liên ngành trong triển khai thực hiện Đề án.

- *Thứ năm*, chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực công tác cho các cán bộ làm công tác thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa ở cơ sở; biên soạn tài liệu và tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao kỹ năng tuyên truyền, vận động nhân dân và cộng đồng tham gia xây dựng xã hội học tập.

- *Thứ sáu*, đẩy mạnh xã hội hóa nhằm thu hút các nguồn lực của tổ chức, cá nhân đầu tư, hỗ trợ cho các hoạt động phục vụ học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ.

2. Đối với các Bộ, ngành

- Tiếp tục chỉ đạo và triển khai thực hiện đề án theo kế hoạch đã ban hành.

- Phê duyệt, bố trí nguồn kinh phí thực hiện các hoạt động triển khai Đề án tại các Bộ ngành; cụ thể hóa nội dung Đề án vào kế hoạch công tác hàng năm.

- Tổng kết việc triển khai thực hiện Đề án, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp triển khai trong giai đoạn tiếp theo; đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân điển hình.

3. Đối với UBND các tỉnh/thành

- Tiếp tục quan tâm, chỉ đạo thực hiện kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa hiện có tại địa phương, đặc biệt là các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ; tăng cường tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học tập suốt đời nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc học tập thường xuyên, từ đó hình thành thói

quen tự học. Khuyến khích cộng đồng tham gia hưởng ứng các hoạt động giáo dục, học tập, hỗ trợ học tập được tổ chức trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ.

- Phê duyệt, bố trí nguồn kinh phí thực hiện các hoạt động triển khai Đề án theo kế hoạch hàng năm.

- Tổng kết việc triển khai thực hiện Đề án; nhân rộng các điển hình và mô hình tiêu biểu; đề xuất kế hoạch triển khai trong giai đoạn tiếp theo; phối hợp với các cơ quan, ban ngành ở địa phương đề xuất khen thưởng các tập thể và cá nhân điển hình tiêu biểu.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị với Chính phủ

Đề nghị Nhà nước từ nguồn vốn Chương trình Mục tiêu phát triển văn hóa (giai đoạn 2021 - 2025), chú trọng 03 nội dung sau:

- Tiếp tục đầu tư xây dựng, củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa hiện có tại địa phương đặc biệt là các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ nhằm góp phần phát triển bền vững, bảo đảm môi trường thân thiện, hữu ích, bình đẳng và phù hợp, tạo thuận lợi cho người dân học tập suốt đời, góp phần khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập. Hỗ trợ kinh phí xây dựng thư viện, tủ sách trực thuộc nhà văn hóa, trung tâm học tập cộng đồng ở các huyện nghèo vùng sâu, vùng xa.

- Cấp kinh phí xây dựng kho lưu động cho các thư viện tỉnh và sách cho các thư viện huyện miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biển, hải đảo, vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn.

- Cấp kinh phí cho việc tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý và chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ người làm công tác thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa.

2. Kiến nghị với Bộ ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng kế hoạch của Bộ ngành, địa phương trong việc thực hiện Đề án giai đoạn tiếp theo.

- Phê duyệt, bố trí nguồn kinh phí thực hiện các hoạt động triển khai Đề án tại địa phương.

- Cụ thể hóa nội dung Đề án vào kế hoạch công tác hàng năm.

- Tiếp tục thực hiện việc kiểm tra đánh giá kết quả, gửi báo cáo hàng năm về Bộ VHTTDL để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

BÁO CÁO**Tổng kết Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 13/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Truyền thông về xây dựng xã hội học tập”**

Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 89/QĐ-TTgCP ngày 09/01/2013 phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020”: “*Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí tổ chức tuyên truyền về xây dựng xã hội học tập; chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, triển khai thực hiện Đề án Truyền thông về xây dựng xã hội học tập*”, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 13/11/2014 phê duyệt Đề án “Truyền thông về xây dựng xã hội học tập” (sau đây gọi tắt là Đề án), Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án “Truyền thông về xây dựng xã hội học tập” như sau:

Phần I**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN****I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN****1. Công tác phổ biến, quán triệt thực hiện Đề án**

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 13/11/2014 phê duyệt Đề án “Truyền thông về xây dựng xã hội học tập”, các bộ, ngành, các tổ chức xã hội, đoàn thể Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ được giao đã chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương quán triệt sâu sắc những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án; tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Đề án.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành liên quan chỉ đạo định hướng các cơ quan báo chí, hệ thống phát thanh, truyền hình Trung ương và địa phương, hệ thống thông tin cơ sở tập trung thông tin, tuyên truyền, phổ biến các văn bản như: Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn

2012 - 2020”; Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 13/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Truyền thông về xây dựng xã hội học tập”; Quyết định số 281/QĐ-TTg ngày 20/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020”; Quyết định số 692/QĐ-TTg ngày 04/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2020”; Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập... Chỉ đạo định hướng công tác thông tin, tuyên truyền tại hội nghị giao ban báo chí định kỳ do Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì; các cơ quan báo chí bám sát chỉ đạo của Chính phủ thực hiện thông tin, tuyên truyền về Đề án “Truyền thông về xây dựng xã hội học tập”. Đồng thời công tác tuyên truyền phổ biến các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đối với công tác xây dựng xã hội học tập được lồng ghép thông qua các hội nghị tập huấn các buổi sinh hoạt cơ quan, đơn vị, đoàn thể, tổ dân phố, khu dân cư.

Thông qua công tác phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện Đề án giúp cho cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, ý nghĩa, vai trò và lợi ích của việc khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần nâng cao nguồn nhân lực của các địa phương.

2. Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Đề án

Để triển khai thực hiện Đề án “Truyền thông về xây dựng xã hội học tập” các bộ, ngành, các tổ chức xã hội, đoàn thể ở Trung ương và các địa phương đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án:

- Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Kế hoạch số 3432/KH-BTTTT ngày 04/10/2019 về triển khai thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; Quyết định số 1312/BTTTT-TTCS ngày 03/8/2020 về việc ban hành Kế hoạch thông tin, tuyên truyền thực hiện Quyết định số 489/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quyết định số 2593/QĐ-BVHTTDL ngày 30/6/2017 về xây dựng mô hình và hướng dẫn triển khai áp dụng mô hình thư viện phục vụ học tập suốt đời; Quyết định số 2594/QĐ-

BVHTTDL ngày 30/6/2017 về hướng dẫn tổ chức các hoạt động học tập suốt đời trong Nhà Văn hóa - Câu lạc bộ.

- Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch số 326-KH/TWDTN-BTG ngày 15/10/2019 về việc thực hiện Kết luận số 49-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập...

- Hội Khuyến học Việt nam đã xây dựng 04 Bộ Tiêu chí đánh giá mô hình học tập và được Văn phòng Chính phủ cho phép triển khai vào tháng 12/2014 (Bộ tiêu chí đánh giá công nhận danh hiệu: Gia đình học tập; Dòng họ học tập; Cộng đồng học tập và Đơn vị học tập).

- Các địa phương đã ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo về “Xây dựng xã hội học tập” để chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Đề án, đồng thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện như: UBND thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 10/4/2015 về xây dựng xã hội học tập và học tập đến năm 2020; UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Kế hoạch số 935/KHr-UBND ngày 12/4/2016 về thực hiện Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đến năm 2020”; UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 13/3/2015 về triển khai Đề án truyền thông về xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Ban Chỉ đạo tỉnh Phú Thọ ban hành Kế hoạch số 560/KH-BCĐ ngày 12/4/2016 về công tác thông tin tuyên truyền về “Xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời” giai đoạn 2016-2020...

3. Sự phối hợp giữa các bộ, ngành, các tổ chức xã hội, đoàn thể ở Trung ương và địa phương trong công tác thông tin, tuyên truyền

Các bộ, ngành, các tổ chức xã hội, đoàn thể ở Trung ương đã phối hợp triển khai thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền Đề án Truyền thông về xây dựng xã hội học tập bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú như: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ký kết các Chương trình phối hợp công tác với Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhằm đẩy mạnh công tác truyền thông quảng bá thúc đẩy nhu cầu phát triển văn hóa đọc trong các tầng lớp nhân dân, nhất là trong thanh niên, thiếu niên, học sinh, sinh viên; Đài Truyền hình Việt Nam phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thông tin, tuyên truyền để đào tạo, nâng cao năng lực sản xuất chương trình giáo dục; Hội Khuyến học Việt Nam ký kết chương trình liên kết, phối hợp thực hiện với 09 tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp; Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo tổ chức ngày sách Việt Nam (21/4) trên cả nước với quy mô lớn, nội dung và hình thức hoạt động đa dạng, phong phú, hấp dẫn; Tổ chức Ngày hội “Đọc và học tập suốt đời theo tám gương Bác Hồ vĩ đại” vào

ngày 19/5/2017 tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, đồng thời phát động phong trào “Đọc sách và làm theo tấm gương tự học của Hồ Chí Minh” trong các nhà trường, cơ quan, đơn vị.

Trung ương Đoàn phối hợp tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập trong thanh thiếu nhi, triển khai các phong trào “Tuổi trẻ sáng tạo”, Chương trình “Đồng hành với thanh niên trong học tập”. Các nội dung về khuyến học, khuyến tài được truyền tải thông qua tổ chức các cuộc thi như: “Chinh phục vũ môn”, “Trạng nguyên Tiếng Việt”, “Tri thức trẻ vì giáo dục”, “Giải toán trên máy tính cầm tay”, “Rung chuông vàng”; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức Cuộc thi “Đại sứ Văn hóa đọc”; triển khai chương trình “Cùng bạn đọc sách - Nâng tầm trí tuệ Việt”; thiết lập Kênh “Cùng bạn đọc sách” trên không gian mạng gồm 06 chuyên mục: Sách hay nên đọc; đọc sách cùng bạn; góc bạn đọc; góc thiếu nhi; đại sứ văn hóa đọc và góc dành cho người tâm huyết với văn hóa đọc...

Các địa phương đã ký kết và triển khai nhiều chương trình phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các mô hình học tập như: “gia đình học tập”, “dòng họ học tập”, “cộng đồng học tập”, “đơn vị học tập”; Tuyên truyền biểu dương, nhân rộng mô hình “gia đình học tập”, “dòng họ học tập”, gương sáng hiếu học và vượt khó vươn lên trong học tập, các đơn vị và cá nhân có nhiều thành tích trong công tác xây dựng xã hội học tập... thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua hội nghị giao ban báo chí định kỳ và lồng ghép trong các hội nghị, hội thảo, sinh hoạt chi hội, tổ hội của các đoàn thể; gắn với phong trào thi đua xây dựng các mô hình học tập với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Công tác phối hợp tuyên truyền đã góp phần nâng cao nhận thức trách nhiệm của cá nhân, tổ chức và cộng đồng dân cư trong thực hiện xây dựng xã hội học tập.

Các hoạt động thông tin, tuyên truyền chủ yếu tập trung vào các nội dung như sau: Tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước như: Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020”; Quyết định số 692/QĐ-TTg ngày 04/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2020”; Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 13/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Truyền thông về xây dựng xã hội học tập”; Quyết định số 281/QĐ-TTg ngày 20/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020”; Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập...

Tuyên truyền giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; trau dồi lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống tốt đẹp, giáo dục tình yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, sông tích cực, lành mạnh, có trách nhiệm và làm việc hiệu quả trong học sinh, sinh viên.

Tuyên truyền về các mục tiêu xây dựng xã hội học tập và xóa mù chữ cho các đồng bào dân tộc thiểu số và những người sinh sống ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tổ chức tốt việc học tập suốt đời cho người lớn; phấn đấu mỗi tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và gia đình cán bộ, đảng viên trở thành đơn vị học tập, công dân học tập và gia đình học tập; đồng thời tuyên truyền về các mô hình hay, phong trào hoạt động tốt về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, những gương sáng về tự học, tự học thành tài để lập thân, lập nghiệp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tuyên truyền trên báo chí

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác khuyến học, khuyến tài, Bộ Thông tin và Truyền thông thường xuyên chỉ đạo, định hướng và cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí, xuất bản và hệ thống thông tin cơ sở về triển khai thực hiện Đề án “Truyền thông xây dựng xã hội học tập”. Các cơ quan thông tấn, báo chí luôn bám sát chỉ đạo, định hướng của cơ quan quản lý, thông tin kịp thời, chính xác nội dung của Đề án “Truyền thông về xây dựng xã hội học tập” và Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020”; mở chuyên mục, chuyên đề, tăng cường các tin, bài, hình ảnh phản ánh thông qua nhiều hình thức trên hệ phát thanh, kênh truyền hình, báo in, báo điện tử với nhiều nội dung phong phú, cụ thể:

Đài Truyền hình Việt Nam luôn duy trì một số chuyên mục phản ánh chuyên sâu về giáo dục trên các kênh của Đài; tháng 01/2016 đã ra đời kênh truyền hình Giáo dục VTV7. Từ đó VTV7 đã duy trì nhiều chương trình giáo dục hấp dẫn với mục tiêu dành cho tất cả các đối tượng, với cách tiếp cận đa dạng và hình thức thể hiện sinh động, hiện đại đã tạo được ấn tượng sâu sắc trong cộng đồng. Một số chương trình đặc sắc thuộc khung phát sóng thu hút đông đảo người dân, lực lượng giáo viên và học sinh theo dõi như: chương trình “Đường lên đỉnh Olympia”, “Học lịch sử thật tuyệt”, “Ồ cửa khoa học”, “Siêu tính nhẩm”, “Con đường nghề nghiệp”. Bên cạnh đó tiếp tục duy trì, làm mới và phát triển hệ thống các chương trình tuyên truyền về xây dựng xã hội học tập trên hệ thống các kênh truyền hình từ VTV1 đến VTV9, trên báo điện tử VTV News và ứng dụng di động của Đài.

Đài Tiếng nói Việt Nam đã tập trung tuyên truyền trên 4 loại hình báo chí, phát sóng trên các kênh từ voVI đến VOV4 của Đài bằng nhiều hình thức phong

phú như: phóng sự, phản ánh, câu chuyện, phỏng vấn, tọa đàm, các hoạt động giao lưu, thông qua các chương trình *Giáo dục và Đào tạo; hành trình khởi nghiệp; hành trang trẻ...* qua đó đã phản ánh kịp thời các phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Đài Tiếng nói Việt Nam cũng đã phát sóng hàng nghìn tin, bài trên các kênh từ vov 1 đến VOV6, phản ánh kịp thời các phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; Phong trào “Độc sách để nâng cao chất lượng cuộc sống”; tổ chức “Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời”; Ngày sách Việt Nam 21/4; Ngày khuyến học Việt Nam 02/10; trao học bổng cho học sinh nghèo hiếu học của các cấp Hội Khuyến học Việt Nam...

Các Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, thành phố đã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng chuyên mục “Giáo dục - Đào tạo”, “Trường học hạnh phúc”, điển hình như các Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Hà Giang, Yên Bái, Thái Nguyên, Hải Phòng, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Vĩnh Long. Đặc biệt, trong thời gian ảnh hưởng bởi dịch Covid, các Đài Phát thanh - Truyền hình các tỉnh đã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức các chương trình dạy và học trực tuyến trên truyền hình nhận được sự quan tâm, ủng hộ của đông đảo tầng lớp phụ huynh, học sinh.

Đối với báo in, báo điện tử đã có nhiều bài viết, hình ảnh về giáo dục; đặc biệt là các cơ quan báo chí của ngành Giáo dục như: Báo Giáo dục và Thời đại, Báo Điện tử Giáo dục Việt Nam...

Thông tấn xã Việt Nam đã thực hiện hơn 6.000 tin văn bản, ảnh, truyền hình, tin đồ họa và bài tư liệu về xây dựng xã hội học tập, phản ánh về các hoạt động xây dựng xã hội học tập, đăng phát trên mạng thông tin dịch vụ news.vnnet và Cổng thông tin điện tử vnnet.vn của Thông tấn xã Việt Nam.

2. Tuyên truyền trên hệ thống thông tin cơ sở

Hệ thống thông tin cơ sở luôn bám sát chỉ đạo, định hướng của cơ quan quản lý, thông tin kịp thời, chính xác về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập của các địa phương. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các sở, ngành địa phương cung cấp thông tin, tuyên truyền về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập tại hội nghị giao ban báo chí định kỳ của các địa phương; hướng dẫn lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên ở cơ sở xây dựng kế hoạch hoạt động tuyên truyền miệng theo chuyên đề hoặc lồng ghép nội dung về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập trong các buổi sinh hoạt cơ quan, đơn vị, đoàn thể, tổ dân phố, khu dân cư; cung cấp tài liệu tuyên truyền đặt tại các tủ sách pháp luật của xã, phường, thị trấn, điểm bưu điện - văn hóa xã, trên các bảng tin, điểm sinh hoạt cộng đồng của người dân tại các khu dân cư.

Hệ thống thông tin cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện, đài truyền

thanh cấp xã đã tuyên truyền, phổ biến đến các tầng lớp nhân dân gương các mô hình tốt, cách làm hay trong công tác công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập ở địa phương cơ sở.

3. Tuyên truyền trên các xuất bản phẩm

Cùng với các hoạt động trên, Bộ Thông tin và Truyền thông đã chỉ đạo các nhà xuất bản, các cơ quan, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, in, phát hành tổ chức xuất bản và phát hành rộng rãi các xuất bản phẩm phục vụ phát triển văn hóa đọc; Ngày 24/02/2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 284/QĐ-TTg lấy ngày 21/4 hàng năm là Ngày Sách Việt Nam. Qua 7 năm thực hiện, Ngày Sách Việt Nam đã trở thành sinh hoạt văn hóa thường niên, được cộng đồng đón nhận và tôn vinh. Với Kế hoạch triển khai ngày một hoàn thiện, các hoạt động của Ngày Sách Việt Nam được tổ chức gắn liền với chức năng, nhiệm vụ của từng bộ, ngành, sinh hoạt văn hóa, chính trị của từng cơ quan, đơn vị và đặc thù riêng của từng địa phương, thu hút sự tham gia và hưởng ứng của công chúng, nâng cao phong trào đọc sách, viết sách, quảng bá, lưu giữ sách trong cộng đồng.

Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Kế hoạch phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng giai đoạn 2020 - 2030 theo hướng xã hội hóa. Trong năm 2020 - đã xuất bản 30 đầu sách đưa đến các điểm bưu điện - văn hóa xã nhằm phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng. Triển khai đồng bộ các hoạt động của Ngày Sách Việt Nam nhằm khuyến khích, phát triển văn hóa đọc hướng tới phát triển, hình thành Ngày hội sách với sự tham gia của cộng đồng. Thông qua các hội chợ, triển lãm và các hoạt động liên quan đến sách đã khuyến khích và đẩy mạnh phong trào đọc sách trong toàn dân, góp phần bổ sung tri thức và xây dựng xã hội học tập. Trung bình mỗi năm, toàn ngành đã xuất bản khoảng 35.000 đầu sách với khoảng 400.000.000 bản sách phục vụ nhu cầu đọc của xã hội; đồng thời cơ quan quản lý nhà nước đã xử lý nghiêm những hành vi xuất bản các ấn phẩm, sản phẩm thông tin có nội dung không hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam.

Các hoạt động của Ngày Sách Việt Nam đã được triển khai đến từng địa bàn cơ sở nhằm phát huy sức mạnh, sự hưởng ứng tích cực của cộng đồng, các tổ chức xã hội, hướng đến mục tiêu 100% các quận, huyện, thị xã trên cả nước có hoạt động chào mừng Ngày Sách Việt Nam. Trên cơ sở Kế hoạch của Bộ Thông tin và Truyền thông, các địa phương đã cụ thể hóa theo từng nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu thực tiễn tại địa bàn. Vì vậy, hoạt động của Ngày Sách Việt Nam đã lan tỏa rộng, mang lại hiệu ứng xã hội tích cực về phát triển văn hóa đọc. Một số địa phương Cà Mau, Kiên Giang... đã tổ chức Ngày Sách Việt Nam ở hầu hết các huyện, thị xã, thành phố, tạo thành đợt sinh hoạt văn hóa lành mạnh, ý nghĩa. Qua việc tổ chức Ngày Sách Việt Nam nhằm nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan chức năng và các tổ chức xã hội đối

với việc xây dựng và phát triển văn hóa đọc, góp phần xây dựng xã hội học tập. Phát huy sức mạnh và sự hưởng ứng tích cực về văn hóa đọc sách của toàn thể cán bộ, nhà giáo, học sinh, sinh viên và cộng đồng dân cư.

4. Tuyên truyền qua các phương thức khác

Thực hiện tuyên truyền xây dựng xã hội học tập qua các mạng viễn thông và Internet. Để đảm bảo việc học tập trong bối cảnh đại dịch covid-19, Bộ Thông tin và Truyền thông đã chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông lớn, cam kết hỗ trợ, đồng hành cùng ngành giáo dục - đào tạo triển khai, tổ chức các chương trình dạy và học trực tuyến trên truyền hình và nhận được sự quan tâm, ủng hộ của đông đảo phụ huynh, học sinh. Đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, tuyên truyền về xây dựng xã hội học tập; nêu gương các cá nhân, tập thể, dòng họ điển hình hiếu học... trên cổng thông tin điện tử các địa phương.

Bên cạnh đó, đưa các nội dung tuyên truyền về xây dựng xã hội học tập vào các chương trình giảng dạy trong các nhà trường; thông qua các các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, Mặt trận Tổ quốc phối hợp với hội khuyến học và các tổ chức thành viên; hội nghị, hội thảo, sinh hoạt các câu lạc bộ của các đoàn thể chính trị - xã hội; thông qua các Hội nghị biểu dương khen thưởng các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác xây dựng xã hội học tập tại các địa phương.

5. Đánh giá chung

5.1. Ưu điểm

Qua 5 năm triển khai thực hiện Đề án, nội dung thông tin trên các cơ quan báo chí, xuất bản và hệ thống thông tin cơ sở luôn bám sát chỉ đạo, định hướng của cơ quan chỉ đạo, quản lý, thông tin kịp thời, chính xác, góp phần quan trọng trong việc quán triệt, triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng xã hội học tập. Qua đó, đã góp phần làm chuyển biến sâu Sắc nhận thức của các tầng lớp nhân dân về ý nghĩa của việc học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; góp phần phát triển kinh tế - xã hội giúp cho người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

5.2. Khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những kết quả quan trọng đạt được, công tác thông tin, tuyên truyền triển khai thực hiện vẫn còn một số khó khăn, hạn chế:

- Việc thực hiện nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền ở một số các cơ quan, đơn vị hiệu quả chưa cao, chưa thường xuyên; nội dung, hình thức thông tin, tuyên truyền chưa phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là

văn hóa vùng miền, địa phương.

- Nội dung, hình thức thông tin, tuyên truyền trên một số báo chưa thực sự thu hút và phù hợp với từng vùng miền; chưa tổ chức được nhiều chiến dịch truyền thông cụ thể cho những người dân ở vùng nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Công tác tuyên truyền trên hệ thống thông tin cơ sở còn hạn chế; một số cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện, đài truyền thanh cấp xã, đặc biệt các đài khu vực miền núi nội dung tin, bài còn nghèo nàn, các chương trình tự sản xuất còn chưa nhiều.

5.3. Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế:

- Một số cơ quan, đơn vị báo chí, truyền thông địa phương chưa thực sự chú trọng công tác thông tin, tuyên truyền thực hiện Đề án. Một bộ phận người lao động chưa nhận thức được tầm quan trọng việc học tập suốt đời để nâng cao trình độ nghề nghiệp, chuyên môn.

- Kinh phí cho hoạt động truyền thông thực hiện Đề án rất ít, vì vậy rất khó đáp ứng được yêu cầu triển khai thực hiện các nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền cụ thể hằng năm.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

I. PHƯƠNG HƯỚNG

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các ngành, các cấp và các tầng lớp nhân dân trong việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; về tầm quan trọng của công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Vận động toàn dân tích cực tham gia công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập nhằm nâng cao dân trí, nâng cao chất lượng nhân lực, góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo của đất nước.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục chỉ đạo cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền thực hiện Quyết định 489/QĐ-TTg ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa X) và Quyết định số 1312/QĐ-BTTTT ngày 03/8/2020 của Bộ

trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Kế hoạch thông tin, tuyên truyền thực hiện Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

2. Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa Bộ Thông tin và Truyền thông và Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội Khuyến học Việt Nam và các bộ, ngành liên quan trong việc cung cấp thông tin và chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan truyền thông, báo chí tăng thời lượng, tần suất truyền thông về các mô hình hay, phong trào hoạt động về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; những gương sáng về tự học, tự học thành tài để lập thân, lập nghiệp.

3. Tuyên truyền giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; trau dồi lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống tốt đẹp, giáo dục tình yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, sống tích cực, lành mạnh, có trách nhiệm và làm việc hiệu quả trong học sinh, sinh viên.

4. Tuyên truyền và tổ chức tốt việc học tập suốt đời cho người lớn; phấn đấu mỗi tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và gia đình cán bộ, đảng viên trở thành đơn vị học tập, công dân học tập và gia đình học tập.

5. Chỉ đạo hướng dẫn công tác thông tin, tuyên truyền ở cơ sở; chú trọng phát huy lợi thế của hệ thống truyền thanh cơ sở, lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở trong việc tuyên truyền, phổ biến các kết quả thực hiện công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập ở địa phương, cơ sở.

6. Duy trì các hoạt động của Ngày Sách Việt Nam nhằm khuyến khích, phát triển văn hóa đọc hướng tới phát triển hình thành Ngày hội sách với sự tham gia của cộng đồng. Khuyến khích phát triển các tủ sách gia đình, dòng họ, cộng đồng, đặc biệt là hình thành các tủ sách trong các trường học, cơ quan, tổ chức từ Trung ương đến địa phương.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền việc thực hiện Đề án “Truyền thông về xây dựng xã hội học tập”, Bộ Thông tin và Truyền thông kiến nghị một số vấn đề sau:

1. Các cơ quan chức năng, các địa phương chủ động cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí, xuất bản, hệ thống thông tin cơ sở về các chương trình, dự án, đề án, các mô hình hay, cách làm hiệu quả; những gương sáng về tự học, tự học thành tài để lập thân, lập nghiệp, về thực hiện công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập của ngành, địa phương mình.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo cung cấp tài liệu tuyên truyền về công tác xây

dựng xã hội học tập nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về xây dựng xã hội học tập và tạo sự đồng thuận trong các gia đình, dòng họ, cộng đồng về sự cần thiết xây dựng xã hội học tập.

Trên đây là báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông về công tác thông tin, tuyên truyền việc thực hiện Đề án “Truyền thông về xây dựng xã hội học tập”.

Trân trọng./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 265 /BC-KHVN

V/v: Báo cáo tổng kết thực hiện Quyết định
 281/QĐ-TTg giai đoạn 2014 - 2020

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO

Tổng kết Quyết định số 281/QĐ-TTg ngày 20/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020”

Ngày 20/02/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 281/QĐ-TTg, phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020” và giao cho Hội Khuyến học Việt Nam chủ trì (gọi tắt là Đề án 281).

Đề án 281 của Chính phủ có mục tiêu chung là triển khai đẩy mạnh các hoạt động học tập thường xuyên, học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng thông qua việc xây dựng và triển khai các mô hình: Gia đình học tập, Dòng họ học tập, Cộng đồng học tập và Đơn vị học tập góp phần xây dựng xã hội học tập từ cơ sở. Thời gian cụ thể của Đề án là xây dựng thí điểm các mô hình học tập trong năm 2014 – 2015, triển khai nhân rộng các địa bàn trong toàn quốc từ năm 2016. Phấn đấu đến năm 2020 có 70% gia đình đạt danh hiệu Gia đình học tập, 50% số dòng họ đạt danh hiệu Dòng họ học tập, 60% thôn, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu Cộng đồng học tập và 50% các tổ chức, cơ quan, trường học, doanh nghiệp đạt danh hiệu Đơn vị học tập. Đề án đề ra 5 nhiệm vụ và giải pháp là: Đẩy mạnh tuyên truyền về xã hội học tập, các mô hình học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ và cộng đồng; xây dựng và thí điểm các mô hình Gia đình học tập, Dòng họ học tập, Cộng đồng học tập và Đơn vị học tập; phát động phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ và cộng đồng; Duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng, hiệu quả của Trung tâm học tập cộng đồng, góp phần đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ và cộng đồng; tổ chức đánh giá, công nhận các danh hiệu học tập hàng năm và kết thúc giai đoạn thực hiện Đề án phải tổ chức Đại hội thi đua, biểu dương các mô hình học tập tiêu biểu toàn quốc.

Qua 7 năm triển khai thực hiện Đề án 281, Hội Khuyến học các cấp đã đạt được những kết quả như sau:

PHẦN I

NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. Công tác chỉ đạo và kết quả đạt được

Ngay sau khi có Quyết định 281/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020”, Hội Khuyến học Việt Nam đã quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện đề án; xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai Đề án 281 theo 2 giai đoạn: thí điểm và đại trà; chỉ đạo các địa phương tham mưu cho cấp ủy, chính quyền thành lập Ban chỉ đạo đề án; xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện làm thí điểm ở một số địa phương. Định kỳ sơ kết, rút kinh nghiệm, tiến hành kiểm tra tiến độ thực hiện Đề án ở các địa phương; chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai Đề án 281 phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị; tiến hành tổng kết Đề án 281 và Đại hội biểu dương các mô hình học tập tiêu biểu toàn quốc vào năm 2020.

1. Giai đoạn thí điểm 2014 – 2015 (giai đoạn 1)

- Hội Khuyến học Việt Nam đã xây dựng các tiêu chí đánh giá 4 mô hình học tập, tổ chức các hội thảo khoa học, xin ý kiến về Bộ tiêu chí và tiến hành xây dựng kế hoạch triển khai thí điểm các mô hình học tập. Tổ chức tập huấn nội dung của Bộ tiêu chí đánh giá các mô hình học tập theo yêu cầu của Đề án 281 và phổ biến kế hoạch thí điểm đến tất cả tổ chức hội cơ sở và hội viên.

- Hướng dẫn triển khai thí điểm tại 63 tỉnh, thành phố, 237 quận, huyện, thị xã; 2067 xã, phường, thị trấn; 8.457 thôn, bản ấp, tổ dân phố; 59.315 dòng họ, 657.789 gia đình.

- Khảo sát thí điểm, sơ kết, điều chỉnh, rút kinh nghiệm.

Sau 1 năm thí điểm, Trung ương Hội đã tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm toàn quốc. Bộ tiêu chí đã được hoàn chỉnh trình Thủ tướng Chính phủ và được Thủ tướng cho phép triển khai trong toàn quốc tại Thông báo số 9961/VPCP-KGVX (ngày 27/11/2015).

- Ngày 01/12/2015, Hội Khuyến học Việt Nam đã có Quyết định số 448/QĐ-KHVN ban hành Bộ tiêu chí và hướng dẫn chi tiết cách tổ chức, đánh giá, công nhận đối với từng danh hiệu gia đình, dòng họ, cộng đồng (thôn/bản/ấp/tổ dân phố) và đơn vị học tập ở cơ sở thuộc xã, phường quản lý; quy định những nguyên tắc đánh giá, trình tự đăng ký và xét công nhận, cách lập hồ sơ và phân công trách nhiệm thực hiện những công việc trên của UBND các cấp, Hội Khuyến học Việt Nam và các địa phương, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo nội dung của văn bản 9961/VPCP-KGVX nói trên.

- Ngày 15/12/2015, tổ chức hội nghị triển khai đại trà các mô hình theo Quyết định số 448/QĐ-TTg và chỉ đạo điểm đánh giá, xếp loại cộng đồng học tập xã/phường/thị trấn theo Thông tư 44/2014/TT-BGDĐT tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tóm lại: Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam đã triển khai Đề án 281 ở giai đoạn thí điểm đảm bảo tiến độ và thận trọng. Bộ tiêu chí được xây dựng bước đầu đã đáp ứng yêu cầu thực tế. Sự chỉ đạo kịp thời về triển khai thí điểm đã giúp nhận thức về sự học trong các cấp, các ngành, các gia đình được nâng lên,... tạo không khí phấn khởi trong hệ thống khuyến học và động viên được các gia đình, dòng họ và nhân dân hăng hái tham gia phong trào học tập ở địa phương.

- Từ sự chỉ đạo của Trung ương Hội, các hội khuyến học tỉnh đã tham mưu tích cực cho cấp ủy, Ủy ban nhân dân các cấp để có các chỉ thị, nghị quyết và kế hoạch thực hiện đề án tại địa phương từ công tác thông tin tuyên truyền, tập huấn đến tổ chức thực hiện. Đề án được 63 tỉnh, thành phố triển khai nghiêm túc, quyết liệt. Do đó, sau giai đoạn thí điểm, Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam có đầy đủ điều kiện để rút kinh nghiệm, triển khai đại trà toàn quốc. Vấn đề cần rút kinh nghiệm nhiều nhất của giai đoạn thí điểm là:

- Một số địa phương còn lúng túng trong đánh giá theo các tiêu chí của từng mô hình. Một số tiêu chí trong đánh giá còn khó thực hiện do phải có nhiều minh chứng.

- Kinh phí triển khai rất ít hoặc không có. Sự quan tâm của lãnh đạo của một số địa phương đối với triển khai Quyết định 281/QĐ-TTg chưa nhiều, chưa đồng đều.

- Vai trò của Hội khuyến học đối với Trung tâm học tập cộng đồng đã được quy định rõ nhưng thiếu kinh phí cho hội thực hiện nhiệm vụ. Một số nơi đã sáp nhập Trung tâm học tập cộng đồng vào Trung tâm văn hóa – thể thao xã, phường nên gặp nhiều khó khăn cho việc tổ chức học tập của người lớn.

- Sự phối hợp giữa các cơ sở giáo dục đào tạo và hội khuyến học các cấp nhiều nơi chưa chặt chẽ.

- Sự quan tâm, tham gia của các ban ngành, đoàn thể ở một số địa phương với hội khuyến học còn hạn chế. Do đó, hiệu quả triển khai Quyết định 281/QĐ-TTg giai đoạn này chưa cao. Nếu cứ tiếp tục tình trạng trên thì giai đoạn đại trà sẽ khó đạt chỉ tiêu đã đề ra.

Do đó, bước vào giai đoạn triển khai đại trà, Trung ương Hội đã có chỉ đạo cụ thể hơn nhằm khắc phục những vướng mắc của giai đoạn I.

2. Giai đoạn triển khai đại trà 2016 – 2020 (giai đoạn 2)

Nhận thức rõ các vấn đề tồn tại ở giai đoạn thí điểm, Trung ương Hội đã nghiên cứu, chỉ đạo cụ thể:

2.1. Công tác thông tin, tuyên truyền:

Ngày 22/2/2017, Trung ương Hội đã ban hành văn bản số 67/CV-KHVN về kế hoạch tuyên truyền từ năm 2017 đến năm 2020 nhằm thống nhất các nội dung cần tuyên truyền ở tất cả các tổ chức hội. Thực hiện văn bản này 63/63 tỉnh, thành phố đã kịp thời tham mưu cho cấp ủy, chính quyền và có nhiều hình thức và nội dung tuyên truyền phong phú, sinh động. Có tỉnh đã tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về khuyến học, khuyến tài, về Đề án 281. Các hình thức tuyên truyền phổ biến là: Tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng, các chuyên san, chuyên mục, các tấm gương học tốt... Những tỉnh đã làm tốt công tác tuyên truyền là Sơn La, Quảng Trị, Hải Dương, Nam Định, Đồng Tháp Long An, Quảng Bình, Tây Ninh... Hiệu quả công tác tuyên truyền đã thể hiện rõ qua việc lãnh đạo, chỉ đạo và tham gia thực hiện các mô hình học tập: sát sao hơn, cụ thể hơn, tích cực hơn và sâu rộng hơn nên nhân dân hiểu rõ hơn về Quyết định 281/QĐ-TTg.

2.2. Công tác thi đua khen thưởng và kết quả thực hiện các mô hình

Ngày 18/4/2017, Trung ương Hội đã có Quyết định 126/QĐ-KHVN “Ban hành quy định về thi đua, khen thưởng của Hội Khuyến học Việt Nam”.

Dựa vào Quyết định này, hội khuyến học các tỉnh đã cụ thể hóa vào điều kiện của mình và đã tích cực triển khai, theo dõi sát phong trào, bình xét và đề nghị công nhận các mô hình học tập đạt tiêu chí theo hướng dẫn của Quyết định 126. Tuy còn một số khó khăn trong tập hợp minh chứng, song nhìn chung 5 năm qua, công tác thi đua đã đi vào nề nếp. Hàng năm, số gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị đã đạt tiêu chí đều tăng lên, năm sau cao hơn năm trước. Mô hình “Gia đình học tập” vượt 2,77%; “Dòng họ học tập” vượt 16,51%; “Cộng đồng học tập” vượt 5,38%; “Đơn vị học tập” vượt 35,73%.

Kết quả thi đua hàng năm là căn cứ để Trung ương Hội tiếp tục tăng cường chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, giúp phong trào phát triển hơn.

Việc bình xét hàng năm theo Quyết định 126/QĐ-KHVN của các tỉnh, thành phố nhìn chung đảm bảo chặt chẽ, các tập thể, cá nhân được bình xét, đề nghị khen thưởng đều đạt và vượt các tiêu chí quy định. Kết quả thi đua sau 5 năm thực hiện của các địa phương được thể hiện ở Phụ lục 5.

Những tỉnh làm tốt công tác thi đua khen thưởng như Nam Định, Thái Bình, Phú Thọ, Thanh Hóa, Long An, Tây Ninh...

2.3. Công tác phát triển tổ chức hội, hội viên:

- Để bộ máy khuyến học phát triển, đảm bảo đủ điều kiện triển khai Quyết định 281, Trung ương Hội đã có chủ trương phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập tổ chức khuyến học và phát triển hội viên ở các trường đại học, cao đẳng. Ngày 18/10/2017, Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam đã có văn bản số 341/HD-KHVN về Hướng dẫn thành lập tổ chức khuyến học trong các trường đại học, cao đẳng. Đến nay, cùng với các tiêu chí phát triển tổ chức hội và hội viên khuyến học ở các tỉnh, thành phố, tổ chức hội khuyến học ở các trường đại học, cao đẳng đã được thành lập. Một số tỉnh làm tốt vấn đề này như

Hà Nội, Phú Thọ, Nam Định, Thái Bình, Bình Phước, thành phố Hải Phòng, có tỉnh đã thành lập chi hội khuyến học đến các khoa chuyên ngành. Tổ chức khuyến học trong các nhà trường đã có hình thức hoạt động như xây dựng quỹ để hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ cho giáo viên, hỗ trợ những cán bộ, sinh viên gặp khó khăn, khuyến khích những hoạt động sáng tạo của giảng viên và sinh viên trong nghiên cứu khoa học...

Nhìn chung, các tổ chức khuyến học này đã thực hiện tốt nhiệm vụ khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục, đào tạo trong nhà trường, xây dựng nhà trường thành “Đơn vị học tập”.

- Kết thúc thực hiện Đề án (giai đoạn 2016 – 2020) tổ chức hội và hội viên cả nước đã tăng dần qua các năm, vượt chỉ tiêu đề ra. Đến nay tổng số hội viên hội khuyến học là trên 21 triệu người. Các tỉnh làm tốt việc phát triển tổ chức hội và hội viên là Tây Ninh, Long An, Bến Tre, Cần Thơ, Hậu Giang, Quảng Ninh, Phú Thọ, Thái Nguyên, Hà Nam, Sơn La, Nam Định, Thái Bình, Quảng Bình, Quảng Trị, Thanh Hóa... Việc phát triển tốt tổ chức hội và hội viên đã thúc đẩy tinh thần học tập, việc xây dựng xã hội học tập được quan tâm hơn. (Phụ lục 6)

Tuy nhiên, khó khăn lớn trong việc thực hiện Đề án giai đoạn này là:

Có địa phương, cấp ủy đã có nghị quyết sáp nhập hội khuyến học với hội cựu giáo chức gây tâm tư cho cán bộ hội, ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện Đề án 281. Trong bối cảnh đó, Trung ương Hội đã có văn bản gửi Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân các địa phương đề nghị về việc này. Đặc biệt sau khi có Thông báo kết luận số 158-TB/TW ngày 02/1/2020 của Ban Bí thư về việc đổi tên các hội đặc thù thành “Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ” thì tổ chức hội được ổn định. Kết luận của Ban Bí thư đã động viên được cán bộ hội trong thực hiện nhiệm vụ được giao: tư tưởng ổn định hơn, làm việc hăng hái hơn.

2.4. Về kinh phí thực hiện Đề án:

Ở nhiều nơi, tổ chức hội không được công nhận Hội đặc thù, cán bộ hội là những người về hưu, không có thù lao hoạt động. Khi triển khai đề án, kinh phí rất eo hẹp hoặc không được cấp nên khó khăn trong triển khai nhiệm vụ. Ngày 24/1/2018, Bộ Tài chính đã có Thông tư số 07/2018/TT-BTC về Hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020”. Dựa vào văn bản này, việc cấp kinh phí cho Đề án 281 đã được thực hiện ở nhiều tỉnh. Tuy nhiên, vẫn còn một số tỉnh việc thực hiện Thông tư 07 nêu trên còn rất khó khăn. Đây là khó khăn lớn nhất trong triển khai nhiệm vụ của Đề án 281.

2.5. Về xây dựng mối quan hệ phối hợp:

- Để khắc phục tồn tại của giai đoạn 1, tăng cường phối kết hợp với các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội – nghề nghiệp trong thực hiện Đề án 281, Trung

ương Hội Khuyến học Việt Nam đã hướng dẫn hội khuyến học các địa phương ký kết chương trình phối hợp với các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội – nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, nêu cao vai trò trách nhiệm của các tổ chức này trong xây dựng xã hội học tập và các mô hình học tập theo Quyết định 281. Từ năm 2017 đến nay, Hội Khuyến học Việt Nam đã ký kết chương trình phối hợp với 9 tổ chức: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Bộ Lao động Thương binh và xã hội, Đoàn TNCSHCM, Hội Người Cao tuổi Việt Nam, Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI).

- Dựa vào hướng dẫn của Trung ương Hội, hội khuyến học các cấp đều ký chương trình phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành của tỉnh. Hàng năm, sơ kết các nội dung đã ký kết với các tổ chức này. Tác động của việc ký kết đến phong trào thi đua thực hiện các mô hình học tập được nâng lên rõ rệt. Tiêu chí thi đua “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập” được lồng ghép với tiêu chí xây dựng nông thôn mới, gia đình văn hóa... theo chỉ đạo của Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Việc phối kết hợp còn có ý nghĩa lớn trong việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Có nhiều tỉnh, lực lượng vũ trang, đặc biệt là bộ đội biên phòng đã có đóng góp quan trọng vào việc thực hiện Quyết định 281/QĐ-TTg. Những người lính quân hàm xanh vừa là thầy giáo, thầy thuốc, vừa là người nuôi các cháu nghèo để các cháu có điều kiện học hành. Ở nhiều tỉnh, quân đội, công an có nhiều phần quà và trao học bổng cho các cháu học sinh các cấp.

Trong báo cáo tổng kết Quyết định 281 của 63 tỉnh, thành nêu rất rõ kết quả của sự phối kết hợp, đặc biệt sự quan tâm của những cá nhân trong tổ chức đối với sự học được nâng lên rõ rệt. Trong Ban Chấp hành hội khuyến học các tỉnh, thành phố, có nhiều đồng chí trong ban thường vụ tỉnh ủy, tỉnh ủy viên, trưởng hoặc phó các ban, ngành... Vì vậy, công tác xây dựng xã hội học tập, có nhiều thuận lợi là điều kiện cơ bản góp phần thành công trong thực hiện Quyết định 281.

2.6. Phát triển quỹ khuyến học:

Để có nguồn lực động viên các cá nhân, tập thể trong thực hiện các mô hình học tập, bằng nhiều cách làm sáng tạo, năng động, các địa phương đã tổ chức nuôi heo đất, luống rau khuyến học... và huy động sự đóng góp từ các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm... vào quỹ khuyến học. Hàng năm, hội khuyến học các địa phương đã trao hàng ngàn suất học bổng cho cả người lớn và học sinh các cấp học có nhiều thành tích trong học tập, trong nghiên cứu, áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh đạt kết quả tốt và học sinh nghèo vươn lên học tốt để các em có cơ hội tiếp tục đến trường học tập.

Các tỉnh làm tốt việc phát triển quỹ khuyến học là: Phú Thọ, Nam Định, Thanh Hóa, Quảng Trị, Thái Bình, Ninh Bình, Quảng Bình, Hải Dương, Quảng Nam, Yên Bái và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam đã tổ chức chương trình trao học bổng “Học không bao giờ cùng” theo lời dạy của Bác, nhân kỷ niệm 130 năm ngày sinh nhật của Người cho cả người lớn và học sinh tiêu biểu của 22 tỉnh, thành phố phía Bắc.

Chính nhờ sự động viên kịp thời thông qua những suất học bổng đó, tinh thần học tập trong nhân dân được nâng lên. Nhiều tấm gương tiêu biểu trong học tập được vinh danh ở Đại hội thi đua cấp tỉnh sau 7 năm thực hiện Quyết định 281/QĐ-TTg. (Phụ lục 7)

2.7. Về hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng:

Các Trung tâm học tập cộng đồng là một thiết chế trong giáo dục thường xuyên, do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý.

Theo nhiệm vụ được giao, Chủ tịch hội khuyến học ở các xã làm phó Giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng với nhiệm vụ chủ yếu là:

- Tham gia xây dựng chương trình, hoạt động của Trung tâm.
- Tập huấn cho cán bộ hội về phương pháp vận động người dân tham gia các khóa đào tạo ở Trung tâm học tập cộng đồng.
- Tham gia khảo sát đánh giá hoạt động của các Trung tâm.

Nhìn chung, hội khuyến học cấp xã đã đóng góp tích cực cho sự hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng. Trung ương Hội đã tổ chức tập huấn cho các cán bộ khuyến học về phương pháp tuyên truyền vận động người dân đến học tại các Trung tâm học tập cộng đồng, cách đánh giá hoạt động của Trung tâm. Do đó, các Trung tâm học tập cộng đồng ở nhiều địa phương được duy trì và phát triển, mở các lớp bồi dưỡng về kỹ thuật sản xuất, nuôi trồng thủy sản, tuyên truyền chính sách pháp luật, các buổi chuyên đề về sức khỏe cho người cao tuổi...; hình thức đào tạo ngắn ngày, cần gì học nấy. Hệ thống Trung tâm học tập cộng đồng ngày càng phát triển phủ kín gần 100% xã, phường, số lượt người đến tham gia học ngày càng nhiều. Đến nay trong cả nước đã có trên 11.000 Trung tâm, bình quân mỗi năm có gần 20.000.000 lượt người đến tham gia học tập.

Trung tâm học tập cộng đồng đã góp phần quan trọng cho sự phát triển hình thức giáo dục thường xuyên, thực sự cần thiết cho người lao động, nhất là nông dân và dân nghèo nông thôn, góp phần cho việc phát triển kinh tế gia đình và xây dựng các cộng đồng học tập. Trên 90% người dân hài lòng với Trung tâm học tập cộng đồng vì nhờ nó mà họ học được thêm một nghề hoặc thêm việc làm, từ đó thoát nghèo.

Tuy nhiên, có hơn nửa số trung tâm hoạt động còn hạn chế do việc cấp kinh phí cho hoạt động không đầy đủ hoặc không được cấp. Giám đốc trung tâm là cán bộ quản lý cấp xã không có nhiều thời gian dành cho việc chỉ đạo trung tâm. Giáo viên quản lý Trung tâm đều từ các trường phổ thông chuyển sang thiếu kinh nghiệm quản lý loại hình này. Cán bộ khuyến học được cử phó Giám

độc trung tâm thì không có phụ cấp hàng tháng. Do đó đến nay, hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng chưa thực sự được quan tâm phát triển.

2.8. Thực hiện Quyết định 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”

- Hội Khuyến học Việt Nam xây dựng chương trình phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và xã hội triển khai Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020, cụ thể đã phối hợp với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, tổ chức hội nghị “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn của các Trung tâm học tập cộng đồng gắn với việc học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập” tại 3 khu vực phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên.

- Thành lập các đoàn công tác giữa Hội Khuyến học Việt Nam và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để giám sát công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với việc học tập suốt đời của người lớn tại các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng.

- Một số nơi phối hợp với các trường dạy nghề, đào tạo ngắn hạn cho lao động nông thôn, mở được nhiều lớp, thu hút được nhiều hội viên, đoàn viên, nhân dân mọi lứa tuổi tham gia như ở Thanh Hóa, Tây Ninh, Lai Châu, Phú Thọ, Bắc Kạn, Hòa Bình, Quảng Bình, Lâm Đồng, Hải Dương, Thái Bình, Thái Nguyên, Nghệ An, Thành phố Hồ Chí Minh... góp phần xóa đói, giảm nghèo, tăng năng suất lao động, giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống trong nhân dân.

2.9. Hoạt động khoa học phục vụ việc thực hiện Đề án 281:

Một điểm nổi bật trong quá trình thực hiện Đề án 281 là nhận thức rõ vai trò quan trọng có tính quyết định của các trường Đại học đối với việc học tập của người lớn, Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam đã phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức 7 cuộc Hội thảo khoa học ở cả 2 miền Nam, Bắc để thảo luận về các vấn đề: Vai trò các trường Đại học với việc học tập suốt đời của người lớn, việc đào tạo theo hướng mở và xây dựng tài nguyên giáo dục mở thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW về “Đổi mới căn bản và toàn diện Giáo dục và Đào tạo”. Qua các cuộc Hội thảo, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có văn bản chỉ đạo cụ thể các trường thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo theo hướng mở, trên cơ sở nguồn tài nguyên giáo dục mở được nhà trường xây dựng. Như vậy, vai trò của các trường đại học với xây dựng xã hội học tập đã được nâng lên. Các trường Đại học không chỉ phục vụ cho đối tượng như trước đây mà phạm vi, đối tượng phục vụ là toàn thể nhân dân theo hướng “cần gì học nấy”, học không cần chứng chỉ, bằng cấp.

Ngoài các cuộc Hội thảo nêu trên, từ Trung ương Hội và các địa phương, khi triển khai Quyết định 281/QĐ-TTg, đã có nhiều cuộc Hội thảo được tổ chức nhằm bàn các biện pháp thực hiện Quyết định 281/QĐ-TTg, Hội thảo về học tập của người lớn, về học tập và làm theo tấm gương Chủ tịch Hồ Chí Minh về học

tập. Những tỉnh làm tốt nội dung này là Bắc Ninh, Sơn La, Hòa Bình, Phú Thọ, Thanh Hóa, Thành phố Hồ Chí Minh...

3. Đánh giá của nhân dân về hiệu quả, tác dụng của việc thực hiện các mô hình học tập

Để đánh giá sâu hơn tác dụng chất lượng và hiệu quả các mô hình học tập, Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam đã xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng và hiệu quả các mô hình. Ngày 24/7/2019, Ban Thường vụ Trung ương Hội đã tiến hành Hội thảo về Bộ tiêu chí này và ngày 20/8/2019, Trung ương Hội đã ban hành Đề cương số 170/ĐCHD-KHVN về Hướng dẫn tổng kết 5 năm việc triển khai đại trà Quyết định 281/QĐ-TTg. Đây là cơ sở để đánh giá tác động của các mô hình học tập đến sự phát triển kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội, môi trường... của các địa phương và sự phát triển bền vững của các gia đình thông qua thăm dò ý kiến nhân dân. Sau khi Trung ương Hội và các địa phương tổ chức khảo sát theo tiêu chí trên, hầu hết, người dân được hỏi ý kiến đều cho biết như sau (Phụ lục 3):

3.1 Lợi ích của việc học tập

- Nhờ phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng các mô hình học tập trên địa bàn hành chính cấp xã, con em trong gia đình đã đạt được thành tích sau: Các cháu trong độ tuổi học ở bậc phổ thông đều được tới trường, không có học sinh lưu ban, bỏ học, các cháu hoàn thành nhiệm vụ phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở đúng độ tuổi. Các cháu học sinh và sinh viên nghèo, các cháu học sinh giỏi đã được các cấp hội ở địa phương trao học bổng để giúp các cháu học tập tốt hơn. Người lớn cũng được trao học bổng nếu có thành tích học tập xuất sắc, kết quả học tập được ứng dụng vào thực tế như: chuyển đổi cơ cấu sản xuất, tạo sản phẩm mới, thu hút lao động cho địa phương, bảo vệ môi trường...

- Người lớn trong độ tuổi lao động đều tham gia các chương trình, các khóa học khác nhau. Có đến 92,80% người trong độ tuổi lao động được học thêm nghề (nghề có thời gian đào tạo ngắn hạn) hoặc học thêm kỹ năng mới để tham gia vào một số việc làm, từ đó góp phần tăng thu nhập cho bản thân và gia đình.

- Nhiều hộ gia đình đã phát triển sản xuất theo kế hoạch xây dựng những sản phẩm hàng hóa của địa phương, được bao tiêu đầu ra, góp phần tạo ra những giá trị mới. Nhiều hộ gia đình sau những khóa học đã liên kết với nhau tạo nên mô hình sản xuất mới.

Nhờ học tập mà tại cơ sở xã, phường đã có những nghề mới xuất hiện, số ngành nghề ở địa phương ngoài nghề nông có chiều hướng tăng lên (69,20%).

- Hầu hết các hộ gia đình tích cực tham gia học tập thường xuyên đã thoát nghèo, một số gia đình có thu nhập cao hơn, trong đó có một số gia đình đã bắt đầu giàu có (93,70%), phát triển bền vững.

3.2. Tác dụng của các mô hình học tập:

- Có 98,6% người dân cho rằng: tại những địa phương phát triển mạnh phong trào xây dựng các mô hình học tập, nhân dân đoàn kết, hỗ trợ nhau trong học tập và đời sống, từ đó, mối quan hệ thân thiện giữa mọi người, trong cộng đồng phát triển tốt. Thông qua bình chọn các mô hình học tập và tôn vinh các gương điển hình tiên tiến, không khí thi đua sôi nổi đã tạo nên sự phấn khởi trong làng xóm, tổ dân phố. Đặc biệt, trong suốt 5 năm qua, trong cộng đồng không xảy ra những bất hòa, những thắc mắc trong bình chọn các danh hiệu. Đây là nét nổi bật của phong trào thi đua học tập thường xuyên ở nhiều địa phương.

- Có 97,6% ý kiến cho rằng: Việc xây dựng gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng thôn bản, tổ dân phố học tập và đơn vị học tập trên địa bàn là một động lực thúc đẩy sự nghiệp giáo dục đào tạo phát triển, góp phần đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng nông thôn mới và khối phố văn minh, khu dân cư văn hóa. Đa số người dân đồng tình một gia đình được công nhận là gia đình văn hóa thì trước hết phải là một gia đình học tập; Một xã đạt danh hiệu nông thôn mới trước hết phải đạt danh hiệu “Cộng đồng học tập cấp xã” theo Thông tư 44/2014/TT-BGDĐT (97,60%). Các mô hình học tập đã góp phần quan trọng đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, kinh tế địa phương phát triển.

3.3. Sự quan tâm của lãnh đạo địa phương và các lực lượng xã hội đối với việc triển khai Quyết định 281

- Có 98% người dân được hỏi xác nhận cấp ủy và chính quyền có nghị quyết hoặc có kế hoạch xây dựng mô hình xã hội học tập ở địa phương.

- Có 88% người dân cho biết lãnh đạo địa phương có hỗ trợ về kinh phí để dân học tập.

- Về tính tích cực của các lực lượng xã hội tham gia vào việc vận động người dân học tập thường xuyên của nhân dân gồm: Hội khuyến học (82%); các trường học (80%); Mặt trận Tổ quốc (65%); Đoàn Thanh niên (60%); hội Phụ nữ (55%); hội Cựu giáo chức (55%); hội Cựu chiến binh (53%); hội Nông dân (47%); các doanh nghiệp (35%).

Từ sự đánh giá trên đây, nhân dân thể hiện sự hài lòng với Đề án 281 như sau:

- Hài lòng về sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền: 90,4%.

- Hài lòng về sự chung tay của các lực lượng xã hội: 91,9%.

- Hài lòng về sự hỗ trợ, giúp đỡ của Hội Khuyến học cấp xã: 91,1%

- Hài lòng về hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng: 84,3%

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN, NGUYÊN NHÂN, BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Có thể nhận định khái quát: Việc ban hành Quyết định 281/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về “**Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020**” là hoàn toàn đúng đắn, hợp với lòng dân nên được nhân dân ủng hộ, phấn khởi thực hiện. Việc triển khai từng bước thận trọng, có tiêu chí đánh giá thống nhất trong cả hệ thống là yếu tố quan trọng tạo nên các kết quả trên. Nhìn chung, sau 5 năm thực hiện đại trà Quyết định 281/QĐ-TTg ***chỉ tiêu phấn đấu về các mô hình học tập của các địa phương đều đạt và vượt so với mục tiêu đề ra.***

1. Về ưu điểm

- Phong trào xây dựng các mô hình học tập đã được đông đảo người dân nhiệt tình hưởng ứng và tham gia, thể hiện ở tốc độ phát triển về số lượng từng loại mô hình và việc thực hiện từng chỉ tiêu rất nghiêm túc trên cơ sở có đầy đủ các minh chứng. Về phương diện tinh thần, sự nhận thức về xã hội học tập của nhân dân đã được nâng cao hơn so với khi tổng kết 5 năm thực hiện Quyết định 112/2005/QĐ-TTg về xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005 - 2010 và sơ kết 3 năm triển khai Chỉ thị 11-CT/TW của Bộ Chính trị. Vai trò nòng cốt của hội khuyến học các cấp trong phong trào vận động các lực lượng xã hội tham gia xây dựng xã hội học tập đã được đề cao.

- Tất cả cán bộ, hội viên khuyến học các cấp và đông đảo nhân dân đã nhận rõ việc chuyển mô hình hiếu học và khuyến học sang mô hình học tập là cần thiết vì phù hợp với xu thế phát triển xã hội học tập trên thế giới, đó là cách hội nhập tốt nhất với thế giới hiện đại trong lĩnh vực học tập suốt đời và thúc đẩy học tập của người lớn trong điều kiện kinh tế tri thức đã được các nước phát triển đẩy mạnh từ năm đầu của thế kỷ XXI.

- Động lực cơ bản để đẩy mạnh việc xây dựng gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập và đơn vị học tập là truyền thống hiếu học của dân tộc và gương sáng học tập suốt đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Động lực đó đã được các cấp lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các cấp hội khuyến học và nhiều lực lượng xã hội nuôi dưỡng và phát huy trong các cuộc vận động toàn dân học tập suốt đời.

- Cấp ủy và chính quyền ở nhiều địa phương đã có nhiều chuyển biến trong nhận thức về tầm quan trọng của xây dựng xã hội học tập, gắn kết phong trào thi đua xây dựng các mô hình học tập với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa các khu dân cư”, “Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “xây dựng cộng đồng học tập cấp xã”, triển khai các chủ đề của Tuần lễ học tập suốt đời, tổ chức các sự kiện liên quan đến ngày khai trường hàng năm v.v... đều mang lại những hiệu quả tốt. Vì vậy, sự quan tâm của lãnh đạo địa phương trong việc đẩy mạnh việc xây dựng các mô hình học tập ngày càng nhiều hơn.

- Khác với phong trào xây dựng các mô hình hiếu học và khuyến học mà trách nhiệm hoàn toàn thuộc hội khuyến học; việc xây dựng, đánh giá và công

nhận các mô hình học tập lại trực tiếp thuộc về các cấp chính quyền xã và huyện. Do đó, hàng năm, hội khuyến học đều tham mưu cho chính quyền các cấp có kế hoạch tổng kết thi đua xây dựng các mô hình học tập và ra quyết định công nhận. Đây là điều kiện quan trọng để việc xây dựng các mô hình học tập được thực hiện thuận lợi.

- Đội ngũ làm công tác khuyến học từ Trung ương đến cơ sở có trên 80% là cán bộ nghỉ hưu nhưng đều là những người có trình độ, năng lực, tâm huyết, trách nhiệm, tận tụy và có nhiều sáng tạo, kinh nghiệm thực tế, năng động trong việc triển khai, chỉ đạo, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan thực hiện Đề án cũng như công việc được giao đem lại hiệu quả và uy tín cao trong xã hội.

2. Hạn chế, tồn tại

- Tuy đã đạt và vượt mục tiêu của Đề án, song chất lượng của các mô hình học tập còn hạn chế so với yêu cầu của tiêu chí; trong đó, tiêu chí phần đầu về gia đình học tập trong toàn quốc thì đạt song một số địa phương chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

- Công tác tuyên truyền về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập mới đạt ở chiều rộng, chưa có chiều sâu, nhất là địa bàn khu dân cư vùng sâu, vùng xa và đồng bào dân tộc. Trình độ nhận thức của người dân chưa đồng đều, nhất là bộ phận người dân lao động ở nông thôn nên chưa đáp ứng yêu cầu của học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

3. Nguyên nhân

a. Nguyên nhân của những kết quả đạt được:

- Chủ trương thành lập Đề án 281 trong giai đoạn 2014 – 2020 tại Quyết định 281/QĐ-TTg ngày 20/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ đã tạo được những mô hình học tập cấp xã hoàn chỉnh, tạo đà cho việc xây dựng mô hình “Huyện học tập”, “Tỉnh học tập” giai đoạn tới.

- Sự quan tâm, lãnh đạo chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các Ban Đảng, các Bộ, ngành và của cấp ủy, chính quyền các cấp ở địa phương đã tạo sự thành công trong việc triển khai Đề án 281, nhất là vào năm 2018 sau đợt tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 11-CT/TW của Bộ Chính trị, hầu hết cấp ủy và chính quyền từ cấp tỉnh đến cấp xã đều có văn bản chỉ đạo xây dựng các mô hình học tập, tạo thêm những điều kiện để hoàn thành các chỉ tiêu xây dựng các mô hình học tập theo Quyết định 281/QĐ-TTg. Trung ương Hội đã kịp thời chỉ đạo triển khai Quyết định trong toàn hệ thống, tạo sự nhất trí cao trong thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho hoạt động của Hội.

- Nhận thức của các tầng lớp nhân dân và lãnh đạo các cấp về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập đã được nâng lên. Do đó, mọi người đã hồ hởi, phấn khởi thi đua xây dựng các mô hình học tập. Một trong những điểm nổi bật trong thi đua triển khai Đề án 281 là các

cộng đồng dân cư đoàn kết, đồng thuận thực hiện kế hoạch đặt ra. Phong trào thi đua xây dựng các mô hình thật sự sâu rộng, lan tỏa đến từng bản làng, tổ dân phố.

- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa hội khuyến học với các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội – nghề nghiệp là một yếu tố quan trọng tạo sức mạnh tổng hợp trong việc triển khai Đề án.

- Đội ngũ cán bộ khuyến học từ trung ương đến cơ sở phần lớn là những người có nhiều kinh nghiệm, năng động, sáng tạo, đầy tâm huyết với sự nghiệp khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Tuy nhiều nơi còn hết sức khó khăn về kinh phí hoạt động, cán bộ không có thù lao, điều kiện đi lại khó khăn, thời tiết không thuận lợi, năm 2020 lại thêm những khó khăn do đại dịch Covid - 19 gây ra, nhưng mọi hoạt động thúc đẩy việc học tập không bị đình trệ, phong trào xây dựng các mô hình khuyến học, khuyến tài không bị gián đoạn. Nhờ đó, kết quả xây dựng các mô hình học tập tăng nhanh theo thời gian.

- Sự ủng hộ của các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm cho Quỹ Khuyến học các cấp là điều kiện vật chất quan trọng tạo sự thành công cho thực hiện Đề án 281.

Hội Khuyến học Việt Nam xin trân trọng cảm ơn sự lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, các cơ quan, ban ngành, các doanh nghiệp và các nhà hảo tâm đối với Hội trong những năm qua.

b. Nguyên nhân của những hạn chế:

- Ở một số tỉnh, cấp ủy và Ủy ban nhân dân chưa thực sự quan tâm đến xây dựng xã hội học tập triển khai Đề án 281 và hoạt động của Hội Khuyến học.

- Những năm gần đây, một số địa phương có ý định sáp nhập hội khuyến học với một tổ chức khác; việc thay đổi nhân sự của tổ chức khuyến học; việc giao cho tổ chức khác quản lý công tác khuyến học, đã làm ảnh hưởng đến tư tưởng cán bộ khuyến học. Cá biệt có địa phương hội khuyến học (cấp huyện, xã) hầu như không hoạt động được.

- Việc giải thể Ban chỉ đạo quốc gia xây dựng xã hội học tập đã làm ảnh hưởng đến sự chỉ đạo triển khai nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập ở địa phương. Tại tỉnh và thành phố hiện có Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập, công việc triển khai các đề án hoàn toàn do cấp tỉnh chủ động tiến hành, thiếu sự chỉ đạo thống nhất từ Trung ương.

- Một số huyện, xã, phường không được cấp kinh phí, một số quận/huyện tuy có kinh phí nhưng không đủ chi trả cho việc kiểm tra, hướng dẫn, sơ kết, tổng kết trong từng giai đoạn triển khai Đề án. Nhiều cán bộ khuyến học, nhất là ở cấp xã, hoàn toàn làm đề án bằng tiền lương hưu của mình. Nhiều nơi Hội chưa được công nhận là Hội đặc thù nên không có kinh phí hỗ trợ cho cán bộ khuyến học theo quy định.

c. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tế của phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

- Sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước là yếu tố hàng đầu quyết định thành công của phong trào. Do đó, trước một chủ trương lớn, công tác tham mưu của các cơ quan chức năng là rất quan trọng. Trên thực tế, những Hội Khuyến học địa phương nào làm tốt Đề án 281 đều do ở đó đã chú trọng tham mưu cho cấp ủy và chính quyền các cấp về việc ra các văn bản chỉ đạo, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện việc quản lý tiến độ và chất lượng những việc trong kế hoạch, đầu tư tài chính...

- Việc triển khai Đề án 281 chính là một hoạt động của công tác dân vận. Dân vận khéo sẽ tạo nên sự phấn khởi, đồng thuận của nhân dân, phát huy được sáng kiến, xây dựng được động cơ đúng đắn và duy trì được ý chí vươn lên của nhân dân trong suốt quá trình phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt chỉ tiêu của Nhà nước giao cho.

- Phải coi trọng công tác kiểm tra, đánh giá và sơ kết, tổng kết định kỳ rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

- Công tác tuyên truyền sâu rộng về chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước qua hệ thống báo chí, truyền thông của Hội, việc tuyên truyền trên Truyền hình, Đài phát thanh và hệ thống báo chí; việc tổ chức tập huấn, học tập cho các đơn vị khuyến học từ cơ sở là 3 yếu tố cơ bản đưa chủ trương của Đảng và Nhà nước đến với quần chúng nhân dân, tạo sự nhất quán trong hành động và đồng thuận của nhân dân.

- Sự phối hợp của các tổ chức chính trị, lực lượng xã hội vào phong trào khuyến học làm tăng thêm sức mạnh thực hiện và hiệu quả công việc. Doanh nghiệp là một lực lượng không thể thiếu được trong việc hỗ trợ, tạo điều kiện để phong trào khuyến học, khuyến tài phát triển trên các địa bàn dân cư. Vì thế, xã hội hóa giáo dục trong xây dựng xã hội học tập là chủ trương đúng đắn, sự đóng góp của các doanh nghiệp và người dân là không thể thiếu trong thực hiện Đề án.

- Thông qua Đề án 281, công tác khuyến học, khuyến tài đã lan tỏa đến từng người dân, gia đình, thôn bản, cơ quan, đơn vị... Người dân đã thấy được lợi ích, vai trò, tầm quan trọng của học tập suốt đời. Khi mọi người dân cùng chăm lo cho việc học thì sẽ giảm đáng kể các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm, trộm cắp... Do đó, cần phải coi việc xây dựng các mô hình học tập như một “chiến lược phát triển bền vững” góp phần phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, giữ vững trật tự an toàn khu dân cư.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 281 GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

Trong 5 năm tới, cùng với toàn Đảng, toàn dân, Hội khuyến học sẽ triển khai thực hiện Nghị quyết XIII Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng; Việt Nam hội nhập sâu hơn nên cần phải có nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế bằng tri thức trên cơ sở khoa học công nghệ phát triển. Những khó khăn do dịch Covid để lại, thiên tai, bão lũ ảnh hưởng nặng nề đến đời sống nhân dân và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Hội. Trong bối cảnh đó, hội khuyến học các cấp phải tiếp tục thực hiện thành công các nhiệm vụ đề ra với phương hướng sau:

1. Phương hướng

Tiếp tục triển khai có chất lượng Đề án 281 theo Quyết định 489/QĐ-TTg ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Góp phần đổi mới sự nghiệp giáo dục đào tạo, xây dựng xã hội học tập, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước giai đoạn mới.

2. Mục tiêu

Phấn đấu đến năm 2025, tỉ lệ các gia đình, dòng họ, thôn bản, tổ dân phố, cơ quan đơn vị, doanh nghiệp, trường học đạt các danh hiệu học tập với chất lượng cao hơn, đều tăng từ 10% đến 20% so với năm 2020. Phát triển tổ chức hội và hội viên trong các doanh nghiệp, viện nghiên cứu; phát triển quỹ khuyến học ở tất cả các tổ chức hội. Phấn đấu thực hiện tốt xây dựng và phát triển mô hình “Công dân học tập” theo Quyết định 489/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3. Nhiệm vụ, giải pháp

- Hội khuyến học các địa phương sớm tham mưu với cấp ủy và chính quyền các cấp (tỉnh, huyện, xã) để có các văn bản chỉ đạo và kế hoạch triển khai Kết luận 49-KL/TW, Quyết định 489/QĐ-TTg.

- Trong giai đoạn 2021 – 2025, Đề án 281 cần được tiếp tục triển khai theo hướng nâng cao chất lượng của các mô hình học tập. Do đó, Bộ tiêu chí đánh giá các mô hình phải được bổ sung, hoàn thiện hơn cho phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế tri thức dưới tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tăng cường mối quan hệ giữa Hội Khuyến học Việt Nam và các tổ chức đã ký kết Chương trình phối hợp và những lực lượng xã hội khác có liên quan.

- Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của sự nghiệp xây dựng xã hội học tập và việc học tập suốt đời của người lớn cũng như lợi ích, tác dụng của các mô hình học tập trong các tầng lớp nhân dân. Có giải pháp đưa các mối quan hệ trong xây dựng xã hội học tập tiến thêm một bước, hiệu quả hơn.

- Các cấp Hội khuyến học từ Trung ương đến cơ sở tổ chức tập huấn nhằm quán triệt Kết luận 49-KL/TW, Quyết định 489/QĐ-TTg; nắm chắc yêu cầu xây dựng các mô hình học tập, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch tiếp tục triển khai Đề án 281 giai đoạn 2021 – 2025 với việc nâng cao hơn nữa chất lượng của mô hình; sơ kết 5 năm và tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định 281/QĐ-TTg, tổ chức Đại hội biểu dương các mô hình học tập tiêu biểu lần thứ 2 vào năm 2025.

- Triển khai Đề án “Xây dựng mô hình công dân học tập giai đoạn 2021 – 2030”(Có Đề án riêng) theo Quyết định 489/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, sau khi Bộ tiêu chí “Công dân học tập” được Thủ tướng phê duyệt.

- Thúc đẩy các bộ, ban, ngành, đoàn thể và các địa phương xây dựng kế hoạch đào tạo, học tập cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động thuộc tổ chức mình, tạo cơ hội và điều kiện cho họ học tập theo các chương trình quy định và học tập nâng cao trình độ để đạt tiêu chí “Công dân học tập” theo Quyết định 489/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thúc đẩy các trường đại học xây dựng mô hình công dân học tập trong đội ngũ cán bộ, giáo viên, sinh viên của nhà trường; xây dựng chương trình, nội dung đào tạo phù hợp với chuẩn đầu ra cho từng ngành nghề. Việc biên soạn chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo của các khoa, các tổ bộ môn, phải hướng vào mục tiêu hình thành những công dân học tập có trình độ chuyên môn cao cho các lĩnh vực mà nhà trường có nhiệm vụ đào tạo. Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng Hội Khuyến học Việt Nam có trách nhiệm thúc đẩy nội dung này. Trên cơ sở tài nguyên giáo dục mở phục vụ tốt hơn nhu cầu học tập của mọi đối tượng trong xã hội.

- Thúc đẩy Bộ Giáo dục và Đào tạo phát triển hệ thống giáo dục thường xuyên có tính mở với sự hợp tác của hệ thống giáo dục đại học, tăng cường các khóa học trực tuyến đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người lớn, tạo điều kiện và cơ hội cho đông đảo người lớn học tập thường xuyên để trở thành những công dân học tập, có đủ năng lực để khởi nghiệp và lập nghiệp trong điều kiện phát triển của nền kinh tế tri thức dưới tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0.

- Các hội khuyến học địa phương tổ chức tập huấn cho cán bộ và hội viên về sử dụng các thiết bị thông minh như máy tính bàn, ipad, điện thoại di động thông minh để đáp ứng việc chuyển đổi số theo Nghị quyết 52-NQ/TW và để

nâng cao trình độ học tập qua mạng, năng lực tự học, thực hiện học mọi lúc, mọi nơi.

4. Kiến nghị, đề xuất

4.1. Đề nghị với Chính phủ

1. Kiến toàn lại Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập ở Trung ương. Đối với những địa phương chưa kiện toàn ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập, đề nghị Chính phủ chỉ đạo để các địa phương này được kiện toàn.

2. Đưa vào chương trình hội nghị của Hội đồng Quốc gia Giáo dục và phát triển nhân lực vấn đề “Chính sách và giải pháp phát triển xã hội học tập trong giai đoạn 2021 – 2030”.

3. Ổn định tổ chức hội và yêu cầu các địa phương cấp kinh phí cho tổ chức hội thực hiện Đề án.

4. Chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng các chính sách và cơ chế thực hiện đối với các trường đại học về:

- Cơ chế thực hiện các giấy phép mở đối với việc khai thác Nguồn tài nguyên giáo dục mở;

- Quy định lại yêu cầu học tập thường xuyên của các loại hình cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội chuyển đổi số;

5. Ban hành Chỉ thị cho các bộ, ban, ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp thực hiện mô hình “Công dân học tập” mà mình phụ trách để chủ trương xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời được thực hiện nghiêm ở các cấp, các ngành, các địa phương (sau khi Thủ tướng ban hành Bộ tiêu chí đánh giá mô hình công dân học tập).

4.2. Đề nghị các tỉnh, thành phố

1. Có văn bản chỉ đạo hệ thống tổ chức cơ sở Đảng từ tỉnh đến cơ sở thực hiện tốt Kết luận 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư và Quyết định 489/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 08/4/2020 *(đối với những địa phương chưa chỉ đạo triển khai)*. Định kỳ kiểm tra, giám sát, rút kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện Quyết định đối với các tổ chức cơ sở Đảng.

2. Quan tâm hơn nữa đến hoạt động của hội khuyến học, củng cố, kiện toàn nhân sự và bộ máy khuyến học; nâng cao nhận thức và năng lực cho đội ngũ làm công tác khuyến học ở cơ sở để thực hiện tốt vai trò nòng cốt, tham mưu của mình

3. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc cấp kinh phí cho thực hiện Đề án theo Thông tư 07/2018/TT-BTC ngày 24/1/2018 của Bộ Tài chính, tạo

điều kiện thuận lợi cho hội khuyến học các cấp tiếp tục triển khai Đề án giai đoạn 2021 – 2025 theo Quyết định 489/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là Báo cáo Tổng kết thực hiện Quyết định 281/QĐ-TTg (2014 – 2020) về “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020”. Một lần nữa, Hội Khuyến học Việt Nam trân trọng cảm ơn Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ban, ngành, các địa phương và rất mong nhận được sự quan tâm của Chính phủ, bộ, ngành, các địa phương, các tổ chức để phong trào học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị ngày càng bền vững, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển đất nước trong thời gian tới.

**TM/ BAN THƯỜNG VỤ TW HỘI KHVN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng (để b/c);
- Ban Tuyên giáo TW;
- UBTW MTTQ Việt Nam;
- Ban Dân vận TW;
- Bộ GD và ĐT;
- Hội khuyến học các tỉnh, TP;
- Các cơ quan phối hợp;
- Thường trực TW Hội;
- Lưu VT.

Nguyễn Thị Doan

Bảng 1: Chỉ tiêu phân đầu thực hiện Đề án 281 theo từng năm

NĂM	CHỈ TIÊU THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH ĐỀ ÁN 281 TỪNG NĂM				
	TỶ LỆ HỘI VIÊN ĐƯỢC TẬP HUẤN VỀ ĐỀ ÁN 281	TỶ LỆ GIA ĐÌNH HỌC TẬP	TỶ LỆ DÒNG HỌ HỌC TẬP	TỶ LỆ CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP	TỶ LỆ ĐƠN VỊ HỌC TẬP
2016	40%	20%	15%	20%	15%
2017	50%	30%	20%	30%	20%
2018	60%	45%	30%	40%	30%
2019	80%	60%	40%	50%	40%
2020	100%	70%	50%	60%	50%

Bảng 2: Kết quả các mô hình đạt tiêu chí qua các năm

Năm	Gia đình HT	Dòng họ HT	Cộng đồng HT	Đơn vị HT
2016	21,50%	29,75%	51,81%	22,59%
2017	49,63%	50,23%	69,71%	71,52%
2018	57,03%	52,87%	70,79%	75,22%
2019	68,35%	65,37%	79,19%	89,39%
2020	74,17%	68,06%	68,91%	89,08%

Bảng 3: Kết quả các mô hình đạt tiêu chí đến thời điểm hiện nay

Các Mô hình học tập	Chỉ tiêu Chính phủ đề ra (%)	Kết quả thực hiện (%)	Vượt kế hoạch (%)
Gia đình học tập	70%	74,17%	4,17%
Dòng họ học tập	50%	68,06%	18,06%
Cộng đồng học tập	60%	68,91%	8,91%
Đơn vị học tập	50%	89,80%	39,80%

**TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO

Tổng kết Quyết định số 231/QĐ-TTg ngày 13/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2020”

Thực hiện Thông báo số 368/TB-VPCP, ngày 17/10/2019 của Văn phòng Chính phủ Kết luận Hội nghị thực hiện Quy chế về mối quan hệ công tác giữa Chính phủ và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (Tổng Liên đoàn) năm 2019, trong đó có nội dung Tổng Liên đoàn tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2020” theo Quyết định số 231/QĐ-TTg ngày 13/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Đề án), Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã chỉ đạo các cấp công đoàn báo cáo kết quả thực hiện Đề án, tổ chức các đoàn khảo sát thực tế. Đồng thời, thực hiện công văn số 1258/VPCP-QHĐP ngày 19/02/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc báo cáo thực hiện Đề án, căn cứ nhiệm vụ được phân công tại Đề án, đã có 3/6 bộ, ngành²⁴, 11/63 UBND tỉnh²⁵ có báo cáo Thủ tướng Chính phủ (gửi về Tổng Liên đoàn). Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tình hình công nhân lao động (CNLD) ảnh hưởng trực tiếp đến triển khai, thực hiện Đề án

- Đội ngũ CNLD tiếp tục phát triển về số lượng, chuyển dịch về cơ cấu, chất lượng cơ bản được nâng lên và có nhiều đóng góp trực tiếp, to lớn vào sự phát triển của đất nước. Tính đến hết năm 2014, lực lượng lao động trong độ tuổi lao động đang làm việc trong các thành phần kinh tế có hơn 52,7 triệu người; số lao động làm công, hưởng lương có khoảng 16 triệu người²⁶. Năm 2019, lực lượng lao động

²⁴ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

²⁵ UBND TP Hồ Chí Minh, TP Hà Nội, UBND tỉnh Sóc Trăng, Bình Định, Trà Vinh, Hà Giang, Điện Biên, Yên Bái, Cao Bằng, Tiền Giang, Bạc Liêu, Nam Định.

²⁶ Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê.

trong độ tuổi lao động đang làm việc trong các thành phần kinh tế có khoảng 54 triệu người; số lao động làm công, hưởng lương có khoảng 25 triệu người²⁷.

- Số lượng và chất lượng đoàn viên công đoàn ngày càng phát triển. Năm 2013, cả nước có hơn 7,9 triệu đoàn viên công đoàn, và hơn 114 nghìn công đoàn cơ sở²⁸. Tính đến tháng 6/2020, cả nước có 10.384.828 đoàn viên công đoàn sinh hoạt tại 127.180 công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở, trong đó đoàn viên khu vực nhà nước là 3.839.428 người, đoàn viên ngoài khu vực nhà nước là 6.545.400 người²⁹.

- Nhìn chung CNLĐ nước ta có tuổi đời trẻ, trình độ học vấn, nghề nghiệp khá hơn trước, có khả năng tiếp cận với khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại. Một số ngành nghề như dầu khí, hàng không, điện tử - tin học, bưu chính - viễn thông, xây dựng cầu, hầm, thủy điện, lắp máy... chất lượng nguồn lao động cao hơn các ngành, nghề khác. Tuy vậy, đại bộ phận CNLĐ trực tiếp sản xuất trình độ thấp và không đồng đều, thiếu kỹ năng, kinh nghiệm làm việc, kỷ luật lao động và tác phong công nghiệp còn yếu³⁰.

- Đời sống CNLĐ vẫn còn khó khăn: thu nhập chưa đảm bảo nhu cầu cuộc sống tối thiểu; thiếu nhà ở, nhà trẻ, trường học; bữa ăn ca chất lượng còn thấp; làm thêm giờ vượt quá quy định, chưa có thời gian tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, học tập nâng cao trình độ, tìm hiểu pháp luật. Tình trạng trốn đóng, chiếm dụng, nợ tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp có xu hướng giảm nhưng vẫn là vấn đề bức xúc. Doanh nghiệp ở nhiều địa phương còn vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực lao động, công đoàn. Quan hệ lao động ở doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch vẫn tìm cách dụ dỗ, lôi kéo một bộ phận công nhân vướng vào các tệ nạn xã hội, tham gia các cuộc ngừng việc tập thể, gây mất trật tự trị an trên địa bàn³¹.

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 với sự kết nối mạnh mẽ của Internet, trí tuệ nhân tạo, rô bốt có thể dần sẽ thay thế lao động giản đơn, lao động trình độ thấp, ít kỹ năng, thì việc tuyên truyền, vận động CNLĐ tham gia học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, kiến thức pháp luật, kỹ năng sống... càng trở nên cấp thiết. Tình hình CNLĐ nêu trên có ảnh hưởng không nhỏ tới công tác triển khai, thực hiện Đề án.

2. Công tác chỉ đạo triển khai, thực hiện Đề án

27 Số liệu trên Trang Thông tin điện tử Tổng cục Thống kê.

28 Văn kiện Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XI, NXB Lao động, Hà Nội – 2013, trang 61.

29 Tổng hợp số liệu của Ban Tổ chức Tổng Liên đoàn LDVN.

30 Văn kiện Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XII, NXB Lao động, Hà Nội – 2018, trang 54.

31 Báo cáo số 107/BC-TLĐ ngày 03/12/2019 về kết quả thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019 – 2021 của Tổng Liên đoàn.

Tổng Liên đoàn đã ban hành Công văn³² hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án, ban hành Quyết định³³ thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án và Quyết định³⁴ kiện toàn Ban Chỉ đạo khi có sự biến động về nhân sự. Tổng Liên đoàn ban hành Kế hoạch³⁵ chỉ đạo các cấp Công đoàn tiếp tục triển khai thực hiện Đề án gắn với tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình 1464/CTr-TLĐ về nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên và người lao động trong hệ thống Công đoàn và Chương trình phối hợp 1583b/CTPH-TLĐLĐVN-BGDĐT ngày 22/10/2014 giữa Tổng Liên đoàn và Bộ Giáo dục và Đào tạo; công văn³⁶ hướng dẫn công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật; nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên và người lao động trong hệ thống công đoàn. Để chuẩn bị cho công tác tổng kết Đề án, Tổng Liên đoàn đã ban hành Công văn³⁷ kèm theo đề cương, biểu mẫu báo cáo gửi các cấp công đoàn; kế hoạch³⁸ kiểm tra thực hiện Đề án tại một số địa phương ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam.

3. Công tác phối hợp triển khai, thực hiện Đề án

Một số cơ chế, chính sách được ban hành tạo cơ sở để triển khai, thực hiện Đề án: Thông tư³⁹ hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án theo phân cấp trung ương và địa phương; hỗ trợ kinh phí triển khai, thực hiện Đề án của Tổng Liên đoàn từ nguồn ngân sách Trung ương⁴⁰ để thực hiện các hoạt động điểm như biên soạn tài liệu nguồn, truyền thông và tổ chức một số hoạt động điểm tại cơ sở; xây dựng và công bố 193 bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia để thực hiện chuẩn hóa lực lượng lao động ở 193 nghề⁴¹.

Các bộ phối hợp với Tổng Liên đoàn thực hiện một số nhiệm vụ của Đề án: khảo sát thực trạng trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp của CNLĐ; biên soạn, thẩm định và phát hành một số tài liệu tuyên truyền về học tập suốt đời; chỉ đạo các sở triển khai thực hiện Chương trình phối hợp hoạt động về nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp của CNLĐ⁴²; hướng dẫn đẩy mạnh phong trào thi đua học tập, “ôn lý thuyết, luyện tay nghề, thi thợ giỏi”⁴³.

32 Công văn số 216/TLĐ, ngày 27/2/2015 của Tổng Liên đoàn.

33 Quyết định số 750/QĐ-TLĐ, ngày 03/6/2015 của Tổng Liên đoàn.

34 Quyết định số 1117/QĐ-TLĐ, ngày 21/6/2017 của Tổng Liên đoàn.

35 Kế hoạch số 10/KH-TLĐ, ngày 26/5/2017 của Tổng Liên đoàn.

36 Công văn số 559/TLĐ, Ngày 10/4/2018 của Tổng Liên đoàn.

37 Công văn số 392/Tg ngày 22/11/2019 của Tổng Liên đoàn.

38 Kế hoạch số 15/KH-TLĐ ngày 30/3/2020 của Tổng Liên đoàn.

39 Thông tư số 68/2016/TT-BTC ngày 05/5/2016 của Bộ Tài chính

40 Trong 4 năm triển khai, thực hiện Đề án, Tổng Liên đoàn được Bộ Tài chính hỗ trợ 4 tỷ đồng.

41 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

42 Bộ Giáo dục và Đào tạo.

43 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Các UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành Quyết định, Kế hoạch, Chương trình hoặc thành lập Ban Chỉ đạo⁴⁴, trong đó LĐLĐ tỉnh, thành phố là thành viên, được giao chủ trì thực hiện Đề án, thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như: truyền thông, khảo sát mặt bằng trình độ CNLĐ, vận động doanh nghiệp tạo điều kiện cho CNLĐ học tập, chỉ đạo phong trào ôn lý thuyết, luyện tay nghề, thi thợ giỏi, thi nâng bậc thợ hàng năm... Một số tỉnh đã tạo điều kiện khoản kinh phí nhất định để các cấp Công đoàn triển khai thực hiện⁴⁵, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của địa phương.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

Đề án có mục tiêu tổng quát như sau: “Tuyên truyền, vận động, hỗ trợ, tạo điều kiện để CNLĐ tại các doanh nghiệp, nhất là CNLĐ trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế tích cực học tập suốt đời để nâng cao kiến thức pháp luật, trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức chấp hành kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp, góp phần xây dựng xã hội học tập”.

Nhằm cụ thể hóa mục tiêu tổng quát của Chính phủ, Tổng Liên đoàn đã chỉ đạo các cấp công đoàn không chỉ tập trung vào công tác tuyên truyền, vận động, mà còn thực hiện những nhiệm vụ cụ thể: “tăng cường phối hợp giữa các cấp, ngành, các cơ sở giáo dục đào tạo, các tổ chức, doanh nghiệp để hỗ trợ, tạo điều kiện cho CNLĐ tham gia học tập, xây dựng “tủ sách học tập” tại doanh nghiệp, các “Điểm học tập, sinh hoạt văn hóa” công nhân tại khu công nghiệp, khu chế xuất nhằm hỗ trợ CNLĐ học tập”⁴⁶.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Nâng cao trình độ học vấn của CNLĐ

- Trước thời điểm Đề án được ban hành, trình độ học vấn phổ thông của CNLĐ là: Tiểu học + THCS tỷ lệ 35.6%, THPT tỷ lệ 64.4%⁴⁷.

- Chỉ tiêu của Đề án: Vận động, tạo điều kiện để 70% CNLĐ tại các doanh nghiệp nói chung, 80% CNLĐ tại các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế tham gia học tập để đạt trình độ trung học phổ thông.

44 TP HCM, Bà Rịa Vũng Tàu, Hải Dương, Hà Nội, Đà Nẵng, Quảng Nam, Ninh Thuận, Bến Tre, Lâm Đồng, Sóc Trăng, Bình Định, Trà Vinh, Hà Giang, Điện Biên, Yên Bái, Cao Bằng, Tiền Giang, Bạc Liêu, Nam Định, Tây Ninh, Thanh Hóa, Hậu Giang, Đồng Tháp, Sơn La, Nghệ An, Bình Thuận, Đắk Nông, Phú Thọ, Kon Tum, Đắk Lắk, An Giang, Hà Nam, Lai Châu, Hòa Bình, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Long An, Gia Lai, Bắc Kạn, Kiên Giang (tổng hợp từ báo của LĐLĐ tỉnh, thành phố năm 2020).

45 TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Sóc Trăng, Lâm Đồng, Hậu Giang, Đắk Lắk.

46 Công văn số 216/TLĐ, ngày 27/2/2015 của Tổng Liên đoàn.

47 Báo cáo số 87/BC-TLĐ ngày 06/9/2011 của Tổng Liên đoàn.

- Sau quá trình triển khai, thực hiện Đề án, mặt bằng trình độ của CNLĐ năm 2019 là: Tiểu học + THCS tỷ lệ 29%; THPT tỷ lệ 66.7%⁴⁸.

So với trước, tỷ lệ CNLĐ có trình độ THPT tăng 2.3% nhưng chưa đạt chỉ tiêu.

2.2. Nâng cao trình độ kỹ năng nghề nghiệp của CNLĐ

- Trước thời điểm Đề án được ban hành, trình độ kỹ năng nghề nghiệp của CNLĐ đã qua đào tạo tỷ lệ 75% (bao gồm cả doanh nghiệp tự đào tạo và đào tạo ngắn ngày tại các cơ sở đào tạo), chưa qua đào tạo là 25%⁴⁹.

- Chỉ tiêu của Đề án: Vận động, tạo điều kiện để 80% CNLĐ tại các doanh nghiệp nói chung, 90% CNLĐ tại các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế được đào tạo nghề (đào tạo qua trường, lớp hoặc doanh nghiệp tự đào tạo); 50% CNLĐ được đào tạo lại, 40% CNLĐ có tay nghề cao.

- Sau quá trình triển khai, thực hiện Đề án, trình độ tay nghề: Tỷ lệ CNLĐ đã qua đào tạo (bao gồm cả doanh nghiệp tự đào tạo và đào tạo ngắn ngày tại các cơ sở đào tạo) là 80%, chưa qua đào tạo là 20%; CNLĐ được đào tạo lại tỷ lệ 43%; bậc thợ từ 4-7 (có tay nghề cao) là 22.5%⁵⁰.

So với trước, tỷ lệ CNLĐ qua đào tạo nghề tăng 5% nhưng chưa đạt chỉ tiêu.

2.3. Nâng cao kiến thức chính trị, pháp luật của CNLĐ

- Trước thời điểm Đề án được ban hành, số lượt CNLĐ được tuyên truyền, phổ biến các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước đạt khoảng 4 triệu⁵¹. Về nhận thức chính trị, một bộ phận CNLĐ còn hạn chế⁵², đa số CNLĐ chưa được học kiến thức chính trị.

- Chỉ tiêu của Đề án: Phấn đấu 70% CNLĐ được nghiên cứu, học tập, tìm hiểu những kiến thức chính trị cơ bản; được tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước có liên quan đến CNLĐ. Tổ chức cho CNLĐ học các chương trình sơ cấp, trung cấp lý luận chính trị hoặc cao hơn phù hợp với điều kiện thực tiễn.

48 Còn khoảng 4% CNLĐ không thống kê được trình độ học vấn phổ thông (tổng hợp từ báo cáo của các LĐLĐ tỉnh, TP, CĐ ngành TW)

49 Báo cáo số 87/BC-TLĐ ngày 06/9/2011 của Tổng Liên đoàn.

50 Còn khoảng 10% CNLĐ không thống kê được trình độ tay nghề (tổng hợp từ báo cáo của các LĐLĐ tỉnh, TP, CĐ ngành Trung ương)

51 Số liệu tổng hợp năm 2014.

52 Hầu hết CNLĐ chỉ nhận mình là người làm công ăn lương (Mạch Quang Thắng (2014), “Nghiên cứu, phát triển lý luận về GCCN Việt Nam”, Tạp chí Khoa học chính trị, số 2); 59.2% CNLĐ không muốn con cái gia nhập hàng ngũ giai cấp công nhân Việt Nam (Khảo sát của Viện nghiên cứu Công nhân và Công đoàn, tháng 3/2017).

- Sau quá trình triển khai, thực hiện Đề án, các cấp công đoàn đã tổ chức được 35.449 cuộc tuyên truyền pháp luật, giáo dục chính trị cho 5.061.736 lượt CNLĐ, đạt 69.78% (chỉ tính riêng công nhân lao động, không bao gồm công chức, viên chức).

So với trước, số CNLĐ được tuyên truyền, phổ biến pháp luật tăng hơn nhưng chưa đạt chỉ tiêu.

2.4. Nâng cao kiến thức về kỹ năng sống của CNLĐ

- Chỉ tiêu của Đề án: Phấn đấu 70% CNLĐ được học tập, tìm hiểu những kiến thức cơ bản về nắm bắt thông tin, kỹ năng hòa nhập cộng đồng, kỹ năng chăm sóc sức khỏe bản thân, kỹ năng tổ chức cuộc sống gia đình, phòng, chống tội phạm, ma túy, tệ nạn xã hội; phấn đấu 70% nữ CNLĐ tại các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế được học tập, tìm hiểu kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe sinh sản, hôn nhân và gia đình.

- Sau quá trình triển khai, thực hiện Đề án, các cấp công đoàn đã tổ chức được 16.290 cuộc tuyên truyền về kỹ năng sống cho 3.008.853 lượt CNLĐ, đạt 41.4%⁵³, chưa đạt chỉ tiêu.

2.5. Nâng cao kiến thức về ngoại ngữ, tin học của CNLĐ

- Chỉ tiêu của Đề án: Vận động, tạo điều kiện để 50% CNLĐ tại các doanh nghiệp nói chung, 60% CNLĐ tại các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế được học tập, bồi dưỡng về ngoại ngữ, tin học.

- Sau quá trình triển khai, thực hiện Đề án, các cấp công đoàn đã vận động đơn vị, doanh nghiệp mở lớp học ngoại ngữ cho 560.213 lượt CNLĐ, đạt 7.7% ; 514.677 lượt CNLĐ học tin học, đạt 7.1%⁵⁴, chưa đạt chỉ tiêu.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Đánh giá tổng quan kết quả đạt được

1.1. Về mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát: Việc chỉ đạo những nhiệm vụ cụ thể, có tính khả thi cao, nỗ lực tổ chức thực hiện của các cấp công đoàn đã góp phần quan trọng tiếm cận các chỉ tiêu của Đề án.

- Mục tiêu cụ thể: Tuy 5/5 mục tiêu của Đề án chưa đạt, nhưng có một số chỉ tiêu thực hiện gần đạt như: CNLĐ có trình độ THPT đạt 66.7% (chỉ tiêu giao 70%); CNLĐ được đào tạo nghề tại doanh nghiệp đạt 80% (chỉ tiêu giao 80%);

53 Tổng hợp từ báo cáo của các LĐLĐ tỉnh, TP, CĐ ngành Trung ương năm 2020.

54 Tổng hợp từ báo cáo của các LĐLĐ tỉnh, TP, CĐ ngành Trung ương năm 2020.

đào tạo lại nghề đạt 43% (chỉ tiêu giao 50%); cNLĐ được tuyên truyền pháp luật đạt 69.78% (chỉ tiêu giao 70%).

1.2. Về nhận thức của cán bộ công đoàn, CNLĐ, người sử dụng lao động và các cấp chính quyền đối với nhiệm vụ đẩy mạnh học tập suốt đời trong CNLĐ tại doanh nghiệp, nhất là cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, hiểu biết pháp luật của CNLĐ dần được nâng lên.

1.3. Một số nhiệm vụ của Đề án đã làm tương đối tốt như truyền thông về tầm quan trọng của học tập suốt đời tới CNLĐ trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng Thông tin điện tử của Tổng Liên đoàn, mạng xã hội – trang Công đoàn Việt Nam⁵⁵; biên soạn tài liệu⁵⁶ nguồn cho cán bộ công đoàn và CNLĐ (sổ tay khổ nhỏ bỏ túi, tờ gấp, sản phẩm truyền thông...) với nội dung chọn lọc ngắn gọn, phù hợp với nhu cầu của cán bộ công đoàn và trình độ của CNLĐ; tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng của cán bộ công đoàn về học tập suốt đời của CNLĐ⁵⁷.

1.4. Từng bước thương lượng, đối thoại với người sử dụng lao động hỗ trợ, tạo điều kiện cho CNLĐ tham gia học tập nâng cao trình độ: đưa nhiệm vụ này vào nghị quyết hội nghị người lao động hoặc vào thỏa ước lao động tập thể⁵⁸; vận động xây dựng quỹ khuyến học hỗ trợ CNLĐ⁵⁹; phối hợp tổ chức tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh nội bộ, bảng tin, tờ tin... cho CNLĐ tại doanh nghiệp⁶⁰; đào tạo nghề cho CNLĐ⁶¹; tổ chức thi tay nghề, thi thợ giỏi⁶²; xây dựng tủ sách pháp luật⁶³; tuyên truyền miệng về pháp luật, về học tập suốt đời cho CNLĐ tại doanh nghiệp⁶⁴.

55 Từ năm 2016 đến 2019, Cổng thông tin điện tử của Tổng Liên đoàn đã có trên 6.000 tin, bài, ảnh và hơn 6,5 triệu lượt người truy cập; Fanpage Công đoàn Việt Nam của Tổng Liên đoàn và 57 Fanpage của các LĐLĐ tỉnh, thành phố kết nối gần 3 triệu đoàn viên công đoàn là CNLĐ trong các KCN, KCX, trung bình hàng ngày có 05 tin, bài, ảnh được đăng tải, 10 lượt hỏi – đáp về pháp luật; 29.000 lượt người theo dõi, truy cập; hàng tháng có trên 4.000 lượt công nhân lao động hỏi về chính sách, pháp luật.

56 Tổng Liên đoàn biên soạn, phát hành trên 3 triệu tài liệu; các cấp công đoàn biên soạn, phát hành 1.539.032 tài liệu các loại.

57 Tổng Liên đoàn tổ chức tập huấn cho 3.550 cán bộ công đoàn; các cấp công đoàn tổ chức tập huấn cho 637.571 cán bộ công đoàn cơ sở.

58 Có 30.433 đơn vị, doanh nghiệp thực hiện (tổng hợp từ BC của các LĐLĐ tỉnh, TP, CĐ ngành Trung ương năm 2020).

59 Có 11.647 đơn vị, doanh nghiệp thực hiện (tổng hợp từ BC của các LĐLĐ tỉnh, TP, CĐ ngành Trung ương năm 2020).

60 Có 39.839 đơn vị, doanh nghiệp thực hiện (tổng hợp từ BC của các LĐLĐ tỉnh, TP, CĐ ngành Trung ương năm 2020).

61 Có 27.899 đơn vị, doanh nghiệp thực hiện (tổng hợp từ BC của các LĐLĐ tỉnh, TP, CĐ ngành Trung ương năm 2020).

62 Có 15.701 đơn vị, doanh nghiệp thực hiện (tổng hợp từ BC của các LĐLĐ tỉnh, TP, CĐ ngành Trung ương năm 2020).

63 Có 15.962 đơn vị, doanh nghiệp thực hiện (tổng hợp từ BC của các LĐLĐ tỉnh, TP, CĐ ngành Trung ương năm 2020).

64 Tổng Liên đoàn tổ chức 137 cuộc cho trên 35 nghìn CNLĐ; các cấp công đoàn tổ chức 30.011 cuộc cho 5.340.644 CNLĐ.

1.5. Một số mô hình xuất hiện tại cơ sở: tặng học bổng cho CNLĐ nghèo vượt khó học tập⁶⁵; phối hợp với người sử dụng lao động tổ chức “Điểm học tập, sinh hoạt văn hóa” phục vụ công nhân⁶⁶; liên kết đào tạo nghề cho CNLĐ⁶⁷; vận động người sử dụng lao động thực hiện công thức 1/1, người sử dụng lao động bỏ ra 01 giờ trong giờ làm việc để CNLĐ học tập vẫn trả nguyên lương, CNLĐ bỏ ra 01 giờ nghỉ của cá nhân để học tập⁶⁸, tổ chức tuần lễ “Học tập suốt đời” nhằm vận động CNLĐ học tập.

1.6. Bước đầu tổ chức cho cán bộ công đoàn cơ sở và CNLĐ học tập nâng cao nhận thức chính trị⁶⁹.

2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

2.1. Khó khăn, tồn tại, hạn chế

- Thiếu cơ chế chính sách của Nhà nước, của doanh nghiệp hỗ trợ CNLĐ học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, nhất là với những ngành có đông CNLĐ làm các công việc giản đơn, trình độ thấp, ít kỹ năng như: Chế biến thủy, hải sản, may mặc, da giày...hoặc có cơ chế chính sách nhưng lại chưa đầy đủ, hoàn thiện⁷⁰.

- Tỷ lệ CNLĐ học hoàn thiện trình độ học vấn THPT còn hạn chế; tỷ lệ CNLĐ có tay nghề cao còn thấp.

- Việc giáo dục chính trị cho CNLĐ chưa có sự thay đổi căn bản, chưa xác định rõ nội dung và hình thức đưa kiến thức chính trị đến với CNLĐ, nên tỷ

65 Tổng Liên đoàn tặng học bổng cho 300 CNLĐ nghèo vượt khó học tập, tặng Bằng khen cho 90 CNLĐ có tay nghề cao có thành tích trong lao động sản xuất.

66 Có 18.460 đơn vị, doanh nghiệp thực hiện. LĐLĐ TP Hồ Chí Minh có 03 trung tâm sinh hoạt công nhân ở 3 KCN; LĐLĐ TP Hà Nội có 39 điểm sinh hoạt văn hóa công nhân trong các KCN.. LĐLĐ tỉnh Tây Ninh trang bị 69 bộ loa tuyên truyền. Công đoàn Điện lực VN hỗ trợ máy chiếu, tivi cho các tổ, đội sản xuất vùng sâu vùng xa.

67 LĐLĐ TP Hồ Chí Minh được UBND TP hỗ trợ 50% kinh phí, 50% còn lại do LĐLĐ hỗ trợ và vận động CNLĐ đóng góp để làm quỹ hỗ trợ CNLĐ học tập; hợp tác với Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh đào tạo hệ vừa làm vừa học và liên thông, trường giảm ít nhất 30% học phí. CE Hàng hải VN có dự án nâng cao chất lượng thuyền viên Việt Nam phối hợp với Nhật bản. Một số đơn vị của Công đoàn Y tế VN đào tạo kỹ năng thực hành sản xuất thuốc tốt theo tiêu chuẩn GMP của WHO và hỗ trợ kinh phí học tập cho CNLĐ.

68 LĐLĐ Thành phố Hồ Chí Minh vận động doanh nghiệp thực hiện.

69 LĐLĐ TP Hồ Chí Minh phối hợp với Trung tâm bồi dưỡng chính trị quận, huyện tổ chức 4.973 lớp nâng cao nhận thức chính trị - pháp luật cho 329.882 CNLĐ; tổ chức cho hơn 111.000 CNLĐ học các lớp lý luận chính trị.

70 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013, Điều 42 quy định các chế độ bảo hiểm thất nghiệp gồm có: Trợ cấp thất nghiệp; hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm; hỗ trợ học nghề; Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động. Các điều 47,48 của luật này quy định trách nhiệm của doanh nghiệp hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động, nhưng không có điều khoản nào quy định cụ thể việc hỗ trợ đào tạo nghề cho CNLĐ khi họ đã bị mất việc làm.

lệ CNLĐ được học kiến thức chính trị rất thấp, mới có hơn 900 nghìn người, đạt tỷ lệ khoảng 9.5%)⁷¹.

- Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho CNLĐ chưa sâu, mới chỉ dừng ở mức độ tuyên truyền, chưa tìm ra những cách làm hiệu quả nhất.

- Chỉ tiêu ngoại ngữ, tin học quá cao, đồng thời chưa sát với nhu cầu, nguyện vọng của CNLĐ trong thời điểm hiện nay.

2.2. Nguyên nhân

- Tổng Liên đoàn chưa thường xuyên đôn đốc, kiểm tra các cấp công đoàn trong triển khai, thực hiện Đề án; Một số LĐLĐ tỉnh, thành phố chưa thực sự nỗ lực trong công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động học tập; chưa chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể báo cáo UBND tỉnh, thành phố phê duyệt tạo nguồn kinh phí để triển khai thực hiện Đề án.

- Một số bộ, ngành liên quan chưa phối hợp chặt chẽ với Tổng Liên đoàn trong triển khai, thực hiện Đề án; việc tham mưu, đề xuất, hoàn thiện cơ chế, chính sách cho CNLĐ học tập còn hạn chế.

- Một số UBND tỉnh, thành phố chưa thực sự quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án, mới dừng ở việc ban hành văn bản chỉ đạo, chưa đầu tư nhân lực, vật lực, chưa sát sao trong chỉ đạo các sở, ngành liên quan phối hợp cùng tổ chức Công đoàn thực hiện, nhiều nơi còn tư tưởng khoán trắng cho tổ chức Công đoàn.

- Đa số người sử dụng lao động chưa quan tâm nhiều đến việc thực hiện trách nhiệm đào tạo lại, đào tạo nâng cao tay nghề, thi nâng bậc nghề cho CNLĐ.

- Đại bộ phận CNLĐ có đời sống kinh tế khó khăn, thời gian làm việc căng thẳng nên chưa quan tâm tới việc học tập nâng cao trình độ, nhất là việc hoàn thành chương trình THPT, lý luận chính trị hay ngoại ngữ, tin học đều cần thời gian, kinh phí và phải đến học tại các cơ sở giáo dục theo chương trình bắt buộc.

- Kinh phí để triển khai thực hiện đề án có giới hạn, chỉ có một số LĐLĐ tỉnh, thành phố được UBND tỉnh, thành phố hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án, thấp nhất 50 triệu đ/năm, cao nhất 160 triệu đ/năm⁷².

3. Bài học kinh nghiệm

Một là: Để triển khai, thực hiện Đề án, cần xác định là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó có vai trò quan trọng của tổ chức Công đoàn, vì vậy

71 Báo cáo Chương trình 1464/CTr-TLĐ “Nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên, người lao động” giai đoạn (2013-2018).

72 UBND TP Hồ Chí Minh, Hà Nội hỗ trợ chung cho LĐLĐ TP Hồ Chí Minh, Hà Nội theo Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của TP, các LĐLĐ tỉnh được hỗ trợ là Lâm Đồng, Sóc Trăng, Hậu Giang, Vĩnh Phúc.

cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, sự phối kết hợp chặt chẽ của chính quyền các cấp, các cơ quan liên quan, đặc biệt là ngành giáo dục và đào tạo về dạy văn hóa, ngành lao động thương binh và xã hội về dạy nghề cho CNLĐ.

Hai là: Hoạt động học tập suốt đời của CNLĐ cần được các cấp Công đoàn tiến hành thường xuyên, liên tục; tài liệu và phương thức tuyên truyền, vận động cần được đổi mới cho phù hợp điều kiện làm việc, sinh hoạt của CNLĐ, nhất là ở các doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước; tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng cho cán bộ công đoàn cơ sở.

Ba là: Phải xuất phát từ nhu cầu thực tế của CNLĐ, từ yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp, của địa phương để tuyên truyền, vận động, phối hợp tổ chức cho CNLĐ học tập nâng cao trình độ học vấn, tay nghề, kiến thức pháp luật, chính trị, tin học, ngoại ngữ, kỹ năng sống...

Bốn là: Bản thân CNLĐ cần nhận thức được tầm quan trọng của việc học tập nâng cao trình độ, cần có trách nhiệm, tự giác học tập nâng cao trình độ.

Năm là: Phát huy vai trò của công đoàn cơ sở trong thương lượng, đối thoại, vận động người sử dụng lao động tạo điều kiện về thời gian, vật chất hỗ trợ CNLĐ học tập, thi tay nghề, thi thợ giỏi, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, xây dựng các mô hình điểm về học tập suốt đời trong CNLĐ.

Sáu là: Cần có sự đầu tư thích đáng về nguồn nhân lực, ngân sách trung ương và địa phương hỗ trợ theo phân cấp quản lý để các cấp công đoàn tổ chức các hoạt động học tập suốt đời của CNLĐ.

Bảy là: Phát hiện, nhân rộng các mô hình hay, cách làm tốt, các điển hình tiên tiến trong triển khai thực hiện Đề án của Chính phủ, tạo sức lan tỏa sâu rộng, góp phần triển khai Đề án được tốt hơn.

IV. DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Dự báo tình hình

Thời gian tới, “Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc”⁷³.

Nguồn lao động dồi dào giá rẻ sẽ không còn là lợi thế cạnh tranh và thu hút đầu tư của Việt Nam. Tình trạng thiếu việc làm sẽ xảy ra khi robot thay thế sức người, nhất là với một số ngành sử dụng nhân công giá rẻ. Với điều kiện trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế nước ta còn thấp, trình độ học vấn, chuyên môn, nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ

73 Dự thảo Báo cáo chính trị của BCH Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (tài liệu lấy ý kiến nhân dân - tháng 10 năm 2020).

luật, ý thức chính trị và tác phong công nghiệp của CNLĐ còn nhiều hạn chế, thì việc nâng cao trình độ mọi mặt cho CNLĐ vẫn là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị.

Vì vậy, Đảng ta chủ trương “Xây dựng đồng bộ thể chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước”; “Thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời”; “Xây dựng các cơ chế, chính sách và giải pháp để đào tạo lại lực lượng lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”⁷⁴.

2. Đề xuất, kiến nghị:

Vì tầm quan trọng của việc học tập suốt đời của CNLĐ, Tổng Liên đoàn kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo **tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”**.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2020” và những đề xuất, kiến nghị tiếp tục thực hiện Đề án trong giai đoạn 2020 – 2025 và tầm nhìn đến 2030 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Trân trọng!

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

⁷⁴ Dự thảo Báo cáo chính trị của BCH Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (tài liệu lấy ý kiến nhân dân - tháng 10 năm 2020).

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Quyết định số 89/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020"

Thực hiện Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020”, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội báo cáo tổng kết Đề án “xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020” cụ thể như sau:

1. Về công tác chỉ đạo điều hành

Triển khai thực hiện Quyết định số 89/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020", Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 484/QĐ-LĐTBXH ngày 19/3/2013 giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch triển khai Đề án và phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội giao nhiệm vụ cho các đơn vị thuộc Bộ để thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Đề án gồm:

- Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và các địa phương xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống các cơ sở dạy nghề; mở rộng các hình thức dạy nghề ở các doanh nghiệp, công ty, dạy nghề gắn với sản xuất và dạy nghề ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa;

- Ban hành Thông tư quy định về điều lệ của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp cấp huyện;

- Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của trung tâm cấp huyện làm nhiệm vụ giáo dục thường xuyên và dạy nghề;

- Riêng việc xây dựng và thực hiện Đề án Hỗ trợ người lao động nông thôn, những người hết tuổi lao động, người nội trợ, người khuyết tật có điều kiện thuận lợi để học tập suốt đời gồm các nội dung cơ bản là xây dựng cơ chế để cung cấp tài liệu học tập, hỗ trợ cho người lao động nông thôn, người hết tuổi lao động, người nội trợ, người khuyết tật được thường xuyên học tập, cập nhật thông tin trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, chính trị, pháp luật, văn hóa, chăm sóc sức khỏe, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt, kinh tế gia đình...thuộc các nội dung đang được triển khai thực hiện trong các chương trình, đề án do Bộ

Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, triển khai thực hiện như: Thực hiện Luật người cao tuổi; chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2012-2020 ban hành theo Quyết định số 1781/QĐ-TTg ngày 22/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020 ban hành theo Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009; Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010-2020 theo Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010... Do đó, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã báo cáo Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ không ban hành thêm Đề án trên theo Quyết định số 89/QĐ-TTg mà thực hiện lồng ghép trong các Chương trình, Đề án đang triển khai thực hiện. Văn phòng Chính phủ đã đưa nội dung xây dựng Đề án trên ra khỏi Chương trình công tác của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ năm 2013.

- Năm 2018, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Hội Khuyến học Việt Nam ký chương trình phối hợp trong hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập và đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2018-2023.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Về phát triển hệ thống cơ sở dạy nghề

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 630/QĐ-TTg ngày 29/5/2012 phê duyệt Chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011-2020 trong đó xác định mục tiêu: Đến năm 2020, dạy nghề đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu nghề và trình độ đào tạo; chất lượng đào tạo của một số nghề đạt trình độ các nước phát triển trong khu vực ASEAN và trên thế giới; hình thành đội ngũ lao động lành nghề, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; phổ cập nghề cho người lao động, góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo vững chắc, đảm bảo an sinh xã hội. Việc phát triển cơ sở dạy nghề được quy định trong Chiến lược, cụ thể: Đến năm 2015 có khoảng: 190 trường cao đẳng nghề (60 trường ngoài công lập, chiếm 31,5%), trong đó có 26 trường chất lượng cao; 300 trường trung cấp nghề (100 trường ngoài công lập, chiếm 33%) và 920 trung tâm dạy nghề (320 trung tâm ngoài công lập, chiếm 34,8%). Mỗi tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất 1 trường cao đẳng nghề và 1 trung tâm dạy nghề kiểu mẫu; mỗi quận/huyện/thị xã có 1 trung tâm dạy nghề hoặc trường trung cấp nghề. Đến năm 2020 có khoảng: 230 trường cao đẳng nghề (80 trường ngoài công lập, chiếm 34,8%), trong đó có 40 trường chất lượng cao; 310 trường trung cấp nghề (120 trường ngoài công lập, chiếm 38,8%) và 1.050 trung tâm dạy nghề (350 trung tâm ngoài công lập, chiếm 33,3%), trong đó có 150 trung tâm dạy nghề

kiểu mẫu. Quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề tới nghề đào tạo, theo vùng, địa phương; chú trọng phân bố các trường chất lượng cao ở các vùng kinh tế động lực, hình thành các trung tâm đào tạo nghề ở các vùng; ưu tiên thành lập mới cơ sở dạy nghề ngoài công lập; khuyến khích hợp tác và thành lập các cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài. Có các cơ sở dạy nghề chuyên biệt đối với người khuyết tật, dạy nghề đối với người dân tộc thiểu số.

Thực hiện Chiến lược phát triển dạy nghề, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số Quyết định 826/QĐ-LĐTBXH ngày 07/7/2011 và Quyết định 854/QĐ-LĐTBXH ngày 06/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội phê duyệt danh mục nghề đầu tư trọng điểm và danh sách trường được đầu tư tập trung từ Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm và Dạy nghề giai đoạn 2011-2015, trong đó phê duyệt danh sách các trường được lựa chọn để xây dựng thành trường trọng điểm cấp độ quốc tế, trường trọng điểm khu vực ASEAN và trường trọng điểm cấp độ quốc gia để hỗ trợ đầu tư đồng bộ.

Đến nay, mạng lưới cơ sở các trường cao đẳng, trung cấp sau khi Chính phủ quyết định chuyển giao chức năng quản lý nhà nước đối với các trường cao đẳng, trường trung cấp từ Bộ Giáo dục và Đào tạo (theo Luật Giáo dục nghề nghiệp) sang Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội gồm có 1.954 cơ sở GDNN, gồm 394 trường cao đẳng, 515 trường trung cấp và 1.045 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên. Tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã có trường TCN, TCCN, CĐ, CĐN; đã quy hoạch mạng lưới trường chất lượng cao⁽⁷⁵⁾ và các nghề trọng điểm quốc gia, khu vực, quốc tế theo từng cơ sở GDNN, từng vùng, địa phương và trình độ đào tạo⁽⁷⁶⁾; hình thành và phát triển được một số trường nghề đặc thù để đào tạo cho người khuyết tật, người dân tộc thiểu số⁽⁷⁷⁾ và trường đào tạo các ngành năng khiếu (văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)⁽⁷⁸⁾,

⁷⁵Quyết định số 761/QĐ-TTg, ngày 23/5/2014 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020.

⁷⁶Quy định tại Quyết định số 854/QĐ-LĐTBXH ngày 06/6/2013 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH phê duyệt nghề trọng điểm và trường được lựa chọn nghề trọng điểm giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 1477/QĐ-LĐTBXH, ngày 22/10/2012 và quyết định 960/QĐ-LĐTBXH ngày 26/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt nghề trọng điểm và trường ngoài công lập, trường thuộc doanh nghiệp nhà nước được lựa chọn nghề trọng điểm giai đoạn 2012-2015, định hướng đến năm 2020.

⁷⁷Gồm 03 trường TCN với nhiệm vụ chủ yếu là DN cho người khuyết tật tại Thái Bình, Thanh Hóa; 01 trường CĐN thanh niên dân tộc Tây Nguyên; 12 trường TCN với nhiệm vụ chủ yếu là DN cho người dân tộc thiểu số tại 12 tỉnh, 03 trường CĐN có khoa DN cho người dân tộc thiểu số.

⁷⁸Trường văn hóa nghệ thuật gồm 12 trường CĐ, 27 trường trung cấp, trường đào tạo thể thao gồm 1 trường CĐ, 3 trường TC.

Thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 về chính sách hỗ trợ đối với cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong đó hỗ trợ: 61 huyện nghèo được đầu tư cơ sở vật chất thiết bị dạy nghề cho trung tâm dạy nghề theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; 30 huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 30-50% mới thành lập trung tâm dạy nghề năm 2009 được hỗ trợ đầu tư phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, ký túc xá, nhà công vụ cho giáo viên, nhà ăn, ô tô bán tải hoặc thuyền máy để chuyên chở thiết bị, cán bộ, giáo viên đi dạy nghề lưu động, thiết bị dạy nghề cho 4 nghề phổ biến và 3 - 5 nghề đặc thù của địa phương; 74 huyện miền núi, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số mới thành lập trung tâm dạy nghề năm 2009 được hỗ trợ đầu tư xưởng thực hành, ký túc xá; nhà công vụ cho giáo viên, nhà ăn, ô tô bán tải hoặc thuyền máy để chuyên chở thiết bị, cán bộ, giáo viên đi dạy nghề lưu động, thiết bị dạy nghề cho 3 nghề phổ biến và 3 - 4 nghề đặc thù của địa phương; 116 huyện đồng bằng mới thành lập trung tâm dạy nghề năm 2009 được hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề; 09 trường trung cấp nghề thủ công mỹ nghệ ở 09 tỉnh tập trung nhiều làng nghề truyền thống; hỗ trợ đầu tư thiết bị dạy nghề cho các trung tâm dạy nghề công lập huyện được đầu tư giai đoạn 2006-2009 nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu đảm bảo chất lượng dạy nghề và hỗ trợ mua sắm thiết bị dạy nghề cho 100 trung tâm giáo dục thường xuyên ở những huyện chưa có trung tâm dạy nghề để tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn.

Kết quả: đã có 623 cơ sở dạy nghề công lập được hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề để dạy nghề cho lao động nông thôn gồm: 357 trung tâm dạy nghề công lập cấp huyện, 100 trung tâm giáo dục thường xuyên, kỹ thuật tổng hợp – hướng nghiệp, 8 trường trung cấp nghề thủ công mỹ nghệ, 6 trường cao đẳng nghề, 74 trường trung cấp nghề (được nâng cấp từ trung tâm dạy nghề cấp huyện) 13 trung tâm giới thiệu việc làm, 17 trung tâm giáo dục lao động – xã hội và 48 trung tâm công lập khác có tham gia dạy nghề.

2.2. Kết quả mở rộng các hình thức dạy nghề ở các doanh nghiệp, công ty, dạy nghề gắn với sản xuất và dạy nghề ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa và lồng ghép tạo điều kiện cho các đối tượng lao động nông thôn, những người hết tuổi lao động, người nội trợ, người khuyết tật có điều kiện thuận lợi để học tập suốt đời.

a) Thực hiện việc dạy nghề gắn với doanh nghiệp, dạy nghề ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

* Về đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng theo Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

Theo báo cáo của các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương của các Đoàn thể trong cả nước, trong giai đoạn (2010-2020), đã có 10,4 triệu lao động nông thôn được học nghề các cấp trình độ, đạt 94,3% mục tiêu của Đề án (11,03 triệu người), trong đó số lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng là 5,8 triệu người, đạt 88,5% kế hoạch (6,558 triệu người) *của Đề án trong 11 năm 2010-2020*, trong đó:

- Giai đoạn (2010-2015), trong những năm đầu triển khai thực hiện Đề án, các địa phương tập trung triển khai các điều kiện tiền đề thực hiện Đề án, như: Tổ chức các hội nghị quán triệt Đề án tới cán bộ chủ chốt các cấp (tỉnh, huyện, xã); tổ chức tập huấn đối với cán bộ cấp huyện, xã nhằm tạo chuyển biến nhận thức của cán bộ về mục đích, ý nghĩa về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; hướng dẫn, thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về công tác dạy nghề cho lao động nông thôn, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, xây dựng danh mục nghề đào tạo, xây dựng chương trình, giáo trình tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Vì vậy, đến hết năm 2012, 100% tỉnh, thành phố đã cơ bản hoàn thành các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện Đề án đến cấp xã.

Trong 6 năm thực hiện (2010-2015), đã có trên 4,7 triệu lao động nông thôn được đào tạo nghề nghiệp, đạt 85% mục tiêu của giai đoạn (5,53 triệu người). Riêng số được hỗ trợ học nghề theo chính sách của Đề án 1956 là trên 2,74 triệu người, đạt trên 100% kế hoạch của giai đoạn 2010 – 2015 (2,718 triệu người), đạt 42% kế hoạch 11 năm của Đề án (KH 11 năm là 6,558 triệu người).

Trong số trên 2,74 triệu lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề, có trên 1,149 triệu người học nghề nông nghiệp (chiếm 36%), gần 1,591 triệu người học nghề phi nông nghiệp (chiếm 64%); trong đó: trên 588.000 người dân tộc thiểu số (chiếm 21.5%); 275.000 người thuộc hộ nghèo (chiếm 10%), 33.000 người khuyết tật (chiếm 1,2%); còn lại là các đối tượng lao động nông thôn khác.

Các địa phương, đã có trên 64.000 hộ nghèo có người tham gia học nghề đã thoát nghèo (chiếm 23,3% tổng số người thuộc hộ nghèo tham gia học nghề); trên 105.000 hộ có người tham gia học nghề, có việc làm và thu nhập cao hơn mức bình quân tại địa phương (trở thành hộ khá), chiếm 3,9% tổng số lao động nông thôn tham gia học nghề.

Tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm sau học nghề giai đoạn 2010-2015 là 79,6%, vượt mục tiêu Đề án đặt ra 9,6%.

- Giai đoạn (2016-2019), đã có 4,9 triệu lao động nông thôn được học nghề, đạt 89% kế hoạch giai đoạn (5,5 triệu người), trong đó, số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng 2,85 triệu người, đạt 74% kế hoạch giai đoạn (3,84 triệu người).

Trong tổng số 2,85 triệu lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề, có trên 0,85 triệu người học nghề nông nghiệp (chiếm 36%), khoảng 2 triệu người học nghề phi nông nghiệp (chiếm 64%); trong đó: 450.000 người dân tộc thiểu số (chiếm 15,8%); 200.000 người thuộc hộ nghèo (chiếm 7,02%), 60.000 người khuyết tật (chiếm 2,11%); còn lại là các đối tượng lao động nông thôn khác.

Các địa phương báo cáo có trên 100.000 hộ nghèo có người tham gia học nghề đã thoát nghèo (chiếm 24,3% tổng số người thuộc hộ nghèo tham gia học nghề); trên 165.000 hộ có người tham gia học nghề, có việc làm và thu nhập cao hơn mức bình quân tại địa phương (trở thành hộ khá), chiếm 2,3% tổng số lao động nông thôn tham gia học nghề.

Tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm sau học nghề giai đoạn 2016 - 2019 là 81,4%, vượt mục tiêu Đề án đặt ra 1,4%.

Theo báo cáo sơ bộ của các địa phương, tính đến hết tháng 11 năm 2020, cả nước có trên 800.000 lao động nông thôn được học nghề, bằng 80% kế hoạch năm (1 triệu người), trong đó, số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề theo Quyết định 1956/QĐ-TTg: 300.000 người. Ước thực hiện năm 2020, cả nước có khoảng 950.000 lao động nông thôn được học nghề (bằng 95% kế hoạch năm), trong đó, số LĐNT được hỗ trợ học nghề theo QĐ 1956: 350.000 người.

- Riêng về đào tạo nghề cho người hết tuổi lao động, người nội trợ được lồng ghép trong “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg.

* Về dạy nghề và tạo việc làm cho người khuyết tật:

Hiện nay, ước tính cả nước có 6,2 triệu người khuyết tật, trên 60% trong độ tuổi lao động (15-60 tuổi); khoảng 30% còn khả năng lao động và 75% số này đang tham gia hoạt động kinh tế, trên 70% hoạt động kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp; khoảng 80% hoạt động kinh tế dưới hình thức tự làm hoặc là lao động hộ gia đình, chỉ có khoảng 15% là lao động làm công ăn lương. Ước tính khoảng dưới 10% người khuyết tật đã qua đào tạo nghề, như vậy cả nước còn trên 1,2 triệu người khuyết tật trong độ tuổi lao động còn khả năng lao động cần được hỗ trợ dạy nghề.

Dạy nghề, tạo việc làm cho người khuyết tật là một trong những nội dung quan trọng trong công tác trợ giúp người khuyết tật ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng, là một trong những yếu tố căn bản đảm bảo thực hiện quyền người khuyết tật.

Trong lĩnh vực dạy nghề và giải quyết việc làm, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và tạo việc làm cho người khuyết tật đã được quy định trong nhiều văn bản Luật và các Đề án, cụ thể: Luật Người khuyết tật ngày 17/6/2010; Luật Dạy nghề năm 2006; Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014; nghị quyết số

84/2014/QH13 ngày 28/11/2014, kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII đã thông qua về việc phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật; Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; Quyết định 1019/QĐ-TTg ngày 05/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020; Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng.

Thực hiện Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, năm 2016 Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng, trong đó có đối tượng là người khuyết tật. Thông tư đã có những chính sách ưu tiên đào tạo nghề cho người khuyết tật như: Nâng mức hỗ trợ tiền ăn từ 15.000 đồng/người/ngày thực học lên 30.000 đồng/người/ngày thực học; nâng mức hỗ trợ tiền đi lại từ 200.000 đồng/người/khóa học lên 300.000 đồng/người/khóa học và rút ngắn khoảng cách hỗ trợ từ 15 km xuống còn 5 km trở lên nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú; mở rộng đối tượng hỗ trợ bằng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chương trình mục tiêu từ người khuyết tật là lao động nông thôn sang người khuyết tật là người lao động nông thôn và thành thị.... Đồng thời, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn các địa phương tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo nghề cho người khuyết tật, cụ thể: Công văn số 5383/LĐTBXH-TCDN ngày 30/12/2015 về việc hướng dẫn nhiệm vụ và tổ chức thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2016; công văn số 1484/LĐTBXH-TCDN ngày 05/5/2016 về việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong đó đã chỉ đạo các địa phương ưu tiên nguồn lực đào tạo nghề cho người khuyết tật; công văn số 2839/LĐTBXH-BTXH ngày 29/7/2016 chỉ đạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm tổ chức tư vấn học nghề, việc làm cho người khuyết tật và người tâm thần. Trong các văn bản của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Ban chỉ đạo Trung ương thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg đã chỉ đạo các địa phương ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề cho người khuyết tật, đảm bảo đào tạo nghề cho người khuyết tật đạt 10% chỉ tiêu đào tạo nghề hàng năm của địa phương và dành 20% kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề hàng năm của địa phương hỗ trợ đào tạo nghề cho người khuyết tật.

- Cùng với chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn, với ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề cho người khuyết tật và các chính sách, đề án, dự án do các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp và cá nhân trong nước thực hiện, số người khuyết tật được học nghề và tạo việc làm từ năm 2010 đến nay đã tăng đáng kể.

Ước tính mỗi năm cả nước có khoảng 20.000 người khuyết tật được hỗ trợ đào tạo nghề và tạo việc làm thông qua các chương trình hỗ trợ đào tạo nghề.

* Về hỗ trợ, tạo điều kiện cho người hết tuổi lao động được học tập suốt đời

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, cả nước có 10.144.400 người cao tuổi, chiếm 10,94% dân số. So với năm 2015, số người cao tuổi tăng 118.822 người. Trong đó có 5.138.000 người cao tuổi nữ (chiếm 50,65%); 6.636.000 người cao tuổi sống ở khu vực nông thôn (chiếm 65,7%); tỷ lệ người cao tuổi là người dân tộc thiểu số chiếm gần 10%.

Thực hiện Luật Người cao tuổi, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã chủ trì soạn thảo và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi, Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, Nghị định số 13/2010/NĐ-CP và Nghị định số 136/2013/NĐ-CP quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1781/QĐ-TTg ngày 22/11/2012 phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2012- 2020, Quyết định số 197/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 về kiện toàn Ủy ban Quốc gia về người cao tuổi. Ngoài ra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội còn phối hợp với các Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ ban hành các Thông tư của các Bộ hướng dẫn thực hiện các chính sách, chế độ đối với người cao tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi.

Các văn bản đã quy định chi tiết và hướng dẫn trợ giúp người cao tuổi, chăm sóc sức khỏe, chăm sóc văn hóa tinh thần, chúc thọ, mừng thọ, trợ giúp xã hội, phụng dưỡng người cao tuổi, phát huy vai trò người cao tuổi và quản lý hoạt động của các cơ sở chăm sóc người cao tuổi. Văn bản ban hành bảo đảm tính thống nhất và phù hợp theo quy định của luật. Đồng thời cũng đã đáp ứng tiến độ, chất lượng, quy trình, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai thực hiện các chế độ, chính sách đối với người cao tuổi.

Thực hiện Quyết định số 1781/QĐ-TTg ngày 22/11/2012 phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2012-2020, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ động phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Người cao tuổi, Ủy ban Quốc gia về Người cao tuổi Việt Nam... để thực hiện các hoạt động phát huy vai trò người cao tuổi. Trong đó tập trung bảo đảm các điều kiện để người cao tuổi phát huy trí tuệ, kinh nghiệm quý báu và phẩm chất tốt đẹp trong các lĩnh vực giáo dục truyền thống đoàn kết, yêu nước, yêu con người và thiên nhiên, kỹ năng, kinh nghiệm, kiến thức kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ và nghề truyền thống cho thế hệ trẻ, phát

triển kinh tế, giảm nghèo, làm giàu, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp tại cộng đồng.

Đến nay, cả nước có trên 350.000 người cao tuổi được suy tôn danh hiệu “Người cao tuổi sản xuất giỏi”, gần 100.000 người cao tuổi là chủ trang trại, chủ doanh nghiệp có uy tín, giải quyết việc làm cho hàng vạn lao động, đóng góp hàng nghìn tỷ đồng cho ngân sách nhà nước.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” và Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg trong đó bổ sung quy định giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, tùy vào điều kiện, khả năng ngân sách địa phương, bố trí và huy động thêm các nguồn kinh phí hợp pháp khác để hỗ trợ thêm cho các đối tượng khác có nhu cầu học nghề, trong đó có đối tượng là người cao tuổi.

2.3 Về công tác phối hợp với Hội Khuyến học Việt Nam

- Năm 2017, tổ chức 03 Hội nghị tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với việc học tập suốt đời và tổ chức khảo sát, xây dựng mô hình và kế hoạch triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với xây dựng các mô hình học tập trong cộng đồng tại 10 tỉnh, thành phố: Nam Định, Lào Cai, Thái Bình, Thái Nguyên, Hòa Bình, Thanh Hóa, Quảng Bình, Lâm Đồng, Bến Tre, Khánh Hòa; kiểm tra, giám sát việc thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng.

- Năm 2018, tổ chức 02 Hội nghị tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với việc học tập suốt đời tại tỉnh Ninh Bình, Cần Thơ; kiểm tra giám sát việc thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại tỉnh Quảng Nam.

Năm 2019, phối hợp với Hội Khuyến học Việt Nam dự kiến tổ chức giám sát việc thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với việc thực hiện học tập suốt đời tại 04 tỉnh: Hải Phòng, Quảng Ninh, Bạc Liêu, Cà Mau và giám sát việc triển khai thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” tại tỉnh Bắc Ninh, Vĩnh Phúc.

3. Một số khó khăn, giải pháp

3.1. Khó khăn

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo nghề cho người khuyết tật, người hết tuổi lao động còn có những khó khăn, hạn chế như:

- Nhận thức của xã hội và người dân về học nghề gắn với việc làm để có thu nhập còn hạn chế, nhất là những năm đầu triển khai Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Công tác tuyên truyền, vận động chưa đi vào chiều sâu,

hình thức chưa phong phú; sự phối hợp thực hiện ở các ngành, đoàn thể, địa phương còn nhiều hạn chế, chưa có sự phối hợp chặt chẽ.

- Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn còn gặp nhiều khó khăn, không đạt chỉ tiêu đề ra; hiệu quả hoạt động dạy nghề từng lúc, từng nơi chưa mang lại kết quả như mong muốn...

- Việc đặt hàng đào tạo nghề cho lao động nông thôn thuộc diện hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động bị thu hồi đất canh tác có khó khăn về kinh tế không đạt mục tiêu của Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” do nguồn kinh phí trung ương bố trí thấp hơn so với kế hoạch và vướng mắc trong triển khai thực hiện quy định về đấu thầu đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

- Kết quả, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn không đồng đều giữa các vùng trong cả nước. Các vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Tây Nguyên có số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề và tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm sau học nghề thấp hơn các vùng khác, trong khi kinh phí Trung ương hỗ trợ bình quân luôn bằng hoặc cao hơn mức hỗ trợ bình quân chung của các vùng khác trong cả nước

- Nhìn chung người dân đều đã có nhận thức về công tác xây dựng xã hội học tập nhưng bước chuyển từ nhận thức đến hành động vẫn còn có khoảng cách, vẫn còn tâm lý coi trọng nhiều hơn đối với giáo dục chính quy nên hiệu quả xây dựng xã hội học tập ở nhiều địa phương chưa cao.

- Việc bố trí kinh phí triển khai thực hiện ở nhiều địa phương còn hạn chế; chưa huy động được sự đóng góp của nhiều nguồn lực khác nên kết quả đạt được còn chưa cao.

3.2. Giải pháp

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp, hướng dẫn thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp để xây dựng hệ thống giáo dục nghề nghiệp mở, linh hoạt, liên thông và hệ thống chính sách hỗ trợ đào tạo cho các đối tượng tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người có nhu cầu đều có chương trình học, nơi đào tạo và được học nghề tại nhà trường, học tại doanh nghiệp, tại nơi làm việc, vừa làm vừa học, học trực tuyến, học từ xa, học liên tục, học suốt đời gắn với phong trào xây dựng xã hội học tập.

- Rà soát các chính sách đào tạo nghề, tạo việc làm cho đối tượng yếu thế, người nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật...phù hợp với quy định của luật pháp về lao động, luật giáo dục nghề nghiệp và các công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia. Đối với người khuyết tật, ban hành hướng dẫn về đào tạo nghề nghiệp và tạo việc làm cho người khuyết tật. Chỉ đạo các địa phương

hàng năm đảm bảo đào tạo nghề cho người khuyết tật chiếm ít nhất 10% chỉ tiêu đào tạo nghề và 20% tổng kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề của địa phương.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo từ xa phù hợp với mọi người để có thể tham gia học tại bất cứ nơi nào, thời gian nào phù hợp với điều kiện và trình độ của mình.

- Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, mở rộng các hình thức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo thường xuyên, đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn, giúp cho người lao động, đặc biệt là lao động nông thôn, người khuyết tật, người nội trợ và người cao tuổi dễ dàng tiếp cận với GDNN để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

- Triển khai thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg trong đó, các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp, phát triển nhân lực có kỹ năng nghề; tăng cường chuyển đổi số và đào tạo trực tuyến, chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên lực lượng lao động để tạo chuyển biến mạnh mẽ về quy mô, chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm người học có kỹ năng chuyên môn, kỹ năng số, kỹ năng mềm, kỹ năng khởi nghiệp và ngoại ngữ...thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động.

Trên đây là báo cáo tổng kết việc thực hiện Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 – 2020”. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trân trọng báo cáo./.

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

Tổng kết Quyết định số 1559/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển đào tạo từ xa giai đoạn 2015-2020”

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Trên cơ sở Quyết định số 1559/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Phát triển đào tạo từ xa giai đoạn 2015 - 2020” (Quyết định 1559), Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã ban hành Kế hoạch số 431/KH-BGDĐT ngày 22/6/2016 thực hiện Quyết định 1559 theo đó phân công nhiệm vụ cho một số đơn vị trực thuộc Bộ GDĐT, các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện Đề án. Cũng trên cơ sở Quyết định 1559, một số địa phương cũng đã ban hành kế hoạch cụ thể để triển khai như Sơn La, Phú Thọ, Quảng Ninh,...

- Hằng năm, Bộ GDĐT đã có chỉ thị về nhiệm vụ chủ yếu của ngành giáo dục⁷⁹ trong đó ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục được xác định là một trong những nhiệm vụ chủ yếu, trong đó có những nhiệm vụ và giải pháp như: *Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá một cách sáng tạo, thiết thực và hiệu quả. Xây dựng kho bài giảng e-Learning trực tuyến đáp ứng nhu cầu tự học và học tập suốt đời của người học, thu hẹp Khoảng cách tiếp cận các dịch vụ GDĐT có chất lượng của người học giữa các vùng, miền; tập trung xây dựng và khai thác sử dụng có hiệu quả kho bài giảng e-learning, kho học liệu số của ngành phục vụ nhu cầu tự học và đổi mới, sáng tạo trong hoạt động dạy và học; áp dụng mạnh mẽ phương pháp học trực tuyến (e-learning), kết hợp giữa phương pháp học truyền thống với học trực tuyến (blended learning).*

Bên cạnh đó, Bộ GDĐT cũng có Công văn số 4966/BGDĐT-CNTT ngày 31/10/2019 gửi các đại học, trường đại học, học viện, trường cao đẳng sư phạm, trường trung cấp sư phạm về việc triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ

⁷⁹ Các chỉ thị số 3031/CT-BGDĐT ngày 26/8/2016, 2699/CT-BGDĐT ngày 08/8/2017, 2919 /CT-BGDĐT ngày 10/8/2018, 2268/CT-BGDĐT ngày 08/8/2019

thông tin đối với các cơ sở giáo dục đại học, các trường cao đẳng sư phạm, trường trung cấp sư phạm trong đó có chỉ đạo các cơ sở đào tạo tăng cường các điều kiện đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả, đồng thời triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đổi mới nội dung, phương pháp dạy-học, kiểm tra đánh giá và nghiên cứu khoa học.

- Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, nhiều cơ sở đào tạo (đại học, trường đại học, học viện, trường cao đẳng sư phạm, trường trung cấp sư phạm) đã triển khai một số biện pháp để tổ chức đào tạo theo các phương thức đào tạo từ xa (ĐTTX) đối với một số học phần của các khoá đào tạo chính quy, vừa làm vừa học trong thời gian sinh viên không học tập trung do dịch Covid-19. Trước tình hình đó, Bộ GDĐT đã có Công văn số 795/BGDĐT-GDĐH ngày 13/3/2020 hướng dẫn các cơ sở đào tạo triển khai công tác đào tạo theo các phương thức ĐTTX⁸⁰ trong đó khuyến khích sử dụng phương thức đào tạo trực tuyến qua mạng⁸¹ nhằm ứng phó với dịch Covid-19. Công văn số 988/BGDĐT-GDĐH ngày 23/3/2020 về việc bảo đảm chất lượng ĐTTX trong thời gian phòng chống dịch COVID-19 gửi các trường đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng sư phạm và trường trung cấp sư phạm.

- Giao nhiệm vụ thực hiện đề tài cấp quốc gia và đề tài cấp bộ để thực hiện nghiên cứu phát triển ĐTTX:

+ Đề tài KHGD/16-20.ĐT.043 thuộc Chương trình Khoa học giáo dục cấp quốc gia: Nghiên cứu về phương thức học tập, đào tạo dựa trên công nghệ thông tin (E-learning) trong giáo dục đại học và đào tạo trực tuyến mở dành cho đại chúng MOOCs (Massive Online Open Courses): Kinh nghiệm thế giới và ứng dụng tại Việt Nam - Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Đề tài B2017-MHN-02 (cấp bộ): Xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình ĐTTX trình độ đại học của Việt Nam – Trường Đại học Mở Hà Nội.

- Để tổng kết việc triển khai thực hiện Đề án 1559, Bộ GDĐT đã có Công văn số 4780/BGDĐT-GDĐH ngày 09/11/2020 gửi các đại học, trường đại học, học viện về việc tổng kết thực hiện Đề án phát triển ĐTTX giai đoạn 2015-2020.

II. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Đề án

1. Về nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện các chính sách phát triển ĐTTX nhằm nâng cao chất lượng chương trình ĐTTX cấp văn bằng và khuyến khích các cơ sở giáo dục áp dụng công nghệ ĐTTX tiên tiến.

⁸⁰ Thông tư số 10/2017/TT-BGDĐT ban hành quy chế ĐTTX trình độ đại học

⁸¹ Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng

Bộ GDĐT đã triển khai xây dựng và ban hành các văn bản quy định về ĐTTX trong đó quy định cụ thể các tiêu chí bảo đảm chất lượng đối với chương trình ĐTTX cấp văn bằng, cụ thể:

- Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22/4/2016 quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng;

- Thông tư số 10/2017/TT-BGDĐT ngày 28/4/2017 ban hành Quy chế ĐTTX trình độ đại học (nội dung thay thế Quyết định số 40/2003/QĐ-BGDĐT ngày 08/8/2003 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế về tổ chức đào tạo, thi, kiểm tra, cấp chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp theo hình thức giáo dục từ xa);

- Thông tư 38/2020/TT-BGDĐT ngày 06/10/2020 quy định về liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ theo hình thức trực tuyến và hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến;

- Thông tư số 39/2020/TT-BGDĐT ngày 09/10/2020 quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình ĐTTX trình độ đại học.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (2018) chỉ quy định văn bằng giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm bằng cử nhân, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ và văn bằng trình độ tương đương. Thông tư số 27/2019/TT-BGDĐT ngày 30/12/2019 quy định nội dung chính ghi trên văn bằng và phụ lục văn bằng giáo dục đại học gồm: bằng cử nhân, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ và các văn bằng trình độ tương đương đã không quy định ghi hình thức đào tạo trên văn bằng với định hướng bỏ phân biệt bằng cấp đối với các hình thức đào tạo khác nhau (chính quy, vừa làm vừa học, ĐTTX).

2. Số cơ sở giáo dục có cung cấp chương trình ĐTTX cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân

Số lượng cơ sở GDĐH và chương trình ĐTTX cấp văn bằng đã tăng lên đáng kể sau khi Đề án 1559 được phê duyệt. Năm 2015, cả nước chỉ có 15 cơ sở GDĐH có chương trình ĐTTX cấp văn bằng với khoảng 90 chương trình ĐTTX cấp văn bằng (64 chương trình đào tạo có sinh viên). Đến nay, cả nước đã có 25 cơ sở GDĐH có mở chương trình ĐTTX cấp văn bằng trình độ đại học (chiếm 10,4% số lượng cơ sở GDĐH toàn quốc) với tổng số 178 chương trình ĐTTX trong đó 84 chương trình đào tạo có sinh viên.

Số lượng chương trình đào tạo theo phương thức truyền thống được duy trì, tuy nhiên cũng chỉ tập trung ở 02 đại học mở và Đại học Thái Nguyên với tổng số chương trình 24 (chiếm 13,5% tổng số chương trình ĐTTX).

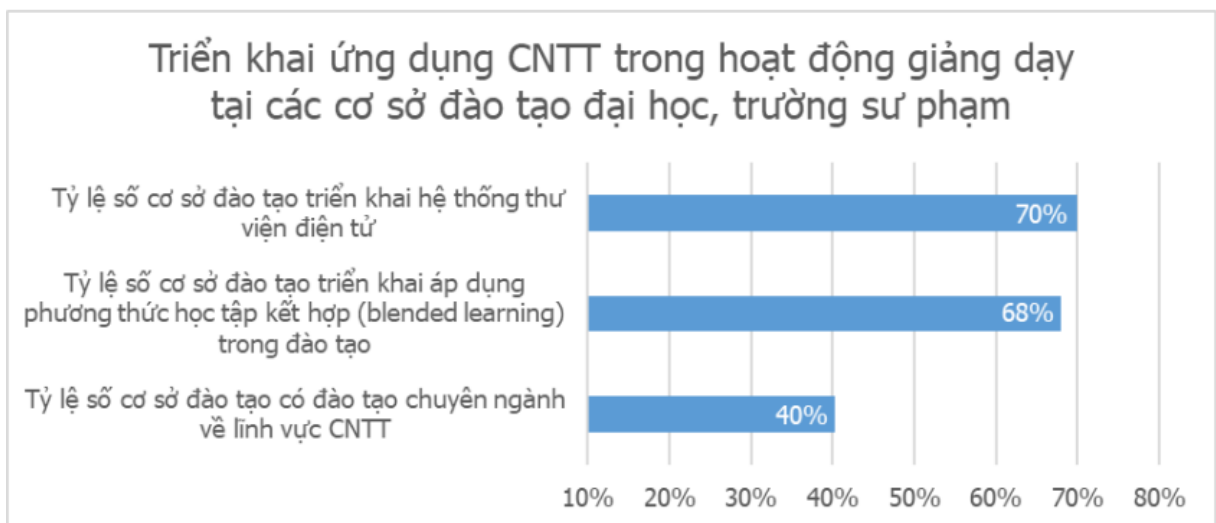
Về quy mô sinh viên, năm học 2015-2016, tổng số sinh viên theo học chương trình ĐTTX cấp văn bằng 87.294. Năm học 2019-2020, tổng quy mô ĐTTX còn 45.700 sinh viên. Về số lượng quy mô sinh viên giảm, một phần do

chủ trương không cho phép tiếp tục ĐTTX đối với sự phạm đồng thời do mạng lưới cơ sở giáo dục đại học cũng được mở rộng ở hầu hết các tỉnh, thành phố. Tuy nhiên, số lượng sinh viên tham gia chương trình đào tạo theo phương thức mạng máy tính, đào tạo trực tuyến qua mạng xu hướng tăng.

3. Số cơ sở giáo dục có đầu tư và sử dụng công nghệ ĐTTX tiên tiến để triển khai các chương trình ĐTTX cấp văn bằng

Các cơ sở giáo dục đại học ngày hầu hết đã đầu tư phát triển công nghệ đào tạo qua mạng để chuyển dần phương thức ĐTTX truyền thống sang đào tạo trực tuyến hoặc kết hợp truyền thống và trực tuyến.

Ngoài ra, một số cơ sở giáo dục đại học tuy chưa triển khai chương trình ĐTTX cấp văn bằng cũng đã đầu tư hệ thống LMS, LCMS và phòng studio để xây dựng học liệu số cung cấp cho sinh viên hệ chính quy và chuyển đổi dần mô hình đào tạo chính quy sang mô hình đào tạo blended (Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Thăng Long, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai,...). Theo báo cáo nhanh của các cơ sở giáo dục đại học, trên 68% cơ sở giáo dục đại học đã triển khai áp dụng phương thức học tập kết hợp (blended learning) trong đào tạo. Đồng thời, nhiều cơ sở giáo dục đại học đã triển khai đầu tư phát triển các phần mềm hỗ trợ đào tạo trực tuyến như: Moodle, Zoom Cloud Meetings, Google Hangout Meet, Google Classroom, MS Teams, SAKAI (LCMS), Livestream Studio 6 iSpring Suite, Cisco webex, Hệ thống LMS (Tổng công ty giải pháp doanh nghiệp Viettel - VBS), LOOP của ACP Singapore, Coursemos 2.0 (Dự án KOICA – Hàn Quốc), Trans (Công ty Nam Việt Telecom), Canvas LMS của công ty Instructure Global Ltd, Motivis, PMT EMS education của Công ty TNHH Tiến Bộ Sài Gòn; TDD online learning system của Công ty công nghệ ANTHENA.



Trong điều kiện dịch COVID-19, Bộ GDĐT đã phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông kêu gọi, huy động các tập đoàn, doanh nghiệp về công nghệ thông tin trong và ngoài nước (Viettel, VNPT, MISA, Microsoft Vietnam,...) chung tay với ngành giáo dục, hỗ trợ, tài trợ về hạ tầng công nghệ, phần mềm tổ chức dạy học trực tuyến, đường truyền internet. Qua đó, ngành giáo dục đã triển khai các hoạt động dạy học trực tuyến có hiệu quả, cụ thể đã có khoảng hơn 80% các trường triển khai dạy học trực tuyến với nhiều mức độ khác nhau, tùy thuộc vào điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, đường truyền internet ở các cơ sở giáo dục đại học. Dịch COVID-19 là thảm họa, khó khăn, thách thức chung cho toàn thế giới, nhưng cũng tạo ra cơ hội thúc đẩy ngành giáo dục tăng cường thêm triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyển đổi số, trong dạy học trực tuyến, tiến tới xây dựng một xã hội công bằng trong học tập, tạo môi trường học tập suốt đời, học mọi lúc, mọi nơi.

Hiện có trên 70% cơ sở giáo dục đại học đã triển khai hệ thống thư viện điện tử và triển khai hệ thống học tập e-Learning¹⁵ liên thông, chia sẻ học liệu với các cơ sở đào tạo đại học khác nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, đào tạo trong giáo dục đại học. Riêng khối kinh tế - kinh doanh, Bộ GDĐT đang chỉ đạo Trường Đại học Kinh tế Quốc dân triển khai dự án “Xây dựng Thư viện điện tử dùng chung cho các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam (chuyên sâu khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý)” với mục tiêu và quy mô hình thành Thư viện điện tử để các trường đại học thành viên thuộc mạng lưới VNEUs có thể tiếp cận với các học liệu điện tử và bài giảng trực tuyến nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu và học⁸². Tổng số sách và tài liệu điện tử là 4.252.702 trong đó 2.548.247 sách điện tử và tài liệu mua từ nước ngoài. Tỷ lệ đơn vị áp dụng e-learning vào các môn học cụ thể chiếm 35% số lượng khóa học trực tuyến đạt 11.269 khóa học tập. Thư viện điện tử sẽ tạo ra môi trường để các sinh viên, giảng viên, các nhà khoa học truy cập vào nguồn dữ liệu nội sinh và ngoại sinh; ứng dụng/khai thác bài giảng trực tuyến phục vụ cho quá trình giảng dạy/học tập, tạo nên tác động tích cực đến chất lượng giáo dục; kết nối và liên kết các nhà khoa học trong và ngoài nước để tạo ra nhiều công trình khoa học. Ngoài ra, Bộ GDĐT cũng đang chỉ đạo triển khai tăng cường năng lực cơ sở vật chất, ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng lực đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên, Trường Đại học Xây dựng, Trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông - Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế, Đại học Thái Nguyên, Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

⁸² Tổng số sách và tài liệu điện tử là 4.252.702 trong đó 2.548.247 sách điện tử và tài liệu mua từ nước ngoài. Tỷ lệ đơn vị áp dụng e-learning vào các môn học cụ thể chiếm 35% số lượng khóa học trực tuyến đạt 11.269 khóa học.

5. Số cán bộ quản lý, giảng viên tham gia thực hiện chương trình ĐTTX được bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng về ĐTTX.

Các giảng viên tham gia thực hiện chương trình ĐTTX cấp văn bằng đều được tập huấn kỹ năng về ĐTTX trước khi giảng dạy.

Nhằm ứng phó với dịch Covid-19, nhiều trường đã triển khai các biện pháp chuyển đổi sang phương thức đào tạo trực tuyến. Nhiều giảng viên đã được tập huấn, trang bị thêm những kỹ năng cần thiết để triển khai đào tạo qua mạng. Số lượng cán bộ quản lý, giảng viên trên toàn quốc được tập huấn kỹ năng ĐTTX khoảng 30-40%.

6. Tổ chức các hội nghị, hội thảo về ĐTTX, đào tạo trực tuyến

Bộ GDĐT đã chủ trì hoặc đồng chủ trì các hội thảo quốc gia và quốc tế, Hội nghị liên quan đến ĐTTX, cụ thể là:

- Hội thảo quốc tế về bảo đảm chất lượng đào tạo trực tuyến do Bộ GDĐT Việt Nam, Bộ Giáo dục Australia, Tổ chức các nền kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (APEC) vào ngày 16/3/2017 với sự tham gia của các chuyên gia giáo dục quốc tế, các nhà hoạch định chính sách phát triển giáo dục và một số cơ sở đào tạo, tổ chức có liên quan tới đào tạo trực tuyến.

- Hội thảo khoa học quốc gia “Hệ thống giáo dục mở trong bối cảnh tự chủ giáo dục và hội nhập quốc tế” ngày 16/5/2018 do Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội, Bộ GDĐT, Hiệp hội vì giáo dục mọi người Việt Nam đồng tổ chức.

- Ngày 23/8/2019, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ GDĐT phối hợp với Hội khuyến học Việt Nam tổ chức hội thảo khoa học “Vai trò của trường đại học với việc xây dựng tài nguyên giáo dục mở, đáp ứng yêu cầu và nhu cầu học tập suốt đời của người lớn”.

- Hội nghị trực tuyến về đào tạo trực tuyến giáo dục đại học trong dịch COVID-19 vào ngày 17/4/2020 với sự tham gia của đại diện Bộ Thông tin và Truyền thông, Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam, Hội khuyến học Việt Nam, các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, doanh nghiệp ICT và doanh nghiệp công nghệ đào tạo trực tuyến.

- Hội nghị trực tuyến về đánh giá chất lượng dạy học qua mạng Internet và trên truyền hình do Bộ GDĐT chủ trì với sự tham gia của đại diện các cơ sở giáo dục đại học và các sở GDĐT vào ngày 03/6/2020 nhằm đánh giá chất lượng việc dạy và học qua mạng Internet và trên truyền hình trong thời gian phòng, chống dịch COVID-19.

- Bộ GDĐT cũng đã phối hợp với Bộ Giáo dục Úc tổ chức buổi hội thảo tập huấn về công cụ bảo đảm chất lượng cho đào tạo trực tuyến (APEC online Education Workshop ngày 12-14/11/2019) và Buổi tập huấn bởi chuyên gia của Úc cho các cán bộ làm về bảo đảm chất lượng của Bộ GDĐT, trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục và một số cơ sở đào tạo của Việt Nam.

- Bên cạnh đó, các cơ sở GDĐT đã triển tổ chức một số hội thảo khoa học liên quan đến việc phát triển ĐTTX, đào tạo trực tuyến trong các hoạt động của Đề tài nghiên cứu khoa học hoặc nhiệm vụ thường xuyên của cơ sở giáo dục đại học.

B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Ưu điểm

ĐTTX đã có những đóng góp tích cực cho nền kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ đổi mới, đặc biệt trong việc nâng cao dân trí, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực tại chỗ cho các tỉnh vùng núi, vùng sâu vùng xa, hải đảo, đồng thời góp phần thực hiện bình đẳng trong giáo dục, tạo cơ hội cho người dân được học suốt đời, khắc phục được những khó khăn về khoảng cách địa lý giữa người học với các cơ sở đào tạo. Trong điều kiện cụ thể của nước ta hiện nay, hình thức này cần được phát triển mạnh mẽ vì nó là tiền đề để xây dựng xã hội học tập, đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế tri thức - một xu thế phát triển của kinh tế thế giới trong thế kỷ 21.

Đặc biệt trong bối cảnh dịch Covid-19 đang gây ra nhiều khó khăn cho việc duy trì học tập trực tiếp, thì việc đẩy mạnh ứng dụng ĐTTX sẽ khắc phục được những bất cập do gián đoạn học tập gây ra.

Qua 5 năm triển khai thực hiện Đề án, ĐTTX đã không còn là khái niệm xa lạ với người học và xã hội. Ở từng cấp độ đào tạo khác nhau đã có nhiều ứng dụng về công nghệ vào công tác đào tạo, giáo dục.

Nhiều cơ sở đào tạo (CSĐT) đại học đã ý thức được tầm quan trọng và xu thế phát triển ĐTTX, ĐTTT của thế giới, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 diễn ra rộng khắp trên toàn thế giới nên đã chủ động đầu tư phát triển công nghệ ĐTTX, đào tạo e-Learning.

Số lượng cơ sở giáo dục đại học ứng dụng công nghệ ĐTTX tiên tiến (e-Learning) ngày càng nhiều, thay thế dần các phương thức ĐTTX truyền thống.

Nhiều trường đã chủ động triển khai công tác đào tạo trực tuyến (đầu tư hệ thống đào tạo trực tuyến, mua sắm phần mềm quản lý học tập, quản lý nội dung học tập, tập huấn giảng viên,...; một số cơ sở đào tạo có được sự đồng thuận cao của giảng viên trong công tác triển khai đào tạo trực tuyến. Việc vận dụng yếu tố công nghệ vào giảng dạy làm cho hoạt động trở nên hiệu quả, sinh

động, tăng sự tương tác giữa giáo viên và người học khiến cho chất lượng đào tạo được nâng lên.

Khảo sát của Nhóm nghiên cứu thị trường Việt Nam Q&Me trong thời gian từ 10-18/3/2016 trên 500 sinh viên các trường đại học tại Việt Nam cho biết, các trường đại học đều xây dựng cổng thông tin điện tử để chuyển tải thông tin hoạt động và đều có sử dụng máy tính, máy chiếu trong quá trình giảng dạy; Hầu hết sinh viên đại học đều sử dụng các thiết bị điện tử như smartphone, laptop hoặc cả hai phương tiện này. Trong đó, có khoảng 40% sinh viên có liên hệ với giáo viên qua mạng xã hội, nhất là qua facebook. Việc sử dụng sách điện tử với tỷ lệ tăng hơn trước cũng giúp sinh viên giảm thiểu cả về thời gian lẫn chi phí trong quá trình học tập...

2. Tồn tại, hạn chế

Nhiều cơ sở đào tạo còn chưa quan tâm tới việc đầu tư cơ sở hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin phát triển ĐTTX.

Chưa triển khai kiểm định chất lượng chương trình ĐTTX. Hầu hết các cơ sở đào tạo chưa ban hành được quy định cụ thể về đào tạo trực tuyến.

Nhận thức của xã hội, cơ quan quản lý và người học về ĐTTX còn chưa đầy đủ và đúng đắn. Vẫn có sự phân biệt về bằng cấp đối với bằng ĐTTX. Xã hội, người tuyển dụng vẫn chưa đặt niềm tin vào chất lượng của các chương trình ĐTTX.

Các chính sách đầu tư cho ĐTTX ở cấp vĩ mô hầu như chưa có. Các CSĐT chủ yếu vẫn tự vận động. Mặc dù được đánh giá là quan trọng, là phương thức đào tạo chủ yếu của tương lai, mang lại nhiều lợi ích cho xã hội, người học nhưng ĐTTX chưa nhận được sự đầu tư hỗ trợ tương xứng.

Bên cạnh những thuận lợi, mô hình ĐTTX cũng đặt ra những thách thức không nhỏ đối với vấn đề giáo dục đào tạo. Có khá nhiều rào cản lớn đối với các khóa học trực tuyến như khoảng cách giữa người dạy và học, thói quen học, hạ tầng công nghệ... Doanh nghiệp đầu tư nội chủ yếu đến từ nhóm công nghệ thông tin và nhóm giáo viên muốn tham gia vào lĩnh vực đào tạo trực tuyến. Các nhà đầu tư nước ngoài lại thiên về việc đưa các chương trình đã thành công trên thế giới về Việt Nam nhưng phân địa phương hóa lại chưa đủ hấp dẫn, chưa tạo ra một thị trường sôi động. Trong khi, xã hội Việt Nam hiện nay tự duy bằng cấp vẫn còn nặng nề nhưng vẫn không nhiều doanh nghiệp có thể “đóng dấu” vào tấm bằng của người học sau khi tốt nghiệp. Chưa kể, đầu tư vào giáo dục trực tuyến hiện nay là bài toán chưa rõ chi phí. Ở mô hình đại học truyền thống, doanh nghiệp phải có giấy phép, có đất, có đội ngũ giáo viên cơ hữu, có thời gian biểu... Đây là các thông số cố định có thể tính toán giá học phí đầu ra để đảm bảo lợi nhuận. Còn với giáo dục trực tuyến, doanh nghiệp có thể bắt đầu

với chi phí rất thấp nhưng tốc độ mở rộng của nhóm này rất nhanh và không giới hạn về số lượng lần khung giờ tham gia, từ đó sẽ phát sinh nhiều chi phí không lường trước được...

Theo kết quả khảo sát của Quỹ Từ thiện Cộng đồng người sử dụng internet Việt Nam và Công ty Cổ phần VNG với 839 người tham gia trả lời, thì 3 rào cản đối với những người ôn thi/học trực tuyến là: Việc thu phí (35%); Phải kết nối internet thường xuyên (24%) và khó tìm kiếm đề thi/bài giảng cần thiết (16%). Còn theo khảo sát của DeltaViet (2014), “nội dung bài giảng hấp dẫn” và “được học với giảng viên uy tín” là yếu tố rất quan trọng để thu hút người học trực tuyến.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Việc ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình ĐTTX trình độ đại học còn chậm dẫn tới các trường không có cơ sở để triển khai chuẩn bị cho việc kiểm định các chương trình ĐTTX cấp văn bằng.

- Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị để phục vụ ĐTTX của các cơ sở đào tạo chưa đầy đủ và đồng bộ từ cả 2 phía (nhà trường và sinh viên) như đường truyền không ổn định, thiết bị chưa đáp ứng...

- Một số giảng viên, cán bộ quản lý... chưa kịp thích ứng với công nghệ.

- Một số sinh viên không có máy tính, thiết bị di động, đặc biệt là ở vùng sâu vùng xa, vùng khó khăn. Khả năng tự học, đọc tài liệu và hiểu kiến thức của sinh viên ở cấp độ rất thấp và thường bỏ cuộc khi gặp khó khăn. Một số giáo viên chưa kiểm soát được hoạt động học tập của sinh viên... Hiệu quả chưa cao đối với những nội dung/học phần cần sự tương tác giữa giảng viên và người học; học phần thực hành trong phòng thí nghiệm không thực hiện được. Việc kiểm tra, thi kết thúc học phần còn gặp khó khăn.

- Giá phần mềm bản quyền cao nên nhiều trường, nhất là các trường khó tuyển sinh, quy mô nhỏ, kinh phí hạn hẹp không thể sử dụng (Cisco webex)...

4. Giải pháp đã thực hiện

Để khắc phục một số bất cập, Bộ GDĐT đã ban hành Công văn số 795/BGDĐT-GDĐH ngày 13/3/2020, trong đó yêu cầu trường phải đảm bảo các điều kiện theo Thông tư số 10/2017/TT-BGDĐT và Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT; có hướng dẫn, đảm bảo thực hiện đồng bộ giữa người học và nhà trường (giảng viên và cán bộ quản lý).

Công văn số 795/BGDĐT-GDĐH cũng chỉ đạo các trường phải có tài liệu hướng dẫn cụ thể về kỹ năng thực hiện, quy trình thực hiện phù hợp với phần mềm lựa chọn. Đồng thời, chỉ đạo các trường căn cứ vào đặc điểm tình hình và

yêu cầu chương trình đào tạo để lựa chọn dạy online đối với học phần phù hợp, đảm bảo chất lượng đầu ra và chuẩn chương trình đào tạo.

Đồng thời, trong bối cảnh điều kiện thực tế hiện có, việc đào tạo trực tuyến có thể chấp nhận như biện pháp tình thế để phòng chống dịch; trước mắt, chưa đặt ra những tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt. Nhưng các cơ sở đào tạo vẫn phải có trách nhiệm thực hiện giải trình về các điều kiện đảm bảo chất lượng và đảm bảo chất lượng đầu ra của các học phần dạy trực tuyến.

Bộ GDĐT cũng đang rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế đào tạo các trình độ của giáo dục đại học trong đó dự kiến sẽ cho phép các cơ sở đào tạo tiến hành đào tạo trực tuyến tới 30% chương trình đào tạo chính quy các trình độ.

5. Bài học kinh nghiệm

a) Với cơ quan quản lý nhà nước

- Đẩy nhanh hơn nữa tiến độ xây dựng ban hành chính sách hỗ trợ, hướng dẫn, thúc đẩy và kiểm soát chất lượng ĐTTX.

- Tăng cường công tác phối kết hợp giữa các cơ quan, bộ ngành, địa phương trong việc xây dựng hành lang pháp lý, thu xếp nguồn lực đầu tư tạo điều kiện gỡ khó cho cơ sở đào tạo để thúc đẩy việc ĐTTX ở cả trung ương và địa phương.

- Kết nối với các bộ ngành, các doanh nghiệp để tạo điều kiện thuận lợi trong phát triển ĐTTX trong giáo dục đào tạo nói chung.

b) Với các cơ sở đào tạo

- Cơ sở đào tạo cần chủ động hơn trong việc xây dựng chương trình, đào tạo giảng viên, đầu tư ứng dụng công nghệ để đẩy mạnh công tác ĐTTX.

- Chủ động học tập chuyên giao công nghệ với các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài để học hỏi kinh nghiệm, rút ngắn thời gian triển khai, tăng hiệu quả.

- Chủ động tìm kiếm đối tác, nhà đầu tư để hợp tác tìm kiếm giải pháp về tài chính, công nghệ phục vụ cho việc xây dựng và phát triển hệ thống công nghệ ĐTTX.

C. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2030

1. Phương hướng, nhiệm vụ

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển ĐTTX ở các cơ sở giáo dục đại học trong đó tập trung phát triển áp dụng các công nghệ ĐTTX tiên tiến.

- Nâng cao chất lượng ĐTTX, theo đó tập trung công tác kiểm định chất lượng chương trình ĐTTX cấp văn bằng.

2. Giải pháp thực hiện

Nhằm hạn chế những thách thức cũng như tận dụng hiệu quả các cơ hội, tiềm năng sẵn có để thúc đẩy hình thức đào tạo ĐTTX, thời gian tới cần quan tâm chú trọng đến một nội dung sau:

Một là, hoàn thiện chính sách thúc đẩy phát triển ĐTTX; triển khai, tuyên truyền, nhân rộng ĐTTX không chỉ có ngành Giáo dục mà còn với toàn xã hội; Tăng cường hợp tác doanh nghiệp trong việc xây dựng các hệ thống ĐTTX của các nước.

Hai là, nâng cấp hạ tầng phục vụ ĐTTX, hạ tầng tốt đóng vai trò quan trọng, quyết định thành công việc triển khai dạy - học trực tuyến, trong khi việc phát triển cơ sở hạ tầng để phục vụ E-Learning với việc cải cách và nâng cấp không thể diễn ra trong ngắn hạn. Vì thế, các cơ sở đào tạo cần phân bổ về tài chính cũng như sắp xếp về thời gian hợp lý để vẫn tiếp tục thực hiện đồng thời cả hai hoạt động giảng dạy và nâng cấp hạ tầng mà không ảnh hưởng tới người học.

Ba là, đề chuẩn bị cho một đội ngũ nhân lực có trình độ cao sẵn sàng cho Cách mạng công nghiệp 4.0, cần có hình thức đào tạo đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu dạy học hiện đại nhất, như có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin dạy học, có khả năng sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại và quan trọng hơn cả là năng lực tự học, tự nghiên cứu khoa học.

Bốn là, các cơ sở đào tạo trực tuyến có uy tín và kinh nghiệm trong nước cũng cần nghiên cứu mở thêm các khóa đào tạo định kỳ về phương pháp học tập cho người học hay các lớp nâng cao kỹ năng giảng dạy cho đội ngũ người hướng dẫn, người giảng dạy nhằm hướng tới sự thay đổi toàn diện cả về chất và lượng cho đào tạo trực tuyến. ĐTTX tuy có nhiều ưu điểm hơn so với phương pháp dạy học truyền thống nhưng cũng chưa hẳn là một giải pháp hoàn hảo và cũng không thể thay thế hoàn toàn phương pháp dạy học truyền thống. Vì vậy, cần có hướng kết hợp là sử dụng ĐTTX và những phương pháp giảng dạy truyền thống song song. Người học có thể thực hiện mọi hoạt động học tập có thể trên mạng internet, tham gia như đang học trên một khóa học thực sự.

Năm là, thực hiện các chiến dịch truyền thông hiệu quả cho các chương trình ĐTTX, góp phần đưa E-Learning đến với mọi tầng lớp dân cư, từ đó khuyến khích tinh thần học tập cũng như rút ngắn những rào cản mà đào tạo truyền thống mang lại.

Sáu là, xây dựng hệ sinh thái chuyển đổi số trong GDĐT, phát triển đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thúc đẩy phát triển ĐTTX nhằm góp phần thực

hiện các mục tiêu chuyển đổi số quốc gia (xây dựng và phát triển VN-MOOC, hệ thống tài nguyên giáo dục mở kết nối Hệ tri thức Việt số hoá,...)

D. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Phát triển và nâng cao chất lượng ĐTTX là tất yếu bởi nếu ĐTTX của nước nhà không phát triển và không đáp ứng được nhu cầu thì người dân sẽ dần hướng tới học tập tại các cơ sở nước ngoài trong bối cảnh phát triển rất mạnh của ĐTTX trong khu vực và thế giới. Tuy nhiên, ngoài việc tạo cơ hội cho mọi người được học tập, được tiếp cận kiến thức, khoa học, kỹ thuật, chúng ta cần đặc biệt quan tâm đến các vấn đề nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, gây dựng được niềm tin của xã hội đối với loại hình đào tạo này.

Để phát triển bền vững ĐTTX trong thời gian tới, cần tập trung giải quyết các vấn đề: quy hoạch lại mạng lưới ĐTTX; đổi mới công nghệ ĐTTX cho phù hợp với xu thế phát triển của các nước trong khu vực và thế giới, phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; ĐTTX phải là hình thức giáo dục mở, tạo cơ hội cho tất cả mọi người được học tập, được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phục vụ trực tiếp cho công việc; chính sách cho ĐTTX phải linh hoạt về thời gian đào tạo, áp dụng triệt để việc đào tạo theo tín chỉ; tăng cường kiểm định các chương trình ĐTTX; tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá chặt chẽ, nghiêm túc nhằm nâng cao chất lượng ĐTTX.

Nhà nước cần phải quan tâm đầu tư hơn nữa cho hai trường Đại học Mở của Việt Nam là Trường Đại học Mở Hà Nội ở phía Bắc và Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh ở phía Nam bởi sứ mạng của hai trường đại học khi ra đời là ĐTTX.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CÓ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA CẤP VĂN BẰNG

STT	Tên trường	STT	Ngành đào tạo	Phương thức ĐTTX
1	Trường Đại học Mở Hà Nội	1	Quản trị kinh doanh	Kết hợp Thư tín, Phát thanh - Truyền hình và Trực tuyến (E-Learning)
		2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Kết hợp Thư tín, Phát thanh - Truyền hình và Trực tuyến (E-Learning)
		3	Kế toán	Kết hợp Thư tín, Phát thanh - Truyền hình và Trực tuyến (E-Learning)
		4	Tài chính – Ngân hàng	Kết hợp Thư tín, Phát thanh - Truyền hình và Trực tuyến (E-Learning)
		5	Công nghệ thông tin	Kết hợp Thư tín, Phát thanh - Truyền hình và Trực tuyến (E-Learning)
		6	Ngôn ngữ Anh	Kết hợp Thư tín, Phát thanh - Truyền hình và Trực tuyến (E-Learning)
		7	Luật kinh tế	Kết hợp Thư tín, Phát thanh - Truyền hình và Trực tuyến (E-Learning)
		8	Luật	Kết hợp Thư tín, Phát thanh - Truyền hình và Trực tuyến (E-Learning)
		9	Ngôn ngữ Trung Quốc	Kết hợp Thư tín, Phát thanh - Truyền hình và Trực tuyến (E-Learning)
2	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	10	Công tác xã hội	truyền thống
		11	Xã hội học	truyền thống
		12	Quản trị kinh doanh	truyền thống, qua mạng
		13	Kế toán	truyền thống, qua mạng
		14	Tài chính – Ngân hàng	truyền thống, qua mạng
		15	Ngôn ngữ Anh	truyền thống, qua mạng
		16	Luật kinh tế	truyền thống, qua mạng
		17	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	truyền thống
		18	Công nghệ sinh học	truyền thống
		19	Đông Nam Á học	truyền thống

		20	Kinh doanh quốc tế	Truyền thông, qua mạng
		21	Kinh tế	truyền thông
		22	Khoa học máy tính	truyền thông
		23	Luật	truyền thông, qua mạng
		24	Quản trị nhân lực	Truyền thông, qua mạng
		25	Kiểm toán	Truyền thông, qua mạng
		26	Quản lý xây dựng	truyền thông
3	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	27	Quản lý giáo dục	Truyền thông, qua mạng
		28	Công tác xã hội	Truyền thông, qua mạng
4	Trường Đại học Trà Vinh	29	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính
		30	Kế toán	Mạng máy tính
		31	Quản trị kinh doanh	Mạng máy tính
		32	Ngôn ngữ Anh	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		33	Luật	Mạng máy tính
		34	Sư phạm Ngữ văn	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		35	Kinh tế	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		36	Tài chính - Ngân hàng	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		37	Sư phạm mầm non	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		38	Nông nghiệp	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		39	Quản trị văn phòng	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		40	Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		41	Ngôn ngữ Khmer	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		42	Nuôi trồng thủy sản	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		43	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		44	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		45	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		46	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		47	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		48	Công nghệ kỹ thuật hoá học	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính

		49	Âm nhạc học	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		50	Thiết kế công nghiệp	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		51	Văn hoá học	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		52	Chính trị học	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		53	Quản lý nhà nước	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		54	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		55	Khoa học vật liệu	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		56	Toán ứng dụng	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		57	Kỹ thuật môi trường	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		58	Công nghệ thực phẩm	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		59	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		60	Công tác xã hội	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		61	Thú y	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		62	Công nghệ sinh học	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		63	Thương mại điện tử	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		64	Quản lý thể dục thể thao	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		65	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
5	Đại học Huế (Viện Đào tạo mở và CNTT - ĐH Huế)	66	Sư phạm Toán học	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		67	Sư phạm Sinh học	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		68	Sư phạm Ngữ Văn	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		69	Sư phạm Lịch sử	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		70	Sư phạm Địa lý	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		71	Sư phạm Tiếng Anh	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính

		72	Giáo dục Tiểu học	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		73	Giáo dục Mầm non	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		74	Luật	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		75	Quản trị Kinh doanh	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		76	Kế toán	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		77	Sư phạm Hóa học	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		78	Sư phạm Vật lý	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		79	Giáo dục Chính trị	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		80	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		81	Ngôn ngữ Anh	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		82	Công nghệ thông tin	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		83	Báo chí	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		84	Công tác xã hội	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		85	Bất động sản	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		86	Luật kinh tế	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
6	Đại học Đà Nẵng (Trung tâm Đào tạo thường xuyên)	87	Quản trị kinh doanh	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		88	Kế toán	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		89	Ngôn ngữ Anh	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		90	Giáo dục Mầm non	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		91	Giáo dục Tiểu học	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		92	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		93	Kỹ thuật xây dựng	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính
		94	Luật	Kết hợp Thư tín và Mạng máy tính

		95	Quản lý Nhà nước	Kết hợp Thư tin và Mạng máy tính
7	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	96	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính
		97	Kỹ thuật điện tử, viễn thông	Mạng máy tính
		98	Quản trị kinh doanh	Mạng máy tính
8	Trường Đại học Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	99	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính
9	Trường Đại học Bách khoa - ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh	100	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính
10	Trường Đại học KHTN - ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh	101	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính
11	Trường Đại học KHXHNV - ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh	102	Việt Nam học	Mạng máy tính
12	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	103	Kế toán	Mạng máy tính
		104	Quản trị kinh doanh	Mạng máy tính
		105	Tài chính - Ngân hàng	Mạng máy tính
		106	Luật kinh tế	Mạng máy tính
13	Trường Đại học Hà Nội	107	Ngôn ngữ Anh	Mạng máy tính
14	Trường Đại học Bình Dương	108	Quản trị kinh doanh	Mạng máy tính
		109	Luật kinh tế	Mạng máy tính
		110	Kế toán	Mạng máy tính
		111	Tài chính – Ngân hàng	Mạng máy tính
15	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	112	Kế toán	Mạng máy tính
		113	Tài chính – Ngân hàng	Mạng máy tính
		114	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính
16	Trường Đại học Duy Tân	115	Quản trị kinh doanh	Mạng máy tính
		116	Kế toán	Mạng máy tính
		117	Tài chính - Ngân hàng	Mạng máy tính
		118	Ngôn ngữ Anh	Mạng máy tính
		119	Kỹ thuật phần mềm	Mạng máy tính
		120	Luật kinh tế	Mạng máy tính

		121	Kỹ thuật xây dựng	Mạng máy tính
17	Trường Đại học Cần Thơ	122	Quản trị kinh doanh	Kết hợp truyền thống và mạng máy tính
		123	Luật	Kết hợp truyền thống và mạng máy tính
		124	Tài chính - Ngân hàng	Kết hợp truyền thống và mạng máy tính
		125	Kế toán	Kết hợp truyền thống và mạng máy tính
		126	Bảo vệ thực vật	Kết hợp truyền thống và mạng máy tính
		127	Thông tin - Thư viện	Kết hợp truyền thống và mạng máy tính
		128	Ngôn ngữ Anh	Kết hợp truyền thống và mạng máy tính
		129	Phát triển nông thôn	Kết hợp truyền thống và mạng máy tính
18	Trường Đại học Vinh	130	Kế toán	Kết hợp truyền thống và mạng máy tính
		131	Giáo dục mầm non	Kết hợp truyền thống và mạng máy tính
		132	Luật	Kết hợp truyền thống và mạng máy tính
		133	Quản trị kinh doanh	Kết hợp truyền thống và mạng máy tính
		134	Công tác xã hội	Kết hợp truyền thống và mạng máy tính
		135	Quản lý tài nguyên và môi trường	Kết hợp truyền thống và mạng máy tính
		136	Khuyến nông	Kết hợp truyền thống và mạng máy tính
		137	Kinh tế nông nghiệp	Kết hợp truyền thống và mạng máy tính
		138	Công nghệ thông tin	Kết hợp truyền thống và mạng máy tính
19	Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh	139	Quản trị kinh doanh	Mạng máy tính
		140	Ngôn ngữ Anh	Mạng máy tính
		141	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính
		142	Tài chính - Ngân hàng	Mạng máy tính
		143	Kế toán	Mạng máy tính
		144	Luật kinh tế	Mạng máy tính
20	Đại học Thái Nguyên	145	Luật	Đào tạo truyền thống
		146	Kế toán	Đào tạo E-Learning
		147	Kế toán	Đào tạo truyền thống
		148	Quản trị kinh doanh	Đào tạo E-Learning
		149	Công nghệ thông tin	Đào tạo E-Learning

		150	Thông tin - Thư viện	Đào tạo truyền thống
		151	Quản lý đất đai	Đào tạo truyền thống
		152	Ngôn ngữ Anh	Đào tạo truyền thống
		153	Luật kinh tế	Đào tạo E-Learning
		154	Tài chính ngân hàng	Đào tạo E-Learning
		155	Giáo dục mầm non	Đào tạo truyền thống
		156	Giáo dục tiểu học	Đào tạo truyền thống
21	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	157	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính
		158	Quản trị kinh doanh	Mạng máy tính
		159	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	Mạng máy tính
22	Trường Đại học FPT	160	Kỹ thuật phần mềm	Mạng máy tính
23	Trường Đại học Ngoại Thương	161	Quản trị kinh doanh	Mạng máy tính
		162	Kinh tế quốc tế	Mạng máy tính
		163	Luật	Mạng máy tính
24	Trường Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị	164	Tài chính - Ngân hàng	Mạng máy tính
		165	Kế toán	Mạng máy tính
		166	Quản trị kinh doanh	Mạng máy tính
		167	Bất động sản	Mạng máy tính
		168	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	Mạng máy tính
		169	Quản lý nhà nước	Mạng máy tính
		170	Luật kinh tế	Mạng máy tính
		171	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	Mạng máy tính
		172	Ngôn ngữ Anh	Mạng máy tính
		173	Ngôn ngữ Nga	Mạng máy tính
		174	Ngôn ngữ Trung quốc	Mạng máy tính
		175	Công nghệ Thông tin	Mạng máy tính
25	Trường Đại học Thành Đông	176	Luật kinh tế	Mạng máy tính
		177	Quản trị kinh doanh	Mạng máy tính

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2020***BÁO CÁO****Kết quả thực hiện Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2020” theo Quyết định số 692/QĐ-TTg ngày 04/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ**

Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2020” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 692/QĐ-TTg ngày 04/5/2013 (sau đây gọi là Đề án 692) với quan điểm chỉ đạo: “mở rộng độ tuổi xóa mù chữ (XMC) đến 60 đối với mọi công dân chưa biết chữ và ưu tiên XMC cho phụ nữ, trẻ em gái, người dân tộc thiểu số (DTTS) và những người sinh sống ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”, nhằm mục tiêu đến năm 2020 “đạt tỷ lệ 98% người biết chữ độ tuổi 15-60, trong đó người DTTS là 90%; đạt tỷ lệ 99% người biết chữ độ tuổi 15-35, người DTTS là 92%”.

Trên cơ sở tổng hợp kết quả tổng kết của các địa phương, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) báo cáo như sau:

Phần I**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN “XÓA MÙ CHỮ ĐẾN NĂM 2020”****I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN****1. Về phía Bộ GDĐT**

- Tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 20/2014/NĐ-CP về phổ cập giáo dục, XMC;
- Ban hành Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP của Chính phủ.
- Phối hợp Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 07/2018/TT-BTC hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020”;
- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền theo chuyên đề về công tác XMC trên Báo Giáo dục thời đại (báo giấy và báo online).

- Xây dựng và hoàn thiện phần mềm quản lý Phổ cập giáo dục - XMC thống nhất trong toàn quốc. Đảm bảo các địa phương điều tra, thống kê số liệu đầy đủ, chính xác, khoa học và cập nhật hằng năm.

- Ký kết Chương trình phối hợp với Bộ tư lệnh bộ đội biên phòng về đẩy mạnh công tác XMC, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học khu vực biên giới, hải đảo.

- Ký kết Chương trình phối hợp hoạt động khuyến học, khuyến tài xây dựng xã hội học tập với Hội Khuyến học Việt Nam, Hội Cựu giáo chức Việt Nam, Hội Người cao tuổi Việt Nam.

- Tổ chức tập huấn đổi mới phương pháp XMC cho cán bộ quản lý, giáo viên dạy XMC các địa phương; tập huấn chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm cho cán bộ, chiến sỹ biên phòng tham gia dạy XMC; tập huấn chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm cho cán bộ giáo dục dạy XMC các trại giam, trường giáo dưỡng của Bộ Công an .

- Tổ chức các hội thảo bàn về các giải pháp XMC hiệu quả cho đồng bào các DTTS theo các khu vực (miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và miền Trung, đồng bằng Sông Cửu Long).

- Tổ chức biên soạn tài liệu giảng dạy trong các trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCĐ) góp phần củng cố kết quả XMC.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát công tác XMC ở các địa phương.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, công nhận các tỉnh/thành phố đạt chuẩn Phổ cập giáo dục - XMC theo quy định tại Nghị định số 20 của Thủ tướng Chính phủ và và Thông tư số 07 của Bộ GDĐT.

- Sau khi Luật Giáo dục 2019 có hiệu lực thi hành (tháng 7/2020), Bộ GDĐT đã triển khai xây dựng Chương trình XMC mới phù hợp Luật Giáo dục 2019 và Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, dự kiến ban hành trong năm 2021.

2. Triển khai Đề án 692 ở các địa phương

- 100% các tỉnh/thành phố đã tổ chức kiện toàn Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục - XMC các cấp và phê duyệt Kế hoạch XMC đến năm 2020 của địa phương.

- Ký kết và triển khai thực hiện các Chương trình phối hợp hoạt động đẩy mạnh công tác XMC với các đơn vị, tổ chức (Hội phụ nữ, Hội Nông dân, Bộ đội biên phòng, Hội Khuyến học, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, ...) trên địa bàn tỉnh/thành phố.

- Nhiều địa phương đã có những giải pháp sáng tạo, vận động được người lớn tuổi (trên 35 tuổi) ra học các lớp XMC; vận động được nhiều

giáo viên đã nghỉ hưu tình nguyện dạy XMC; mở các lớp học trên thuyền, tại các cụm dân cư, ...

- Các tỉnh miền núi đã có nhiều cố gắng phối hợp với bộ đội biên phòng và các tổ chức xã hội để mở các lớp XMC cho đồng bào DTTS, đặc biệt là các DTTS rất ít người.

Một số địa phương đã có nhiều hoạt động sáng tạo trong công tác XMC như:

Tỉnh Quảng Ninh tổ chức, duy trì và phát triển tốt các lớp XMC trên biển cho người dân các làng chài. Tỉnh Bắc Giang, tỉnh Hòa Bình: Áp dụng hiệu quả phương pháp REFLECT để dạy XMC cho đồng bào DTTS. Tỉnh Yên Bái tăng cường thời gian thực hành nói tiếng Việt cho người DTTS. Tỉnh Hà Giang huy động giáo viên các trường tiểu học, cán bộ hưu trí, hội viên các hội (Hội khuyến học, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội nông dân,...) tham gia dạy XMC. Tỉnh Sơn La tổ chức bồi dưỡng tiếng nói, văn hóa, phong tục, tập quán của các DTTS cho giáo viên dạy XMC cho đồng bào DTTS, phương pháp giáo dục hòa nhập cho giáo viên dạy XMC cho người khuyết tật. Tại các xã biên giới, cán bộ, chiến sỹ Bộ đội biên phòng trực tiếp tham gia dạy XMC.

Một số địa phương ngoài việc thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của Bộ Tài chính còn có thêm chính sách của địa phương hỗ trợ giáo viên và học viên học XMC (tỉnh Lai Châu, tỉnh Hòa Bình hỗ trợ/ trợ cấp gạo/tiền mặt/ngày công lao động cho học viên XMC. Tỉnh Hòa Bình hỗ trợ thêm kinh phí cho giáo viên dạy vào các buổi tối, thứ bảy, chủ nhật và thực hiện miễn, giảm công lao động công ích cho học viên các lớp XMC. Tỉnh Bắc Giang huy động được một số giáo viên dạy XMC trên tinh thần tự nguyện, không nhận thù lao từ nhà nước. Tỉnh Yên Bái, trong hệ tổ chức cho học sinh THPT trên địa bàn tham gia lao động sản xuất giúp các gia đình có người học XMC, huy động sinh viên các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia công tác trợ giảng tại các lớp học XMC,...).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

Theo số liệu thống kê từ báo cáo của các địa phương trong gần 8 năm qua đã XMC cho 164.063 người và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ cho 96.934 người trong độ tuổi 15 – 60, nâng tỷ lệ biết chữ độ tuổi từ 15 – 60 là 97,85% (*gần đạt mục tiêu của Đề án*) và tỷ lệ biết chữ độ tuổi từ 15 – 35 là 99,3% (*vượt mục tiêu của Đề án*).

Đối với 14 tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (*theo Phụ lục của Đề án XMC*) tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15 – 60 là 93,1% (*gần đạt mục tiêu của Đề án*) và trong độ tuổi 15 – 35 là 96,7% (*vượt so với mục tiêu đề ra trong Đề án*).

Tỷ lệ người DTTS biết chữ trong độ tuổi 15 – 60 đạt 93,41% và trong độ tuổi 15 – 60 đạt 97,08% (*vượt từ 3-5% so với mục tiêu đề ra trong Đề án*).

Số xã đạt chuẩn mức 1 là 100% và đạt chuẩn mức 2 là 93,5% (*gần đạt mục tiêu của Đề án*); Số huyện đạt chuẩn mức 1 là 100% và đạt chuẩn mức 2 là 83,4% (*còn cách xa mục tiêu của Đề án*); Số tỉnh đạt chuẩn mức 1 là 50,8% và đạt chuẩn mức 2 là 49,2% (*còn cách rất xa mục tiêu của Đề án*).

Trung bình mỗi năm huy động được khoảng 30.000 người mù chữ từ 15-60 tuổi tham gia học các lớp XMC (từ lớp 1 đến lớp 3); huy động được 25 000 người đã được công nhận biết chữ (học hết lớp 3) và những người đang học dở lớp 4, lớp 5 tham gia các lớp học giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ (từ lớp 4 đến lớp 5).

Hàng năm, có khoảng 18-20 triệu lượt người tham gia các lớp chuyên đề (bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng trong các TTHTCĐ) nhằm duy trì, củng cố kết quả XMC một cách bền vững.

III. NHỮNG HẠN CHẾ, BẤT CẬP VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Ở một số địa phương, công tác XMC chưa được các cấp chính quyền thực sự quan tâm, nhận thức của người dân về công tác XMC còn hạn chế, chưa thấy rõ được ý nghĩa, vai trò và lợi ích của việc biết chữ đối với cuộc sống của mỗi cá nhân và sự phát triển chung của cộng đồng.

Sự chỉ đạo của chính quyền các cấp và ngành giáo dục ở các địa phương đối với công tác XMC không còn thực sự ráo riết, quyết liệt như trước kia, nói đúng hơn là công tác XMC ở một số địa phương không được coi trọng. Vì vậy, hiệu quả XMC không cao, kết quả XMC không bền vững, hiện tượng tái mù chữ gia tăng đáng kể.

2. Công tác điều tra cơ bản số người mù chữ hàng năm của các địa phương chưa được coi trọng, số liệu báo cáo không cập nhật và chưa sát thực tế, ảnh hưởng đến việc xây dựng, ban hành các quyết sách phù hợp.

3. Các địa phương có tư tưởng bằng lòng với kết quả XMC đã đạt được, chưa tích cực tuyên truyền, động viên người mù chữ đi học. Số lượng người theo học các lớp XMC còn ít so với số người còn mù chữ. Trung bình mỗi năm huy động chỉ được khoảng 30 000 người mù chữ từ 15-60 tuổi tham gia học các lớp XMC (từ lớp 1 đến lớp 3); huy động được 25 000 người đã được công nhận biết chữ (học hết lớp 3) và những người đang học dở lớp 4, lớp 5 tham gia các lớp học giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ (từ lớp 4 đến lớp 5).

4. Hiện nay, công tác vận động bà con tham gia lớp học xóa mù và duy trì sĩ số lớp học là công việc khó nhất. Nguyên nhân là do người mù chữ hiện nay chủ yếu là người lớn tuổi, người các DTTS, sinh sống ở các vùng sâu, xa nên ngại đi học. Hầu hết người mù chữ lại thuộc các hộ

nghèo, đời sống kinh tế còn rất khó khăn, do vậy, lao động để kiếm sống đối với họ cấp bách hơn việc đi học XMC. Đối với đồng bào DTTS, sau khi biết chữ lại không có hoặc ít có cơ hội sử dụng tiếng Việt nên rất dễ tái mù. Bản thân người dân không nhận thức được tại sao phải biết chữ.

5. Đội ngũ giáo viên dạy XMC thiếu tính chuyên nghiệp. Ngoài đội ngũ giáo viên trong biên chế của các cơ sở GDTX, giáo viên dạy XMC được huy động từ giáo viên phổ thông, giáo viên nghiệp dư (cán bộ các cơ quan, tổ chức xã hội, đoàn thể như bộ đội biên phòng, cán bộ hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, ...). Giáo viên nghiệp dư làm công tác XMC rất nhiệt tình, tận tâm, có trách nhiệm nhưng nghiệp vụ sư phạm còn hạn chế, ngay cả giáo viên của ngành giáo dục cũng chưa được bồi dưỡng về phương pháp dạy học cho đối tượng người lớn, vì vậy, chất lượng các lớp học XMC chưa cao. Một bộ phận giáo viên dạy XMC ở vùng đồng bào DTTS không biết tiếng dân tộc, không am hiểu văn hóa, phong tục, tập quán của người dân nên khó khăn trong việc giao tiếp, dạy học.

6. Một số địa phương chưa đầu tư nghiên cứu, biên soạn các tài liệu dạy và học XMC đặc thù phù hợp với từng vùng miền và đối tượng người học XMC cụ thể (đặc biệt là người DTTS), dẫn đến tình trạng quá tải về nội dung hoặc nội dung học xa lạ với văn hóa của vùng miền, dân tộc khiến cho người học chán học, không muốn học.

7. Sự phối hợp giữa các tổ chức, đoàn thể trong công tác XMC ở một số địa phương chưa thực sự chặt chẽ, thường xuyên và hiệu quả. Mặc dù sự phối hợp đó đã được cam kết bằng những chương trình, kế hoạch hành động cụ thể nhưng thực sự mới có lực lượng bộ đội biên phòng, hội phụ nữ, hội khuyến học vào cuộc và tham gia phối hợp có hiệu quả. Các cơ quan, đơn vị khác chưa thực sự có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với ngành giáo dục để triển khai công tác XMC.

8. Kinh phí dành cho công tác XMC còn rất hạn chế, chủ yếu thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nhưng XMC không có chương trình riêng mà ghép chung với chương trình phổ cập giáo dục. Việc phân bổ kinh phí cho các địa phương thực hiện nhiệm vụ XMC còn chậm trễ, chưa kịp thời.

Ngoài chính sách chung của Nhà nước cho công tác XMC, các địa phương chưa quan tâm xây dựng chính sách riêng nhằm khuyến khích, tạo động lực cho người làm công tác XMC (trong đó có cả người dạy và người học XMC).

9. Cách thức điều tra người mù chữ chưa đảm bảo độ chính xác và tin cậy. Phương pháp vận động người mù chữ đi học XMC; cách thức tổ chức học XMC; phương pháp dạy học cho đồng bào DTTS còn chưa thực sự phù hợp với đặc điểm tâm lý, văn hóa của người DTTS. Hiệu quả công

tác XMC chưa cao (tỷ lệ huy động ra lớp, tỷ lệ hoàn thành chương trình và được công nhận biết chữ, tỷ lệ học tiếp sau khi biết chữ đều thấp).

10. Chương trình, tài liệu học XMC chưa phù hợp với đồng bào DTTS. Chưa có chế độ, chính sách thỏa đáng nhằm huy động người DTTS học XMC.

11. Công tác kiểm tra, đánh giá, sơ kết việc thực hiện Đề án 692 không thường xuyên; chưa chủ động rà soát, điều chỉnh, bổ sung giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng xã hội học tập để phù hợp với tình hình mới; thông tin, báo cáo không kịp thời, thiếu chính xác.

12. Mục tiêu đơn vị cấp huyện và cấp tỉnh đặt ra trong Đề án 692 quá cao so với thực tiễn. Khi xây dựng Đề án 692, chưa có quy định chuẩn XMC mới đối với đơn vị hành chính các cấp. Năm 2014, Chính phủ ban hành Nghị định số 20/2014/NĐ-CP về phổ cập giáo dục, XMC theo đó mới có quy định chuẩn XMC mới đối với đơn vị hành chính các cấp (xã, huyện, tỉnh).

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Công tác chỉ đạo từ trung ương đến địa phương

- Văn bản chỉ đạo tương đối đầy đủ, kịp thời;
- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai Đề án 692 ở các địa phương; Bộ GDĐT đã tổ chức sơ kết 03 năm triển khai thực hiện Đề án 692.

2. Các chỉ tiêu đạt được

- Tỷ lệ biết chữ độ tuổi 15-35 và độ tuổi 15-60 chung của toàn quốc đã gần đạt mục tiêu đến năm 2020 của Đề án 692 (mục tiêu đến 2020 của Đề án 692 là đạt tỷ lệ 99% người biết chữ độ tuổi 15-35; đạt tỷ lệ 98% người biết chữ độ tuổi 15-60).

- Tỷ lệ biết chữ độ tuổi 15-35 và độ tuổi 15-60 của đồng bào DTTS đã đạt và vượt mục tiêu đến năm 2020 của Đề án (mục tiêu đến 2020 của Đề án 692 là đạt tỷ lệ 92% người DTTS biết chữ độ tuổi 15-35; đạt tỷ lệ 90% người DTTS biết chữ độ tuổi 15-60).

Tuy nhiên, đến nay vẫn còn một số địa phương có tỷ lệ biết chữ độ tuổi 15-60 còn cách khá xa mục tiêu Đề án như: Lai Châu (91,9%), Bắc Cạn (95,3%), Yên Bái (94,3%), Sơn La (96,5%), Đắk Nông (96,4%), Bình Phước (92%), Bà Rịa – Vũng Tàu (94,7%), Ninh Thuận (94,3%), An Giang (81,6%), Bến Tre (91%), Vĩnh Long (93,9%), Trà Vinh (93,4%), Sóc Trăng (89,2%), Bạc Liêu (93,1%), Kiên Giang (94,4%), Hậu Giang (95,4%)...

- Đối với 14 tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, tỷ lệ biết chữ trong độ tuổi 15-60 của hầu hết các tỉnh đã đạt hoặc vượt mục tiêu của Đề án 692, có 04 tỉnh (An Giang, Lai Châu, Trà Vinh, Sóc Trăng) còn cách khá xa mục tiêu của Đề án (mục tiêu đến 2020 của Đề án là tỷ lệ người biết chữ độ tuổi 15-60 ở 14 tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn đạt 94%).

- Tỷ lệ biết chữ độ tuổi 15-35 và độ tuổi 15-60 của người DTTS đã đạt và vượt mục tiêu của Đề án 692.

- Tỷ lệ biết chữ của nữ giới (từ 15 – 60 tuổi) khá cao. Chỉ số cân bằng giới gần đạt được sự cân bằng tuyệt đối.

Phần II

QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÓA MÙ CHỮ ĐẾN NĂM 2030

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Nhà nước có trách nhiệm XMC cho những người chưa biết chữ. Mọi công dân có trách nhiệm học để biết chữ. Các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cộng đồng dân cư có trách nhiệm tham gia công tác XMC.

2. Các địa phương sử dụng cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, giáo viên hiện có để thực hiện công tác XMC, đồng thời huy động các lực lượng xã hội tham gia dạy XMC theo phương châm người biết chữ dạy người chưa biết chữ.

3. Mở rộng độ tuổi XMC. Chú trọng XMC cho các đối tượng là phụ nữ, trẻ em gái; người khuyết tật; người DTTS và những người sinh sống ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2025

- 99,5% người trong độ tuổi từ 15-35, 97,2% người trong độ tuổi từ 36-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1.

- 98% người trong độ tuổi từ 15-35, 95% người trong độ tuổi từ 36-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2.

- 65% tỉnh, thành phố đạt chuẩn XMC mức độ 2.

2. Mục tiêu đến năm 2030

- 99,9% người trong độ tuổi từ 15-35, 99% người trong độ tuổi từ 36-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1.
- 99,5% người trong độ tuổi từ 15-35, 98% người trong độ tuổi từ 36-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2.
- 85% tỉnh, thành phố đạt chuẩn XMC mức độ 2.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp và cộng đồng về công tác XMC

a) Gắn kết công tác XMC vào các phong trào thi đua của địa phương (kết quả công tác XMC là tiêu chí đánh giá, công nhận gia đình, thôn bản văn hoá, nông thôn mới...). Tổ chức tuyên dương, khen thưởng động viên các đơn vị và cá nhân có nhiều thành tích trong công tác XMC.

b) Tuyên truyền giáo dục cho người dân, đặc biệt là phụ nữ, đồng bào DTTS, những nơi có điều kiện kinh tế khó khăn nhận thức được tầm quan trọng của việc biết chữ đối với cuộc sống của cá nhân, gia đình và sự phát triển của cộng đồng. Động viên, khuyến khích người khuyết tật tham gia các lớp học XMC hòa nhập.

c) Nghiên cứu biên soạn, in ấn các tài liệu tuyên truyền (sách mỏng, tờ gấp, áp phích, băng rôn, ...), tổ chức và duy trì liên tục các hoạt động truyền thông (phim tài liệu, phóng sự, sân khấu truyền hình, truyền thanh,...) nâng cao nhận thức trong toàn xã hội về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phổ cập giáo dục - XMC và xây dựng xã hội học tập.

2. Đổi mới công tác quản lý, điều tra, vận động và tổ chức lớp XMC

a) Thường xuyên củng cố, kiện toàn và nâng cao năng lực cho Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục - XMC và xây dựng xã hội học tập của địa phương từ Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục hiện nay.

b) Cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp xây dựng chương trình, kế hoạch XMC, kế hoạch XMC vào trong chương trình công tác dài hạn và hằng năm của địa phương.

c) Tăng cường nguồn kinh phí hằng năm trong chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho các địa phương đặc biệt khó khăn, có tỷ lệ người mù chữ cao. Điều chỉnh cơ chế tài chính, định mức chi cho công tác XMC phù hợp với điều kiện thực tế. Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho học viên XMC để mua sắm tài liệu, dụng cụ học tập; hỗ trợ kinh phí đi lại, sách giáo khoa, tài liệu, văn phòng phẩm, bồi dưỡng cho các đối tượng tham gia công tác XMC (điều tra người mù chữ, vận động người mù chữ ra

lớp học, trực tiếp dạy XMC, ...) không hưởng lương từ ngân sách nhà nước (giáo viên, cán bộ đã nghỉ hưu, bộ đội biên phòng, sinh viên, học sinh,...).

d) Đưa nhiệm vụ điều tra, thống kê số người mù chữ, huy động người chưa biết chữ tham gia các lớp học XMC vào kế hoạch công tác hàng năm của cán bộ chuyên trách công tác XMC, giáo viên các trường tiểu học, hội viên các tổ chức, đoàn thể của địa phương để thực hiện.

đ) Tăng cường cán bộ, giáo viên chuyên trách công tác XMC cho các xã, thôn, bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

e) Tổ chức lớp học linh hoạt theo nhóm gia đình, nhóm thuyền bè (đối với dân vịnh chài); nhóm lao động phổ thông và cư trú cùng nhau (đối với những người lao động nông thôn ra thành thị). Các cơ sở giáo dục được giao nhiệm vụ thực hiện công tác XMC tổ chức các khóa tập huấn cho những người biết chữ trong nhóm và có trách nhiệm đánh giá, công nhận kết quả cho người học XMC.

g) Triển khai sử dụng hiệu quả hệ thống thông tin quản lý dữ liệu về công tác phổ cập giáo dục - XMC ở Ban chỉ đạo các cấp. Thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, chính xác theo quy định.

3. Xây dựng tài liệu, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, học viên XMC

a) Xây dựng chương trình XMC mới phù hợp Luật Giáo dục 2019 và chương trình giáo dục phổ thông 2018, hướng tới các đối tượng thiệt thòi trong xã hội: người DTTS, phụ nữ, trẻ em gái, người lao động nghèo, người khuyết tật.

b) Biên soạn các tài liệu hướng dẫn dạy và học Chương trình XMC mới phù hợp với các nhóm đối tượng người học:

- Tài liệu dạy, học XMC phù hợp với người khuyết tật (tài liệu học XMC bằng chữ nổi (chữ Braille) cho người khiếm thị; ngôn ngữ ký hiệu cho người khiếm thính, tài liệu đặc biệt cho người khuyết tật trí tuệ nhẹ, khuyết tật vận động, người bị câm, ...).

- Tài liệu dạy, học XMC với thời gian và nội dung kiến thức ngắn gọn, cơ bản, thiết thực nhất cho người học XMC có cuộc sống không ổn định (dân cư vùng sông nước, biển đảo; người lao động từ nông thôn ra thành thị kiếm sống theo mùa vụ).

c) Biên soạn học liệu nghe nhìn và ứng dụng các phương tiện công nghệ thông tin truyền thông hỗ trợ dạy, học XMC.

d) Tổ chức bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên trong và ngoài ngành giáo dục tham gia công tác XMC về vận dụng sáng tạo, phù hợp các hình thức tổ chức, các phương pháp dạy XMC truyền

thống của Việt Nam (phương pháp ghép vần, ghép tiếng) và quốc tế (phương pháp Reflect, ...) để dạy XMC hiệu quả.

4. Giải pháp đặc thù cho các nhóm đối tượng đặc biệt khó khăn và các địa phương có tỷ lệ người mù chữ cao

Triển khai các hình thức tổ chức và quản lý công tác XMC phù hợp với đặc thù của địa phương. Có chính sách ưu tiên (hỗ trợ tài chính và tạo cơ hội có công ăn, việc làm) cho các nhóm đối tượng đặc biệt.

a) Nhóm các đối tượng là người DTTS

- Gắn dạy XMC với các nội dung tuyên truyền, giáo dục về sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới, kỹ năng sống với dạy nghề, dạy tiếng dân tộc.

- Tổ chức các lớp học XMC phù hợp với tập quán sinh hoạt của đồng bào dân tộc (lớp ghép, lớp cắm bản, lớp học trong chùa, ...).

- Phát huy vai trò của các già làng, trưởng bản, dòng họ trong công tác XMC. Tổ chức ký cam kết thi đua thực hiện các chỉ tiêu XMC với già làng, trưởng bản, các dòng họ, gia đình.

- Đào tạo, bồi dưỡng tiếng DTTS, văn hóa, phong tục tập quán của các DTTS cho giáo viên và cán bộ làm công tác XMC để dạy các lớp học XMC cho người DTTS.

b) Nhóm các đối tượng là người khuyết tật

- Đa dạng các loại hình tổ chức lớp XMC cho người khuyết tật (lớp học XMC do các tổ chức của người khuyết tật thực hiện; các lớp học XMC hòa nhập,...).

- Bồi dưỡng phương pháp, kỹ năng giáo dục hòa nhập cho người dạy XMC.

c) Nhóm đối tượng có nơi ở không ổn định (dân cư vùng sông nước, biển đảo; người lao động từ nông thôn ra thành thị kiếm sống theo mùa vụ).

- Dạy học theo phương thức “Người biết chữ dạy người chưa biết chữ”.

- Tổ chức các “lớp học tình thương” cho trẻ em lang thang, phụ nữ nghèo, có hoàn cảnh không may mắn với sự hỗ trợ từ các tổ chức tình nguyện của quốc tế và trong nước.

d) Các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

- Tăng cường công tác điều tra để đảm bảo số liệu chính xác người mù chữ, trên cơ sở đó có kế hoạch cụ thể XMC cho từng đơn vị cấp huyện, xã; phân công cán bộ chủ chốt của các xã, thôn bản động viên, huy động người mù chữ ra lớp học. Cử cố đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác PCGD-XMC ở các xã.

- Ban chỉ đạo PCGD-XMC cấp tỉnh có kế hoạch phân công trách nhiệm cho những địa phương có điều kiện thuận lợi giúp đỡ, hỗ trợ các địa phương còn nhiều người mù chữ.

- Phối hợp Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam triển khai các hoạt động thanh niên tình nguyện dạy XMC cho các địa phương có tỷ lệ người mù chữ cao.

5. Củng cố bền vững kết quả XMC

a) Biên soạn tài liệu chuyên đề theo Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ nhằm giúp người mới biết chữ duy trì, củng cố kết quả XMC và có điều kiện áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống, sản xuất.

b) Củng cố và phát triển hệ thống các TTHTCĐ để tổ chức các lớp học chuyên đề nhằm củng cố kết quả biết chữ.

c) Tổ chức mô hình thư viện di động để phục vụ người dân học chữ và củng cố kết quả biết chữ ở các vùng sâu, vùng xa. Phối hợp với thư viện, nhà văn hóa xã cung cấp sách, báo, tài liệu thiết thực cho người dân tạo môi trường học tập nhằm củng cố kết quả biết chữ.

d) Tổ chức các lớp học nghề đơn giản có cung cấp tài liệu tạo cơ hội cho người mới biết chữ tham gia.

6. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác XMC

a) Ngành giáo dục các cấp phối hợp xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện công tác XMC với các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội. Xây dựng các mô hình XMC phù hợp với chức năng nhiệm vụ và đặc thù của các cơ quan, đoàn thể, tổ chức.

b) Huy động cán bộ, hội viên, đoàn viên các tổ chức, đoàn thể tham gia cùng ngành giáo dục trong công tác XMC (cử người tham gia dạy lớp XMC, điều tra và vận động người học XMC; tham gia xây dựng phòng học; ủng hộ bàn ghế, sách vở, giấy bút; hỗ trợ một phần lương thực, nhu yếu phẩm cho người học XMC; giúp đỡ gia đình học viên tạo điều kiện cho họ yên tâm học tập).

- Huy động giáo viên các trường tiểu học, cán bộ hưu trí, hội viên các hội, đoàn viên các đoàn thể (Hội khuyến học, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội nông dân, ...) có nhiều kinh nghiệm trong công tác dân vận, thông thạo tiếng địa phương (dân tộc), am hiểu phong tục, tập quán của người dân để dạy các lớp XMC. Tại các xã biên giới, huy động cán bộ, chiến sỹ biên phòng trực tiếp vận động và tham gia dạy XMC.

- Tổ chức cho sinh viên tình nguyện, học sinh THPT tham gia XMC trong dịp hè; vận động các tổ chức, đoàn thể có các hình thức hỗ trợ cho

học viên XMC phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị và nhu cầu của đồng bào (có thể hỗ trợ tiền mặt, lương thực, nhu yếu phẩm thiết yếu, sách vở, cử hội viên chia sẻ/làm giúp các công việc trong gia đình, trong lao động sản xuất, ...) để họ yên tâm học tập. Huy động nguồn hỗ trợ (tiền mặt, sách vở, ...) từ các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm cho công tác XMC. Có chính sách thực hiện miễn, giảm công lao động công ích cho HV các lớp XMC,...

7. Hoạt động hợp tác quốc tế

a) Tổ chức các hoạt động hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế, tranh thủ sự hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính thông qua các dự án cho công tác XMC tại một số vùng đặc biệt khó khăn (miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, vùng nhiều người DTTS).

b) Tổ chức hội thảo, nghiên cứu học tập kinh nghiệm về công tác XMC tại một số nước có nhiều kinh nghiệm.

c) Tận dụng sự hỗ trợ từ các chương trình, dự án trong nước và tranh thủ sự hỗ trợ, ủng hộ của các tổ chức quốc tế thông qua các dự án.

8. Bổ sung chế độ, chính sách đối với đồng bào DTTS tham gia học XMC

- Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về PCGD, XMC. Phối hợp với Bộ Tài chính, Ủy ban dân tộc, ... nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung chế độ, chính sách hỗ trợ người học XMC là đồng bào DTTS; hỗ trợ người tham gia công tác XMC (tuyên truyền, vận động người học XMC) không hưởng lương từ ngân sách nhà nước (già làng, trưởng bản, học sinh, sinh viên, ...).

- Tham mưu xây dựng chính sách địa phương hỗ trợ thêm cho giáo viên và học viên XMC (bằng lương thực hoặc tiền mặt). Áp dụng biện pháp giảm bớt số giờ/tiết dạy chính khóa, không làm công tác chủ nhiệm trong các trường phổ thông để giáo viên tham gia dạy XMC.

- Ưu tiên những người mới hoàn thành chương trình XMC được tham gia học các nghề đơn giản theo các chương trình, dự án của địa phương nhằm tạo động lực, khuyến khích những người chưa biết chữ trong cộng đồng tích cực tham gia học XMC.

Bộ GDĐT trân trọng báo cáo./.

Phụ lục 1

BIỂU THỐNG KÊ NGƯỜI BIẾT CHỮ, TỶ LỆ BIẾT CHỮ CÁC ĐỘ TUỔI
(Thống kê đến tháng 10/2020)

TT	Tỉnh/TP	Độ tuổi 15–60		Độ tuổi 15–35		Trong đó						Số người mới biết chữ tiếp tục tham gia giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ
						Độ tuổi 15–25		Độ tuổi 26–35		Độ tuổi 36–60		
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	
	Toàn quốc	61.273.822	97,6%	31.988.609	99,3%	14.109.629	99,3%	17.878.980	99,3%	29.285.213	95,9%	7.472.939
	Vùng 1 (15)											
1	Điện Biên	324.326	96,1%	210.243	96,8%	105.092	99,01%	105.151	94,68%	114.083	73,27%	9.112
2	Sơn La	2.413.158	96,5%	1.608.772	96,5%	804.386	96,55%	804.386	96,55%	804.386	96,55%	14.838
3	Lai Châu	258.773	91,9%	163.973	97,5%	84.134	99,00%	79.839	95,90%	94.800	83,70%	1.170
4	Cao Bằng	629.289	97,1%	280.749	98,2%	88.107	98,63%	192.642	98,03%	348.540	96,24%	958.345
5	Bắc Kạn	206.080	95,3%	110.295	98,0%	50.146	98,91%	60.149	97,30%	95.785	92,32%	363
6	Hà Giang	318.010	97,3%	295.966	97,9%	138.058	98,90%	157.908	97,08%	22.044	89,95%	4.620
7	Tuyên Quang	555.475	98,7%	293.452	99,5%	127.375	99,77%	166.077	99,37%	262.023	97,68%	-
8	Lào Cai	344.876	97,2%	196.182	99,2%	92.231	99,54%	103.951	98,95%	148.694	94,64%	-
9	Yên Bái	562.334	94,3%	295.839	97,9%	128.519	99,20%	167.320	96,90%	266.495	90,70%	1.854
10	Quảng Ninh	898.427	99,4%	451.970	99,7%	191.589	99,81%	260.381	99,63%	446.457	99,11%	33.664
11	Lạng Sơn	562.446	98,5%	299.970	99,5%	131.788	99,79%	168.182	99,20%	262.476	97,53%	568
12	Hoà Bình	595.190	99,7%	299.118	99,9%	124.531	99,95%	174.587	99,94%	296.072	99,45%	831
13	Bắc Giang	1.233.469	99,98%	664.402	99,99%	262.518	99,99%	401.884	99,98%	569.067	99,98%	32.896
14	Thái Nguyên	756.779	97,8%	390.271	98,2%	163.570	99,28%	226.701	97,16%	366.508	96,43%	-

15	Phú Thọ	969.112	99,8%	482.489	99,9%	209.192	99,96%	273.297	99,92%	486.623	99,73%	4.767.880
	Vùng 2 (08)											
16	Hải Dương	1.262.715	99,7%	628.742	99,9%	257.645	99,94%	371.097	99,82%	633.973	99,60%	97
17	Hưng Yên	635.083	99,9%	409.557	99,9,0%	176.126	99,97%	233.431	99,96%	225.526	99,92%	223
18	Bắc Ninh	826.206	99,8%	444.680	99,8%	191.988	99,75%	252.692	99,84%	381.526	99,74%	-
19	Vĩnh Phúc	775.000	99,9%	405.000	99,9%	170.000	99,81%	235.000	99,96%	370.000	99,96%	229
20	Hà Nam	543.221	99,99%	275.067	99,99%	119.943	99,99%	155.124	99,99%	268.154	99,99%	106
21	Nam Định	1.086.044	99,9%	510.822	99,99%	260.500	99,99%	250.322	99,99%	575.222	99,90%	74
22	Ninh Bình	661.409	99,94%	350.079	99,95%	139.073	99,95%	211.006	99,95%	311.330	99,94%	-
23	Thái Bình	1.289.372	99,99%	607.142	99,99%	264.043	99,99%	343.099	99,99%	682.230	99,99%	309
	Vùng 3 (06)											
24	Thanh Hoá	2.309.209	99,4%	1.446.453	99,4%	776.562	99,39%	669.891	99,42%	862.756	99,38%	8.726
25	Nghệ An	2.222.236	99,7%	1.227.863	99,9%	540.233	99,93%	687.630	99,80%	994.373	99,40%	2.989
26	Hà Tĩnh	941.481	99,99%	520.487	99,99%	235.623	99,99%	284.864	99,98%	420.994	99,99%	-
27	Quảng Bình	660.771	98,8%	365.691	99,6%	160.817	99,87%	204.874	99,31%	295.080	97,90%	1.675
28	Quảng Trị	301.648	99,3%	169.866	99,6%	83.334	99,92%	86.532	99,39%	131.782	98,79%	113.906
29	Thừa Thiên-Huế	791.757	97,9%	433.635	99,2%	199.900	99,70%	233.735	98,80%	358.122	96,40%	871
	Vùng 4 (10)											
30	Quảng Nam	972.693	97,9%	529.866	99,2%	244.750	99,74%	285.116	98,83%	442.827	96,41%	-
31	Quảng Ngãi	915.325	99,3%	495.779	99,7%	225.043	99,79%	270.736	99,65%	419.546	98,90%	428
32	Bình Định	1.089.657	98,3%	568.782	99,6%	274.586	99,85%	294.196	99,30%	520.875	97,05%	-
33	Phú Yên	663.383	98,5%	351.819	99,5%	169.232	99,84%	182.587	99,14%	311.564	97,36%	-
34	Khánh Hoà	876.402	99,6%	436.542	99,99%	198.575	99,99%	237.967	99,99%	439.860	99,20%	1.322
35	Gia Lai	951.935	96,2%	572.299	97,6%	287.212	98,41%	285.087	96,81%	379.636	94,15%	-
36	Kon Tum	360.382	98,0%	213.839	99,0%	104.960	99,50%	108.879	98,60%	146.543	96,50%	62.752
37	Đắk Lắk	1.306.883	92,4%	801.820	95,9%	405.075	98,00%	396.745	93,80%	505.063	87,40%	2.583
38	Đắk Nông	440.980	96,4%	256.285	97,7%	125.634	98,70%	130.651	96,80%	184.695	94,60%	2.853
39	Lâm Đồng	879.471	97,2%	480.505	98,4%	233.415	99,45%	247.090	97,48%	398.966	95,66%	25.290

	Vùng 5 (07)											
40	Đồng Nai	1.776.117	95,3%	923.076	98,6%	392.384	99,69%	530.692	97,81%	853.041	91,98%	567
41	Bình Phước	744.799	92,0%	399.875	96,4%	174.104	98,60%	225.771	94,70%	344.924	87,50%	126.268
42	Bà Rịa - Vũng Tàu	705.298	94,7%	379.237	97,2%	172.171	98,89%	207.066	95,77%	326.061	91,94%	-
43	Bình Dương	1.091.414	97,8%	522.450	99,0%	154.985	99,82%	367.465	98,68%	568.964	96,64%	945.026
44	Tây Ninh	732.341	98,8%	329.520	99,8%	136.649	99,80%	192.871	99,80%	402.821	98,00%	30.466
45	Ninh Thuận	409.930	94,3%	229.729	96,9%	99.957	98,20%	129.772	95,90%	180.201	91,20%	528
46	Bình Thuận	903.936	96,5%	495.524	99,3%	232.782	99,77%	262.742	98,94%	408.412	93,38%	275.428
	Vùng 6 (12)											
47	Long An	1.044.574	98,7%	466.769	99,7%	184.112	99,97%	282.657	99,58%	577.805	97,82%	625
48	Đồng Tháp	1.123.850	99,3%	524.569	99,7%	210.959	99,76%	313.610	99,59%	599.281	99,02%	-
49	Tiền Giang	1.333.849	99,8%	597.032	99,99%	259.470	99,99%	337.562	99,99%	736.817	99,55%	2.318
50	Bến Tre	843.543	91,0%	372.133	97,4%	141.629	99,99%	230.504	95,91%	471.410	86,56%	-
51	An Giang	1.077.074	81,6%	544.598	91,7%	191.509	98,15%	353.089	88,55%	532.476	73,30%	-
52	Vĩnh Long	723.174	93,9%	330.057	98,5%	142.696	99,66%	187.361	97,70%	393.117	90,26%	625
53	Trà Vinh	956.009	93,4%	369.946	97,2%	93.860	99,48%	276.086	96,42%	586.063	91,24%	2.493
54	Hậu Giang	492.942	95,4%	230.467	98,8%	93.783	99,96%	136.684	98,08%	262.475	92,54%	-
55	Sóc Trăng	810.985	89,2%	415.129	96,4%	174.568	99,31%	240.561	94,45%	395.856	82,65%	6.583
56	Kiên Giang	1.058.540	94,4%	559.700	97,6%	251.300	99,40%	308.400	96,10%	498.840	91,10%	388
57	Bạc Liêu	578.670	93,1%	296.670	96,3%	124.557	98,74%	172.113	94,61%	282.000	90,03%	-
58	Cà Mau	765.244	97,6%	414.905	98,8%	183.233	99,40%	231.672	98,30%	350.339	96,20%	4.405
	Vùng 7 (5)											
59	Hà Nội	4.411.032	99,97%	2.195.407	99,99%	938.719	99,99%	1.256.688	99,98%	2.215.625	99,95%	3.677
60	TP.Hồ Chí Minh	4.309.539	99,9%	1.885.726	99,9%	821.192	99,97%	1.064.534	99,92%	2.423.813	99,80%	13.280
61	Hải Phòng	1.246.547	99,1%	610.617	99,2%	243.600	99,66%	367.017	98,95%	635.930	98,94%	43
62	Đà Nẵng	664.197	99,9%	313.832	100,0%	132.154	99,99%	181.678	99,98%	350.365	99,80%	527
63	Cần Thơ	79.211	96,9%	35.330	99,4%	13.751	99,95%	21.579	99,09%	43.881	94,97%	9.118

Phụ lục 2

BIỂU THỐNG KÊ NGƯỜI BIẾT CHỮ, TỶ LỆ BIẾT CHỮ CÁC ĐỘ TUỔI (14 tỉnh có điều kiện KT-XH khó khăn)
(Thống kê đến tháng 10/2020)

TT	Tỉnh/TP	Độ tuổi 15–60		Độ tuổi 15–35		Trong đó						Số người mới biết chữ tiếp tục tham gia giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ
						Độ tuổi 15–25		Độ tuổi 26–35		Độ tuổi 36–60		
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	
1	Điện Biên	324.326	96,1%	210.243	96,8%	105.092	99,01%	105.151	94,68%	114.083	73,27%	9.112
2	Sơn La	2.413.158	96,5%	1.608.772	96,5%	804.386	96,55%	804.386	96,55%	804.386	96,55%	14.838
3	Lai Châu	258.773	91,9%	163.973	97,5%	84.134	99,00%	79.839	95,90%	94.800	83,70%	1.170
4	Cao Bằng	629.289	97,1%	280.749	98,2%	88.107	98,63%	192.642	98,03%	348.540	96,24%	958.345
5	Bắc Kạn	206.080	95,3%	110.295	98,0%	50.146	98,91%	60.149	97,30%	95.785	92,32%	363
6	Hà Giang	318.010	97,3%	295.966	97,9%	138.058	98,90%	157.908	97,08%	22.044	89,95%	4.620
7	Lào Cai	344.876	97,2%	196.182	99,2%	92.231	99,54%	103.951	98,95%	148.694	94,64%	-
8	Yên Bái	562.334	94,3%	295.839	97,9%	128.519	99,20%	167.320	96,90%	266.495	90,70%	1.854
9	Gia Lai	951.935	96,2%	572.299	97,6%	287.212	98,41%	285.087	96,81%	379.636	94,15%	-
10	Kon Tum	360.382	98,0%	213.839	99,0%	104.960	99,50%	108.879	98,60%	146.543	96,50%	62.752
11	Ninh Thuận	409.930	94,3%	229.729	96,9%	99.957	98,20%	129.772	95,90%	180.201	91,20%	528
12	An Giang	1.077.074	81,6%	544.598	91,7%	191.509	98,15%	353.089	88,55%	532.476	73,30%	-
13	Trà Vinh	956.009	93,4%	369.946	97,2%	93.860	99,48%	276.086	96,42%	586.063	91,24%	2.493
14	Sóc Trăng	810.985	89,2%	415.129	96,4%	174.568	99,31%	240.561	94,45%	395.856	82,65%	6.583

Phụ lục 3

BIỂU THỐNG KÊ NGƯỜI MÙ CHỮ, TỶ LỆ BIẾT CHỮ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ CÁC ĐỘ TUỔI

TT	Tỉnh/TP	Độ tuổi 15 - 25		Độ tuổi 26 - 35		Độ tuổi 36 - 60		Tỷ lệ người biết chữ độ tuổi 15-35	Tỷ lệ người biết chữ độ tuổi 15-60
		Tổng số	Trong đó nữ	Tổng số	Trong đó nữ	Tổng số	Trong đó nữ		
Toàn quốc		37.312	20.515	105.224	57.251	421.364	226.847	97,08	93,41
Vùng 1 (7)									
1	Lạng Sơn	359	228	1.346	644	6.762	2.954	99,34	98,2
2	Sơn La	3.656	2.766	7.687	6.019	11.216	9.889	95,89	94,64
3	Điện Biên	838	612	3.674	2.452	15.484	8.364	97,48	93,03
4	Lai Châu	1.499	1.093	6.148	3.963	31.332	18.025	94,27	81,79
5	Lào Cai	869	735	1.825	1.975	20.136	13.812	98,45	92,54
6	Hà Giang	1.850	1.152	4.880	2.964	27.046	15.445	97,48	92,67
7	Cao Bằng	1.298	815	2.784	1.550	10.567	5.623	97,87	95,76
Vùng 2 (7)									
8	T Quang	236	154	674	389	5.165	2.722	99,48	98,03
9	Hoà Bình	80	55	124	71	1.733	951	99,91	99,56
10	Bắc Kạn	724	416	1.989	1.108	9.219	4.613	97,5	94,07
11	Phú Thọ	9	7	29	22	268	178	99,96	99,8
12	Bắc Giang	42	32	382	182	581	358	99,55	99,36
13	T Nguyên	319	179	774	413	3.496	1.772	99,13	97,93
14	Yên Bái	1.539	1.069	6.254	3.905	24.044	13.905	96,37	91,18
Vùng 3 (9)									
15	Nam Định	0	0	1	1	12	8	99,78	98,13
16	Vĩnh Phúc	30	17	241	135	1.039	626	98,61	95,95
17	Bắc Ninh	6	4	18	11	25	8	93,04	89,44

18	Hải Dương	-	-	-	-	-	-	-	-
19	Hưng Yên	-	-	-	-	-	-0	-	-
20	Hà Nam			-	-	-	-	-	-
21	Thái Bình	0	0	0	0	0	0	-	-
22	Ninh Bình	2	0	2	1	17	9	99,96	99,94
23	Quảng Ninh	245	169	847	482	3.934	2.146	98,68	96,8
Vùng 4 (6)									
24	Thanh Hoá	639	421	3.157	1.853	5.782	3.370	-	!
25	Nghệ An	2.901	1.599	1.906	1.050	5.669	3.154	97,35	96,6
26	Hà Tĩnh	0	0	1	0	8	3	99,7	99,01
27	Quảng Bình	57	38	193	102	1.252	686	97,3	89,12
28	Quảng Trị	675	419	1.742	968	5.914	3.049	92,1	81,52
29	TT. Huế	203	110	443	236	2.263	1.307	96,96	91,18
Vùng 5 (6)									
30	Khánh Hoà	26	16	144	83	1.971	741	99,3	94,84
31	Quảng Nam	700	500	897	765	13.500	11.255	96,75	78,61
32	Quảng Ngãi	395	259	965	548	5.164	2.881	98,12	94,38
33	Bình Định	78	46	584	306	2.651	1.519	95,84	86,78
34	Phú Yên	155	78	594	334	2.661	1.581	96,53	90,09
35	Ninh Thuận	517	320	876	532	4.441	2.401	96,51	91,27
Vùng 6 (5)									
36	Lâm Đồng	933	428	3.068	1.522	11.552	5.766	96,82	92,29
37	Đắk Lắk	5.751	2.745	12.871	5.942	36.530	17.970	93,16	86,73
38	Gia Lai	4.300	2.077	12.756	6.660	35.838	18.598	93,8	88,91
39	Kon Tum	462	229	1.141	536	4.577	2.572	98,59	96,42
40	Đắk Nông	2.005	-	4.693	-	10.312	-	90,68	84,62
Vùng 7 (6)									

41	Bình Dương	20	7	279	138	692	345	96,39	92,93
42	Đồng Nai	295	92	1.196	296	23.124	9.846	97,51	74,62
43	Bình Phước	1.000	503	2.979	1.654	10.171	5.714	94,36	87,75
44	Tây Ninh	36	17	75	34	185	89	97,23	96,2
45	Bà Rịa VT	112	12	478	271	1.905	19	91,79	78,96
46	Bình Thuận	131	60	575	230	2.317	1.138	98,1	94,99
Vùng 8 (12)									
47	Long An	1	1	5	5	13	13	94,17	88,76
48	Đồng Tháp	-	-	-	-	-	-	-	-
49	Tiền Giang	-	-	-	-	3	0	100	99,11
50	Bến Tre	1	0	4	3	15	4	97,77	97,02
51	An Giang	684	321	1.694	880	9.755	5.410	93,47	81,16
52	Vĩnh Long	44	16	301	142	1.972	1.056	89	77,25
53	Trà Vinh	464	211	5.964	3.044	27.053	14.028	93,83	84,55
54	Hậu Giang	7	5	151	69	1.187	640	97,42	89,51
55	Sóc Trăng	244	115	1.993	952	8.630	4.286	98,56	96,44
56	Kiên Giang	523	240	2.345	1.214	7.743	4.165	96,05	91,78
57	Bạc Liêu	234	97	1.067	501	2.292	1.125	95,7	94,03
58	Cà Mau	55	11	232	24	815	71	95,58	90,5
Vùng 9 (05)									
59	Hà Nội	22	5	19	10	60	30	99,85	99,84
60	TP.HCM	36	10	69	24	971	457	99,89	99,5
61	Hải Phòng	1	1	3	3	10	9	98,39	95,87
62	Đà Nẵng	0	0	0	0	2	0	100	99,79
63	Cần Thơ	4	3	85	33	288	141	98,87	97,79

8	Tuyên Quang	1,65	1,87	1,29	12.865	10.658	7.318	0	89	171	46	20	20
9	Hoà Bình	3,11	0,40	0,35	18.534	2.382	2.104	0	114	83	158	92	237
10	Bắc Kạn	6,02	5,48	5,33	13.027	12.447	12.193	158	35	255	0	151	145
11	Phú Thọ	0,28	0,12	0,08	2.567	1.114	769	44	0	32	0	83	0
12	Bắc Giang	0,07	0,14	0,24	1.398	1.609	2.924	0	0	0	0	0	0
13	Thái Nguyên	0,95	0,89	0,89	12.756	7.351	7.351	0	0	18	0	0	0
14	Yên Bái	6,23	6,07	5,39	34.423	34.053	33.841	495	0	465	230	825	0
Vùng 3 (9)													
15	Nam Định	0,06	0,04	0,06	726	616	708	0	0	0	0	0	0
16	Vĩnh Phúc	2,61	2,11	2,03	19.172	14.537	13.906	40	0	94	10	44	19
17	Bắc Ninh	0,19	0,24	0,195	2.732	1.867	1.552	10	0	0	0	0	0
18	Hải Dương	0,07	0,31	0,32	726	3.911	3.911	0	0	0	0	0	0
19	Hưng Yên	0,31	0,31	0,24	4.442	4.442	3.362	0	0	0	0	0	0
20	Hà Nam	0,014	0,007	0,014	63	43	79	2	32	0	0	1	50
21	Thái Bình	0,02	0,005	0,005	257	68	60	13	10	6	23	2	3
22	Ninh Bình	0,30	0,17	0,17	1.917	1.078	1.051	127	7	26	0	32	0
23	Quảng Ninh	1,07	0,77	1,21	9.034	6.747	5.918	1.217	318	483	189	171	412
Vùng 4 (6)													

24	Thanh Hoá	0,55	0,55	0,54	12.465	12.465	13.020	773	1.228	4.816	0	4.816	0
25	Nghệ An	0,69	1,40	1,41	15.883	31.380	31.380	1.911	0	1.911	298	1.911	596
26	Hà Tĩnh	0,005	0,02	0,07	69	153	644	0	0	153	153	36	0
27	Quảng Bình	1,21	2,12	0,70	7.443	13.694	4.543	33	0	57	0	42	0
28	Quảng Trị	4,55	1,41	3,14	18.269	6.373	14.158	0	0	15	20	17	24
29	TT. Huế	3,02	2,49	2,80	22.876	19.202	21.997	802	271	953	707	769	626
Vùng 5 (6)													
30	Khánh Hoà	0,52	0,77	1,52	7.921	6.547	13.303	650	290	221	485	390	465
31	Quảng Nam	5,38	5,50	2,31	53.767	55.499	22.279	125	15	0	0	0	0
32	Quảng Ngãi	1,62	1,68	1,64	14.274	15.121	15.121	45	21	0	0	112	0
33	Bình Định	4,71	0,87	0,93	48.112	9.059	9.865	0	0	0	0	0	0
34	Phú Yên	1,30	1,55	1,60	7.453	9.745	10.042	0	0	15	47	108	0
35	Ninh Thuận	2,05	4,80	5,63	8.674	19.751	19.958	33	0	99	0	111	2
Vùng 6 (5)													
36	Lâm Đồng	4,22	3,62	3,63	31.348	30.339	30.339	45	26	21	42	21	42
37	Đắk Lắk	11,8	5,04	7,31	152.891	65.720	96.072	276	40	419	232	192	413
38	Gia Lai	4,58	7,33	7,15	83.547	75.251	78.400	0	0	130	386	275	210

39	Kon Tum	5,65	2,37	2,05	18.964	8.172	7.261	0	0	0	0	0	0
40	Đắk Nông	5,61	8,37	8,37	21.170	33.167	33.167	0	0	169	0	216	0
Vùng 7 (6)													
41	Bình Dương	2,97	3,09	4,42	50.977	36.099	51.439	64	0	7.730	0	111	75
42	Đồng Nai	4,64	2,40	5,04	143.616	36.176	91.600	0	0	0	0	0	0
43	Bình Phước	5,81	14,34	4,53	38.514	86.552	31.572	902	563	401	0	327	237
44	Tây Ninh	0,69	0,98	1,42	8.804	7.485	10.222	0	0	27	0	26	0
45	Bà Rịa VT	3,09	7,85	9,88	21.590	59.438	70.663	0	8	0	13	155	105
46	Bình Thuận	2,38	2,4	1,61	38.765	21.746	14.573	0	0	0	12	0	12
Vùng 8 (12)													
47	Long An	2,14	1,87	1,48	18.131	19.232	15.539	22	10	53	95	7	0
48	Đồng Tháp	1,41	0,92	0,65	15.840	10.265	7.325	0	0	0	0	0	0
49	Tiền Giang	0,32	0,42	0,29	6.984	5.544	3.816	16	0	10	354	11	291
50	Bến Tre	1,11	1,07	6,02	10.794	11.528	55.689	0	0	0	0	0	0
51	An Giang	10,1	7,92	7,92	147.400	113.315	113.315	84	21	0	0	0	0
52	Vĩnh Long	2,90	10,65	6,96	34.446	76.567	53.127	56	51	72	5	30	25
53	Trà Vinh	14,11	11,30	10,18	102.042	81.721	73.728	35	311	35	165	81	702

54	Hậu Giang	1,46	1,36	6,11	12.810	5.255	31.401	83	0	79	1	20	40
55	Sóc Trăng	1,40	1,27	2,65	22.005	16.741	24.477	798	444	697	1.091	674	473
56	Kiên Giang	10,81	2,20	8,04	114.333	23.548	79.590	0	0	0	0	0	0
57	Bạc Liêu	3,82	5,96	4,50	19.973	36.875	27.347	58	142	58	142	70	46
58	Cà Mau	15,08	2,60	4,50	90.938	20.155	29.129	272	25	27	54	92	382
Vùng 9 (05)													
59	Hà Nội	0,11	0,05	0,03	4.412	1.898	2.486	194	547	227	26	728	572
60	TP.HCM	0,25	0,20	0,17	10.082	8.239	7.276	2.649	3.313	3.175	4.250	3.175	4.250
61	Hải Phòng	1,28	1,95	1,95	24.393	23.143	23.705	38	0	37	0	37	0
62	Đà Nẵng	0,92	0,72	0,19	5.587	4.163	1.144	39	80	28	48	14	22
63	Cần Thơ	3,06	3,39	0,98	36.549	23.784	7.830	356	56	79	0	137	102

**BIỂU THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG VÀ TỶ LỆ ĐƠN VỊ CẤP XÃ, CẤP HUYỆN
ĐẠT CHUẨN XÓA MÙ CHỮ MỨC ĐỘ 1 VÀ MỨC ĐỘ 2
(Thống kê đến tháng 12/2020)**

Số TT	Tỉnh/TP	Đơn vị cấp xã đạt chuẩn XMC mức độ 1, mức độ 2					Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn XMC mức độ 1, mức độ 2					Tỉnh/TP đạt chuẩn XMC	
		Tổng số xã	Số xã đạt chuẩn mức 1	Tỷ lệ (%)	Số xã đạt chuẩn mức 2	Tỷ lệ (%)	Tổng số huyện	Số huyện đạt chuẩn mức 1	Tỷ lệ (%)	Số huyện đạt chuẩn mức 2	Tỷ lệ (%)	Mức độ 1	Mức độ 2
	Toàn quốc	10.753	10.753	100	10.053	93,5	706	706	100	589	83,4	63 (100%)	34 (53,96%)
1	Lạng Sơn	226	226	100	222	98,2	11	11	100	11	100,0	X	X
2	Sơn La	204	204	100	193	94,6	12	12	100	10	83,3	X	
3	Điện Biên	129	129	100	129	100,0	10	10	100	10	100,0	X	X
4	Lai Châu	106	106	100	33	31,1	8	8	100	0	0,0	X	
5	Lào Cai	152	152	100	151	99,3	9	9	100	9	100,0	X	X
6	Hà Giang	193	193	100	147	76,2	11	11	100	4	36,4	X	
7	Cao Bằng	161	161	100	139	86,3	10	10	100	6	60,0	X	
8	Tuyên Quang	134	134	100	134	100,0	7	7	100	7	100,0	X	X
9	Hoà Bình	151	151	100	150	99,3	10	10	100	10	100,0	X	X
10	Bắc Kạn	122	122	100	97	79,5	8	8	100	3	37,5	X	

11	Phú Thọ	225	225	100	225	100,0	13	13	100	13	100,0	X	X
12	Bắc Giang	209	209	100	209	100,0	10	10	100	10	100,0	X	X
13	Thái Nguyên	139	139	100	139	100,0	6	6	100	6	100,0	X	X
14	Yên Bái	173	173	100	141	81,5	9	9	100	6	66,7	X	
15	Nam Định	226	226	100	226	100,0	10	10	100	10	100,0	X	X
16	Vĩnh Phúc	137	137	100	137	100,0	9	9	100	9	100,0	X	X
17	Bắc Ninh	126	126	100	126	100,0	8	8	100	8	100,0	X	X
18	Hải Dương	263	263	100	263	100,0	12	12	100	12	100,0	X	X
19	Hưng Yên	161	161	100	161	100,0	10	10	100	10	100,0	X	X
20	Hà Nam	109	109	100	109	100,0	6	6	100	6	100,0	X	X
21	Thái Bình	260	260	100	260	100,0	8	8	100	8	100,0	X	X
22	Ninh Bình	145	145	100	145	100,0	8	8	100	8	100,0	X	X
23	Quảng Ninh	186	186	100	177	95,2	14	14	100	12	85,7	X	
24	Thanh Hoá	559	559	100	554	99,1	27	27	100	26	96,3	X	
25	Nghệ An	480	480	100	480	100,0	21	21	100	21	100,0	X	X
26	Hà Tĩnh	216	216	100	216	100,0	13	13	100	13	100,0	X	X
27	Quảng Bình	151	151	100	151	100,0	8	8	100	8	100,0	X	X
28	Quảng Trị	141	141	100	135	95,7	10	10	100	8	80,0	X	
29	Thừa Thiên Huế	145	145	100	145	100,0	9	9	100	9	100,0	X	X
30	Khánh Hoà	140	140	100	137	97,9	9	9	100	8	88,9	X	

31	Quảng Nam	244	244	100	231	94,7	18	18	100	15	83,3	X	
32	Quảng Ngãi	176	176	100	138	78,4	13	13	100	8	61,5	X	
32	Bình Định	159	159	100	156	98,1	11	11	100	10	90,9	X	X
34	Phú Yên	112	112	100	104	92,9	9	9	100	8	88,9	X	X
35	Ninh Thuận	65	65	100	33	50,8	7	7	100	2	28,6	X	
36	Lâm Đồng	147	147	100	146	99,3	12	12	100	12	100,0	X	X
37	Đắk Lắk	184	184	100	144	78,3	15	15	100	8	53,3	X	
38	Gia Lai	220	220	100	194	88,2	17	17	100	13	76,5	X	
39	Kon Tum	102	102	100	97	95,1	10	10	100	8	80,0	X	
40	Đắk Nông	71	71	100	61	85,9	8	8	100	5	62,5	X	
41	Bình Dương	91	91	100	86	94,5	9	9	100	7	77,8	X	
42	Đồng Nai	170	170	100	170	100,0	11	11	100	11	100,0	X	X
43	Bình Phước	111	111	100	82	73,9	11	11	100	5	45,5	X	X
44	Tây Ninh	94	94	100	51	54,3	9	9	100	2	22,2	X	
45	Bà Rịa Vũng Tàu	82	82	100	79	96,3	8	8	100	6	75,0	X	
46	Bình Thuận	127	127	100	120	94,5	10	10	100	7	70,0	X	
47	Long An	188	188	100	182	96,8	15	15	100	13	86,7	X	
48	Đồng Tháp	144	144	100	138	95,8	12	12	100	10	83,3	X	
49	Tiền Giang	173	173	100	157	90,8	11	11	100	10	90,9	X	
50	Bến Tre	157	157	100	157	100,0	9	9	100	9	100,0	X	X

51	An Giang	156	156	100	81	51,9	11	11	100	3	27,3	X	
52	Vĩnh Long	109	109	100	109	100,0	8	8	100	8	100,0	X	X
53	Trà Vinh	106	106	100	106	100,0	9	9	100	9	100,0	X	X
54	Hậu Giang	76	76	100	76	100,0	8	8	100	8	100,0	X	X
55	Sóc Trăng	109	109	100	85	78,0	11	11	100	7	63,6	X	
56	Kiên Giang	145	145	100	131	90,3	15	15	100	14	93,3	X	
57	Bạc Liêu	64	64	100	64	100,0	7	7	100	7	100,0	X	X
58	Cà Mau	101	101	100	67	66,3	9	9	100	3	50,0	X	
59	Hà Nội	584	584	100	584	100,0	30	30	100	30	100,0	X	X
60	TP. Hồ Chí Minh	319	319	100	319	100,0	24	24	100	24	100,0	X	X
61	Hải Phòng	217	217	100	217	100,0	15	15	100	15	100,0	X	X
62	Đà Nẵng	56	56	100	56	100,0	8	8	100	8	100,0	X	X
63	Cần Thơ	85	85	100	77	90,6	9	9	100	5	55,6	X	

PHẦN II
BÁO CÁO THAM LUẬN CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

THAM LUẬN
MÔ HÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYỀN TẠO ĐỘNG LỰC
VÀ MỞ RỘNG CƠ HỘI TIẾP CẬN GIÁO DỤC CHO MỌI NGƯỜI
Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng
(Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng)

Xã hội học tập (XHHT) là một xã hội, trong đó, mọi người dân có nhu cầu học tập đều được đáp ứng và đều có nghĩa vụ học tập. Xã hội tạo cơ hội và điều kiện để công dân nào cũng được học tập. Trong XHHT, ai cũng được học hành, học thường xuyên, học suốt đời, trong đó ý thức tự học, học một cách tự giác là yếu tố quyết định nhất. Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng XHHT giai đoạn 2012 – 2020” đã yêu cầu những việc phải làm đến năm 2020, trong đó có nhấn mạnh 3 quan điểm cơ bản:

Một là: Mọi công dân đều phải học tập suốt đời (HTSD) để trở thành người lao động có nghề, có năng suất lao động cao để cải thiện cuộc sống bản thân, làm giàu cho gia đình và cho cộng đồng, đóng góp xây dựng xã hội ấm no, hạnh phúc.

Hai là: Mọi công dân, mọi gia đình, dòng họ, mọi cộng đồng dân cư, mọi lực lượng xã hội... đều có trách nhiệm tạo cơ hội và điều kiện để ai cũng được học hành, ai cũng thực hiện được nhiệm vụ HTSD, bảo đảm mọi người đều bình đẳng xã hội và được công bằng xã hội về giáo dục.

Ba là: Phải xây dựng một hệ thống giáo dục để phục vụ việc HTSD của người dân, trong đó có sự gắn kết, liên thông giữa giáo dục chính quy và giáo dục không chính quy, giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, giữa giáo dục thế hệ trẻ với giáo dục người lớn.

Với thành phố Hải Phòng, mô hình giáo dục thường xuyên được phát triển nhằm tạo động lực và mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục cho mọi người nhằm xây dựng XHHT là phát triển văn hóa đọc và phát triển cộng đồng, XHHT ngoại ngữ. Bởi lẽ, phát triển văn hóa đọc chính là chìa khóa để tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu của mọi công dân và ngoại ngữ chính là chìa khóa để mở cánh cửa ra thế giới.

Về phát triển Văn hóa đọc:

Trước khi bước vào kỷ nguyên số, sách là con đường ngắn nhất để tiếp cận thông tin, văn hóa, tri thức. Đọc sách là một trong những cách thức giúp con người thư giãn, tích lũy kiến thức, tăng cường khả năng tư duy. Sách là món quà đặc biệt của nhân loại sẽ còn tồn tại cùng lịch sử loài người. Thế hệ đi trước đã nhóm ngọn lửa văn hóa đọc, thắp lên cây đuốc tri

thức rồi trao truyền cho thế hệ sau. Vậy nên, Aldous Huxley đã từng nói: “Người biết đọc nắm trong tay sức mạnh để khuếch đại bản thân mình, để nhân lên những cách mình tồn tại, để lấp đầy cuộc đời mình một cách đáng kể và thú vị”. Như vậy, có thể nói phát triển văn hóa đọc chính là một giải pháp góp phần tạo động lực và mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục cho mọi người.

Nhận thấy tầm quan trọng của văn hóa đọc, ngày 24/2/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 284/QĐ-TTg lấy ngày 21/4 hàng năm là ngày Sách Việt Nam. Quyết định số 329/QĐ-TTg ngày 15/3/2017 về việc phê duyệt Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng Kế hoạch số 161/KH-BGDĐT ngày 26/3/2018 về việc thực hiện Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đối với Giáo dục và Đào tạo nhằm khuyến khích và phát triển phong trào đọc sách trong cộng đồng, nâng cao nhận thức của nhân dân về ý nghĩa to lớn và tầm quan trọng của việc đọc sách đối với việc phát triển kiến thức, kỹ năng và phát triển tư duy, giáo dục và rèn luyện nhân cách con người.

Tuy nhiên, một thực tế hiện nay là nhiều người có xu hướng “lười” đọc sách, ngại đọc sách và sự “phai nhạt” dần thói quen đọc sách, đặc biệt trong giới trẻ. Trong khi số liệu thống kê internet Việt Nam 2019, người dùng Việt Nam dành trung bình tới 6 giờ 42 phút mỗi ngày để tham gia các hoạt động liên quan tới mạng Internet thì trong khảo sát mới đây của báo Dân trí cho thấy 98% giới trẻ cho biết họ không hề đọc quyển sách nào trong tuần qua; 80% bạn trẻ không đụng đến sách suốt một năm qua và chỉ 12% bạn trẻ trong nhóm 20-30 tuổi cho biết bản thân có đọc sách, truyện khác ngoài sách chuyên môn. Đây là một điều rất đáng quan ngại...

Trước thực tế trên, chúng ta cần phải làm gì để xây dựng và phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng nói chung và trong học đường nói riêng để tiến tới xây dựng một XHHT suốt đời?

Đứng trước thực trạng trên, trong những năm qua, Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng đã quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Quyết định số 284/QĐ-TTg ngày 24/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Sách Việt Nam; Quyết định số 329/QĐ-TTg ngày 15/3/2017 về việc phê duyệt Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và triển khai thực hiện Kế hoạch số 161/KH-BGDĐT ngày 26/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đặc biệt, trong năm học 2019-2020, Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng đã xây dựng và ban hành Quyết định số 647/QĐ-SGDĐT-GDTH-CN&ĐH ngày 24/7/2020 về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng, phát triển văn hóa đọc ngành giáo dục thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 2210/KH-SGDĐT-GDTH-CN&ĐH ngày

27/7/2020 về việc xây dựng, phát triển văn hóa đọc ngành Giáo dục thành phố Hải Phòng với những giải pháp thiết thực và hiệu quả, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về tạo nguồn sách, báo, tạp chí: Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo đã phát động tạo nguồn sách, báo, tạp chí thông qua việc xây dựng mô hình “Thư viện 50K” dưới hình thức, mỗi em học sinh mua một cuốn sách, báo, tạp chí (gọi chung là sách) trị giá trên dưới 50 nghìn đồng hay còn gọi là 50K hoặc mang tới lớp một cuốn sách mà các em đã có ở nhà, còn mới 70%, phù hợp với lứa tuổi để góp vào thư viện của lớp mình, chia sẻ với bạn bè trong lớp và được đọc các cuốn sách còn lại mà các bạn trong lớp mang đến. Nhà trường sẽ xây dựng quy trình trao đổi sách giữa các lớp, các khối trong trường, tiến xa hơn là các trường trong thành phố rồi đến các tỉnh thành phố khác. Như vậy chỉ với việc góp một cuốn sách các em sẽ có cơ hội đọc hàng trăm, hàng nghìn cuốn sách khác nhau thông qua việc trao đổi có quy trình.

Bên cạnh đó, Sở Giáo dục và Đào tạo phát động các nhà trường xây dựng tủ sách giáo viên, tủ sách phụ huynh để tăng cường việc phát triển văn hóa đọc trong nhà trường và trong cộng đồng. Giúp phụ huynh tiếp cận với sách, với những vấn đề mới về tâm lý, lứa tuổi, cách dạy con... để phối hợp có hiệu quả giữa gia đình – nhà trường và xã hội.

Thứ hai, về đầu tư cơ sở, vật chất: Trong khuôn khổ triển khai, xây dựng mô hình “Thư viện 50K”, Sở Giáo dục và Đào tạo đã phát động phong trào xây dựng tủ sách lớp học, phòng/không gian văn hóa đọc nhờ vào các nguồn hỗ trợ khác nhau: quà tặng của học sinh cuối cấp dành cho các em khóa dưới là những giá sách với những lời nhắn gửi động viên; quà tặng của các cựu học sinh thành đạt; quà tặng của các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp trên địa bàn.... Trong đó, các trường có thể xây dựng dưới hai hình thức: đối với những trường đảm bảo cơ sở vật chất: mỗi lớp xây dựng một giá sách/tủ sách, kích thước xây dựng đảm bảo phù hợp với không gian lớp học. Đối với những trường có sở vật chất chưa đảm bảo: dành một phòng/không gian riêng gọi là phòng đọc chung, trong phòng đó có xây dựng các giá sách ghi tên các lớp cụ thể. (học sinh đọc hết sách lớp mình rồi đến sách lớp khác và đảm bảo đọc toàn thư viện chung) như vậy sẽ tạo cho các em không gian thoải mái, gần gũi khi đọc sách.

Thứ ba, về việc xây dựng đội ngũ cốt cán phát triển văn hóa đọc: Để văn hóa đọc được duy trì và phát triển, Sở Giáo dục và Đào tạo đã có công văn yêu cầu Phòng Giáo dục và Đào tạo các quận, huyện, các đơn vị, cơ sở giáo dục trực thuộc cử cán bộ cốt cán văn hóa đọc tham gia các Hội nghị tập huấn chuyên môn do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức về việc phát triển văn hóa đọc; mời các chuyên gia tới dự Hội nghị và trao đổi các về chủ đề sách, hướng dẫn cách đọc sách nhanh và hiệu quả để lan tỏa, phát triển văn

hóa đọc trong học đường và tiến xa hơn là phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng.

Thứ tư, về giới thiệu sách, lan tỏa thông điệp tới cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, sinh viên trên địa bàn thành phố: Khi mỗi trường đã xây dựng được thư viện 50K, phong phú về nội dung các đầu sách và đảm bảo về hệ thống cơ sở vật chất cùng đội ngũ cốt cán chuyên nghiệp, để phát triển văn hóa đọc và lan tỏa thông điệp tốt đẹp trong cộng đồng, Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng (chủ trì) phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái xây dựng Dự án “Bước chân của sách”, tổ chức cho giáo viên trên địa bàn thành phố hướng dẫn học sinh tham gia dự thi giới thiệu sách trên mạng xã hội để truyền tải các thông điệp ý nghĩa về vai trò mà sách mang lại cho con người. Những cuốn sách haysẽ được tặng cho các bạn nhỏ vùng cao tỉnh Yên Bái để chia sẻ, kết nối những yêu thương và cùng nhau phát triển, hướng tới một XHHT suốt đời, tăng cường công tác tuyên truyền, phát triển văn hóa đọc.

Những cách làm trên đã tạo được bước chuyển biến mạnh mẽ về số lượng cũng như chất lượng đối với văn hóa đọc trong học đường tại thành phố Hải Phòng. Cụ thể như sau:

1. Trên địa bàn thành phố có tổng số: 15/15 quận, huyện gần 1000 trường trường chiếm tỉ lệ gần 100% số trường tham gia vào việc xây dựng thư viện 50K – phát triển văn hóa đọc trong nhà trường; có tổng số hàng chục ngàn giáo viên tham gia, tỉ lệ hơn 80%, trong đó Hải Phòng đã xây dựng được 170 giáo viên cốt cán phát triển văn hóa đọc; có hàng chục ngàn học sinh tham gia đóng góp xây dựng thư viện 50K lớp học, chiếm tỉ lệ 90%.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức 02 Hội nghị tập huấn cho cán bộ cốt cán phát triển văn hóa đọc với sự tham gia của các diễn giả văn hóa đọc, các nhà sách tham gia dự án, với trên 200 cốt cán văn hóa đọc được lựa chọn từ các địa phương.

3. Các bậc phụ huynh quan tâm và ủng hộ nhiệt tình đối với việc xây dựng và phát triển văn hóa đọc, nhiều tủ sách phụ huynh đã được xây dựng tại các trường học trên địa bàn thành phố.

4. Đặc biệt, sự lan tỏa thông điệp về việc xây dựng và phát triển văn hóa đọc qua dự án BƯỚC CHÂN CỦA SÁCH trên mạng xã hội được đông đảo cán bộ, giáo viên, học sinh và các bậc phụ huynh học sinh quan tâm, sau 28 ngày phát động, Ban tổ chức nhận được hơn 400 tác phẩm dự thi đến từ các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố với 286.500 người tiếp cận; 196.900 người tương tác với các nội dung, chủ đề đăng tải về các bài giới thiệu sách, vai trò của sách, phương pháp đọc sách hiệu quả; 3.248 người thích, theo dõi dự án.

5. Để lan tỏa văn hóa đọc tới mọi đối tượng học sinh, khi đọc sách xong, các em học sinh được lựa chọn các cuốn sách yêu thích để giới thiệu với mọi người và tặng lại cuốn sách đã đọc cho các bạn nhỏ ở các trường khó khăn đây chính là ý nghĩa, giá trị nhân văn rất lớn mà sách mang lại. Thông qua các hoạt động kết nghĩa giữa các trường Hải Phòng với trực tiếp các trường cùng cấp có điều kiện khó khăn trong địa bàn thành phố, các trường khó khăn tại vùng cao, bước đầu của chương trình đã có những kết quả:

- Trường Tiểu học Hồng Thái, huyện An Dương – kết nghĩa với khối Tiểu học thuộc trường Tiểu học và Trung học cơ sở Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; tặng 08 giá sách, tặng 300 cuốn sách, trong đó: 150 cuốn sách mới, 150 cuốn sách còn mới 70%, trị giá 10.000.000đ.

- Trường Trung học cơ sở Đồng Thái, huyện An Dương - kết nghĩa với khối trung học cơ sở thuộc trường Tiểu học và Trung học cơ sở Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; tặng 08 giá sách và 180 cuốn sách, trong đó, 80 cuốn sách mới, 100 cuốn sách còn mới 70%, trị giá 10.000.000đ.

- Lớp Trung cấp lý luận Chính trị Hành chính Cục Thuế K2 – Trường Chính trị Tô Hiệu, thành phố Hải Phòng – Kết nghĩa với trường Cao đẳng sư phạm Yên Bái, tỉnh Yên Bái, tặng 10 giá sách, 100 cuốn sách mới, trị giá 15.000.000đ.

- Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng, Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng – tặng trường Tiểu học Tiên Tiến, huyện Tiên Lãng: 10 giá sách và 400 cuốn sách, truyện mới trị giá 25.000.000đ.

5. Điều đáng nói ở đây, các hoạt động nhằm xây dựng và phát triển văn hóa đọc của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng đã giúp học sinh thích thú đọc sách hơn. Theo khảo, sát thống kê từ các trường, số lượng học sinh đọc sách hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng tăng lên đến 500% so với các năm trước đây. Hoạt động đọc ở thư viện 50K lớp học khiến các em học sinh thích thú hơn vì 100% đầu sách đều phù hợp với lứa tuổi các em, do chính các em mang tới, sách không nặng về các chủ đề học tập trên lớp mà chủ yếu là giải trí, bồi đắp tình yêu giữa con người với con người, khám phá những bí ẩn về thế giới xung quanh,... hơn thế tại lớp học các em có thể đọc sách ngay trong giờ giải lao, tiết ngoại khóa,...

6. Không chỉ đối với học sinh, trong năm học qua, số giáo viên đọc sách tăng...% và các thư viện dành cho phụ huynh cũng phát huy được hết công suất hoạt động, các đầu sách phù hợp, phong phú được nhiều phụ huynh mượn về đọc tại nhà. Đặc biệt, thông qua việc hướng dẫn các học sinh tham dự cuộc thi giới thiệu sách online giúp giáo viên – học sinh – phụ

huynh gần bó hơn, yêu hơn từng trang sách, dần hình thành thói quen đọc sách và phát huy hiệu quả văn hóa đọc trong cộng đồng.

Để việc xây dựng và phát triển văn hóa đọc đảm bảo chất lượng, hiệu quả giáo dục, đòi hỏi mỗi nhà trường phải xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, chi tiết, phù hợp với tình hình thực tế để việc vận hành thư viện 50K đúng quy trình, không hình thức, lãng phí và tăng cường trao đổi, bổ sung sách báo thường xuyên, liên tục. Nâng cao sự phối hợp giữa cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, các bậc phụ huynh học sinh và các tổ chức xã hội đối với việc xây dựng và phát triển văn hóa đọc đặc biệt trong công tác tuyên truyền bởi đọc sách chính là phương pháp để nuôi dưỡng tâm hồn, giúp học sinh định hướng lối sống và suy nghĩ; trau dồi khả năng tự học tập, nghiên cứu trong tương lai.

Các nhà trường cần chủ động liên hệ với các nhà xuất bản để học sinh có cơ hội mua được những cuốn sách hay, phù hợp với lứa tuổi và có sự ưu đãi về giá. Bên cạnh đó, các nhà trường dựa vào danh mục mà Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, danh mục các công ty sách - thiết bị trường học, căn cứ vào yêu cầu đọc của học sinh, giáo viên, từ đó mà bổ sung sách báo, trang thiết bị cho phù hợp chương trình giảng dạy của thầy cô, trình độ học tập của học sinh trong từng năm học.

Tổ chức nhiều hoạt động như: Hội thi kể chuyện sách, trưng bày, triển lãm sách, cắt dán các bài báo tạp chí,... theo chủ đề các ngày lễ lớn trong năm (20/10, 20/11, 3/2, 8/3, 26/3,...) nhằm tuyên truyền giáo dục truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc; động viên, khuyến khích học sinh đọc sách dưới nhiều hình thức.

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng những “Tủ sách lưu động” giúp học sinh có thể đọc sách trong giờ ra chơi, giờ nghỉ giữa các buổi học góp phần đưa số lượt đọc sách ngày một tăng cao.

Xây dựng một cộng đồng, một XHHT ngoại ngữ, coi đó là một trong những giải pháp trọng tâm để thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện dạy và học ngoại ngữ thành phố Hải Phòng, góp phần thực hiện nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong những năm qua, phong trào học tập ngoại ngữ đã dấy lên mạnh mẽ không chỉ trong đào tạo chính quy mà phát triển rộng khắp ra ở các hoạt động bên ngoài lớp học, trong xã hội, trong cộng đồng.

Khái niệm “cộng đồng, XHHT ngoại ngữ” ra đời dựa trên quan niệm cho rằng hoạt động học ngoại ngữ diễn ra khi người học tham gia vào các hoạt động chung với người khác, vì mục tiêu chung, với mức độ và khả năng khác nhau. Và để xây dựng và vận hành cộng đồng học tập ngoại ngữ

thì điều kiện tiên quyết là làm thế nào để tạo ra một môi trường học tập thu hút được người học tham gia vào cộng đồng học tập, gắn kết với nhau trong học tập cộng đồng thông qua 04 yếu tố sau:

- Sự đa dạng về kiến thức của các thành viên và sự đóng góp của mỗi thành viên đều được tôn trọng và hỗ trợ.

- Có mục tiêu chung là cùng phát triển kiến thức và kỹ năng của mọi thành viên.

- Đề cao sự phát triển kỹ năng tự học.

- Có cơ chế để mọi thành viên chia sẻ những gì đã học được.

Để xây dựng cộng đồng, XHHT ngoại ngữ, ngành giáo dục thành phố đã phát triển một số mô hình tiêu biểu có thể kể đến như:

1. Phối hợp giữa các trung tâm học tập cộng đồng với các trung tâm ngoại ngữ nhằm mang đến dịch vụ đào tạo tại chỗ cho mọi đối tượng với chi phí thấp.

Hiện nay, thành phố Hải Phòng có 199 trung tâm ngoài giờ chính khóa đã được cấp phép hoạt động trong đó 153 trung tâm ngoại ngữ với 165 giáo viên người nước ngoài, 632 giáo viên Việt Nam; hệ thống các trung tâm học tập cộng đồng với 217 cơ sở/ 217 xã, phường, thị trấn. Trên thực tế có vị trí thuận lợi, điều kiện cơ sở vật chất tương đối nhưng các trung tâm học tập cộng đồng thường có rất ít hoạt động hiệu quả gây lãng phí về cơ sở vật chất. Trước tình hình đó, tại các quận/huyện, các trung tâm ngoại ngữ đã thực hiện kết nối với các trung tâm học tập cộng đồng mở các lớp giảng dạy ngoại ngữ với chi phí thấp, đối tượng của những lớp ngoại ngữ này là các thanh niên địa phương tham gia các chương trình học nghe/nói và làm quen với ngoại ngữ trước khi tham gia tuyển dụng công nhân tại các khu công nghiệp của thành phố.

2. Phát triển mô hình câu lạc bộ ngoại ngữ tại các khu công nghiệp

Nhận thấy công nhân ở các Khu công nghiệp còn khó khăn trong việc tiếp cận học ngoại ngữ, đoàn thanh niên kết hợp cùng ban quản lý các khu kinh tế đã thực hiện mở các câu lạc bộ ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Trung, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn) tại trực tiếp ký túc xá các khu công nghiệp. Qua câu lạc bộ, các lớp học được tổ chức mà thầy/cô giáo chính là các công nhân, kỹ sư đã có nhiều năm công tác, giáo trình giảng dạy chính là ngoại ngữ sử dụng hàng ngày trong công việc. Việc có thể sử dụng những kiến thức vừa học vào ngay công việc hàng ngày khiến cho việc học tập ngoại ngữ trở nên hứng thú hơn với cả người dạy và học.

3. Phát triển mô hình giảng dạy ngoại ngữ theo chuẩn quốc tế trong các trường phổ thông.

MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

VỀ VIỆC XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội
(Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội)

Xây dựng xã hội học tập (XHHT) tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người dân học tập suốt đời là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo” đã chỉ rõ một trong các nhiệm vụ, giải pháp cơ bản thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam là “hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng XHHT”.

Có thể nói, việc “học tập suốt đời” và “xây dựng XHHT” đối với nước ta không mới vì ngay sau cách mạng Tháng Tám ở nước ta đã có mầm mống hình thành một XHHT. Song song với việc xoá mù chữ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngành giáo dục đã mở ra hệ thống học tập không chính quy dành cho người lớn tuổi, cho người nghèo, cho con em tầng lớp lao động. Khắp nơi trên đất nước, hàng loạt các trường phổ thông lao động, các trường bổ túc công nông, bổ túc văn hoá, vừa học vừa làm đã hình thành và đem lại quyền được học hành cho mọi người dân mà trước đây trong lịch sử phát triển giáo dục nước ta chưa bao giờ có được. Nhờ những bước đi đúng đắn này mà hiện nay chúng ta đã có được một đội ngũ trí thức công nông lớn mạnh, trong số họ không ít người nhờ qua con đường học tập không chính quy đã trưởng thành và đạt tới đỉnh cao của các lĩnh vực khoa học, công nghệ, quản lý và trở thành những cán bộ đầu ngành của nhiều lĩnh vực.

Cần phải khẳng định rằng, xây dựng XHHT và học tập suốt đời là một trong những chiến lược then chốt của giáo dục nước ta trên con đường đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Bởi lẽ học tập suốt đời trong một XHHT sẽ tạo cơ hội bình đẳng trong giáo dục để từng thành viên có điều kiện tự hoàn thiện mình, nâng cao chất lượng cuộc sống của bản thân, gia đình, dòng họ; của xã, phường, quận, huyện và từ đó là cả xã hội.

Hà Nội là Thủ đô của cả nước, là trung tâm chính trị - hành chính Quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế. Trong những năm qua, Hà Nội đã cụ thể hóa Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước về xây dựng XHHT thành kế hoạch, chương trình công tác của địa phương, tạo điều kiện cho mọi công

dân Thủ đô được học thường xuyên, học suốt đời góp phần xây dựng XHHT trên địa bàn Thành phố.

Thực hiện Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng XHHT giai đoạn 2012 - 2020” (Đề án 89), Hà Nội đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của đề án.

I. Một số kết quả nổi bật chỉ đạo, tổ chức thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Đề án “Xây dựng XHHT giai đoạn 2012 - 2020”

1. Đối với công tác chỉ đạo, điều hành

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 04/12/2013 về việc "Xây dựng XHHT giai đoạn 2013-2020" (Kế hoạch 177). Công tác triển khai, thực hiện được tiến hành nghiêm túc ở các cấp, các ngành trên địa bàn Thành phố. Ban chỉ đạo xây dựng XHHT các cấp được kiện toàn thường xuyên và kịp thời, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc học tập suốt đời, xây dựng XHHT trên địa bàn Thành phố. Ban chỉ đạo XHHT đã phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, đoàn thể và các tổ chức xã hội trên địa bàn để triển khai thực hiện các mục tiêu của Đề án. Chú trọng chỉ đạo việc tăng cường hội nhập quốc tế trong GDĐT; nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong hoạt động hợp tác quốc tế trong các cơ sở giáo dục.

2. Đối với công tác thông tin, tuyên truyền

Chỉ đạo các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở xây dựng kế hoạch, hàng năm thông tin truyền thông về công tác xây dựng XHHT. Hệ thống báo chí Thành phố đã tích cực đưa tin, bài tuyên truyền về công tác thực hiện các kế hoạch, đề án liên quan đến các nội dung thuộc lĩnh vực phát triển văn hóa giáo dục; tuyên truyền, nhân rộng các tập thể, cá nhân có sáng kiến hay về xây dựng XHHT; tuyên truyền, vận động phong trào xây dựng nông thôn mới, toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Việc thông tin tuyên truyền còn được thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, hiệu quả như: sinh hoạt câu lạc bộ, các buổi nói chuyện chuyên đề, phát động viết bài về gương điển hình trong xây dựng và phát triển các mô hình học tập, gắn việc tuyên truyền về xây dựng XHHT thông qua phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, phong trào xây dựng gia đình hiếu học, dòng họ khuyến học, đơn vị học tập, cộng đồng học tập; hàng năm tổ chức các hoạt động trong Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời ở các địa phương, đơn vị; tuyên truyền về hợp tác quốc tế trên lĩnh vực giáo dục nhằm tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế về xây dựng XHHT; mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo từ xa....

3. Đối với việc cung cấp tài liệu học tập cho các cơ sở giáo dục

Ban chỉ đạo xây dựng XHHT của Thành phố đã chỉ đạo các sở, ngành biên soạn tài liệu học tập cho mọi tầng lớp nhân dân về các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ của từng sở, ngành. Tài liệu học tập được cung cấp đầy đủ cho người học tại các cơ sở giáo dục, phần lớn thông qua các trung tâm học tập cộng đồng. Ngoài ra, với mục đích thúc đẩy văn hóa đọc, hằng năm, UBND Thành phố đều tổ chức các hoạt động về phát triển văn hóa đọc như: tổ chức Hội sách Hà Nội; gian hàng trưng bày, giới thiệu sách, ấn phẩm để giới thiệu đến các độc giả trong và ngoài nước về Hà Nội, đất nước và con người Việt Nam; chỉ đạo Sở GDĐT phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức Cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc Thủ đô từ năm học 2016-2017 đến nay.

4. Đối với công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

Chỉ đạo các quận, huyện, thị xã, các sở, ngành xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ cho cán bộ, công nhân, người lao động và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn; khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ cho người lao động dưới nhiều hình thức; xây dựng các giải pháp nhằm thu hút mạnh mẽ mọi nguồn lực xã hội, phục vụ thiết thực cho công tác bồi dưỡng. Tính đến thời điểm hiện nay, 100% cán bộ công chức, viên chức từ tỉnh đến huyện được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định; 100% cán bộ, công chức, viên chức tham gia chương trình học tập nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, hoàn thành mục tiêu đề ra đến năm 2020 của Kế hoạch 177 và Đề án 89.

5. Đối với công tác Phổ cập giáo dục - Xoá mù chữ

Hàng năm củng cố, kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục - Xoá mù chữ các cấp. Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành giáo dục với các ngành, các tổ chức có liên quan trong công tác chống mù chữ; tiến hành kiểm tra, đánh giá, công nhận địa phương đạt chuẩn Phổ cập giáo dục - Xoá mù chữ theo quy định. Tính đến năm học 2019-2020, kết quả số người biết chữ trong độ tuổi từ 15 - 60 tuổi đạt tỷ lệ 99,95%; vượt chỉ tiêu đề ra 4,5%. Đối chiếu với các tiêu chuẩn tại Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về Phổ cập giáo dục - Xoá mù chữ, thành phố Hà Nội đã được Bộ GDĐT công nhận đạt chuẩn Xoá mù chữ mức độ II năm 2017 theo Quyết định số 1984/QĐ-BGDĐT ngày 25/5/2018.

6. Đối với việc thực hiện Đề án “Phát triển đào tạo từ xa giai đoạn 2015-2020”

Ban chỉ đạo xây dựng XHHT Thành phố đã chỉ đạo tổ chức tuyên truyền sâu rộng tới tất cả cán bộ, công chức, viên chức, các tầng lớp nhân

dân, các tổ chức xã hội về tầm quan trọng của phát triển đào tạo từ xa trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tăng cường đầu tư trang thiết bị dạy học, xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho việc đào tạo từ xa, đào tạo trực tuyến. Quan tâm ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong việc cung ứng các chương trình học tập cho mọi người. Xây dựng chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục đầu tư và sử dụng công nghệ đào tạo từ xa tiên tiến để triển khai các chương trình đào tạo từ xa cấp văn bằng. Củng cố, rà soát, phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố; phát triển các chương trình đào tạo cấp chứng chỉ, chương trình phổ biến kiến thức nhằm nâng cao trình độ dân trí, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của nhân dân Thủ đô. Đẩy mạnh phương thức giáo dục từ xa để thực hiện các chương trình kiểm tra, thi cấp chứng chỉ, văn bằng của hệ thống quốc dân tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, tận dụng tối đa cơ sở vật chất, phương tiện truyền thanh, truyền hình của các địa phương phục vụ cho giáo dục từ xa.

Hiện nay, mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên phát triển đều khắp trên địa bàn Thành phố và tiếp tục được nâng cao về chất lượng hoạt động. Nhiều trung tâm học tập cộng đồng hoạt động có chất lượng, hình thức tổ chức phong phú, đa dạng, đáp ứng tốt nhu cầu học tập của người dân tại địa phương. Toàn thành phố hiện có 29 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; 579 trung tâm học tập cộng đồng; gần 1.271 trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên; các thư viện cộng đồng, nhà văn hóa tại xã, phường, thị trấn được phủ kín ở khắp các địa bàn dân cư... Tỷ lệ cán bộ công, chức viên, chức được cử đi đào tạo bồi dưỡng ngày càng tăng, đặc biệt là việc tập huấn bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn theo vị trí việc làm và công tác bồi dưỡng về ngoại ngữ, tin học... để phục vụ tốt công tác cải cách hành chính, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển của Thành phố.

II. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

Đề án 89 về xây dựng XHHT giai đoạn 2012-2020 đã nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố; sự phối hợp chặt chẽ, vào cuộc hiệu quả của các cơ quan sở, ban, ngành Thành phố và đã đạt được những kết quả, thành tích tốt trong giai đoạn vừa qua, đáp ứng được nhu cầu học tập ngày càng đa dạng của mọi người dân Thủ đô, góp phần hoàn thành mục tiêu Đề án 89 của Chính phủ.

Các cấp, ngành địa phương của Hà Nội nghiêm túc thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố, chủ động, tích cực và trách nhiệm trong thực tiễn triển khai các đề án thành phần; gắn việc xây dựng XHHT với các chương trình, đề án phát triển kinh tế xã hội, GDĐT của địa phương thông qua nhiều nội dung hoạt động, hình thức tuyên truyền, tổ chức xây dựng XHHT ngày càng đa dạng, phong phú, góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân về ý nghĩa, tính cấp thiết của công tác xây dựng XHHT.

2. Tồn tại, hạn chế

Công tác tổ chức, quản lý tại trung tâm học tập cộng đồng ở một số địa phương còn gặp nhiều khó khăn do cán bộ phụ trách phải kiêm nhiệm nhiều công việc và thường xuyên thay đổi do có sự điều động về nhân sự; công tác vận động, mở lớp xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ trong độ tuổi từ 15 - 35 tuổi còn gặp trở ngại phần lớn do người học phải tham gia lao động sản xuất, đi làm ăn xa hoặc mặc cảm về tuổi tác; đối với lao động đã qua đào tạo nghề (nhất là một số nghề đòi hỏi phải có kỹ năng nghiệp vụ) người lao động vẫn chưa đáp ứng được so với yêu cầu ngày càng cao của các doanh nghiệp; một số đơn vị doanh nghiệp chỉ tập trung vào nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, chưa bố trí thời gian, kinh phí và hỗ trợ cho người lao động tích cực tham gia học tập; một bộ phận công chức, viên chức và người lao động chưa nhận thức được quyền lợi và nghĩa vụ của bản thân khi tham gia học tập nên vẫn còn có tư tưởng ngại khó.

3. Bài học kinh nghiệm

Để có được những kết quả nêu trên chính là nhờ ở sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố, của các cấp ủy Đảng, chính quyền. Đây là yếu tố quan trọng, mang tính quyết định cho sự thành công trong việc thực hiện các mục tiêu của đề án xây dựng XHHT trên địa bàn Thành phố. Ngoài ra còn phải kể đến sự phối hợp chặt chẽ thường xuyên giữa các cấp, các ngành, đoàn thể và tổ chức xã hội trong quá trình xây dựng và tổ chức hoạt động các cơ sở giáo dục thường xuyên. Đây là nhân tố đặc biệt quan trọng trong việc triển khai và thực hiện đề án xây dựng XHHT ở Thủ đô. Về kinh phí thực hiện các kế hoạch, ngoài phần đầu tư của Thành phố còn huy động thêm được từ nhiều nguồn xã hội hoá khác của địa phương và sự hỗ trợ của các ngành, các tổ chức xã hội, cá nhân, các chương trình, dự án. Thường xuyên đánh giá rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện, nhân rộng các mô hình tiên tiến ở những nơi làm tốt để các cơ sở chưa làm tốt học tập làm theo.

III. Một số nhiệm vụ trọng tâm

1. Tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức về mục đích, ý nghĩa, vai trò, lợi ích của việc xây dựng XHHT. Gắn việc tuyên truyền xây dựng

XHHT thông qua phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, phong trào xây dựng gia đình hiếu học, dòng họ khuyến học, đơn vị học tập, cộng đồng học tập; Tổ chức tuyên dương, khen thưởng các đơn vị và cá nhân có nhiều thành tích trong công tác xây dựng XHHT. Kịp thời nhân rộng gương các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trên các phương tiện thông tin đại chúng để khuyến khích, động viên và phát triển phong trào.

2. Các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân đều có trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi đối với việc xây dựng XHHT. Đưa nội dung hoạt động xây dựng XHHT trở thành nội dung bắt buộc trong chương trình, kế hoạch hoạt động, thi đua hàng năm và từng giai đoạn của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quận, huyện.

3. Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ. Các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là Đài truyền thanh các địa phương, Đài Phát thanh - Truyền hình Thành phố tham gia thực hiện các chương trình giáo dục từ xa, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức về các lĩnh vực của khoa học và đời sống. Đa dạng hóa các hình thức cung ứng chương trình học tập suốt đời của các thiết chế ngoài nhà trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho mọi tầng lớp nhân dân tham gia học tập suốt đời. Tổ chức tập huấn về hình thức, phương pháp tổ chức dạy học ở các thiết chế ngoài nhà trường.

4. Phát triển bền vững mô hình trung tâm học tập cộng đồng tại các xã, phường trên địa bàn Thành phố nhằm thực hiện các chương trình xóa mù chữ, các chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng liên quan đến nông nghiệp, nông thôn, y tế, sức khỏe cộng đồng, chính trị, pháp luật, văn hóa,... đáp ứng yêu cầu học học tập đa dạng của cộng đồng dân cư. Nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng, thực hiện phương châm đưa lớp học đến với người dân, tích cực mở rộng địa bàn hoạt động đến từng thôn, xóm, tổ dân cư; phát triển mô hình hoạt động trung tâm học tập cộng đồng kết hợp với nhà văn hóa, thư viện, bưu điện văn hóa xã. Quan tâm tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị cho trung tâm học tập cộng đồng nhằm đảm bảo đủ điều kiện để nâng cao chất lượng hoạt động cung ứng các chương trình học tập suốt đời.

5. Trung tâm học tập cộng đồng các xã, thị trấn phối hợp chặt chẽ với Hội Khuyến học đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập” làm cơ sở xây dựng thành công XHHT; phối hợp với trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, các tổ chức, chương trình, dự án tại địa phương để tổ chức biên soạn tài liệu bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ nhằm tạo điều kiện cho người dân học tập suốt đời.

6. Đa dạng hóa nội dung, chương trình hoạt động của trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; phối hợp với các tổ chức và cá nhân có liên quan để tổ chức các lớp bồi dưỡng ngắn hạn; các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ công chức, đặc biệt là cán bộ, công chức cấp xã.

7. Đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới công tác kiểm tra đánh giá trong các trường phổ thông nhằm giáo dục cho học sinh tinh thần ham học, nâng cao năng lực tự học; tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

8. củng cố, phát triển các trung tâm ngoại ngữ, tin học; khuyến khích, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần khác nhau thành lập các cơ sở học tập, bồi dưỡng thường xuyên cho người lao động, đặc biệt đối với lao động trong lĩnh vực nông nghiệp.

9. Tăng cường các điều kiện, đầu tư ngân sách để hỗ trợ phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên. Có chính sách hỗ trợ người học thuộc đối tượng chính sách, người dân tộc, phụ nữ theo từng địa bàn dân cư, đặc biệt là các vùng ngoại thành có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn; thu hút sự ủng hộ về tài chính của mọi cá nhân, tổ chức cho trung tâm học tập cộng đồng để triển khai tốt các hoạt động.

XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
(Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)*

Tóm tắt:

Tại Việt Nam, giáo dục được xem là quốc sách hàng đầu; do vậy, các chủ trương, chính sách dành cho giáo dục luôn được quan tâm phát triển nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đặc biệt trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay. Từ đó có thể thấy, vai trò của việc khuyến khích học tập suốt đời (HTSD), xây dựng xã hội học tập (XHHT) ngày càng quan trọng trong việc đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động của đất nước. Thời gian qua, Thành phố Hồ Chí Minh đã cùng các địa phương khác của cả nước ra sức xây dựng XHHT, tạo mọi điều kiện thuận lợi để đáp ứng nhu cầu HTSD của người dân Thành phố. Vượt qua những khó khăn, hạn chế, Thành phố bước đầu đã gặt hái được một số thành quả nhất định, đúc kết được những bài học kinh nghiệm trong thực tiễn và định hướng một số nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo.

Từ khóa: XHHT, Thành phố Hồ Chí Minh

1. BỐI CẢNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế lớn nhất, với mật độ dân số cao nhất cả nước, tiếp tục chịu áp lực gia tăng dân số cơ học lớn nhất và bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu mạnh nhất cả nước⁸³. Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, diện tích chỉ 0.6% diện tích cả nước, dân số chiếm hơn 9% dân số cả nước, song đóng góp gần 22% kinh tế (GDP) và khoảng 28% tổng thu ngân sách cả nước. Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương đi trước trong việc thực hiện cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, xây dựng thành phố thông minh, đô thị sáng tạo, Chính phủ điện tử, cải cách hành chính hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh với các thành phố khác trong khu vực ASEAN; kỳ vọng Thành phố tiếp tục là một trong những đầu tàu quan trọng, là trung tâm lớn, hiện đại của đất nước⁸⁴.

Kỳ vọng đó được khẳng định trong mục tiêu tổng quát phát triển Thành phố Hồ Chí Minh tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí

⁸³ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa X tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025).

⁸⁴ Trích nội dung phát biểu của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc ngày 12/4/2019 với Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh lần thứ XI: “...huy động hiệu quả mọi nguồn lực và tận dụng thời cơ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; ... xây dựng thành phố thông minh, phát triển nhanh, bền vững, giữ vai trò là đầu tàu kinh tế của cả nước; ... thành phố là trung tâm về kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học – công nghệ và văn hóa của khu vực Đông Nam Á”.

Trong bối cảnh đó, Thành phố Hồ Chí Minh luôn nỗ lực khắc phục khó khăn, đi đầu trong mọi công cuộc đổi mới, tích cực sáng tạo, năng động, mạnh dạn thí điểm nhiều giải pháp đột phá nhằm xây dựng XHHT, tạo cơ hội học tập cho cho mọi tầng lớp nhân dân được học tập thường xuyên, suốt đời. Quan điểm đó được Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI xác định là một trong các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhằm phát triển văn hóa - xã hội đồng bộ với phát triển kinh tế, làm nền tảng cho thành phố phát triển bền vững: “*Hoàn thiện hệ thống giáo dục theo hướng giáo dục thông minh, giáo dục mở, HTSD và xây dựng XHHT*”.

2. THỰC TIỄN VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Một số thành tựu trong quá trình xây dựng XHHT trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian qua

Một là, mạng lưới các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố luôn được củng cố, phát triển về quy mô, số lượng, chất lượng, góp phần nâng cao dân trí, dân sinh, tạo nguồn lực phát triển xã hội.

Hiện nay, mạng lưới trường lớp ở các ngành học, bậc học được phủ khắp 322 phường, xã, 24 quận, huyện Thành phố với quy mô phát triển ngày một tăng, bên cạnh áp lực tăng dân số cơ học vẫn đảm bảo cơ bản trường lớp cho học sinh học tập. Công tác phổ cập giáo dục phát triển. Đội ngũ nhà giáo được xây dựng đảm bảo về số lượng và không ngừng nâng cao chất lượng, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp dạy học ngày một cao hơn. Mức độ chuẩn hóa nhà trường và trang thiết bị dạy học ngày càng được nâng cao. Chất lượng đào tạo của nhà trường đã có sự tiến bộ rõ nét, số lượng học sinh năng động, bản lĩnh sớm hòa nhập với cuộc sống văn minh, tiến bộ của một đô thị hiện đại ngày càng nhiều.

Tính đến năm học 2019 - 2020, ngành giáo dục và đào tạo (GDĐT) Thành phố Hồ Chí Minh có 2.399 trường học, 48.724 lớp học với 1.745.983 học sinh - sinh viên và 86.058 giáo viên - cán bộ quản lý, quy mô ngành GDĐT Thành phố phát triển cụ thể ở các cấp học, bậc học như sau:

Cấp học/bậc học	Trường	Lớp	Học sinh	Đội ngũ
Mầm non	1.346	15.113	366.785	30.581
Tiểu học	500	16.492	654.847	22.772
Trung học cơ sở	280	10.715	437.741	17.666
Trung học phổ thông	199	5.765	226.346	12.562
Giáo dục thường xuyên	34	619	23.384	922
Giáo dục chuyên biệt	32	-	2.601	-
Cao đẳng, Trung cấp	8	-	34.279	1.555
Tổng cộng:	2.399	48.724	1.745.983	86.058

Thành phố Hồ Chí Minh cũng là địa phương trú đóng của 54 cơ sở giáo dục đại học (gồm: 02 trường đại học, 01 học viện thuộc Thành phố; 07 cơ sở giáo dục đại học thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; 12 trường đại học tư thục và 03 cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài).

Hiện nay, Thành phố Hồ Chí Minh có 319 trung tâm học tập cộng đồng. Đa số các trung tâm đều có trụ sở riêng, một số trung tâm đặt địa điểm tại nhiều nơi khác như: nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, thể thao của phường, xã, thị trấn, các trường học, trụ sở ủy ban nhân dân, nhà sinh hoạt cộng đồng của các khu dân cư để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân có thể tham gia học tập, sinh hoạt. Phần lớn các trung tâm có máy vi tính kết nối mạng internet, có tủ sách riêng với hàng chục ngàn đầu sách các loại; mỗi quận, huyện xây dựng một trung tâm nguồn để làm hạt nhân cho các hoạt động ở địa phương, đồng thời hỗ trợ hoạt động cho các trung tâm khác.

Ngoài ra, Thành phố còn có 1.329 điểm dạy ngoại ngữ, tin học do Sở GDĐT quản lý (tính đến tháng 8 năm 2020). Các trung tâm ngoại ngữ, tin học, đặc biệt là hệ thống các trung tâm ngoài công lập, trung tâm có vốn đầu tư nước ngoài đã có vai trò rất lớn hỗ trợ tích cực trong việc nâng cao trình độ ngoại ngữ và tin học cho học sinh, sinh viên, cán bộ công chức, giáo viên và mọi người dân. Mạng lưới các trung tâm ngoại ngữ, tin học ngày càng được mở rộng, số lượng tăng lên hàng năm; các trung tâm quy mô lớn cũng tiếp tục mở rộng các cơ sở đào tạo mới nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người dân.

Hai là, tiếp tục duy trì và phát huy kết quả đạt được trong công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ (XMC) trên toàn Thành phố.

- Công tác XMC và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ:

Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục – XMC của Thành phố đã triển khai các văn bản, hướng dẫn về XMC kịp thời đến Ban chỉ đạo các quận, huyện. Từ thành phố đến quận, huyện, phường, xã, thị trấn đều kiện toàn bộ máy, bổ sung kịp thời nhân sự; xây dựng kế hoạch phù hợp, sát thực tế nhằm đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn quy định phổ cập giáo dục – XMC hiện hành. Một số chương trình phối hợp giữa Sở GDĐT với các đơn vị trong công tác XMC như: phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố về XMC và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ cho phụ nữ từ 15 – 40 tuổi; phối hợp với Hội Nông dân Thành phố về XMC và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ cho thanh niên ngoại thành; phối hợp với Bộ đội Biên phòng Thành phố đẩy mạnh công tác XMC, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và phát triển trung tâm học tập cộng đồng.

Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục – XMC các quận, huyện chịu trách nhiệm phân công điều tra, lập danh sách đối tượng mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ cho các ban, ngành, đoàn thể, dưới sự hướng dẫn của giáo viên chuyên trách. Việc điều tra được thực hiện từ các tổ dân phố, khu phố và phải đảm bảo tính kế thừa giữa các năm. Vì vậy, số người được công nhận biết chữ và hoàn thành chương trình giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ đã tăng lên, góp phần đưa tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 – 60 tuổi đạt 99,86%.

Một số quận, huyện đã đầu tư cho công tác chỉ đạo (tổ chức họp giao ban thường xuyên, giao chỉ tiêu cụ thể, trẻ hóa đội ngũ cán bộ chuyên trách, bồi dưỡng nghiệp vụ...), đầu tư cơ sở vật chất, chế độ chính sách để đẩy mạnh công tác XMC, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ tại địa phương. Phần lớn cán bộ chuyên trách có tâm huyết, đầu tư cho công tác XMC và hồ sơ quản lý, bám sát địa bàn, huy động được nhiều lực lượng xã hội cùng tham gia. Do đó, công tác XMC, giáo dục tiếp tục tiếp tục sau khi biết chữ ổn định, góp phần giữ vững tỷ lệ phổ cập giáo dục tại địa phương.

Kết quả XMC năm 2019: 24/24 quận, huyện và Thành phố đạt chuẩn về XMC. Kết quả giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ năm 2019: toàn Thành phố có 99,82% số người trong độ tuổi 15 – 35 biết chữ mức độ II và 99,47% số người trong độ tuổi 15 – 60 biết chữ mức độ II.

- Công tác phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi: các quận, huyện triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo, xây dựng kế hoạch và ban hành Quyết định công nhận phường, xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo quy định. Đến nay, kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn Thành phố là 24/24 quận, huyện đều đạt chuẩn.

- Công tác phổ cập giáo dục tiểu học: các quận, huyện và phường, xã, thị trấn đã duy trì và tiếp tục huy động, vận động tất cả trẻ trong độ tuổi ra lớp đồng thời có biện pháp hữu hiệu để duy trì 100% trẻ đi học. Khảo sát và điều tra số trẻ đang học các lớp không chính quy chuyển sang học tại các trường, lớp chính quy. Hiện, tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi ra lớp Một đạt

100%; tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 98,7%. Như vậy, tính đến thời điểm nay, toàn Thành phố có 24/24 quận, huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức 3.

- Công tác phổ cập giáo dục bậc trung học cơ sở:

Các quận, huyện đã triển khai và thực hiện tốt kế hoạch thực hiện công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở tại địa phương. Từng đơn vị đã kiện toàn Ban chỉ đạo và tăng cường hiệu quả công tác chỉ đạo hoạt động phổ cập giáo dục từ việc điều tra, khảo sát, đánh giá kết quả thực hiện, bảo quản hồ sơ sổ sách quản lý cho đến việc xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất, tạo nguồn giáo viên, nâng cao hiệu quả vận động và xây dựng lớp học phổ cập, vận động giáo viên, các ban, ngành, đoàn thể tham gia và tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa của việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đến từng hộ gia đình.

Thường xuyên tiến hành công tác điều tra, thống kê, cập nhật, khảo sát từng hộ gia đình và tổ chức các lớp giảng dạy phổ cập giáo dục theo từng khối lớp trên địa bàn phường, xã, thị trấn. Công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở được các quận, huyện quan tâm thực hiện đúng kế hoạch và đúng quy định. Các quận, huyện nỗ lực duy trì kết quả đạt được với mục tiêu nâng cao tỷ lệ và mức độ đạt được. Công tác quản lý hồ sơ tại cơ sở kỹ lưỡng, rõ ràng và trình tự kiểm tra ở các đơn vị tốt.

Thành phố hiện có 319 phường, xã, thị trấn duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2019, với 294.958/301.644 đối tượng trong độ tuổi 15 – 18 có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, đạt tỷ lệ 97,78% (tăng so với năm 2018 là 284.739/292.154, tỷ lệ 97,47%).

- Công tác phổ cập bậc trung học: trên cơ sở Quyết định số 3615/QĐ-UBND ngày 14/7/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định tạm thời chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020, Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục – XMC các địa phương đã tích cực triển khai, chỉ đạo cơ sở điều tra nắm chắc tình hình dân số độ tuổi, chủ động phối hợp các ban, ngành, đoàn thể duy trì kết quả thực hiện công tác phổ cập bậc trung học. Hiện nay, kết quả phổ cập có 24/24 quận, huyện đạt chuẩn phổ cập bậc trung học theo chuẩn của Thành phố.

Ba là, triển khai có hiệu quả việc xây dựng các mô hình học tập tiêu biểu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Triển khai thực hiện Quyết định số 281/QĐ-TTg ngày 20/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh phong trào HTSD trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị đến năm 2020”, các quận, huyện, phường, xã, thị trấn đã có các biện pháp triển khai nghiêm túc và sáng tạo như: tổ chức sinh hoạt chuyên đề tại các chi hội khuyến học khu phố, phường, xã với nội dung về các mô hình học tập; tổ chức hội thi với nội dung về các mô hình học tập; tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận,

huyện phối hợp tư vấn đào tạo nghề và kỹ năng cho người lao động, ưu tiên hộ nghèo và hộ cận nghèo; lồng ghép đưa nội dung xây dựng các mô hình học tập vào “Quy ước cộng đồng dân cư của khu phố”,...

Đến nay, đề tài nghiên cứu khoa học: “*Nghiên cứu đề xuất mô hình tổng thể về Thành phố học tập ở Thành phố Hồ Chí Minh*” đã được thực hiện đúng tiến độ, đúng quy trình và đề tài được nghiệm thu với kết quả xuất sắc vào ngày 29/7/2019.

Số lượng gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị đạt danh hiệu gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập, đơn vị học tập qua các năm đều tăng, tạo được sức lan tỏa trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị, góp phần quan trọng trong công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT trong mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn Thành phố. Kết quả cụ thể như sau:

Năm	Gia đình học tập		Dòng họ học tập		Cộng đồng học tập		Đơn vị học tập	
	Số Gia đình đạt danh hiệu	% so với tổng số hộ ở địa phương	Số Dòng họ đạt danh hiệu	% so với tổng số ở đại phương	Số Cộng đồng đạt danh hiệu	% so với tổng số ở đại phương	Số Đơn vị đạt danh hiệu	% so với tổng số ở đại phương
2016	480.462	18,02	316	41,11	770	19,95	1.191	57,50
2017	754.262	41,00	453	80,46	1.248	62,56	1.680	79,96
2018	996.081	53,34	617	81,29	2.274	78,60	1.810	84,66
2019	1.174.351	63,72	743	77,23	2.478	87,50	1.926	90,42
2020	1.495.754	78,99	859	94,81	2.015	98,97	2.100	97,58

Tại Đại hội biểu dương các mô hình học tập tiêu biểu cấp phường, xã, thị trấn, đã có 8.272 mô hình được biểu dương (trong đó, gồm: 5.738 gia đình học tập; 366 dòng họ học tập; 1.175 cộng đồng học tập; 993 đơn vị học tập). Tại Đại hội biểu dương các mô hình học tập tiêu biểu của Thành phố, đã có 119 mô hình học tập tiêu biểu được biểu dương.

Bốn là, đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, thỏa thuận, ghi nhớ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục.

Thông qua các chuyến thăm của các đoàn khách nước ngoài, ngành GDĐT Thành phố có thể tranh thủ các mối quan hệ với lãnh sự quán và bạn bè quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động giao lưu, tìm hiểu văn hóa, con người nước bạn. Bên cạnh đó, hoạt động giáo dục và tiềm năng phát triển giáo dục của Thành phố có thể được quảng bá sâu rộng đến các nước trên thế giới và các nhà đầu tư thông qua các buổi hội thảo quốc

tế trong và ngoài nước, tạo cơ hội nắm bắt các nguồn viện trợ và chương trình hợp tác, đầu tư cho ngành GDĐT Thành phố.

Tạo điều kiện cho các đoàn ra, đoàn vào thăm viếng, trao đổi và tham dự hội thảo trong ngành GDĐT, góp phần tạo tiền đề cho sự hợp tác với đối tác nước ngoài, làm nền tảng cho sự phát triển vượt bậc của ngành cả về số lượng và chất lượng. Ngành GDĐT Thành phố cũng đã ban hành kế hoạch, đề ra phương hướng cụ thể cho công tác hợp tác quốc tế, tăng cường và mở rộng hợp tác với các đối tác, tăng cường quản lý, kiểm tra các hoạt động hợp tác quốc tế, tích cực phối hợp thực hiện các chương trình hợp tác giáo dục, tìm kiếm cơ hội xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án giáo dục với các đối tác giáo dục nước ngoài để nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên, tạo động lực phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn Thành phố.

Tính riêng thời điểm đầu năm học 2019 - 2020, trước khi dịch COVID-19, các đơn vị giáo dục Thành phố đã đón 89 đoàn khách và cá nhân nước ngoài với khoảng 1.600 lượt khách từ 16 nước đến giao lưu văn hóa, trao đổi kinh nghiệm quốc tế; Sở GDĐT đã tiếp và làm việc với 14 đoàn khách nước ngoài, chủ yếu trao đổi về cơ hội hợp tác với Thành phố trong lĩnh vực GDĐT. Nhìn chung, hoạt động này đã góp phần không nhỏ trong việc tăng cường tình đoàn kết hữu nghị, sự hiểu biết lẫn nhau giữa ngành giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh với đơn vị và tổ chức giáo dục trên toàn thế giới, khơi gợi tiềm năng đầu tư giáo dục và phát triển hội nhập cho toàn ngành.

Năm là, khuyến khích mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi đối với các hoạt động hợp tác đầu tư trong lĩnh vực giáo dục.

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh và năng động của Thành phố Hồ Chí Minh, ngành GDĐT cũng đã thu hút được sự quan tâm đầu tư của các nhà đầu tư trong và ngoài nước để phát triển các mô hình trường học tiên tiến, hiện đại, đạt chuẩn trong khu vực và quốc tế. Để làm được điều đó, ngành GDĐT đã không ngừng tăng cường công tác quản lý hành chính đối với các trường có vốn đầu tư nước ngoài, đồng thời luôn khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các trường có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn hoạt động, góp phần hình thành nhiều mô hình đầu tư phong phú, đa dạng.

Thời gian qua, các chương trình hợp tác đầu tư tại Thành phố Hồ Chí Minh khá sôi động và phong phú. Hiện trên địa bàn Thành phố có 11 cơ sở giáo dục mầm non và 16 cơ sở giáo dục phổ thông có nhiều cấp học có vốn đầu tư nước ngoài. Chương trình học triển khai khá đa dạng, đáp ứng nhu cầu của người nước ngoài đang sinh sống tại Việt Nam và một bộ phận người Việt Nam tại địa phương. Điển hình có thể kể đến các chương trình của các quốc gia như: Anh Quốc, Mỹ, Úc, Đức, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Bắc... Trường được thẩm định chất lượng giáo dục đối với các chương trình giảng dạy và văn bằng chứng chỉ tương ứng (như: chương trình giáo

dục của Hoa Kỳ được thẩm định chất lượng giáo dục của tổ chức Western Association of Schools and Colleges (WASC) và chương trình Tú tài quốc tế do International Baccalaureate Organization (IBO) chứng nhận, CIS, BSO, FOBISIA thẩm định), các bằng cấp có giá trị ở nhiều quốc gia và được chấp nhận ở nhiều trường đại học khác nhau trên thế giới.

Sáu là, phát huy nguồn lực của các trung tâm ngoại ngữ đóng trên địa bàn, đẩy mạnh phong trào nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo.

Hoạt động dạy và học ngoại ngữ của ngành GDĐT thành phố trong thời gian qua hết sức sôi động và phong phú nhằm đáp ứng mục tiêu nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh của Nhân dân thành phố, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực thông thạo ngoại ngữ trong quá trình hội nhập quốc tế, sẵn sàng tham gia thị trường lao động trong khu vực và toàn cầu.

Để thực hiện mục tiêu tăng cường năng lực sử dụng tiếng Anh, ngành GDĐT đã triển khai chương trình tiếng Anh tăng cường tại các trường Tiểu học từ năm học 1998-1999 theo chương trình của Bộ GDĐT. Đến năm 2003, ngành GDĐT Thành phố tiếp tục chỉ đạo các trường tổ chức chương trình tiếng Anh tự chọn với 2 buổi/ngày, mỗi tuần dạy 2 tiết. Chương trình tiếng Anh tăng cường tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố sử dụng các giáo trình nước ngoài có chọn lọc. Nội dung phong phú, lời cuốn học sinh và hướng mục tiêu vào việc thi lấy các chứng chỉ được quốc tế công nhận. Số giờ học đủ để giáo viên tiến hành các hoạt động giúp học sinh tăng cường khả năng nghe và nói.

Ngành GDĐT Thành phố đã tận dụng nguồn lực và phát huy tiềm năng của các trung tâm ngoại ngữ-tin học và trung tâm tư vấn du học trên địa bàn Thành phố. Nhiều năm qua, cùng với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh, mạng lưới trung tâm ngoại ngữ, tin học phát triển với 1.329 điểm dạy và hàng trăm ngàn lượt học viên hàng tháng. Số lượng đông và sự năng động của các trung tâm đang tích cực góp phần tạo cơ hội học tập, nâng cao trình độ cho học sinh và người lao động Thành phố.

Bên cạnh những nỗ lực đưa các chứng chỉ quốc tế về Anh văn (Cambridge, TOEFL) và Tin học (MOS, MCAS, ACA, IC3) vào nhà trường, Thành phố cũng quan tâm và phát triển việc dạy học tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Đức thí điểm trong các trường phổ thông và mang lại nhiều hiệu quả tích cực.

Thành quả nổi bật của quá trình tăng cường dạy và học tiếng Anh trên địa bàn Thành phố là đến nay, Thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức EF Academy đánh giá là địa phương duy nhất của Việt Nam có mức độ thông thạo tiếng Anh vượt lên đạt ở mức trung bình, cao hơn hẳn so với các địa phương còn lại.

Hiện nay, Thành phố đang triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” và “Mô hình trường tiên tiến, hiện đại theo xu thế hội nhập quốc tế” (thí điểm tại 24 trường Mầm non và Phổ thông giúp học sinh tiếp cận những điều kiện, môi trường giáo dục hiện đại, tiên tiến, hiệu quả) nhằm đào tạo nguồn nhân lực phù hợp, có đầy đủ các kỹ năng sống, làm việc đáp ứng yêu cầu của một thành phố thông minh, nền kinh tế hội nhập.

2.2. Đánh giá chung

2.2.1. Ưu điểm

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và huy động mọi nguồn lực xã hội để thực hiện công tác xây dựng XHHT, góp phần nâng cao nhận thức cho các cấp ủy Đảng, cán bộ đơn vị về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân. Các quận, huyện, sở, ngành, đoàn thể các cấp của Thành phố phối đã hợp tốt trong việc thực hiện Đề án Xây dựng XHHT và các đề án thành phần trên địa bàn, vận động mọi tầng lớp Nhân dân tham gia học tập; hỗ trợ kinh phí, địa điểm, tạo mọi điều kiện cho người dân được tham gia HTSD.

Thành phố Hồ Chí Minh đã xây dựng được môi trường học tập trong toàn xã hội. Phong trào học tập phát triển sôi nổi trong gia đình, dòng họ, cộng đồng và đơn vị, góp phần ổn định chính trị, tăng năng suất lao động, góp phần giảm nghèo bền vững, xây dựng tình làng nghĩa xóm, xây dựng nông thôn mới và củng cố sự phát triển bền vững của đất nước.

Chất lượng GDĐT của nhà trường từ mầm non, phổ thông, đến giáo dục thường xuyên của Thành phố được khẳng định và có uy tín đối với xã hội, thu hút không chỉ học sinh thành phố mà còn tiếp nhận học sinh đến từ mọi miền đất nước.

Việc dạy và học ngoại ngữ nhận được sự quan tâm đặc biệt của toàn xã hội. Có thể thấy rằng, sự hình thành và lớn mạnh của các trung tâm ngoại ngữ-tin học, trung tâm Tư vấn du học và việc duy trì giảng dạy nhiều thứ tiếng khác trong trường học trên địa bàn Thành phố đóng vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu phát triển năng động của Thành phố Hồ Chí Minh, tạo động lực cho ngành giáo dục hoàn thành sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực và thúc đẩy các ngành khác cùng phát triển.

2.2.2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế

Ban chỉ đạo xây dựng XHHT của phường, xã, thị trấn thường xuyên thay đổi nhân sự, bổ sung không kịp thời (nhất là Trưởng ban chỉ đạo) nên cũng đã ảnh hưởng không ít đến chất lượng hoạt động phong trào khuyến học tại cơ sở. Phần lớn lực lượng tham gia trực tiếp công tác xây dựng XHHT là kiêm nhiệm, thường xuyên thay đổi gây khó khăn cho việc duy trì ổn định công việc. Đội ngũ báo cáo viên số lượng còn ít, nguồn tài liệu tuyên truyền chưa dồi dào, phong phú cũng làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của trung tâm học tập cộng đồng.

Kinh phí ban đầu, kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng phụ thuộc nhiều vào ngân sách xã, phường, thị trấn; khả năng huy động hỗ trợ từ các nguồn xã hội hóa bên ngoài chưa cao.

Công tác khảo sát, điều tra, nắm bắt nhu cầu học tập của người dân trong cộng đồng chưa hiệu quả. Số lượng nông dân ra học tại các trung tâm học tập cộng đồng còn thấp; công tác vận động thanh niên trong độ tuổi lao động theo học chương trình giáo dục thường xuyên hoặc học nghề tại các trung tâm chưa cao; việc điều tra người mù chữ, vận động người dân tham gia lớp học XMC và duy trì sĩ số lớp chưa hiệu quả, nhất là ở một số quận, huyện có số lượng người nhập cư cao hoặc điều kiện kinh tế xã hội khó khăn. Việc học của người lớn còn khó khăn do bận rộn về cuộc sống, chủ yếu là tham gia các buổi sinh hoạt tổ dân phố, tự học qua báo đài, truyền hình... nên việc vận động đến với các trung tâm học tập cộng đồng còn hạn chế.

2.3. Bài học kinh nghiệm

Xây dựng XHHT là quá trình lâu dài, cần có sự kiên trì trong lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương cùng với sự tham gia có trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp và sự phấn đấu của mọi người dân trong cộng đồng, huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn hệ thống chính trị và toàn xã hội để khuyến khích HTSD, xây dựng XHHT.

Công tác tuyên truyền, hình thức tổ chức các mô hình học tập cần thực hiện phong phú, đa dạng theo nhiều hình thức khác nhau, kết hợp hình thức truyền thống với các hình thức mới, phù hợp với sự bùng nổ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và bối cảnh công nghệ số.

Củng cố phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên; phát huy có hiệu quả hơn vai trò và tiềm năng của các trung tâm học tập cộng đồng để trung tâm trở thành nơi lan tỏa tinh thần học tập cho cộng đồng dân cư. Thực hiện tốt xã hội hóa để huy động nhân lực, nguồn kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị trong quá trình xây dựng XHHT. Tham mưu chế độ chính sách cho đội ngũ giáo viên làm việc tại trung tâm học tập cộng đồng.

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM KHUYẾN KHÍCH XÃ HỘI HỘI TẬP TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI GIAN TỚI

Bộ trưởng Bộ GDĐT Phùng Xuân Nhạ đã đề cập một số định hướng đối với giáo dục Việt Nam trong bối cảnh Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, gồm: (1) gắn việc dạy và học với thực tiễn; (2) đa dạng hóa các lộ trình giáo dục; (3) khuyến khích HTSD; (4) đẩy mạnh dạy và học ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập và quản lý; (5) nâng cao năng lực và mở rộng vai trò của các trường đại học. Trong đó, một lần nữa **khuyến khích HTSD** được xem là một trong

những nhiệm vụ của ngành giáo dục trong bối cảnh toàn cầu hóa, góp phần vào quá trình phát triển bền vững của đất nước.

Do vậy, để thực hiện mục tiêu **khuyến khích HTSD** trong bối cảnh hiện nay, Thành phố Hồ Chí Minh cần phải tiếp tục phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, tích cực tìm kiếm và áp dụng những mô hình có tính đột phá để khuyến khích XHHT trong kỷ nguyên số. Trong đó, có thể tập trung một số giải pháp trọng yếu như sau:

Một là, tiếp tục củng cố mạng lưới trường lớp; tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động GDDT.

Quan tâm đầu tư xây dựng trường lớp đáp ứng nhu cầu học tập của con em Thành phố, kể cả cư dân không có hộ khẩu Thành phố luôn là quan tâm hàng đầu của Thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố tiếp tục đảm bảo cho 100% con em sinh sống trên địa bàn đủ chỗ học, giảm sĩ số học sinh/lớp, tăng số học sinh được học 2 buổi/ngày. Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành tháo gỡ khó khăn trong công tác quy hoạch, đẩy nhanh tiến độ xây dựng mới trường lớp đáp ứng yêu cầu cơ sở vật chất cho giáo dục theo chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI (*Đến cuối năm 2025, đạt 300 phòng học/vạn dân trong độ tuổi đi học từ 3 đến 8 tuổi*).

Hai là, chuẩn bị xây dựng chương trình, kế hoạch xây dựng XHHT trong kỷ nguyên số.

Kế thừa những thành quả đạt được trong công tác xây dựng XHHT của giai đoạn 2012 - 2020 (thực hiện theo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, phát huy những thế mạnh, khắc phục những khó khăn, hạn chế, Thành phố Hồ Chí Minh cùng các địa phương khác của cả nước tiếp tục chuẩn bị kế hoạch xây dựng XHHT trong giai đoạn mới, nhằm khuyến khích HTSD trong bối cảnh công nghệ số đang ảnh hưởng mạnh mẽ đến mọi mặt, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, nội dung khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT giai đoạn hiện nay cần tiếp tục huy động nguồn lực và sức mạnh của toàn hệ thống chính trị và toàn xã hội, hướng đến mục tiêu nâng cao dân trí, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Ba là, tiếp tục xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành “Thành phố học tập”.

Triển khai việc ứng dụng kết quả đề tài: “Nghiên cứu đề xuất mô hình tổng thể về thành phố học tập ở Thành phố Hồ Chí Minh” vào quá trình xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành một thành phố học tập và tích cực, chủ động tham gia mạng lưới “Thành phố học tập” do UNESCO điều hành.

Thực hiện thí điểm mô hình công dân học tập, đồng thời nghiên cứu và đề xuất tiêu chí Công dân học tập đồng bộ với việc hoàn thiện các tiêu

chí của gia đình, dòng họ, cộng đồng và đơn vị học tập phù hợp với vai trò, vị trí của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030.

Ba là, tiếp tục nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo.

Đổi mới toàn diện việc dạy và học ngoại ngữ ở các cấp học, trình độ đào tạo, nhằm đạt được một bước tiến rõ rệt về trình độ, năng lực sử dụng ngoại ngữ của người dân Thành phố. Việc học ngoại ngữ trong bối cảnh toàn cầu hóa như hiện nay nhằm giúp người dân có đủ năng lực ngoại ngữ sử dụng độc lập, tự tin trong giao tiếp, học tập, làm việc trong môi trường hội nhập, đa ngôn ngữ, đa văn hoá, biến ngoại ngữ trở thành thế mạnh của người dân Thành phố, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Qua đó, cung cấp cho người dân Thành phố những kỹ năng cơ bản để thích ứng với quá trình hội nhập quốc tế, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cho công cuộc xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh hiện đại, thông minh.

Bốn là, triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong giáo dục⁸⁵.

Triển khai thực hiện chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục tại Thành phố bao gồm các mục tiêu và nhiệm vụ chính sau đây:

- Thống nhất nhận thức trong đội ngũ giáo viên, học sinh và nâng cao nhận thức về chuyển đổi số giáo dục tới mọi công dân Thành phố.

- Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin cho giáo dục Thành phố theo hướng hiện đại, thiết thực và hiệu quả. Mục tiêu cho đến năm 2025 là 100% trường học được kết nối đường truyền băng thông rộng; 100% học sinh, sinh viên các cấp tại Thành phố được tiếp cận Internet và kho học liệu trực tuyến; xây dựng cổng thư viện số (giáo trình, bài giảng, học liệu số) và hệ thống học trực tuyến tại các đại học.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học (bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện), kết hợp học trên lớp và học trực tuyến, kiểm tra và đánh giá kết quả dạy và học với các nền tảng giáo dục mới. Đến năm 2025, 100% các trường học, cơ sở giáo dục có trang thông tin điện tử, cung cấp những thông tin về cơ sở vật chất, chương trình học, đội ngũ giáo viên, giảng viên.

- Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục qua các khóa huấn luyện, tập huấn thường xuyên, và học tập từ các thí điểm thành công.

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý giáo dục Thành phố, bao gồm: cơ sở dữ liệu giáo dục Thành phố kết nối, liên thông với hệ thống thông tin của các trường trong Thành phố và sử dụng công cụ phân tích dữ

⁸⁵Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh.

liệu để quản lý hoạt động giáo dục Thành phố; triển khai hệ thống họp, hội thảo, tập huấn qua mạng. Đến năm 2025, 100% các trường học, cơ sở giáo dục ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, quản trị nhà trường (từ quản lý học sinh, sinh viên, giáo viên, cán bộ đến quá trình học tập, thời khóa biểu).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1) Đảng bộ Sở GDĐT (2020), “Văn kiện trình Đại hội đại biểu Đảng bộ Sở GDĐT Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

2) Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), “Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng (Tài liệu sử dụng tại Đại hội Đảng bộ cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương)”.

3) Nguyễn Cúc (2020), “HTSD và xây dựng XHHT trong kỷ nguyên mới”, *Tạp chí cộng sản*. http://tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/815775/hoc-tap-suot-doi-va-xay-dung-xa-hoi-hoc-tap-trong-ky-nguyen-moi.aspx, [truy cập ngày 08/9/2020].

4) Phùng Xuân Nhạ (2018), “Giáo dục Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”, *Tạp chí tuyên giáo*. <http://tuyengiao.vn/nghien-cuu/ly-luan/giao-duc-viet-nam-trong-boi-can-h-cuoc-cach-mang-cong-nghiep-lan-thu-tu-114162>, [truy cập ngày 22/7/2020].

5) Sở GDĐT Thành phố Hồ Chí Minh (2020), “Tài liệu Hội nghị tổng kết năm học 2019 - 2020 và triển khai nhiệm vụ năm học 2020 - 2021”.

6) Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (2020), “Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025”.

7) Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tài liệu Đại hội biểu dương các mô hình học tập tiêu biểu của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG GÓP PHẦN THÚC ĐẨY CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh
(Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh)

Trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCĐ) là cơ sở giáo dục thường xuyên trong hệ thống giáo dục quốc dân, là trung tâm học tập tự chủ của cộng đồng cấp xã, có sự quản lý, hỗ trợ của Nhà nước. Hoạt động của TTHTCĐ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi được học tập thường xuyên, học tập suốt đời; được phổ biến kiến thức và sáng kiến kinh nghiệm trong sản xuất và cuộc sống góp phần xoá đói giảm nghèo, tăng năng suất lao động, giải quyết việc làm; nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người dân và cả cộng đồng; là nơi thực hiện việc phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật đến với mọi người dân.

Tại Hà Tĩnh, hoạt động của các TTHTCĐ trong những năm qua đã mang lại hiệu quả thiết thực trong công tác khuyến học, góp phần nâng cao dân trí cho nhân dân, đóng góp tích cực vào phong trào xây dựng xã hội học tập (XHHT) và phong trào xây dựng nông thôn mới.

1. Công tác chỉ đạo điều hành

Ngành Giáo dục Hà Tĩnh với vai trò của mình, đã chủ động, tích cực phối hợp với Hội Khuyến học các cấp, các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu đề xuất và chỉ đạo thực hiện với các giải pháp cụ thể:

Tham mưu Ban thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 47/CT-TU ngày 18/3/2015 về việc tăng cường sự lãnh đạo của các Cấp ủy Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT;

Tham mưu Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 06/5/2020 về việc triển khai thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 25/02/2020 về việc cấp hỗ trợ kinh phí cho các TTHTCĐ.

Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị đánh giá, xếp loại TTHTCĐ theo các tiêu chí tại Văn bản số 2553/BGDĐT-GDĐT ngày 18/4/2013 của Bộ GDĐT và Văn bản số 112/SGDĐT-GDĐT ngày 21/01/2015 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn đánh giá TTHTCĐ. Ban hành Văn bản số 237/SGDĐT-

GDTX&CN ngày 19/2/2020 về việc kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động của các TTHTCĐ sau khi sáp nhập đơn vị cấp xã.

Đẩy mạnh tuyên truyền tới cán bộ, giáo viên toàn ngành Giáo dục; các đơn vị trực thuộc và các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh về vị trí, vai trò của TTHTCĐ trong việc xây dựng XHHT và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở các địa phương từ đó có sự ủng hộ, đồng thuận và tích cực tham gia chỉ đạo, thực hiện.

Phối hợp với Hội Khuyến học tỉnh tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ cốt cán của các huyện, thành phố về tổ chức hoạt động các TTHTCĐ; hướng dẫn các địa phương xây dựng các mô hình “Cộng đồng học tập” cấp xã và TTHTCĐ theo Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12/12/2014 quy định về đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã và Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-BGDĐT ngày 14/3/2014 của Bộ GDĐT ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của TTHTCĐ tại xã, phường, thị trấn. Đến nay đã có 34 đơn vị được chọn làm điểm xây dựng mô hình của 13/13 huyện, thị xã, thành phố.

2. Thực trạng hoạt động của các TTHTCĐ tại Hà Tĩnh và một số kết quả đạt được trong những năm qua

Từ năm 2019 thực hiện công tác sắp xếp các đơn vị cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2021, các địa phương đã chủ động kiện toàn sáp nhập các TTHTCĐ đảm bảo mỗi xã chỉ có 1 trung tâm. Hiện tại toàn tỉnh có 216 TTHTCĐ/216 xã, phường, giảm 46 trung tâm (trước khi sáp nhập có 262TT/262 xã, phường, thị trấn).

Với chức năng, nhiệm vụ của mình, các trung tâm đã thực hiện nhiều hoạt động có tác dụng lan tỏa trong xã hội góp phần nâng cao hiệu quả công tác xây dựng XHHT, cụ thể: hằng năm phối hợp với các nhà trường tổ chức tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời và ngày sách Việt nam; phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng các thư viện, tủ sách, nguồn sách cho các cơ sở giáo dục, lớp học và cho cộng đồng; sáng tạo trong cách tổ chức, phát triển các loại hình đọc sách ở một số địa phương; phối hợp với các tổ chức trong hệ thống chính trị mở được 13.177 lớp học với 948.214 lượt người tham gia học tập các chương trình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, khuyến công, kiến thức về pháp luật, các vấn đề về xã hội, sức khỏe, đời sống,...

Nhiều trung tâm đã chủ động phối hợp tích cực với các trung tâm chuyển giao công nghệ huyện, trung tâm y tế dự phòng, các phòng ban cấp huyện, các nhà trường,... mở được nhiều chuyên đề có hiệu quả cao. Trong năm 2019, số lượt người học nghề ngắn hạn: 39.852 lượt; số lượt người tham gia học các chuyên đề: 207.467 lượt; số lượt người học giáo dục kỹ năng sống: 79.759 lượt; số lượt người học các chương trình khác: 98.040

lượt. Hình thức tổ chức các lớp học đa dạng và phong phú như: tổ chức học tập trung tại các TTHTCĐ, hội trường UBND các xã, hội quán ở các thôn xóm, tại các câu lạc bộ trên địa bàn tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người tham gia học tập.

Thông qua các lớp học tại các TTHTCĐ người dân đã ứng dụng kiến thức học được vào sản xuất, chăn nuôi, mở rộng quy mô trang trại,... cho thu nhập hàng trăm triệu/năm;

Công tác bố trí giáo viên biệt phái tới các TTHTCĐ, bố trí kinh phí hoạt động được nhiều địa phương thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả, điển hình như huyện Can Lộc, thị xã Kỳ Anh,...

Việc đánh giá, phân loại tại các TTHTCĐ trong những năm qua được thực hiện đầy đủ, đúng quy định, theo thống kê, công tác đánh giá, xếp loại các trung tâm giai đoạn từ năm 2015-2020 có 66 TTHTCĐ xếp loại tốt; 112 trung tâm xếp loại khá và 38 trung tâm xếp loại loại trung bình.

Năm 2020, kinh phí do ngân sách nhà nước cấp theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 25/02/2020 về việc cấp hỗ trợ kinh phí cho các TTHTCĐ: 15 tỷ 069 triệu đồng (trong đó hỗ trợ ban đầu kinh phí mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học 30 triệu đồng/01 Trung tâm; Hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên: Trung tâm thuộc các xã khu vực I: 20 triệu đồng/01 năm; thuộc các xã khu vực II, III: 25 triệu đồng/01 năm; Phụ cấp kiêm nhiệm của Giám đốc trung tâm 0,4, Phó Giám đốc 0,3 mức lương cơ sở); kinh phí xã hội hóa: 1 tỷ 429 triệu đồng; kinh phí do học viên đóng góp tự nguyện: 1 tỷ 260 triệu đồng.

3. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những mặt đã đạt được thì hiệu quả hoạt động của các TTHTCĐ ở Hà Tĩnh đang có những tồn tại, hạn chế:

Một số trung tâm chưa xây dựng được quy chế phối hợp với các ban ngành, đoàn thể trong địa phương, bị động trong công tác phối hợp, lúng túng trong tìm kiếm nguồn lực để tổ chức các hoạt động.

Nhiều địa phương chưa xây dựng được cơ chế phối hợp giữa các ban, ngành, tổ chức, đoàn thể để triển khai các hoạt động liên quan đến công tác khuyến tài, khuyến học, xây dựng XHHT.

Trách nhiệm của UBND cấp xã không đều tay, địa phương nào có cấp ủy và chính quyền nhận thức tốt về vai trò và vị trí của TTHTCĐ thì ở đó đảm bảo các điều kiện và chất lượng hoạt động của trung tâm được nâng lên, ngược lại địa phương nào lãnh đạo không quan tâm thì ở đó các hoạt động của trung tâm chưa đạt hiệu quả cao.

Nguồn kinh phí đầu tư cho các TTHTCĐ hoạt động ở các địa phương chưa đồng đều, kinh phí để tổ chức các hoạt động của các trung tâm còn quá ít. Nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ hoạt động ở một số TTHTCĐ chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

4. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Trước hết là do nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, các ngành, các đoàn thể chưa đúng và chưa đầy đủ về chủ trương xây dựng XHHT và vai trò của các TTHTCĐ trong xây dựng XHHT.

Một số địa phương chỉ đạo, hướng dẫn TTHTCĐ chưa quyết liệt, thiếu cụ thể; trách nhiệm và mối quan hệ phối hợp với các ngành chức năng chưa thực sự phát huy hiệu quả.

Ban giám đốc các TTHTCĐ thường biến động thay đổi nhưng không được bổ sung kịp thời, làm việc thiếu tính chủ động, năng lực, phương pháp, trách nhiệm còn hạn chế; đặc biệt công tác biệt phái giáo viên sang TTHTCĐ đang gặp rất nhiều khó khăn do không có nguồn lực.

Bộ máy quản lý và giáo viên ở các Trung tâm ít được tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ và giao lưu học hỏi kinh nghiệm.

Một số chế độ, chính sách Nhà nước đã ban hành để xây dựng XHHT và xây dựng TTHTCĐ nhưng một số địa phương chưa cụ thể hóa và triển khai thực hiện đầy đủ, do đó điều kiện làm việc của TTHTCĐ còn nhiều thiếu thốn, nhất là cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí hoạt động, chế độ phụ cấp,...

5. Một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của các TTHTCĐ

Để nâng cao chất lượng hoạt động TTHTCĐ góp phần thúc đẩy xây dựng XHHT trên địa bàn toàn tỉnh cần tập trung giải quyết những vấn đề sau:

Tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức từ cấp ủy, chính quyền và cả hệ thống chính trị đến toàn dân về xây dựng XHHT.

Tiến hành khảo sát, kiểm tra, đánh giá đúng thực trạng của các TTHTCĐ để có các giải pháp củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của các TTHTCĐ, đi sâu các vấn đề: tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động, chương trình, nội dung, phương thức học, điều kiện đảm bảo hoạt động.

Cần phân công trách nhiệm rõ ràng trong Ban giám đốc trung tâm. Hàng năm có đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ ở TTHTCĐ, gắn trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm với việc đánh giá, xếp loại thi đua hàng năm ở cơ quan, đơn vị, kể cả việc xét nâng lương, bổ nhiệm, đề bạt.

Chọn, cử những giáo viên có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, trách nhiệm, nhiệt tình, tâm huyết sang làm nhiệm vụ thường trực tại các TTHTCĐ, đặc biệt là những giáo viên có khả năng tham mưu, tư vấn, biết làm việc với cộng đồng.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ của các TTHTCĐ. Chỉ đạo tập trung vào việc xây dựng kế hoạch hoạt động, tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu học tập của cộng đồng, sự phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, công tác quản lý nội dung, chương trình, quản lý tài chính, tài sản,... Duy trì việc đánh giá, xếp loại các TTHTCĐ, đảm bảo việc đánh giá công bằng, khách quan, chính xác, đúng quy định, tạo động lực để khuyến khích các TTHTCĐ phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ.

Tổ chức tổng kết, đúc rút kinh nghiệm “xây dựng gia đình, dòng họ hiếu học, cộng đồng khuyến học”, “xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và các phong trào, các cuộc vận động ở địa phương để nhân rộng mô hình và triển khai đại trà nhằm tạo được sức lan toả mạnh mẽ phong trào thi đua xây dựng XHHT và học tập suốt đời trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và toàn dân.

6. Đề xuất, kiến nghị

Kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tham mưu trình Chính phủ có chính sách đầu tư kinh phí nhiều hơn cho các TTHTCĐ.

Quan tâm, tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo của các TTHTCĐ.

Có kế hoạch rà soát, đánh giá đúng thực trạng hoạt động của các TTHTCĐ trên toàn quốc, từ đó đề xuất các giải pháp cần thiết để TTHTCĐ hoạt động thực chất và có hiệu quả.

Trên đây là những chia sẻ, kiến nghị, đề xuất của tỉnh Hà Tĩnh về củng cố, nâng cao chất lượng các TTHTCĐ tại các địa phương, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng XHHH theo yêu cầu tại Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư và Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X.

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ NÂNG CAO HIỆU QUẢ
HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG TỈNH
THÁI BÌNH GÓP PHẦN HOÀN THÀNH CÁC MỤC TIÊU XÂY
DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP GIAI ĐOẠN 2021-2020**

*Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình
(Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình)*

Thái Bình là tỉnh thuộc khu vực đồng bằng sông Hồng, là địa phương có truyền thống văn hóa, truyền thống yêu nước và cách mạng, được các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm và toàn dân chăm lo cho hệ thống giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên nên có nhiều thuận lợi trong công tác xây dựng xã hội học tập (XHHT). Đặc biệt, Thái Bình là tỉnh được chọn xây dựng thí điểm mô hình trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCĐ) đầu tiên trên cả nước⁸⁶ và sau 4 năm tất cả các xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh đã thành lập TTHTCĐ và từ đó đến nay TTHTCĐ Thái Bình đã khẳng định được vai trò, vị trí của mình đối với sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương và góp phần hoàn thành mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. TTHTCĐ, thông qua các hình thức học tập khác nhau đã cơ hội lớn cho người dân được tham gia học tập, học thường xuyên, học suốt đời nhằm nâng cao hiểu biết về chính trị, xã hội, văn hóa, kinh tế, sức khỏe, môi trường,... thậm chí là kỹ năng chi tiêu trong gia đình, từ đó có thể nhanh chóng cải thiện cuộc sống của mình trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế và góp phần tích cực xây dựng cả nước trở thành một XHHT.

Tuy nhiên, hiện nay nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên về xây dựng XHHT chưa thực sự đầy đủ; nội dung và chương trình hoạt động của TTHTCĐ còn bị động, chưa phù hợp; cán bộ quản lý và giáo viên, cộng tác viên chưa được tập huấn đầy đủ; công tác quản lý chưa hiệu quả; cơ sở vật chất hạn chế; công tác tham mưu, phối hợp tuy đã có nhiều cố gắng nhưng chưa đáp ứng kịp nhu cầu học tập của nhân dân. Hạn chế trên đã ảnh hưởng đến chủ trương xây dựng nền giáo dục cho mọi người; TTHTCĐ là cơ sở để xây dựng XHHT, tạo cơ hội học thường xuyên, học suốt đời suốt đời cho cán bộ, đảng viên và mọi người dân.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ, góp phần hoàn thành các mục tiêu xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2020, xuất phát từ thực tiễn Thái Bình đã áp dụng một số giải pháp quản lý sau:

⁸⁶ TTHTCĐ xã Việt Thuận, huyện Vũ Thư

1. Nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, vị trí của TTHTCĐ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Xác định, việc tuyên truyền nâng cao nhận thức phải bắt đầu từ tổ chức cơ sở đảng, tiếp đến đội ngũ cán bộ, đảng viên sau đó là nhân dân. Thực tiễn đã cho thấy nơi nào, địa phương nào cấp ủy và chính quyền, cán bộ, đảng viên... nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của việc xây dựng XHHT, hiểu được vị trí, vai trò của TTHTCĐ đối với công tác xây dựng XHHT để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới của đất nước; đưa các nghị quyết của Đảng và chính sách của Nhà nước vào cuộc sống thì những nơi đó có phong trào khuyến học, khuyến tài và các mô hình học tập “công dân học tập”, “gia đình học tập”, “dòng họ học tập”, “đơn vị học tập”, “cộng đồng học tập” “xã hội học tập”, phát triển mạnh mẽ. Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã phối hợp với Hội Khuyến học tỉnh tham mưu với Tỉnh ủy có Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận riêng về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT; đồng thời chỉ đạo phòng GDĐT phối hợp với HKH trung tâm GDNN-GDTX huyện, thành phố tham mưu với Huyện ủy-UBND huyện ban hành văn bản chỉ đạo cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm tạo các điều kiện đảm bảo chất lượng cho các TTHTCĐ hoạt động đáp ứng nhu cầu học tập của người dân trong tình hình mới. Các TTHTCĐ thường xuyên tổ chức quán triệt các văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về xây dựng XHHT, xây dựng và phát triển TTHTCĐ để cán bộ và nhân dân nhận thức một cách đầy đủ, sâu sắc hơn. Đầu năm, một số TTHTCĐ tổ chức cho cán bộ, đảng viên đăng ký cá nhân đạt danh hiệu “công dân học tập” và gia đình đạt danh hiệu “Gia đình học tập”. Từ mô hình phát triển kinh tế nhờ học tập của cán bộ, đảng viên địa phương tuyên truyền nhân rộng ra cộng đồng để mọi người dân học và làm theo.

2. Nâng cao năng lực lãnh đạo điều hành của ban giám đốc; chất lượng đội ngũ báo cáo viên, cộng tác viên TTHTCĐ

Các địa phương quan tâm lựa chọn nhân sự ban giám đốc, đội ngũ báo cáo viên, cộng tác viên: vừa đảm bảo điều kiện tiêu chuẩn theo quy chế vừa đủ tiêu chuẩn “5 T”⁸⁷ của tỉnh. Đồng thời, thường xuyên kiện toàn, bổ sung khi thiếu khuyết và tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, điều hành, giảng dạy tại trung tâm. Quan tâm bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và phương pháp dạy học cho người lớn. 3 tháng một lần tổ chức họp giao ban ở các cụm xã, một số huyện tổ chức họp trực tuyến⁸⁸ để rút kinh nghiệm tổ chức hoạt động và điều chỉnh kế hoạch hoạt động. Đặc biệt, trong thời gian dịch bệnh Covid-19, việc tổ chức họp giao ban giám đốc trung tâm vẫn được duy trì bằng hình thức trực

⁸⁷ Tâm huyết, trình độ, tín nhiệm, tình nguyện, thực tiễn.

⁸⁸ Huyện Đông Hưng, thành phố.

tuyên, giúp lãnh đạo các trung tâm vừa nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, vừa kịp thời nắm bắt được tình hình kinh tế - xã hội và diễn biến dịch bệnh để tuyên truyền cho người dân.

3. Tổ chức điều tra nhu cầu học tập ở địa phương; đổi mới cách thức tổ chức các buổi chuyên đề

Các trung tâm đổi mới phương pháp điều tra nhu cầu học tập của cán bộ, nhân dân bằng nhiều hình thức như: thu thập thông tin trực tiếp, thông qua phiếu hỏi, lấy ý kiến từ các ban ngành Mẫu phiếu điều tra được các trung tâm GDNN-GDTX cử cán bộ, giáo viên phụ trách phong trào hỗ trợ thiết kế theo hướng mở⁸⁹. Cán bộ điều tra được tập huấn hướng dẫn thực hiện mẫu điều tra, phải nắm rõ nhu cầu lao động của các công ty, xí nghiệp trong địa bàn để tư vấn cho người được điều tra, tổng hợp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhu cầu học tập, tham mưu mời giảng viên, mời học viên, tổ chức lớp học...

Cách thức tổ chức các chuyên đề học tập không theo khuôn mẫu nhất định mà là đa dạng phong phú, giảng viên đôi khi là người có trình độ chuyên môn cao, các nhà khoa học, nhưng đôi khi chỉ là người nông dân có kinh nghiệm; người học không cần sách vở nhiều mà “cầm tay chỉ việc” thực hành ngay tại cánh đồng, có thể là tại một chuồng trại, có thể là tại các gia đình... Một số trung tâm còn hướng dẫn người dân cách tự học, tự tìm hiểu, tra cứu qua sách, tài liệu tại tủ sách TTHTCD, qua internet...

Một số địa phương còn, tổ chức hội thảo cấp tỉnh về “thực trạng và giải pháp củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của các TTHTCD”, đi sâu các vấn đề: tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động, chương trình, nội dung, phương thức học, điều kiện đảm bảo... nhằm tạo môi trường, điều kiện để mọi người được học tập. Từ kinh nghiệm đã làm trong nhiều năm và kết quả thí điểm mô hình tỉnh đã xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công nhận danh hiệu “gia đình, dòng họ, cộng đồng học tập” sát với thực tiễn tình hình của địa phương và tiếp tục triển khai kiểm tra, đánh giá, công nhận danh hiệu cho đơn vị và cá nhân học tập.

4. Làm tốt công tác XHH, huy động nguồn lực để tăng cường CSVC, trang thiết bị phục vụ hoạt động

100% TTHTCD của tỉnh được sử dụng trụ sở làm việc, trang bị phương tiện làm việc như bàn ghế, máy chiếu, máy vi tính tủ hồ sơ của UBND xã... có phòng làm việc riêng, có máy tính kết nối mạng Internet. Ngoài kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước 30 triệu đồng/năm⁹⁰, các

⁸⁹ Có chuyên đề thực hiện theo nhiệm vụ chính trị của địa phương, có chuyên đề theo nhu cầu của cá nhân hoặc nhóm người (câu lạc bộ)

⁹⁰ 10 triệu hỗ trợ hoạt động của TTHTCD, 10 triệu hỗ trợ công tác kiểm tra đánh giá “cộng đồng học tập” cấp xã, 10 triệu hỗ trợ triển khai thực hiện Đề án 89.

TTHTCĐ còn huy động từ nhiều nguồn lực hợp pháp khác: học phí của người học, dự án, đề án, chương trình, doanh nghiệp, các nhà hảo tâm... mỗi năm từ hàng trăm triệu đến hàng tỷ đồng hỗ trợ cho hoạt động. Từ năm 2016 đến nay, từ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, 100% các trung tâm đều được xây dựng nhà văn hóa thôn, trang bị đầy đủ các phương tiện tạo điều kiện học tập cho người dân.

5. Thực hiện tốt quy chế làm việc; coi trọng công tác phối hợp

Phát huy vai trò của từng thành viên, việc xây dựng quy chế làm việc của TTHTCĐ là rất quan trọng, trong đó phân công trách nhiệm của các thành viên. Mỗi thành viên có kế hoạch công tác cụ thể trình giám đốc phê duyệt và tổ chức thực hiện. Hằng tháng họp giao ban đánh giá rút kinh nghiệm.

Để có kế hoạch tổ chức hoạt động phù hợp với nhiệm vụ chính trị và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, TTHTCĐ cần chủ động phối hợp với các ban ngành đoàn thể trong việc điều tra, xây dựng kế hoạch hoạt động. Trong đó, việc phối hợp giữa TTHTCĐ và hội khuyến học thúc đẩy quá trình xây dựng XHHT của tỉnh nhanh, bền vững hơn. Một số địa phương còn sáp nhập TTHTCĐ với trung tâm văn hóa, thể thao xã nhằm tăng cường cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật số, trang thiết bị giúp người dân có thể truy cập thông tin miễn phí tìm và ứng dụng các công nghệ mới về nuôi, trồng, chế biến và bảo quản sản phẩm... góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

6. Khai thác sử dụng có hiệu quả thư viện sách của TTHTCĐ

Chú trọng phát triển, đảm bảo mỗi TTHTCĐ đều có tủ sách, thư viện nhằm mục đích đưa sách báo, tài liệu tham khảo về gần dân. Phát huy hiệu quả việc khai thác thông tin, tài liệu khoa học của thư viện để phục vụ nhu cầu học tập, giải trí, tìm hiểu ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào lao động sản xuất của nhân dân; nâng cấp thư viện, xây dựng tủ sách, bổ sung tài liệu học tập; kết nối mạng internet và khai thác các tài nguyên trên mạng tại thư viện xã. Mở lớp hướng dẫn truy cập mạng internet và phân công người quản lý máy tính kết nối mạng tại thư viện. Phát động phong trào tặng sách, quyên góp sách rộng rãi trong các ngành, đoàn thể, các tổ chức, cá nhân để đa dạng hóa các tài liệu trong thư viện, đáp ứng nhu cầu đọc sách trong nhân dân.

7. Tổ chức kiểm tra, tư vấn thúc đẩy, làm tốt công tác thi đua khen thưởng nhận diện điển hình TTHTCĐ tiêu biểu

Xây dựng bộ các tiêu chí đánh giá hướng tới đánh giá hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ, phù hợp với thực tế địa phương, trong đó có nhóm tiêu chí khuyến khích các hoạt động đổi mới sáng tạo của các TTHTCĐ. Xây

dụng quy trình đánh giá gồm: các trung tâm tự đánh giá và đánh giá của các cơ quan, đoàn thể của huyện do phòng GDĐT chủ trì. Sau đánh giá, tổ chức xếp loại hoạt động của các trung tâm: trung tâm điển hình theo từng mặt, trung tâm điển hình ở tất cả các mặt hoạt động. Có chính sách thi đua khen thưởng đối với tập thể, cá nhân, đặc biệt khen thưởng cho người học tại các TTHTCĐ như các cơ sở giáo dục khác tại địa phương nhằm thúc đẩy, động viên phong trào học tập.

Qua triển khai áp dụng các giải pháp quản lý trên, các TTHTCĐ trên địa bàn tỉnh Thái Bình ngày càng ổn định, phát triển bền vững góp phần tích cực xây dựng xã hội học tập, đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh và sớm đưa tỉnh thành tỉnh nông thôn mới. Thay mặt Ban chỉ đạo xây dựng XHHT tỉnh trân trọng báo cáo trước Hội nghị./.

KINH NGHIỆM NÂNG CAO NHẬN THỨC CHO CÁC TẦNG LỚP NHÂN DÂN VỀ HỌC TẬP SUỐT ĐỜI, XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP THÔNG QUA BẢN TIN “XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC”

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình
(Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình)

Thực hiện Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020”, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình đã ban hành Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 28/5/2013 về xây dựng xã hội học tập (XHHT) tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020 để tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án “Xây dựng XHHT giai đoạn 2012-2020”.

Với vai trò là đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành triển khai thực hiện Kế hoạch số 34/KH-UBND, ngành Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình đã triển khai cụ thể các hoạt động của Đề án “Xây dựng XHHT giai đoạn 2012-2020”, trong đó đã chủ động phối hợp với Ban tuyên giáo tỉnh ủy và các sở, ban ngành xây dựng Bản tin “Xây dựng XHHT” để tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân về học tập suốt đời (HTSD), xây dựng XHHT.

1. Công tác tham mưu việc xây dựng Bản tin “Xây dựng XHHT”

Để thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 34/KH-UBND về xây dựng XHHT tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013-2020, Sở Giáo dục và Đào tạo (cơ quan thường trực) đã tham mưu cho Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT tỉnh Ninh Bình ban hành Kế hoạch phát hành *Bản tin xây dựng XHHT tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2016-2020* (Quyết định số 05/KH-BCĐ, ngày 24/2/2016) và có Quyết định thành lập Ban biên tập *Bản tin xây dựng XHHT tỉnh Ninh Bình* (Quyết định số 108/QĐ-SGDĐT ngày 24/2/2016). Qua quá trình 05 năm triển khai thực hiện, Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình đã phối hợp tốt với các sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể trong tỉnh duy trì phát hành *Bản tin xây dựng XHHT tỉnh Ninh Bình*, góp phần đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của xây dựng XHHT và HTSD.

2. Nội dung cơ bản của Bản tin

Ban biên tập *Bản tin xây dựng XHHT tỉnh Ninh Bình* đã xây dựng được nội dung Bản tin gồm 05 đầu mục cơ bản sau:

1.1. Thông tin hoạt động

Gồm tin bài về các hoạt động hưởng ứng, thúc đẩy phong trào xây dựng XHHT của các cơ quan, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể trên địa bàn tỉnh; kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Kế hoạch 34/KH-UBND.

1.2. Gương điển hình

Giới thiệu, tôn vinh những tập thể, cá nhân có những thành tích trong phong trào thi đua tự học, sáng tạo trong lao động sản xuất và đóng góp tiêu biểu trong xây dựng XHHT tỉnh.

1.3. Diễn đàn trao đổi

Giới thiệu, trao đổi kinh nghiệm và những giải pháp hiệu quả của các cá nhân đơn vị trong tỉnh đã làm và đạt được những kết quả, tác động sâu rộng đối với cộng đồng.

1.4. Phổ biến kiến thức

Giới thiệu các văn bản pháp luật, kiến thức, kỹ năng có tác động lớn đến cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động và cộng đồng dân cư.

1.5. Trang văn nghệ

Giới thiệu các bài thơ, các tác phẩm truyện ngắn do cá nhân trong cộng đồng, trong các đơn vị, các tổ chức chính trị xã hội sáng tác.

Bản tin đã được biên tập, in ấn và phát hành 03 số/năm. Mỗi số phát hành 820 bản. Địa chỉ nhận bản tin là các cơ sở giáo dục từ cấp học mầm non đến trung học phổ thông trong tỉnh, 10 sở ban ngành trên địa bàn, hội khuyến học các cấp, các trung tâm học tập cộng đồng trong toàn tỉnh.

3. Cách thức và kinh nghiệm trong việc thu thập tin bài

Ban Biên tập Bản tin có nguồn tin bài khá phong phú để lựa chọn theo các chủ đề của Bản tin. Để thực hiện được điều này, cách thức triển khai như sau:

Một là: Nội dung Kế hoạch phát hành Bản tin được hướng dẫn tỉ mỉ và gửi tới tất cả các cơ sở giáo dục, các hội đoàn thể trong tỉnh, do đó việc viết tin bài trọng tâm, theo chủ đề.

Hai là: Tạo dựng đầu mối liên hệ để thu thập tin bài từ các cơ sở giáo dục và các sở, ban, ngành, đoàn thể:

- Đối với các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh: Việc gửi các bài viết định kỳ cho Ban Biên tập là một trong các nhiệm vụ của công tác giáo dục thường xuyên, là một trong các tiêu chí đánh giá thi đua của các Phòng Giáo dục và Đào tạo. Do đó, khích lệ, động viên được các đơn vị tích cực trong việc hướng dẫn và đôn đốc các cơ sở giáo dục gửi tin bài cho Bản tin.

- Đối với Hội Khuyến học tỉnh: Thường trực Hội khuyến học tỉnh cùng tham gia Ban Biên tập Bản tin, là đầu mối thu thập tin bài từ hội

khuyến học các cấp, đây cũng là một trong các nguồn cung cấp thông tin chính cho Bản tin.

- Nguồn tin bài từ các sở, ban ngành đoàn thể: Bên cạnh nguồn cung cấp tin bài từ ngành giáo dục và hội khuyến học các cấp, còn có các hội, đoàn thể, ban ngành khác cùng tham gia gửi tin bài cho Ban biên tập: Hội cựu giáo chức, Hội Phụ nữ, Hội Liên hiệp Khoa học kỹ thuật tỉnh, Tỉnh đoàn, Sở Nông nghiệp, Sở Nội vụ, Sở Văn hóa...

Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ban Biên tập Bản tin đều có các đầu mối để liên hệ gửi và nhận tin bài (nếu cần có thể điện thoại trực tiếp để xin tin bài từ các ban ngành).

4. Mục đích đạt được của Bản tin

Bản tin là ấn phẩm thông tin có nội dung và phương thức thể hiện nhằm thông tin về hoạt động xây dựng XHHT trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, cụ thể:

- Tuyên truyền đến mọi tầng lớp nhân dân về các hoạt động trong phong trào xây dựng XHHT trên địa bàn toàn tỉnh. Nâng cao nhận thức về mục đích, ý nghĩa, vai trò, lợi ích của việc xây dựng XHHT.

- Tuyên truyền về gương điển hình trong phong trào xây dựng XHHT nhằm thúc đẩy sự phát triển của phong trào và khuyến khích mọi người HTSD.

- Tạo ra diễn đàn trao đổi về công tác xây dựng XHHT với mục đích chia sẻ những sáng kiến, những cách làm mới trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng XHHT.

- Giới thiệu, phổ biến các kinh nghiệm tổ chức, quản lý, các kiến thức kỹ năng nhằm nâng cao nhận thức và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động và cộng đồng dân cư.

5. Về kinh phí thực hiện việc phát hành Bản tin

Kinh phí để phát hành Bản tin được Ban Biên tập dự trù hàng năm, lấy từ nguồn ngân sách chi cho công tác Xây dựng XHHT. Kinh phí chi cho mỗi số xuất bản từ 20-22 triệu đồng/820 cuốn.

*** Đánh giá chung**

Bản tin xây dựng XHHT được phát hành rộng rãi trong toàn tỉnh góp phần thực hiện công tác tuyên truyền về giáo dục thường xuyên, về HTSD và xây dựng XHHT, góp phần thực hiện hiệu quả Kế hoạch xây dựng XHHT tỉnh; là kênh thông tin để các cấp, các ngành, đoàn thể hiểu sâu hơn về chủ trương, chính sách xây dựng XHHT của Đảng và Nhà nước.

XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN VÀ ĐẢM BẢO CÔNG BẰNG TRONG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

*Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
(Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa – Vũng Tàu)*

I. Sự cần thiết của việc xây dựng xã hội học tập

Chúng ta đang sống ở những thập niên đầu của Thế kỷ 21, trong điều kiện khoa học và công nghệ trên thế giới phát triển với tốc độ rất cao, khối lượng tri thức khoa học công nghệ tăng nhanh chưa từng có. Theo các nhà khoa học, các nước phát triển đang tiến hành cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, còn gọi là cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, trong đó nó kết hợp các công nghệ với nhau, “làm mờ ranh giới giữa vật lý, kỹ thuật số và sinh học”. Trong điều kiện đó những kiến thức học được ở trường chỉ là cơ sở ban đầu, các nhà trường không thể trang bị hết tất cả kiến thức và kỹ năng cho học sinh, sinh viên. Từ đó đòi hỏi mỗi người phải liên tục cập nhật kiến thức, liên tục học tập để thích ứng cao độ với thế giới công nghệ hiện đại. Mỗi con người trong xã hội phải lấy sự học tập và học tập suốt đời (HTSD) làm lẽ sống của mình và chính xã hội phải tạo mọi cơ hội và điều kiện thuận lợi nhất cho mọi người học tập.

Tổ chức Văn hóa - Giáo dục khoa học của Liên hợp quốc (UNESCO) đã chỉ ra 4 trụ cột của giáo dục trong Thế kỷ XXI là: *Học để biết; Học để làm; Học để chung sống, hòa nhập; Học để khẳng định mình.*

V I Lê Nin, lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân toàn thế giới, đã đề ra nhiệm vụ: học, học nữa, học mãi.

Đối với nước ta, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8-Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI (Nghị quyết số 29/NQ-TW) về “Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, đã chỉ rõ nhiệm vụ: “*Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực*”.

Xã hội học tập (XHHT) hình thành từ những lý do nói trên, với phương châm là: tích cực xây dựng phong trào xã hội học tập, đáp ứng nhu cầu học tập của mọi người, HTSD - chìa khóa của thành công.

Như vậy, việc xây dựng XHHT, tạo điều kiện và khuyến khích mọi người, mọi lứa tuổi có điều kiện tham gia học tập ở mọi nơi, mọi lúc, mọi trình độ, học liên tục, học suốt đời là vấn đề cấp thiết, góp phần thúc đẩy

phát triển kinh tế cho tỉnh, nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần của người dân.

Trong khuôn khổ Hội nghị hôm nay, thay mặt ngành giáo dục và đào tạo (GDĐT) Bà Rịa – Vũng Tàu, tôi xin trình bày một số nét về thực trạng xây dựng XHHT trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua và đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh công tác xây dựng XHHT trong những năm tới.

II. Thực trạng công tác xây dựng XHHT trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Để có thể đề ra một số giải pháp đẩy mạnh phong trào xây dựng XHHT trên địa bàn tỉnh, trước hết chúng ta cần tìm hiểu thực trạng của vấn đề này.

Việc thực hiện xây dựng XHHT dựa trên nền tảng phát triển đồng thời, gắn kết liên thông cả hai bộ phận cấu thành gồm: giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên (GDTX) của hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó GDTX thực hiện các chương trình học tập, tạo các điều kiện tốt nhất đáp ứng mọi nhu cầu học tập của người dân.

Qua nhiều năm thực hiện, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp, giúp đỡ của các ngành các cấp, công tác xây dựng XHHT trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã đạt được kết quả được hết sức phấn khởi, đó là:

1. Đối với giáo dục chính quy: Hệ thống giáo dục chính quy bao gồm giáo dục mầm non (GDMN), giáo dục phổ thông (gồm TH, THCS, THPT), giáo dục nghề nghiệp (GDNN), giáo dục đại học (GDĐH). Trong những năm qua, hệ thống giáo dục chính quy trên địa bàn tỉnh đã phát triển cả về số lượng và chất lượng, cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý được tăng cường, cụ thể:

- **Giáo dục mầm non:** Toàn tỉnh có 185 trường (110 công lập, 75 tư thục), nhóm lớp độc lập tư thục 316. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp vượt chỉ tiêu: Nhà trẻ 34,04% (vượt chỉ tiêu Bộ GDĐT giao 7,04%), trẻ mẫu giáo 95,55% (vượt chỉ tiêu Bộ GDĐT giao 5,55%), đối với trẻ 5 tuổi 100% (vượt chỉ tiêu Bộ GDĐT giao 2%), và đảm bảo 100% trẻ học 2 buổi/ngày.

- **Giáo dục tiểu học:** Có 136 trường (trong đó: 134 trường công lập, 02 ngoài trường công lập) và 02 trường khuyết tật chuyên biệt; 110.697 học sinh (trong đó học sinh khuyết tật chuyên biệt: 504 em); trên địa bàn tỉnh có 114/136 trường tiểu học thực hiện dạy học 2 buổi/ngày đạt tỷ lệ 83,8%; có 76/136 trường tiểu học tổ chức bán trú, tỉ lệ 55,9%; 100% các trường đều thực hiện tiết đọc sách với thời lượng tối đa 4 tiết/tháng; học sinh lớp 3,4,5 được học tiếng Anh 4 tiết/tuần, đạt tỉ lệ 100%.

- **Giáo dục trung học:** Có 90 trường THCS (100% công lập), 37 trường THPT (30 trường công lập; 07 trường ngoài công lập). Tổng số học sinh THCS: 72.935 học, Tổng số học sinh THPT: 34.151 học sinh. Tỷ lệ tốt

ng nghiệp THCS và GDTX cấp THCS đạt 98.69%; Tỷ lệ tốt nghiệp THPT đạt 99.13%.

- **Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học:** Trên địa bàn tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu có 14 trường đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, có hàng ngàn học sinh, sinh viên theo học.

2. Đối với giáo dục không chính quy: Hệ thống giáo dục không chính quy trên địa bàn tỉnh đã phát triển rộng khắp với nhiều loại hình, đáp ứng được nhu cầu học tập phong phú đa dạng của nhân dân, cụ thể là:

2.1. Các trung tâm GDTX, dạy nghề, giới thiệu việc làm

- Hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh có 01 Trung tâm GDTX tỉnh, 02 trung tâm GDTX-dạy nghề, giới thiệu việc làm, 01 trung tâm GDTX-Hướng nghiệp, 02 trung tâm GDTX. Với tổng số học viên đang theo học: 2.625 học viên, trong đó THCS 10 học viên; THPT có tổng số 2.615 học viên. Tỷ lệ tốt nghiệp GDTX cấp THPT đạt 92,39%.

- Ngoài việc tổ chức đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy tại 14 trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp nói trên, các Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp còn liên kết đào tạo hệ không chính quy (vừa làm vừa học, học từ xa) với các trung tâm GDTX. Trong năm 2019 có hơn 3.035 học viên theo học, trong đó có 2.982 Đại học, 19 Cao đẳng, 34 Trung cấp chuyên nghiệp; số học viên này đang học ở 18 ngành nghề khác nhau.

2.2. Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Học tập cộng đồng

- Đến nay, toàn tỉnh có 83 trung tâm Văn hóa, Thể thao - Học tập cộng đồng (TTVH, TT-HTCĐ) xã, phường, thị trấn có quyết định thành lập, đạt tỷ lệ 100% số xã phường có trung tâm; có 73/83 xã, phường, thị trấn đã có trụ sở; 10/82 đơn vị hiện đang được đầu tư xây mới, nâng cấp.

- Các TTVH, TT-HTCĐ đã xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động một cách cụ thể, thiết thực nhằm tạo ra một môi trường học tập cho nhân dân, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân trong cộng đồng, nâng cao dân trí, góp phần tích cực thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và chính trị ở địa phương. Trong năm học qua, số lượng chuyên đề được triển khai học tập tại các TTVH, TT-HTCĐ các xã, thị trấn trên 100 chuyên đề (*chuyên đề chăn nuôi, trồng trọt, dạy nghề, tuyên truyền pháp luật, ...*) với trên 50.000 lượt người tham dự.

2.3. Trung tâm, cơ sở ngoại ngữ, tin học; giáo dục kỹ năng sống và giáo dục hoạt động ngoài giờ chính khóa

- Toàn tỉnh hiện có 150 trung tâm ngoại ngữ, 22 cơ sở giáo dục kỹ năng sống và giáo dục hoạt động ngoài giờ chính khóa. Với 840 giáo viên tham gia giảng dạy (719 giáo viên người Việt Nam, 121 giáo viên người nước ngoài); thu hút hơn 35.287 học viên đang theo học tại các trung tâm, cơ sở

ngoại ngữ - Tin học; hơn 5.400 học viên theo học các cơ sở giáo dục kỹ năng sống và hoạt động ngoài giờ chính khóa.

- Trong những năm qua, các trung tâm đã góp phần rất lớn vào việc nâng cao chất lượng giáo dục và xây dựng phong trào học ngoại ngữ, học kỹ năng sống cho học sinh và người dân.

2.4. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (XMC)

- Ngành GDĐT đã chủ động tham mưu tốt cho các cấp ủy Đảng và Chính quyền địa phương về công tác XMC, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thấy được tầm quan trọng của công tác XMC; kết quả như sau:

- Kết quả Phổ cập giáo dục-XMC:Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi: Có 82/82 xã, phường và 8/8 huyện/thị xã/thành phố đạt chuẩn.Phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Có 82/82 xã, phường, thị trấn và 8/8 huyện/thị xã/thành phố đạt chuẩn. XMC:Có 82/82 xã, phường, thị trấn và 8/8 huyện/thị xã/thành phố đạt chuẩn XMC.

2.5. Công tác bồi dưỡng thường xuyên, kiến thức, kỹ năng đáp ứng nhu cầu người học

- Năm học vừa qua, Sở GDĐT đã bồi dưỡng thường xuyên cho 2.080 giáo viên, 108 lãnh đạo của đơn vị trực thuộc và 558 lãnh đạo của các trường tiểu học, trung học cơ sở trong toàn tỉnh; phối hợp với Ban tuyên giáo Tỉnh ủy mở lớp bồi dưỡng chính trị hè cho 2.188 giáo viên, cán bộ quản lý trực thuộc đầu năm học 2019-2020; bồi dưỡng cho 820 giáo viên về chức danh nghề nghiệp cho giáo viên trung học phổ thông; bồi dưỡng cho 1.117 giáo viên dạy khối 1 trong việc thực hiện chương trình sách giáo khoa mới.

- Các sở, ban, ngành của tỉnh đã lồng ghép với các Đề án, chương trình mục tiêu đã và đang triển khai nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cho người lao động để lao động có hiệu quả hơn, hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn.Sau 07 năm (từ năm 2013-2020) triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được tăng lên, đặc biệt là đội ngũ công chức, viên chức trẻ, có trình độ, có năng lực được tăng cường, bổ sung, tạo nguồn nhân lực kế thừa để đảm nhận công việc, vị trí trọng trách trong các cơ quan, đơn vị góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; cụ thể là:Tổng số lượt cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh được cử đào tạo, bồi dưỡng là đối với công chức, viên chức và người lao động: đã có 20.143 lượt cán bộ, công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng gồm: Đào tạo chuyên môn 278 người, trong đó, sau đại học: 123 người, đại học, cao đẳng: 155 người; đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị (cao cấp, trung cấp, sơ cấp): 1.419 lượt cán bộ, công chức; bồi dưỡng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch (chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự): 1.807 lượt cán bộ, công chức; bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ chuyên ngành, vị trí việc làm,

lãnh đạo quản lý: 14.583 lượt cán bộ, công chức; bồi dưỡng kiến thức an ninh quốc phòng: 1.268 lượt cán bộ, công chức; bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học: 788 lượt cán bộ, công chức; đối với viên chức: Đã có 42.161 lượt viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng gồm: đào tạo chuyên môn: 672 người, trong đó, sau đại học: 243 người, đại học, cao đẳng: 405 người, trung cấp: 24 người; đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị (cao cấp, trung cấp, sơ cấp): 857 lượt viên chức; bồi dưỡng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch đối với viên chức hành chính (chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự): 457 lượt viên chức; bồi dưỡng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (hạng I, hạng II, hạng III, hạng IV): 5.415 lượt viên chức; bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ chuyên ngành, vị trí việc làm, lãnh đạo quản lý: 31.633 lượt viên chức; bồi dưỡng kiến thức an ninh quốc phòng: 2.545 lượt viên chức; bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học: 582 lượt viên chức; đối với cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách: tổng cộng đã có 15.641 lượt cán bộ, công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng gồm: đào tạo chuyên môn: 724 người; trong đó, đại học, cao đẳng: 587 người, trung cấp: 137 người; đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị (cao cấp, trung cấp, sơ cấp): 1.425 lượt cán bộ, công chức; bồi dưỡng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch (chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự): 229 lượt cán bộ, công chức; bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ chuyên ngành, vị trí việc làm, lãnh đạo quản lý: 11.387 lượt cán bộ, công chức; bồi dưỡng kiến thức an ninh quốc phòng: 1.628 lượt cán bộ, công chức; bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học: 257 lượt cán bộ, công chức.

- Từ năm 2016-2020, Hội Khuyến học tỉnh phối hợp với Sở GDĐT và các ban, ngành đoàn thể tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định 1014/QĐ-UBND, về việc triển khai nhân rộng các mô hình học tập, qua đó đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực, cụ thể gắn liền với nhiệm vụ, đặc thù của từng đơn vị, tổ chức, cá nhân, đã đạt được nhiều kết quả, cụ thể: có 186.682 gia đình được công nhận danh hiệu gia đình học tập, đạt tỷ lệ 74.80 % so với số đăng ký; 07 dòng họ được công nhận danh hiệu dòng họ học tập, đạt tỷ lệ 87.50 % so với số đăng ký; 502 khu phố, thôn, ấp được công nhận danh hiệu Cộng đồng học tập cấp thôn, đạt tỷ lệ 89%; 353 đơn vị được công nhận danh hiệu đơn vị học tập, đạt tỷ lệ 85,68%; 71 xã, phường, thị trấn được công nhận danh hiệu cộng đồng cấp xã, đạt tỷ lệ 86,59 % so với số đăng ký ban đầu.

Tuy đã đạt được một số kết quả như trên, nhưng công tác xây dựng XHHT trên địa bàn tỉnh trong những năm qua còn có một số khuyết điểm, hạn chế, như sau:

Một là, đối với giáo dục phổ thông: tuy học sinh dự thi trung học phổ thông quốc gia, thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế đạt kết quả cao, nhưng vẫn chưa đáp ứng được mong muốn của nhân dân trong tỉnh, nhất là nhu cầu học 2 buổi/ngày, để tăng cường các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng, năng khiếu thể thao, âm nhạc, nghệ thuật...; chất lượng dạy, học ngoại ngữ còn thấp, các kỹ năng sống của học sinh còn thiếu.

Hai là, đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học: chưa đáp ứng được nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh như công nghiệp hỗ trợ, cảng biển, logistics...; Kỹ năng làm việc, năng lực ngoại ngữ và các kỹ năng mềm của sinh viên còn yếu.

Ba là, đối với giáo dục không chính quy: chất lượng đào tạo còn thấp, công tác XMC, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, trung học phổ thông chưa đạt kết quả như mong muốn. Chất lượng giảng dạy ngoại ngữ của các trung tâm cũng còn hạn chế. Các TTVH, TT-HTCD hoạt động chưa thật hiệu quả. Công tác quản lý các cơ sở giáo dục không chính quy chưa chặt chẽ, còn có sai sót.

Bốn là, công tác bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, công chức, viên chức và người lao động còn chậm, hiệu quả chưa cao.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG XHHT TRONG NHỮNG NĂM TỚI

Nhận thức được những tồn tại hạn chế nói trên, để công tác xây dựng XHHT trên địa bàn tỉnh đạt kết quả cao, đáp ứng yêu cầu của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội, trong những năm tới ngành giáo dục đào tạo xin đề xuất một số nhiệm vụ và giải pháp như sau:

1. Một số nhiệm vụ trọng tâm của các ngành học, bậc học

- Đối với Giáo dục mầm non: Tiếp tục thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, đổi mới, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, phòng chống bạo hành, duy trì công tác phổ cập giáo dục mầm non trẻ năm tuổi, tham mưu bố trí đủ số lượng giáo viên/lớp và bồi dưỡng nâng chuẩn trình độ ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Giáo dục phổ thông tập trung tăng cường kỷ cương, nề nếp, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong các cơ sở giáo dục, đào tạo, tiếp tục thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT (đối với lớp 2 đến lớp 5) và Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT đối với lớp 1 từ năm học 2020-2021; thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT và trong năm học 2020-2021 thực hiện việc đánh giá học sinh theo Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT, đổi mới phương pháp dạy học lấy học sinh làm trung tâm, chú trọng vào việc phát triển phẩm chất, năng lực của người học, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức trách nhiệm công dân của học sinh đối với cộng đồng, xã hội.

- Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học: Nghiên cứu mở thêm các ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu của nhân lực của tỉnh, triển khai giải pháp đồng bộ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để sinh viên ra trường có việc làm.

- GDTX: Đẩy mạnh xây dựng XHHT; thúc đẩy việc học tập của người lớn; quan tâm XMC nhất là vùng kinh tế khó khăn.

2. Một số giải pháp để đẩy mạnh xây dựng XHHT

2.1. Phát triển mạnh hệ thống giáo dục chính quy

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, tạo cơ hội cho tất cả các em học sinh trong độ tuổi được đi học trong điều kiện thuận lợi nhất. Đảm bảo học sinh khi tốt nghiệp mỗi cấp học với chất lượng lượng cao, thực chất. Tăng cường dạy học 2 buổi ngày đối với học sinh Tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông. Tạo điều kiện tối đa để các em học sinh nắm vững kiến thức tại lớp và dành thời gian cho học ngoại ngữ, tin học và kỹ năng sống. Tăng cường dạy ngoại ngữ, đặt biệt là tiếng Anh, đảm bảo cho 100% học sinh tiểu học được học tiếng Anh 4 tiết/tuần, từ lớp 3.

2.2. Tăng cường đầu tư cho GDTX

Tiếp tục hỗ trợ tạo điều kiện để Trung tâm GDTX tỉnh liên kết với các trường Đại học mở các chi nhánh đào tạo tại chức, từ xa, các lớp văn bằng 2 cho cán bộ, công chức, các lớp nâng chuẩn đại học cho giáo viên các cấp học; Phối hợp với các sở, ban, ngành mở các lớp bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ cho mọi người.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất để các Trung tâm GDTX huyện, thành phố hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, ngoài nhiệm vụ giảng dạy văn hoá, phổ cập giáo dục, các Trung tâm tiếp tục liên kết với các trường Trung cấp, Cao đẳng dạy nghề cho học sinh, mở các lớp bồi dưỡng về ngoại ngữ, tin học, giáo dục kỹ năng sống,...; Trung tâm GDTX huyện, thành phố là đầu mối quan trọng nhất thúc đẩy phong trào xây dựng XHHT tại địa phương.

2.3. Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Học tập cộng đồng

Tiếp tục đầu tư CSVC, trang thiết bị cho các TTVH, TT-HTCĐ, đảm bảo bố trí ngân sách, con người đầy đủ cho trung tâm được hoạt động thường xuyên, liên tục. TTVH, TT-HTCĐ là cơ sở văn hoá giáo dục gần người dân nhất vì vậy phải có con người tâm huyết, nhiệt tình và kinh phí duy trì hoạt động, ngoài ra còn sự hỗ trợ ngân sách từ các ban, ngành, đoàn thể khi thực hiện chuyên đề của ngành mình tại địa phương.

Chú trọng đẩy mạnh phát triển văn hoá, thể thao để làm đòn bẩy phát triển các chuyên đề học tập cộng đồng, hai hoạt động cùng hỗ trợ song song. Về văn hoá nên thành lập các Câu lạc bộ như Đờn ca tài tử, Tiếng hát mãi xanh, Giai điệu tự hào, Hội thơ, Thi kể chuyện sách tạo ra một văn hoá đọc... Thể thao nên thành lập đội bóng đá, bóng chuyền, thể dục nhịp điệu, gym... Về giáo dục dạy ngoại ngữ, tin học, kỹ năng sống... các chuyên đề về pháp luật, sức khỏe, xây dựng nếp sống văn hoá, bạn của nhà nông...

Các TTVH, TT-HTCĐ xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động một cách cụ thể, thiết thực nhằm tạo ra một môi trường học tập cho nhân dân, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân trong cộng đồng.

2.4. Phát triển các Trung tâm ngoại ngữ, tin học; giáo dục kỹ năng sống và giáo dục hoạt động ngoài giờ chính khóa

Quan tâm, tạo điều kiện để các Trung tâm ngoại ngữ, tin học, giáo dục kỹ năng sống hoạt động ngày càng hiệu quả, góp phần đẩy mạnh phong trào dạy và học ngoại ngữ, xây dựng và phát triển các cộng đồng học ngoại ngữ và nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh và người dân.

Tạo điều kiện cho phép các tổ chức, cá nhân thuê cơ sở vật chất của các trường học, các trung tâm GDTX để mở trung tâm ngoại ngữ, cơ sở giáo dục kỹ năng sống.

2.5. Đẩy mạnh công tác phổ cập giáo dục, XMC: Tích cực, chủ động tham mưu cho các cấp uỷ Đảng và Chính quyền địa phương về công tác XMC, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho mọi người dân, mọi cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thấy được tầm quan trọng của công tác XMC.

Xây dựng một cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa ngành GDĐT và các ngành chức năng, nâng cao trách nhiệm của các thành viên trong Ban chỉ đạo các cấp, bố trí cán bộ, giáo viên có năng lực và tinh thần trách nhiệm cao phục vụ tốt cho công tác XMC. Lực lượng cán bộ, giáo viên tham gia công tác XMC được tập huấn chu đáo, kỹ lưỡng, đúng quy trình.

Thực hiện nghiêm túc chương trình XMC và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, tổ chức điều tra số người mù chữ ở xã, phường được tiến hành thường xuyên, phân công cụ thể các giáo viên chuyên trách theo dõi, điều tra cập nhật đối tượng còn mù chữ ở địa bàn phụ trách, có số liệu chính xác và tổ chức các lớp học được phù hợp, kịp thời.

Trên đây là một số giải pháp để tăng cường xây dựng XHHT trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong những năm tới. Xây dựng XHHT là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, trong đó ngành giáo dục đào tạo giữ vai trò chủ đạo. Đây là công việc rất khó khăn phức tạp nhưng cũng rất vẻ vang. Trong những năm tới, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, rất mong nhận được sự quan tâm, giúp đỡ từ Chính phủ, Bộ GDĐT, sự phối hợp hỗ trợ của các bộ, ban, ngành và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để công tác xây dựng XHHT đạt kết quả ngày càng cao, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân./.

**CÔNG TÁC PHỐI HỢP GIỮA NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VỚI CÁC BAN, NGÀNH, ĐOÀN THỂ TRONG VIỆC TỔ CHỨC
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN “XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP
GIAI ĐOẠN 2012-2020” TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA**

*Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa
(Sở Giáo dục và Đào tạo Khánh Hòa)*

1. Công tác phối hợp giữa ngành Giáo dục và Đào tạo Khánh Hòa với các tổ chức, ban, ngành, đoàn thể trong việc tổ chức thực hiện Đề án

Để tổ chức triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 89/2005/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (gọi tắt là Đề án), ngành Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, ban, ngành, đoàn thể để thực hiện các nhiệm vụ trong công tác xây dựng xã hội học tập (XHHT) như sau:

- Là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT tỉnh, ngành GDĐT Khánh Hòa đã thường xuyên rà soát, tham mưu kịp thời cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, kiện toàn, củng cố Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục – chống mù chữ và xây dựng XHHT để giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của Đề án phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và trong từng giai đoạn cụ thể.

- Để đảm bảo sự thống nhất trong công tác quản lý, công tác tổ chức thực hiện Đề án, phát huy được tính chủ động, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị tham gia phối hợp, Sở GDĐT đã ký kết quy chế phối hợp, đồng thời, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành là thành viên Ban chỉ đạo tỉnh để cùng tham gia triển khai thực hiện các mục tiêu theo chức năng được giao. Trên cơ sở đó, Ban chỉ đạo tỉnh đã xây dựng chương trình hoạt động công tác hằng năm và thành lập các đoàn kiểm tra, bao gồm thành viên của các sở, ban, ngành, đoàn thể để tổ chức kiểm tra nắm bắt tình hình hoạt động của các địa phương nhằm kịp thời tham mưu, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của Đề án theo Kế hoạch đã đề ra trong từng năm của giai đoạn 2012-2020.

Chính điều đó đã góp phần nâng cao hơn trách nhiệm của các sở, ban, ngành đoàn thể trong việc kết nối và phối hợp với ngành Giáo dục tham gia tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch thực hiện Đề án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa trong thời gian qua.

- Từ nhiệm vụ được giao, thông qua các chương trình, dự án, các cuộc vận động, các phong trào, các ban, ngành chức năng, các hội, đoàn thể và các địa phương đã có sự phối hợp chặt chẽ để tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, mở các lớp tập huấn, các chuyên đề chuyển giao khoa học kỹ thuật phù hợp về các lĩnh vực về kinh tế, văn hóa - xã hội, pháp luật ... tại các trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCĐ) ở các địa phương nhằm cung cấp cho người dân những kiến thức, kỹ năng cần thiết trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, cải thiện chất lượng cuộc sống và đóng góp tích cực trong phong trào xây dựng nông thôn mới, xây dựng XHHT từ cơ sở.

- Mặt trận Tổ quốc và các hội, đoàn thể chính trị - xã hội đã đóng vai trò quan trọng, góp phần làm nên các kết quả trong công tác xây dựng XHHT. Ở tất cả các địa phương trong tỉnh, Mặt trận Tổ quốc và hội, đoàn thể các cấp đã triển khai sâu rộng các nội dung khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT thông qua công tác tuyên truyền, vận động nhân dân học tập bằng nhiều hình thức linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế; đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các hội, đoàn thể phụ trách theo địa bàn dân cư để theo dõi, đôn đốc trong suốt quá trình tổ chức các lớp học, các chuyên đề phục vụ người dân... Cùng với đó, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân và Hội Khuyến học các cấp đều ký kết liên tịch để phối hợp thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu về xóa mù chữ (XMC), phổ cập giáo dục và đẩy mạnh các phong trào học tập suốt đời (HTSD) trong gia đình, dòng họ, cộng đồng; phối hợp trong việc tổ chức các lớp tập huấn về chuyển giao khoa công nghệ, khởi sự doanh nghiệp và các hoạt động tư vấn, truyền thông về nghề nghiệp,... cho đoàn viên, thanh niên tại các huyện, thị xã, thành phố,...

- Ngành GDĐT đã không ngừng tăng cường phối hợp với Hội khuyến học các cấp để đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT bằng nhiều hình thức; thúc đẩy các phong trào xây dựng các mô hình học tập từ cấp cơ sở như: “Gia đình hiếu học”, “Dòng họ hiếu học”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập”...; tổ chức hội nghị biểu dương gia đình hiếu học, cấp phát học bổng cho học sinh nghèo vượt khó; hỗ trợ ngành giáo dục để phát triển TTHTCĐ... Để triển khai thực hiện tốt Đề án “Đẩy mạnh phong trào HTSD trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020” Sở GDĐT Khánh Hòa cũng đã phối hợp với Hội Khuyến học tỉnh kịp thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và tổ chức tốt các hội nghị triển khai, quán triệt đến lãnh đạo tất cả các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương...

Bên cạnh đó, Sở GDĐT cũng đã phối hợp chặt chẽ với Mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội nhằm triển khai thực hiện có

hiệu quả các phong trào tại địa phương như phong trào “Toàn dân đưa trẻ đến trường”, phong trào “Học tập nâng cao chất lượng cuộc sống”, phong trào “Toàn dân học tập thường xuyên, HTSD”, phong trào xây dựng các mô hình “Gia đình hiếu học”, “Dòng họ hiếu học”, Chương trình “Xây dựng nông thôn mới”... Các phong trào này đã nhận được sự quan tâm, hưởng ứng và có sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội. Phối hợp với các tổ chức xã hội, đoàn thể (Liên đoàn lao động tỉnh, Hội Phụ nữ, Hội Khuyến học, Hội Nông dân, Bộ đội Biên phòng v.v...) để tổ chức các lớp nâng cao trình độ văn hóa, kiến thức, kỹ năng cho lực lượng công nhân, nông dân ở nhiều địa phương trong tỉnh.

Chính nhờ sự phối hợp của các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể nên công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT trong tỉnh đã có bước phát triển đáng kể. Có thể nói, sự phát triển đa dạng của các mô hình học tập trong quá trình đẩy mạnh phong trào HTSD trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020” đã góp phần tích cực trong việc tổ chức thực hiện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ, mục tiêu của Đề án.

Sở GDĐT đã triển khai nhiều giải pháp nhằm tuyên truyền nâng cao nhận thức cho mọi người về HTSD và xây dựng XHHT, trong đó coi trọng việc phối hợp với Hội Khuyến học và các cơ quan báo, đài tổ chức tuyên truyền sâu rộng về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về khuyến học, khuyến tài và xây dựng XHHT. Ngành Giáo dục đã phối hợp chặt chẽ với Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa, Hội khuyến học và các địa phương duy trì đều đặn việc thực hiện Chuyên mục xây dựng XHHT phát sóng vào ngày 22 hàng tháng trên sóng truyền hình để giới thiệu và tuyên dương về các tấm gương điển hình người tốt, việc tốt trong lao động, sản xuất, kinh doanh cũng như trong công tác CMC-PCGD, khuyến học, khuyến tài, với 108 chuyên mục xây dựng XHHT đã thực hiện tại các huyện, thị xã, thành phố (12 chuyên mục/năm); phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin - Truyền thông, các báo, đài địa phương thường xuyên đưa tin, bài tuyên truyền kịp thời về các hoạt động của công tác xây dựng XHHT, khuyến học, khuyến tài ở các cơ sở giáo dục trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Ngoài ra, Sở GDĐT cũng đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT tỉnh chỉ đạo tổ chức tốt “Tuần lễ hưởng ứng HTSD” với những nội dung, hoạt động cụ thể, thiết thực, hiệu quả theo đúng chủ đề của từng năm. Qua đó, huy động được sự tham gia phối hợp thực hiện của các sở, ngành, đoàn thể, địa phương để tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, xã hội và cộng đồng về vai trò, ý nghĩa của việc HTSD và xây dựng XHHT. Qua Tuần lễ hưởng ứng HTSD được tổ chức hằng năm, toàn tỉnh đã có 137 Trung tâm HTCD và các cơ sở giáo

dục tổ chức được bình quân gần 200 chuyên đề và huy động được gần 10.000 học viên tham gia các lớp học.

- Sở GDĐT đã huy động sự phối hợp chặt chẽ của các các ngành chức năng, các cơ quan chuyên môn về các lĩnh vực Tư pháp, Y tế, Nông nghiệp, Lao động-Thương binh và Xã hội, Giao thông vận tải và các Hội: Phụ nữ, Nông dân, Khuyến học, Liên đoàn Lao động ... trong việc xây dựng kế hoạch tổ chức lồng ghép các hoạt động vào hàng năm để mở các lớp đào tạo ngắn hạn cho lao động nông thôn, các lớp chuyên đề, cập nhật kiến thức, phổ biến pháp luật, tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, các buổi nói chuyện, thảo luận, tọa đàm, các câu lạc bộ trao đổi kinh nghiệm sản xuất để tạo ra các cơ hội học tập đa dạng cho mọi người dân ở mọi lứa tuổi, mọi trình độ. Ngành GDĐT cũng đã tăng cường sự phối hợp, cung cấp, trao đổi thông tin giữa các cơ quan hữu quan, chủ động trong việc nắm bắt tình hình tổ chức triển khai các Chương trình, Đề án, Dự án do các sở, ban, ngành, đoàn thể phụ trách để kịp thời tham mưu cho các cấp chính quyền trong việc kết nối thực hiện lồng ghép hiệu quả các mục tiêu của Đề án trên địa bàn tỉnh.

- Để bảo đảm kinh phí tổ chức hoạt động cho các TTHTCĐ, Sở GDĐT đã phối hợp chặt chẽ với Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phát kinh phí hoạt động cho các TTHTCĐ trên địa bàn tỉnh, bao gồm kinh phí hỗ trợ để mua sắm các trang thiết bị ban đầu và kinh phí hoạt động thường xuyên vào hàng năm; đồng thời, cho phép về chủ trương thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với Ban Giám đốc TTHTCĐ là 50% mức lương tối thiểu và đối với kế toán, thủ quỹ hưởng là 20% mức lương tối thiểu hiện hành. Để thống nhất việc thực hiện kinh phí chi thường xuyên tại các TTHTCĐ trên phạm vi toàn tỉnh, Liên Sở Tài chính - Giáo dục và Đào tạo cũng đã có văn bản hướng dẫn các đơn vị mức chi thực hiện Đề án theo đúng sự chỉ đạo của Bộ GDĐT; kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí phù hợp để thực hiện các mục tiêu xây dựng XHHT, XMC, phổ cập giáo dục, đào tạo cán bộ, công chức; dạy nghề cho lao động nông thôn theo Đề án 1956.

- Hàng năm, Sở GDĐT đã tổ chức kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện Đề án của các địa phương thông qua các cuộc thanh kiểm tra chuyên môn; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành tổ chức kiểm tra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt chuẩn quốc gia về công tác XMC-PCGD các cấp cho các huyện, thị xã, thành phố; qua đó nắm bắt tình hình cụ thể của các địa phương nhằm chấn chỉnh, khắc phục những mặt tồn tại, hạn chế và kịp thời tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp cụ thể, phù hợp để chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đạt các chỉ tiêu về XMC-PCGD và xây dựng XHHT đã đề ra.

Chính sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác xây dựng XHHT thời gian qua trên địa bàn tỉnh đã góp phần tích cực trong việc nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về HTSD và xây dựng XHHT tại địa phương; tạo môi trường giáo dục phù hợp với nhu cầu HTSD của cộng đồng và những cơ hội tốt với những hình thức học tập linh hoạt, phong phú, đa dạng, phù hợp giúp cho người dân ở mọi lứa tuổi được tiếp cận và thụ hưởng kịp thời những kiến thức, kỹ năng sống tiến bộ trong các lĩnh vực của đời sống, xã hội để áp dụng có hiệu quả vào các hoạt động lao động sản xuất nhằm góp phần xóa đói, giảm nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống.

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu Đề án trong công tác phối hợp

a) Về XMC và phổ cập giáo dục

- Về XMC: Trong giai đoạn 2012-2020, toàn tỉnh đã huy động được gần 1.600 học viên ra các lớp XMC; trong đó có 1.460 người được công nhận biết chữ, 1.322 người mới biết chữ tiếp tục tham gia lớp Giáo dục tiếp tục sau biết chữ. Tính đến thời điểm tháng 05 năm 2020, toàn tỉnh tiếp tục duy trì, giữ vững chuẩn XMC mức độ 1 với kết quả như sau: Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi: Từ 15-25: mức 1 đạt 99,9%, mức 2 đạt 99,8%; độ tuổi từ 15-35: mức 1 đạt 99,6%, mức 2 đạt 99,2%; độ tuổi từ 15-60: mức 1 đạt 99,3%, mức 2 đạt 97,2%. Đối với người dân tộc thiểu số, tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15-25: mức 1 đạt 99,9%, mức 2 đạt 99,4%; độ tuổi từ 15-35: mức 1 đạt 99,5%, mức 2 đạt 95,8%; độ tuổi từ 15-60: mức 1 đạt 97,4%, mức 2 đạt 83,3%. Có 09 huyện, thị xã, thành phố (kể cả huyện đảo Trường Sa) tiếp tục duy trì, giữ vững chuẩn XMC, trong đó có 01 huyện đạt chuẩn XMC mức độ 1, đạt tỷ lệ 11,1%, 08 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn mức độ 2, đạt tỷ lệ 88,9%, có 140 xã tiếp tục duy trì và giữ vững chuẩn về XMC; trong đó, có 03 xã đạt chuẩn XMC mức độ 1, đạt tỷ lệ 2,1%, 137 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn mức độ 2, đạt tỷ lệ 97,9% ; có 22 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số của 02 huyện miền núi và 17 xã có đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn XMC, trong đó mức độ 1: 3, tỷ lệ 7,7% và mức độ 2: 36 xã, tỷ lệ 92,3%.

- Về PCGD tiểu học: Tiếp tục duy trì đạt chuẩn mức độ 3 với kết quả như sau: Toàn tỉnh có 140/140 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn, tỷ lệ 100%, trong đó mức độ 2: 1/140, tỉ lệ: 0,7%; mức độ 3: 139/140, tỉ lệ: 99,3%; Có 9/9 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn mức độ 3, tỉ lệ: 100%. Tỷ lệ huy động tối đa trẻ trong độ tuổi 6-14 ra lớp đạt 99,97%, trẻ 6 tuổi vào lớp Một đạt 99,99%; Tỷ lệ học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học 99,96%; tỉ lệ học sinh bỏ học là 0,04%.

b) Về nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề và nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức

- Đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về trình độ, chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định cho gần 8.198 CBCC, trong đó cấp tỉnh: 4.365 người, cấp huyện: 3.833 người; cấp xã: 6.905 người.

- CB, CC, VC tham gia các chương trình học tập nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm đạt tỷ lệ 100%; có trình độ ngoại ngữ bậc 2 đạt tỷ lệ 54,6%; trình độ ngoại ngữ bậc 3 đạt tỷ lệ 15,5%; có chứng chỉ ngoại ngữ khác đạt tỷ lệ 9,1%.

- CB, CC từ cấp tỉnh đến cấp huyện được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định đạt tỷ lệ bình quân 91,3%, trong đó cán bộ cấp tỉnh 85,2%, cấp huyện 97,4%; cán bộ công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được bồi dưỡng theo chương trình quy định đạt tỷ lệ bình quân 63,1% trong đó cán bộ cấp tỉnh 41,8%, cấp huyện 84,4%; được bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm đạt tỷ lệ 70,1%, trong đó cán bộ cấp tỉnh 53%, cấp huyện 87,2%; cấp xã đạt tỷ lệ 82,%; có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định đạt tỷ lệ bình quân 98,6%; được bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm đạt tỷ lệ 100%.

- Công nhân lao động tham gia các lớp bồi dưỡng tin học: 87.130 lượt người, đạt tỷ lệ 88,8%; ngoại ngữ: 32.673, đạt tỷ lệ 33,3% để đáp ứng yêu cầu công việc và giao lưu văn hóa; công nhân lao động tại các khu công nghiệp có trình độ học vấn THPT và tương đương: 83.890 người, đạt tỷ lệ 85,5%; công nhân đã qua đào tạo nghề: 77.710 người, đạt tỷ lệ 79,2%; công nhân lao động có tay nghề cao ở các ngành kinh tế mũi nhọn: 49.845 người, đạt tỷ lệ 50,8%; công nhân lao động tham gia học tập các chương trình giáo dục kỹ năng sống: 57.790, đạt tỷ lệ 58,9%.

- Về đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Trong giai đoạn 2010-2020, tỉnh Khánh Hòa đã tổ chức đào tạo nghề nghiệp cho khoảng 258.270 người, đạt 102% so với mục tiêu kế hoạch đề ra, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn tỉnh đến cuối năm 2019 là 76,5%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề là 57,6%, đảm bảo tiến độ hoàn thành mục tiêu đặt ra đến cuối năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 60%.

c) Về hoàn thiện kỹ năng sống, xây dựng cuộc sống cá nhân và cộng đồng

Toàn tỉnh, có 95% học sinh và trên 90% sinh viên được học tập các chương trình giáo dục kỹ năng sống tại các nhà trường để xây dựng cuộc sống cá nhân và cộng đồng ngày càng hạnh phúc hơn dưới hình thức lồng ghép, tích hợp... gắn kết với chương trình học tập ở mỗi cấp học; 35% học sinh, sinh viên tham gia học tập kỹ năng sống tại cơ sở giáo dục kỹ năng sống; 35% lao động nông thôn tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ

năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại các TTHTCĐ; 10,5% lao động nông thôn tham gia học kỹ năng sống tại TTHTCĐ.

d) Về các mô hình HTSD trong gia đình, dòng họ, cộng đồng

Đến nay, toàn tỉnh đã có 09 huyện, thị, thành phố; 137 xã, phường, thị trấn; 997 thôn, tổ dân phố; 130 dòng họ; 497 trường học; 399 cơ quan, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang có tổ chức Hội khuyến học với gần 200.000 hội viên. Trong giai đoạn 2015-2019, đã tổ chức được 1.222 lớp tập huấn để nâng cao nhận thức cho cán bộ Hội các cấp về quan điểm, ý nghĩa, tầm quan trọng trong công tác xây dựng XHHT, với 75767 số lượt người tham dự.

- Các cấp Hội đã đẩy mạnh phong trào HTSD trong dòng họ, cộng đồng (thôn, tổ dân phố) và trong các cơ quan, đơn vị. Đến cuối năm 2019, đã có 235.095/332.697 gia đình được công nhận “Gia đình học tập”, đạt tỷ lệ 70,7%; 162/242 dòng họ được công nhận “Dòng họ học tập”, đạt tỷ lệ 66,9%; 905/997 thôn, tổ dân phố được công nhận “Cộng đồng học tập”, đạt tỷ lệ 90,23%; 664/962 cơ quan, trường học, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang được công nhận “Đơn vị học tập” đạt tỷ lệ 69,02%.

- Toàn tỉnh có 137 đơn vị cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại, trong đó có xếp loại tốt có 118 xã, tỷ lệ 86,1%; xếp loại khá có 14 xã, tỷ lệ 10,2%; xếp loại trung bình có 02 xã, tỷ lệ 1,5% và không xếp loại có 03 xã, tỷ lệ 2,2%;

đ) Về chất lượng hoạt động của TTHTCĐ

Toàn tỉnh có 137 các TTHTCĐ/137 xã được tổ chức đánh giá xếp loại vào hàng năm. Tính đến thời điểm năm 2020, có 114 trung tâm xếp loại tốt, tỷ lệ 83,2%, 19 trung tâm xếp loại khá, tỷ lệ 13,9% và 04 trung tâm xếp loại trung bình, tỷ lệ 2,9%.

3. Các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả công tác xây dựng XHHT trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà trong thời gian tới

Từ thực tiễn công tác phối hợp với các tổ chức, ban, ngành, đoàn thể trong việc thực hiện Đề án “Xây dựng XHHT giai đoạn 2012-2020”, có thể đề xuất các giải pháp trọng yếu nhằm tăng cường hiệu quả công tác xây dựng XHHT trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà trong thời gian tới như sau:

- Một là, cần có sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của cấp ủy và chính quyền địa phương. Mỗi cơ quan, đơn vị, ban, ngành phải thấy rõ vai trò, vị trí, tầm quan trọng của nhiệm vụ xây dựng XHHT để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; trình độ quản lý; lý luận chính trị; tin học, ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, và người lao động của đơn vị mình.

- *Hai là*, các địa phương, đơn vị cần phải thường xuyên kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng XHHT các cấp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban chỉ đạo; thực hiện tốt việc ký kết quy chế phối hợp; hàng năm tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết để đánh giá kết quả thực hiện; rút kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế để tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trong việc xây dựng XHHT trong thời gian đến.

- *Ba là*, các sở, ban, ngành, đoàn thể (*đặc biệt là các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa và Thể thao, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Liên đoàn Lao động...*) cần phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai kế hoạch và tham mưu kịp thời với Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho các cơ sở trong quá trình tổ chức thực hiện.

- *Bốn là*, cần lồng ghép có hiệu quả các chương trình kinh tế - xã hội của địa phương như chương trình XMC - PCGD, chương trình giải quyết việc làm xóa đói giảm nghèo, chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn, chương trình xây dựng nông thôn mới... và các chương trình trọng điểm về phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương.

- *Năm là*, cần phát huy tác dụng, hiệu quả và nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động theo hướng phát triển bền vững các TTHTCĐ để tổ chức học tập, nâng cao trình độ cho nhân dân địa phương trong các lĩnh vực của đời sống xã hội phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của mỗi địa phương.

NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG PHONG TRÀO HỌC TẬP SUỐT ĐỜI GÓP PHẦN TÍCH CỰC XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

*Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình
(Hội Khuyến học tỉnh Quảng Bình)*

Xây dựng xã hội học tập (XHHT) là một hệ thống giáo dục đảm bảo cho mọi công dân đều được học tập suốt đời. Học tập suốt đời là một đặc trưng mới của xã hội hiện đại, là xu thế tất yếu trước yêu cầu mới của thời đại, thời đại được đặc trưng bởi sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật và công nghệ, thời đại của sự “bùng nổ” thông tin, thời đại của xu thế toàn cầu hóa và thời đại được đặc trưng bởi kinh tế tri thức, bởi nền văn minh trí tuệ. Do vậy, muốn xây dựng thành công XHHT thì phải tập trung đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời (HTSD). Theo Quyết định số 89/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Sau khi có Quyết định số 281/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Hội Khuyến học tỉnh đã kịp thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch 848/KH-UBND ngày 09/7/2014 về triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh và chọn thành phố Đồng Hới, huyện Lệ Thủy thực hiện thí điểm, kết thúc thời gian thí điểm Hội Khuyến học đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tổng kết và ban hành Kế hoạch 298/KH-UBND ngày 11/3/2016 về triển khai đại trà các mô hình học tập giai đoạn 2016- 2020; ban hành Quyết định 556/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 về Bộ tiêu chí đánh giá các mô hình học tập cùng nhiều văn bản chỉ đạo của cấp ủy, Ủy ban nhân dân cùng cấp, Hội Khuyến học Việt Nam, Hội Khuyến học tỉnh và Hội Khuyến học cấp huyện, cấp xã.

Tổ chức ký kết chương trình phối hợp hoạt động khuyến học, khuyến tài, HTSD, xây dựng XHHT với 11 sở, ngành, Hội chính trị xã hội, Hội xã hội, Hội xã hội nghề nghiệp có liên quan giai đoạn 2015-2020 và 2020-2025.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo mở các lớp tập huấn cho cán bộ làm khuyến học từ tỉnh đến cơ sở về Quyết định số 89/QĐ-TTg, Quyết định số 281/QĐ-TTg và nhiều văn bản của trung ương và của tỉnh; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Hội Khuyến học Việt Nam mở 2 lớp tập huấn cho cán bộ Ban giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng tại tỉnh trong năm 2018, 2019; tham gia tổ chức các hoạt động HTSD trong Tuần lễ hưởng ứng HTSD hàng năm.

Hội Khuyến học tỉnh đã đăng ký nghiên cứu và hoàn thành Đề tài khoa học cấp tỉnh về “Nghiên cứu xây dựng mô hình gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập, đơn vị học tập góp phần xây dựng XHHT trên địa bàn tỉnh Quảng Bình”. Đề tài được nghiệm thu tháng 9/2018 đạt

loại khá được Ủy ban nhân dân tỉnh đưa vào sử dụng năm 2019 và hiện nay đang thực hiện có hiệu quả trong thực tiễn.

Xác định phong trào HTSD là phong trào mới, do đó ngay từ đầu Hội Khuyến học xác định muốn thực hiện phong trào có hiệu quả thì phải có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng tình, hưởng ứng của nhân dân, muốn vậy trước tiên phải làm thế nào để tạo ra một bước chuyển mới trong nhận thức của cán bộ, nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của học tập đối với mỗi người, từ học sinh, sinh viên và học thường xuyên, học suốt đời của người lớn. Do vậy, ngay từ đầu năm (tháng 01 hàng năm) Hội Khuyến học tỉnh ban hành kế hoạch tuyên truyền, xây dựng trang Web, phát hành Bản tin khuyến học hàng quý; phối hợp với các cơ quan Báo, Đài Phát thanh – Truyền hình của trung ương và địa phương triển khai mạnh mẽ công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phong trào HTSD trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị góp phần xây dựng XHHT. Các cơ quan Báo, Đài trung ương, địa phương, các phóng viên Báo, Đài trung ương, địa phương, đội ngũ báo cáo viên, cộng tác viên của Hội Khuyến học tỉnh đã có nhiều trang, chuyên mục, nhiều tin, bài, phóng sự biểu dương các mô hình, gương điển hình về khuyến học, khuyến tài, HTSD, xây dựng XHHT trên các phương tiện thông tin đại chúng, Bản tin, Website của Hội Khuyến học tỉnh. Hội Khuyến học tỉnh thường xuyên cung cấp đầy đủ các tài liệu phục vụ công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT đến Hội Khuyến học cấp huyện, cơ quan, đơn vị trên địa bàn.

Phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị là bước ngoặt mới, kế thừa và phát huy các mặt tích cực, tốt đẹp của cuộc vận động xây dựng “gia đình hiếu học”, “dòng họ hiếu học”, “cộng đồng khuyến học” trước đây được Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam và các cấp hội ở địa phương dẫn dắt và triển khai trong hơn 20 năm qua. Hiện nay ngoài việc tập trung sự quan tâm đến việc học tập của con em trong độ tuổi đến trường còn quan tâm đến học tập của người lớn trong gia đình, dòng họ, phong trào còn quan tâm đến việc thúc đẩy phát triển kinh tế gia đình, phấn đấu không còn hộ nghèo; đồng thời với việc học, việc làm kinh tế của các gia đình được khuyến khích và gắn chặt với các cuộc vận động lớn như “xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập của đất nước và thời đại, được đông đảo nhân dân đồng tình hưởng ứng, được Hội Khuyến học Việt Nam, cấp ủy và chính quyền các cấp lãnh đạo, chỉ đạo, sự vào cuộc của các cấp các ngành ở địa phương, sự chung tay đóng góp của các doanh nghiệp, nhà hảo tâm trong và ngoài tỉnh. Cùng với đội ngũ làm khuyến học của tỉnh nhà là những người có trình độ, năng lực, tâm huyết, trách nhiệm, năng động, sáng tạo trong triển khai thực hiện phong trào. Kết quả cả 4 mô hình học tập đến cuối năm 2020 đều vượt chỉ tiêu so với quy định tại Quyết định số 281/QĐ-TTg, Kế hoạch số

848/KH-UBND và Nghị quyết Đại hội Hội Khuyến học Việt Nam lần thứ V từ 13%- 45% (gia đình học tập vượt 13%; dòng họ học tập vượt 20%, cộng đồng học tập vượt 30%, đơn vị học tập vượt 45%).

Xây dựng các mô hình học tập trong đó có mô hình “Gia đình học tập” là cơ sở vững chắc, mang lại hiệu quả cao nhất cho phong trào HTSD, bởi lẽ: gia đình không chỉ là “tế bào” tự nhiên mà còn là đơn vị kinh tế của xã hội, là tế bào của xã hội học tập, có tác động tích cực trong việc thực hiện 19 tiêu chí xây dựng Nông thôn mới, xây dựng gia đình văn hóa và đời sống văn hóa ở khu dân cư. Người trong độ tuổi lao động trong gia đình được đào tạo nghề và có việc làm ổn định. Một số ít đã học được trọn một khóa học, có chứng chỉ tin học và sử dụng được. Một số gia đình nhờ nghiên cứu sách báo, học tập tại TTHTCĐ đã biết chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp độc canh sang nuôi ong, làm bánh, sản xuất vật liệu xây dựng, chăn nuôi lợn, gà, trâu bò, cá, trồng rau, củ quả sạch và đã có sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trên thị trường, tạo được mô hình sản xuất kinh doanh mới. Giảm nhanh tỷ lệ đói nghèo ở nông thôn. Năm 2015 toàn tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo 14,6%, đến 2020 tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 3,97%. Nhiều gia đình tự nguyện hiến đất, hiến cây, góp công sức ngày công để mở đường giao thông nông thôn tích cực tham gia cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Đặc biệt hơn góp phần chống các tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh trật tự. Tại nhiều thôn bản nhân dân đóng góp tài sản, ngày công, sức lao động để xây dựng các công trình thấp sáng đường quê... Đến cuối năm 2020 toàn tỉnh có 198.910/241.054 gia đình đạt “Gia đình học tập” chiếm tỷ lệ 83% so số hộ toàn tỉnh. Nổi lên trong phong trào thi đua có các gia đình tiêu biểu như gia đình ông Nguyễn Văn Khiếu, thị trấn Phong Nha, huyện Bố Trạch, bản thân là giáo viên Tiểu học dạy tại trường miền núi của huyện Bố Trạch, vợ là nông dân nông nghiệp, hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, đông con, lương, thu nhập của gia đình rất thấp, nhưng anh chị đã xác định tầm quan trọng của việc học tập nên đã chăm lo đến việc học tập của các con trong gia đình và ngay bản thân ông cũng như vợ ông. Gia đình ông có 05 người con thì có 01 người là tiến sĩ, 02 người đang chuẩn bị tốt nghiệp học vị tiến sĩ vào cuối năm 2020 và năm 2023, 01 người học vị thạc sĩ, 01 người là đại học. Trong 5 người thì có 04 người là giảng viên các trường đại học, 01 người là giáo viên trường tiểu học ở quê hương. Ngoài ra có 02 con rể và 01 con dâu đều là thạc sĩ và đại học. Tất cả đều có công việc làm ổn định. Bản thân gia đình luôn luôn hưởng ứng phong trào học tập suốt đời, gương mẫu thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, là gia đình văn hóa 5 năm liền (2016 - 2020), là gia đình học tập, tiêu biểu 5 năm (2016 - 2020) của thị trấn Phong Nha và huyện Bố Trạch. Luôn gương mẫu đi đầu trong thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời

sống văn hóa ở khu dân cư”, “Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và gương mẫu trong các phong trào đóng góp từ thiện, công ích. Được UBND tỉnh tặng Bằng khen gia đình học tập tiêu biểu giai đoạn 2016 - 2020.

Gia đình Bà Nguyễn Thị Lệ Hương, Thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy, xuất phát điểm hai vợ chồng nghèo nhưng nhờ chịu khó học tập nên đã tạo thu nhập để nâng cao đời sống, ngoài ra còn tạo việc làm cho 15 lao động có việc làm ổn định; gia đình chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các quy định, hương ước của địa phương. Sống đoàn kết thân ái, tham gia các đoàn thể địa phương tích cực đóng góp quỹ từ thiện, nhân đạo chăm lo học hành của con cái: 1 cháu tốt nghiệp đại học, 1 cháu đang học đại học, một cháu là học sinh giỏi đạt nhiều giải huyện và tỉnh. Gia đình chị đã tích cực ủng hộ Quỹ khuyến học để giúp học sinh nghèo học giỏi. Gia đình tham gia câu lạc bộ “Thiện nguyện tự tâm” mỗi tháng 1 lần có nồi cháo (2 đến 2,5 triệu đồng) cho bệnh nhân nghèo ở bệnh viện Lệ Thủy. 5 năm liên tục được công nhận gia đình học tập tiêu biểu của huyện Lệ Thủy.

Gia đình Ông Trương Thanh Tâm, Tổ dân phố Dinh, phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, là gia đình học tập tiêu biểu của thị xã Ba Đồn. Gia đình chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cho con cái học hành. Ba con trưởng thành và có ngành nghề ổn định. Vợ chồng thường xuyên tham dự các lớp học tại trung tâm học tập cộng đồng phường và câu lạc bộ học tập cộng đồng của tổ dân phố. Gia đình đã xây dựng một tủ sách đầy đủ các lĩnh vực, tập trung mua sắm các loại sách và tài liệu khoa học trong lĩnh vực ngành nghề gia đình đang sản xuất. Nhờ việc nâng cao nhận thức từ việc tham gia học tập và tập huấn, gia đình đã tập trung sản xuất gạch nung, giải quyết được công ăn việc làm cho 5-6 lao động của địa phương. Thu nhập của các công nhân lao động đạt từ 5-6 triệu đồng/tháng. Gia đình luôn luôn quan tâm đến công tác khuyến học, khuyến tài của gia đình và dòng họ, tham gia xây dựng quỹ khuyến học từ nguồn tài chính của gia đình, tham gia hỗ trợ kinh phí cho Hội khuyến học phường và các chương trình từ thiện khác trong địa phương. 05 năm liên tục được công nhận gia đình học tập tiêu biểu của huyện.

Gia đình Ông Nguyễn Hữu Tuấn, Thôn Thọ Sơn, xã Quảng Đông, Quảng Trạch. Thực hiện Quyết định số 281/QĐ-TTg gia đình đã hăng say học tập, trong gia đình có 8 thành viên đều Tốt nghiệp cử nhân trở lên: có 6 con, có 2 con là Tiến sỹ, 2 con là Thạc sỹ, 2 con là cử nhân; các cháu nội ngoại đều đi học và học giỏi. 5 năm liên tục được công nhận gia đình học tập tiêu biểu của huyện Quảng Trạch.

Gia đình Bà Đinh Thị Thủy, Thôn Quy Hợp xã Xuân Hóa, huyện Minh Hóa, Là một gia đình ở xã miền núi, huyện Minh Hóa, tuy khó khăn nhưng bố mẹ đã quan tâm tạo mọi điều kiện tốt nhất cho con học tập: 2 con đều chăm ngoan học giỏi: con đầu đang tốt nghiệp thạc sỹ và đang làm luận án tiến sỹ ở Đài Loan; con thứ 2 tốt nghiệp đại học chăn nuôi thú y, có việc làm ổn định. Gia đình chú trọng phát triển kinh tế, chịu khó nghiên cứu qua tivi, sách, báo, ... để áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và giúp đỡ bà con khó khăn trong cuộc sống. Các thành viên trong gia đình tuyên truyền vận động hội viên thực hiện chủ trương của đảng và chính quyền địa phương, đóng góp quỹ khuyến học, khen thưởng học sinh giỏi. Gia đình đã có nhiều thành tích xuất sắc nhiều năm liền trong phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT, xây dựng mô hình gia đình học tập. 5 năm liền được công nhận gia đình học tập tiêu biểu của huyện Minh Hóa.

Gia đình Bà Hồ Thị Pan, bản Khe Ngang xã Trường Xuân, huyện Quảng Ninh, là một gia đình học tập tiêu biểu của huyện Quảng Ninh, gia đình vùng dân tộc thiểu số nhưng đã có nhiều thành tích xuất sắc nhiều năm liền trong phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT, xây dựng mô hình cộng đồng học tập cấp xã. 5 năm liền được công nhận gia đình học tập tiêu biểu của huyện Quảng Ninh.

Cùng với các gia đình trên có gia đình ông Ngô Văn Thiết, Tổ dân phố Trường Sơn- phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn; gia đình Ông Đinh Xuân Lượng, xã Hồng Hóa, huyện Minh Hóa; gia đình Bà Trần Thị Vy Hạnh, Tổ dân phố 1 Phương Xuân, Phường Bắc Nghĩa, Thành phố Đồng Hới và nhiều gia đình khác trong tỉnh.

Qua khảo sát một số xã, phường, thị trấn cho thấy kết quả có trên 96% người dân cho rằng việc học tập suốt đời trong gia đình đã phát huy tác dụng tốt và rất tốt 98,8% ý kiến cho rằng phong trào học tập suốt đời đã góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa ở địa phương, góp phần xây dựng khối đoàn kết toàn dân... 100% ý kiến cho rằng tác dụng của các mô hình học tập góp phần nâng cao niềm tin đối cấp ủy, chính quyền, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

*. Kiến nghị, đề xuất.

1. Đối với trung ương:

- Kính đề nghị Chính phủ ban hành văn bản về xây dựng XHHT giai đoạn 2021- 2030.

- Chính phủ có văn bản chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh cấp kinh phí cho Hội Khuyến học các cấp thực hiện phong trào “Học tập suốt đời” giai đoạn 2021- 2025.

- Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Hội Khuyến học trong hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựngXHHT một cách chặt chẽ, thiết thực. Đưa chất lượng, hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ cấp xã vào chỉ tiêu bình xét thi đua hàng năm của ngành Giáo dục.

2. Đối với tỉnh:

- Hiện nay, toàn xã hội đã biết và triển khai Nghị quyết 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo.Nghị quyết đang đi vào cuộc sống. Song Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa X) và Kết luận số 49-KL/TW của Ban Bí thư về xây dựng XHHT và tạo điều kiện cho người dân HTSD thì ít được nhắc đến mỗi khi tổng kết công tác Đảng và chính quyền, thậm chí cả ở văn kiện Đại hội Đảng các cấp ở địa phương. Vì vậy, đề nghị Tỉnh ủy cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra các cấp, các ngành trong tỉnh về thực hiện nghiêm túc, có tính hiệu quả Công văn số 736-CV/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 1472/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Kết luận số 49-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa X) “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến học, xây dựng xã hội học tập”.

- Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, Ủy ban nhân dân các cấp về mục tiêu, chỉ tiêu công tác khuyến học, khuyến tài xây dựng XHHT hàng năm, được xem mục tiêu, chỉ tiêu về công tác xã hội phải đạt được của địa phương, đơn vị mình.

Gắn tiêu chí đánh giá, xếp loại các mô hình học tập với tiêu chí đánh giá phân loại tổ chức cơ sở Đảng, đảng viên, đánh giá xếp loại chính quyền vững mạnh, đánh giá thôn, bản, tổ dân phố văn hóa, gia đình văn hóa vào dịp cuối năm gắn với công tác thi đua, khen thưởng hàng năm./.

CÔNG TÁC PHỐI HỢP GIỮA HỘI KHUYẾN HỌC TỈNH VỚI SỞ GDĐT LÂM ĐỒNG THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 89/QĐ-TTg VỀ XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP GIAI ĐOẠN 2012-2020

*Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng
(Hội Khuyến học tỉnh Lâm Đồng)*

Ngày 09/01/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 89/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020”, đây là giai đoạn 10 năm lần thứ hai về xây dựng xã hội học tập ở nước ta. Tiếp tục phát huy những kết quả xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2001-2010, giai đoạn 2012 – 2020 có tính lý luận và thực tiễn sâu sắc hơn, con đường xây dựng xã hội học tập ở nước ta sáng rõ hơn và từng bước đi vào cuộc sống.

Chất lượng giáo dục ổn định và phát triển theo định hướng của Nghị quyết 29-NQ/HNTW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Các mô hình học tập từ cơ sở: “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và “Đơn vị học tập” đã đi vào thực tiễn cuộc sống của người dân, góp phần xác định con đường xây dựng xã hội học tập ở địa phương. Nhân thức về xây dựng xã hội học tập trong đội ngũ cán bộ các cấp và nhân dân đầy đủ và trách nhiệm hơn,...

Xác định tầm quan trọng của Quyết định số 89/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Hội Khuyến học tỉnh Lâm Đồng đã phối hợp với Sở GDĐT tham mưu với UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1868/QĐ-UBND ngày 23/9/2013 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020”. Quyết định đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành, đoàn thể và UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch xuyên suốt từ năm 2012-2020; Giao Sở GDĐT là cơ quan thường trực và Hội Khuyến học tỉnh Lâm Đồng làm vai trò nòng cốt trong công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT tham mưu, hướng dẫn, tuyên truyền và tập huấn đến tận cơ sở và các tầng lớp nhân dân.

Mặc khác, Hội Khuyến học còn được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện Quyết định số 281/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020”.

Để thực hiện tốt Quyết định số 89/QĐ-TTg và Quyết định số 281/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Hội Khuyến học tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với Sở GDĐT, cụ thể:

Một là, tham mưu với UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1868/QĐ-UBND ngày 23/9/2013 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây

dựng XHHT giai đoạn 2012-2020” trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 27/5/2014 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án 281/QĐ-TTg; Kế hoạch số 2547/KH-UBND ngày 13/5/2016 về việc triển khai các mô hình học tập ở cơ sở giai đoạn 2016-2020 và xây dựng mô hình điểm “Cộng đồng học tập” cấp xã năm 2016.

Hai là, tổ chức, tuyên truyền, tập huấn: Hội Khuyến học tỉnh Lâm Đồng đã phối hợp với Sở GDĐT biên soạn tài liệu tập huấn hàng năm. Mỗi năm tổ chức 02-03 lớp tập huấn ở cấp tỉnh, cấp huyện; Tổ chức tập huấn đến tận cơ sở cấp xã và thôn tại các trung tâm học tập cộng đồng.

Các bài viết chuyên đề truyền truyền trên Báo Lâm Đồng, Đài Phát thanh và Truyền hình Lâm Đồng, thông tin Nội bộ của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, qua Email của Hội Khuyến học cấp huyện và Phòng GDĐT...

Ba là, phối hợp kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các mô hình xây dựng xã hội học tập tại cơ sở; Hội nghị giao ban các Cụm để trao đổi học tập kinh nghiệm.

Bốn là, tham mưu UBND tỉnh sơ kết hàng năm và tổng kết 5 năm; Khen thưởng tập thể và cá nhân trong phong trào thi đua khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

Năm là, xây dựng quỹ khuyến học các cấp khen thưởng cho học sinh giỏi các cấp, cấp học bổng cho học sinh nghèo khó khăn học tập tiến bộ; hỗ trợ phong trào thi đua “Hai tốt” của ngành Giáo dục.

Ngoài ra, Hội Khuyến học tỉnh còn phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp... xây dựng phong trào “Cả nước trở thành xã hội học tập” như: Hội Cựu chiến binh tổ chức chuyên đề nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên về truyền thống quân đội nhân dân Việt Nam kết hợp với học tập thường xuyên, học tập suốt đời; Hội Liên hiệp phụ nữ với phong trào “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”; Hội Nông dân tổ chức tập huấn khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp công nghệ cao; Liên đoàn Lao động triển khai các hoạt động học tập thường xuyên, học tập suốt đời trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp... Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với phong trào học tập vì ngày mai lập nghiệp và khởi nghiệp trong doanh nhân trẻ.

Tóm lại, qua 8 năm triển khai thực hiện Quyết định số 89/QĐ-TTg, sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa Hội Khuyến học tỉnh với Sở GDĐT Lâm Đồng đã góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh, đặc biệt với phong trào xây dựng nông thôn mới và xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Truyền thống hiếu học trong gia đình, dòng họ, cộng đồng được nhân rộng, việc học tập không chỉ gói gọn trong nhà trường mà còn mở rộng ra các cơ quan, đơn vị, khu dân cư, học mọi nơi, mọi lúc, dưới mọi hình thức, góp phần nâng cao trình độ, nhận thức của nhân dân, bước đầu xây dựng xã hội học tập ở cơ sở với nhiều kết quả khả quan làm tiền đề cho công cuộc xây dựng đất nước trong thời kỳ mới./.

KINH NGHIỆM ĐIỀU TRA NGƯỜI MÙ CHỮ, VẬN ĐỘNG, TỔ CHỨC LỚP HỌC XÓA MÙ CHỮ CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI TỈNH LÀO CAI

Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai

(Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai)

I. Đặc điểm tình hình chung

Lào Cai là tỉnh miền núi, biên giới phía Tây Bắc của Tổ quốc. Toàn tỉnh có 08 huyện, 01 thành phố; dân số 68 vạn người, dân tộc thiểu số chiếm 64,9%; trong đó dân tộc Mông chiếm 23,78%, dân tộc Tày chiếm 15,84%, dân tộc Dao chiếm 14,05%, dân tộc Giáy 4,7%, dân tộc Hà Nhì 0,83% ...nên công tác xóa mù chữ (XMC) gặp nhiều khó khăn.

Trong những năm qua, Lào Cai đã đạt những thành tựu quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt công tác Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Lào Cai đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể như: mạng lưới trường lớp phát triển rộng khắp, hầu hết các thôn, bản đều có trường, lớp mầm non, tiểu học; 100% xã có trường trung học cơ sở; tất cả các huyện đều có từ 2 trường trung học phổ thông trở lên đáp ứng được nhu cầu học tập của con em nhân dân trên địa bàn tỉnh. Năm 2000, tỉnh Lào Cai đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học - XMC, năm 2005 đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, năm 2007 đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở, năm 2013 đạt chuẩn phổ cập giáo dục trẻ mầm non 5T. Hiện nay có 164/164 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 (100%). Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia và giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt được nhiều kết quả; chất lượng giáo dục ngày càng được nâng lên. Đó là những điều kiện quan trọng để đẩy mạnh công tác chống mù chữ trên địa bàn tỉnh.

1. Thuận lợi

Triển khai công tác XMC, xây dựng xã hội học tập (XHHT) giai đoạn này thuận lợi là có sự chỉ đạo mạnh mẽ của Đảng, Chính phủ, Bộ GDĐT, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và hệ thống chính trị địa phương chỉ đạo sát sao, tích cực vào cuộc. Đặc biệt vai trò cấp ủy Đảng, chính quyền tại cơ sở, trường thôn, BTCB thôn vào cuộc tích cực, sát sao, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ XMC.

Ngày 18/6/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đã ban hành Quyết định số 1822/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “XMC và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2015-2020” với mục tiêu mỗi năm XMC cho 2.500-3.000 người trong độ tuổi 15-60.

Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục tỉnh, Sở GDĐT và các ngành thành viên đã tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương và ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo công tác phổ cập giáo dục, XMC đảm bảo thực hiện công tác XMC hiệu quả.

Hằng năm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch phân bổ chỉ tiêu kinh phí theo dự toán cho các huyện; chỉ đạo phòng GDĐT huyện, thành phố trong sử dụng nguồn kinh phí được cấp phục vụ cho công tác XMC, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ (GDTTSKBC) đảm bảo theo quy định; hướng dẫn các đơn vị xây dựng, duyệt, giao kế hoạch cụ thể mở lớp XMC tại các thôn, bản.

2. Khó khăn, tồn tại

- Địa hình đồi núi phức tạp, dân cư sống phân tán, xa trường học, các lớp XMC và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ chủ yếu vào buổi tối nên rất khó khăn trong huy động người học ra lớp.

- Người mù chữ phần lớn là người dân tộc thiểu số, ở độ tuổi từ 36-60; chủ yếu là phụ nữ và trẻ em gái sống ở vùng sâu, vùng xa, khó khăn; thuộc hộ nghèo, sống rải rác nhiều thôn, bản cách xa nhau nên một số nơi duy trì chuyên cần khó khăn, chất lượng chưa đồng đều.

- Là lao động chính và thường xuyên đi làm thuê xa nhà, lên nương làm rẫy nên không có nhiều thời gian dành cho học tập. Một bộ phận nhỏ dân cư chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa của việc biết chữ nên không có nhu cầu đi học. Một số nơi duy trì chuyên cần khó khăn, ảnh hưởng lớn đến công tác huy động, duy trì số lượng và đảm bảo tỷ lệ chuyên cần của các học viên tham gia các lớp XMC.

II. Giải pháp đã triển khai thực hiện và kết quả đạt được

1. Tuyên truyền, chỉ đạo

- Chỉ đạo tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền phong phú trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các nhà trường, cơ quan, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang, khu dân cư; qua các hội nghị, hội thảo, sinh hoạt chi đoàn, chi hội, đoàn thể, mạng internet. Tổ chức tuyên truyền xây dựng XHHT thông qua phong trào xây dựng gia đình hiếu học, dòng họ khuyến học, phát động phong trào đơn vị học tập, cộng đồng học tập. Cùng cố tổ chức Hội khuyến học từ huyện đến cơ sở.

- Trong thời gian qua, các cơ quan báo đài của tỉnh, của trung ương vào cuộc tuyên truyền mạnh mẽ với nhiều bản tin, phóng sự của các báo đài Lào Cai, báo Nhân dân, báo Dân tộc Miền núi, Thông tấn xã Việt Nam,...

- Tổ chức tuyên dương, khen thưởng các đơn vị và cá nhân có nhiều thành tích trong công tác XMC: Năm 2017 đề xuất Hội Khuyến học tỉnh

khen thưởng 30 học viên có thành tích học tập tốt (huyện Bát Xát); năm 2018 Bộ GDĐT tặng Bằng khen tập thể, cá nhân tiêu biểu trong công tác XMC theo Công văn số 1934/BGDĐT-GDĐT ngày 15/5/2018 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn lựa chọn, vinh danh tập thể, cá nhân điển hình trong công tác XMC (huyện Sa Pa, TP Lào Cai và huyện Bát Xát).

- Nâng cao hiệu quả công tác phổ cập giáo dục - XMC, kết hợp tổ chức các lớp tập huấn tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm duy trì bền vững kết quả biết chữ, từng bước xóa đói, giảm nghèo cho bà con vùng biên giới. Sở GDĐT phối hợp với Bộ đội biên phòng tỉnh chỉ đạo thực hiện đẩy mạnh mở lớp XMC và đẩy mạnh tuyên truyền tại các xã, thôn có đường biên giới, dân tộc thiểu số sinh sống.

+ *Kết quả đạt được:*

Nhận thức về nhiệm vụ XMC của lãnh đạo các cấp và nhân dân có sự chuyển biến mạnh mẽ. Kết quả XMC giúp cho việc tuyên truyền pháp luật, đường lối chủ trương của Đảng, Nhà nước, bảo vệ biên giới quốc gia hiệu quả, đảm bảo các thông tin về xây dựng XHHT đến được với người dân, đã gắn việc thực hiện nhiệm vụ XMC với phát triển bền vững phong trào xây dựng XHHT.

Người dân nhận thức được việc biết chữ là cơ hội tiếp cận với công nghệ thông tin, tài liệu, sách báo, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong phát triển kinh tế gia đình; chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng đời sống nên nhu cầu học tăng cao, nhiều nơi tạo thành phong trào học XMC; số người được XMC trên toàn tỉnh đạt và vượt kế hoạch.

Trung tâm học tập cộng đồng có những chuyển biến tích cực trong thực hiện tổ chức nhiệm vụ XMC; lãnh đạo trung tâm thay đổi nhận thức vai trò của trung tâm đối với việc nâng cao dân trí, phát triển kinh tế (đặc biệt là kinh tế hộ gia đình) trên địa bàn tỉnh.

2. Điều tra người mù chữ

Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đã chỉ đạo các trung tâm học tập cộng đồng phối hợp với các ban, ngành địa phương, các đơn vị trường học trên địa bàn tổ chức điều tra thống kê, khảo sát người mù chữ trên địa bàn, nắm rõ địa chỉ, thông tin cụ thể của từng cá nhân, từng hộ gia đình làm căn cứ xây dựng kế hoạch thực hiện công tác XMC nhằm huy động tối đa người mù chữ ra lớp.

3. Tổ chức và quản lý lớp học XMC

- Chỉ đạo phòng GDĐT tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, thành phố kiện toàn Ban chỉ đạo đổi mới giáo dục. Ban chỉ đạo xây dựng quy chế hoạt động, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên trong Ban chỉ đạo

phụ trách các xã, thôn. Quy định rõ chế độ kiểm tra, hội họp, báo cáo. Thực hiện sơ kết, tổng kết theo quy định để kiểm điểm rút kinh nghiệm và đề ra các giải pháp thực hiện cho từng giai đoạn tiếp theo.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn rà soát, điều tra, nắm chắc từng đối tượng người mù chữ theo độ tuổi để xây dựng kế hoạch huy động, mở các lớp XMC, GDTTSKBC sát với tình hình thực tế địa phương, đảm bảo tiến độ mục tiêu kế hoạch về công tác XMC, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ cho từng năm và cả giai đoạn. Thường xuyên kiểm tra, đối chiếu kết quả thực tế với mục tiêu kế hoạch đề án để tăng cường các biện pháp huy động người mù chữ đi học nhằm đảm bảo mục tiêu đề ra và góp phần nâng cao trình độ dân trí cho người dân.

- Hàng năm Sở GDĐT duyệt chỉ tiêu mở các lớp XMC, GDTTSKBC với phòng GDĐT huyện, TP; thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra tiến độ mở lớp; hiệu quả công tác duy trì số lượng và tỷ lệ chuyên cần, chất lượng nghiệm thu các lớp XMC, GDTTSKBC để đảm bảo được mục tiêu kế hoạch tỉnh giao.

- Chỉ đạo điều tra thống kê, khảo sát người mù chữ trên địa bàn, nắm rõ địa chỉ cụ thể của từng cá nhân làm căn cứ xây dựng kế hoạch, huy động người mù chữ ra lớp. Tổ chức tập huấn cho lãnh đạo, cán bộ phụ trách XMC của các TTHTCD, giáo viên, trong đó chú trọng tập huấn nâng cao hiệu quả công tác vận động người mù chữ ra lớp, duy trì tỷ lệ chuyên cần; đổi mới phương pháp dạy học XMC cho người lớn. Phân công đủ giáo viên giảng dạy và chủ nhiệm quản lý các lớp.

- Hoàn thiện hồ sơ XMC; cập nhật, rà soát phiếu điều tra hộ gia đình và cập nhật phần mềm phổ cập giáo dục thường xuyên kiểm tra, giám sát, duy trì số lượng, nâng cao chất lượng; quan tâm, động viên về tinh thần, vật chất cho giáo viên, học viên các lớp XMC. Thực hiện giảng dạy XMC, GDTTSKBC phù hợp với công việc, tập quán, đặc trưng của đồng bào vùng cao, người dân tộc thiểu số.

- Phòng GDĐT huyện, thành phố cung cấp văn phòng phẩm, sách, tài liệu học tập cho học viên, giáo viên; chỉ đạo các đơn vị trường học bố trí, phân công giáo viên giảng dạy tại các lớp XMC&GDTTSKBC có năng lực chuyên môn, trách nhiệm, cam kết về chất lượng giảng dạy; tổ chức nghiệm thu đúng quy định của Bộ GDĐT.

- Thực hiện tốt quy trình kiểm tra, đánh giá, công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục XMC theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT; Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Chỉ đạo kiểm tra đánh giá công tác phổ cập XMC từ cấp xã, đến cấp huyện; tổ chức đánh giá sơ kết, tổng kết tại Ủy ban nhân dân tỉnh vào tháng 6, tháng 12 hằng năm. Chỉ đạo các đơn vị rà soát, điều tra từng hộ gia đình,

cập nhật thông tin, số liệu vào phiếu điều tra và phần mềm PCGD của Bộ Giáo dục cơ bản đảm bảo, chính xác.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách về công tác XMC, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ theo các văn bản quy định hiện hành.

- Về việc đánh giá xếp loại học viên hoàn thành chương trình XMC, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ: Thực hiện theo Quyết định số 79/2008/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2008 của Bộ GDĐT về Quy định đánh giá và xếp loại học viên học Chương trình XMC, GDTTSKBC.

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên tham gia XMC

- Đến nay có khoảng 600 cán bộ, giáo viên, đoàn viên tham gia phụ trách lớp học, huy động và dạy học XMC, trong đó có 20 đồng chí cán bộ biên phòng và một số thanh niên, còn lại là 585 giáo viên. Hàng năm các đơn vị trường học phối hợp hỗ trợ cử giáo viên biết nói tiếng dân tộc, giáo viên là người địa phương nắm được các phong tục tập quán, có kinh nghiệm trong công tác dân vận, có trình độ chuyên môn tốt, tâm huyết, tách nhiệm, nhiệt tình để vận động người dân còn mù chữ ra lớp và đảm bảo chất lượng dạy học tại các lớp XMC.

- Công tác bồi dưỡng giáo viên về phương pháp dạy học người lớn được sở GDĐT chú trọng, mời Bộ GDĐT tổ chức tập huấn trên 1.000 học viên. Việc dạy – học tiếng dân tộc Mông trong những năm qua được đẩy mạnh, hàng trăm giáo viên đã học và có chứng chỉ tiếng Mông nên việc dạy học XMC ở vùng đồng bào Mông thuận lợi hơn giai đoạn trước.

- Các giáo viên dạy lớp XMC được trang bị đầy đủ văn phòng phẩm, sách giáo khoa, sách giáo viên, được tập huấn về phương pháp dạy học XMC cho người lớn; phương pháp kỹ năng giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật để thực hiện hiệu quả chương trình dạy tại các lớp XMC, GDTTSKBC.

5. Đánh giá về chất lượng dạy và học XMC

- Các lớp học XMC được tổ chức tập trung chủ yếu vào buổi tối từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). Học sinh từ lớp 5 trở lên hướng dẫn, kèm cặp ông bà, bố mẹ, người thân. Vì thế chất lượng học tập của học viên các lớp XMC, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ cơ bản đảm bảo; đạt yêu cầu tối thiểu của chương trình; trên 90% hoàn thành chương trình XMC, GDTTSKBC. Số học sinh không hoàn thành chương trình các năm:

Tính đến tháng 6 năm 2019 huy động được 1.784 học viên ra lớp, nâng tổng số huy động học viên cả giai đoạn lên 12.215 học viên; đã XMC cho 10.531 người trong độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi (gồm cả XMC và giáo

đục tiếp tục sau khi biết chữ) đạt 84,2% so với mục tiêu kế hoạch đề án giai đoạn 2015-2020, nâng tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15 đến 60 tuổi đạt 93.89%. Trong đó có tỷ lệ người dân tộc biết chữ trong độ tuổi là 92%; nữ dân tộc biết chữ là 48%.

Số xã đạt chuẩn mức độ 1 là 10 xã, mức độ 2 là 154 xã, phường, thị trấn; số huyện đạt chuẩn mức độ 1 là 2 huyện, mức độ 2 là 7 huyện, thành phố.

Sau khi học xong chương trình học viên có những kiến thức, kỹ năng cơ bản để vận dụng vào trong sản xuất kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống. Các Trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn huyện, thành phố đã phối hợp với các ban ngành mở các lớp học nghề, các lớp học chuyên đề về chăn nuôi, trồng trọt, y tế, tuyên truyền pháp luật; các hoạt động văn hóa thể dục thể thao cho người dân trên địa bàn trong đó chú trọng giúp người mới biết chữ có tài liệu đọc hấp dẫn, thiết thực, củng cố kỹ năng đọc, viết, hạn chế mù chữ trở lại.

III. Đánh giá chung

1. Đánh giá chung về tình hình thực hiện chương trình XMC

- Công tác XMC, GDTTSKBD từ năm 2016 đến năm 2020 toàn tỉnh đều thực hiện vượt và đạt chỉ tiêu so với kế hoạch hàng năm Đề án.

- Nhiều huyện rất tích cực vào cuộc, các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể đã quan tâm chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác XMC, GDTTSKBC. Nêu cao vai trò của Bí thư Chi bộ thôn, trưởng thôn, bản vào cuộc, huy động người mù chữ ra lớp nên tạo được chuyển biến rõ rệt và thành phong trào học sâu rộng.

- Về chất lượng khảo sát với các lớp:

+ Học hết lớp 3 (mức độ 1) đảm bảo 100% người học biết đọc, viết và tính toán cơ bản.

+ Học viên học lớp 4,5 (mức độ 2): Học viên đọc tốt, viết tốt, biết diễn đạt, trình bày đảm bảo 98% (qua kiểm tra khảo sát bằng phiếu khai thông tin, lý lịch học viên của Sở).

- Về chương trình thời lượng: Học xong mức độ 1 = 750 tiết theo chương trình XMC của Bộ GD gồm các lớp 1,2,3 tối thiểu là 8 tháng; mức 2 = 540 tiết gồm lớp 4,5. Trên thực tế nhiều lớp kéo dài 9-10 tháng do điều kiện thời tiết, mùa vụ, lễ hội ...

* Với hoạt động TTHTCĐ

- Nhiều TTHTCĐ đã mở các lớp XMC lấy thôn làm nòng cốt, đưa Trưởng thôn vào cuộc (làm công tác huy động người mù chữ ra lớp, quản lý lớp) và có sự quan tâm chỉ đạo của Bí thư chi bộ thôn, trưởng thôn nên

đã tạo được sự chuyển biến tích cực về nền nếp, chất lượng như xã Hợp Thành, Đồng Tuyển, Tả Phời (TP Lào Cai), xã Nậm Sài, Thanh Kim (huyện Sa Pa), xã Điện Quang, Kim Sơn, Bảo Hà, Cam Cọn (huyện Bảo Yên); Sàng Ma Sáo, Quang Kim, Trịnh Tường (huyện Bát Xát), xã Bản Lầu, Nậm Lư (huyện Mường Khương) ...

- Kết quả học viên học XMC và GDTTSKBC tại các trung tâm học tập cộng đồng 80% người học XMC, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ đã tham gia các lớp cập nhật kiến thức kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, được tiếp cận với công nghệ thông tin, tài liệu, sách báo, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong phát triển kinh tế gia đình; tham gia nhiều lớp học như các lớp tuyên truyền, phổ biến, cập nhật kiến thức. Tuyên truyền phòng tránh đói, rét cho gia súc, gia cầm; tuyên truyền nạn tảo hôn, xuất khẩu lao động tại Hà khẩu Trung Quốc; kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống cháy rừng, phòng chống bạo lực gia đình, kỹ thuật chăm sóc hoa lan, mô hình trồng rau sạch; lớp dạy thêu, dệt vải, các mô hình du lịch cộng đồng home stay...), các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao (Hát giao duyên của dân tộc Dao, học đàn tính của dân tộc Tày, mở các lớp dạy múa khèn và sêng tiêng cho học sinh các trường học trên địa bàn xã)...

- Nhiều huyện đã chi nguồn kinh phí hỗ trợ thường xuyên cho TTHTCD sử dụng, thực hiện theo kế hoạch đã xây dựng và duyệt từ đầu năm nên các trung tâm tích cực hơn trong tổ chức hoạt động nói chung và tổ chức các lớp XMC nói riêng.

- Công tác biệt phái giáo viên làm việc tại TTHTCD của một số huyện đã được thực hiện và đạt hiệu quả như huyện Bảo Yên, Bảo Thắng, Sa Pa.

- Phối hợp với Bộ đội biên phòng tại các huyện biên giới hiệu quả: Bảo Thắng, Bát Xát, Mường Khương.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế:

- Các huyện biên giới người rời khỏi địa phương đi sang Trung Quốc lao động nhiều nên khó khăn cho việc huy động, duy trì số lượng học viên các lớp XMC; các huyện có tỷ lệ lớn xã vùng cao, vùng dân tộc thiểu số cộng với khí hậu khắc nghiệt, địa hình chia cắt cũng khó khăn cho việc duy trì tỷ lệ chuyên cần. Với người học là người lớn tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số, ảnh hưởng tới chất lượng giảng dạy và học tập dẫn tới thời gian nghiệm thu các lớp kéo dài.

- Công tác kiểm tra, đôn đốc của một số huyện còn ít nên hiệu quả ở một số lớp chưa như mong đợi, một số cán bộ chuyên môn Phòng GDĐT còn lúng túng.

2.2. Nguyên nhân

- Công tác phối hợp chỉ đạo các cấp còn chưa đồng bộ; nhận thức của lãnh đạo một số huyện chưa thực sự sâu sắc dẫn đến việc chỉ đạo chưa ráo riết, quyết liệt.

- Những vùng tập trung nhiều người mù chữ là những vùng kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo đói còn cao. Người mù chữ phần lớn là người dân tộc thiểu số, nhiều tuổi; Họ quan niệm về giới chưa thực sự bình đẳng, là phụ nữ và trẻ em gái sống ở vùng sâu, vùng xa, khó khăn, sống rải rác nhiều thôn, bản.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên chuyên trách GDTX nói chung còn mỏng, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, còn lúng túng, hạn chế về phương pháp cho đối tượng người lớn.

- Thời tiết khắc nghiệt, đi lại khó khăn cùng với tâm lý ngại học, nhận thức hạn chế nên việc huy động các đối tượng này đi học gặp rất nhiều trở ngại, ảnh hưởng đến duy trì nền nếp, chất lượng.

- Tỷ lệ người dân tộc tái mù chữ cao do học xong không sử dụng tiếng Việt.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Đề án những năm tiếp theo

1. Phương hướng, nhiệm vụ:

- Phát huy ưu điểm của các giải pháp đã triển khai trong giai đoạn 2013-2020:

- + Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, quản lý của chính quyền các cấp đối với công tác XMC và XHHT.

- + Tiếp tục chỉ đạo TTHTCD xây dựng kế hoạch, duyệt và giao kế hoạch cho TTHTCD hoạt động; đẩy mạnh mở lớp XMC và GDTTSKBC, lấy thôn làm đơn vị chủ yếu để chỉ đạo điều tra, mở lớp, duy trì nền nếp, đặc biệt vai trò, trách nhiệm và sự vào cuộc của Bí thư chi bộ, trưởng thôn, bản, tổ dân phố.

- + Thực hiện giảng dạy XMC và GDTTSKBC sát thực tế, phù hợp với công việc, tập quán, đặc trưng của đồng bào vùng cao, người dân tộc thiểu số sinh sống rải rác, kinh tế còn nhiều khó khăn.

- Nhân rộng các mô hình thí điểm có hiệu quả: Tiếp tục nhân rộng mô hình lựa chọn học sinh tình nguyện vận động và giúp đỡ bố mẹ, anh chị, hàng xóm học tại nhà (theo mô hình con cháu dạy cho bố mẹ, ông bà...).

- Tiếp tục đẩy mạnh phối hợp với các lực lượng xã hội như Bộ đội biên phòng, Hội Phụ nữ, Hội Khuyến học, Đoàn thanh niên...với những nhiệm vụ cụ thể (tham gia điều tra, khảo sát; huy động người mù chữ ra

lớp; xây dựng kế hoạch mở lớp và tham gia giảng dạy; khen thưởng, tặng quà, hỗ trợ học viên nghèo vượt khó...).

- Nghiên cứu tham mưu với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung chế độ, chính sách hỗ trợ người dạy, người học XMC; hỗ trợ người tham gia công tác XMC không hưởng lương từ ngân sách nhà nước (già làng, trưởng bản, sinh viên, học sinh...).

- Phát động phong trào và tổ chức cho học sinh, sinh viên tình nguyện tham gia XMC trong dịp hè.

2. Giải pháp

- Làm tốt công tác tham mưu cho các cấp ủy Đảng, chính quyền, tăng cường công tác tuyên truyền, sự đồng thuận vào cuộc của các đoàn thể, các lực lượng xã hội trong tổ chức các lớp XMC và GDTTSKBC.

- Triển khai các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của TTHTCĐ. Điều động giáo viên làm việc tại TT; biệt phái giáo viên giảng dạy các lớp XMC và GDTTSKBC.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở. Phát huy tốt vai trò trưởng thôn, bí thư chi bộ thôn, bản, tổ dân phố trong tổ chức mở lớp XMC.

- Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục, tạo sự đồng thuận, ủng hộ về tinh thần, vật chất của nhân dân.

- Có giải pháp đảm bảo kinh phí để thực hiện công tác XMC, động viên về vật chất và tinh thần đối với người dạy và người học.

- Đổi mới phương pháp dạy XMC: dạy XMC gắn với phát triển cộng đồng (XMC để ứng dụng trong cuộc sống, như: biết chữ để đọc sách báo, sử dụng điện thoại, hiểu các nhãn mác sản phẩm, tính toán làm ăn, buôn bán...).

HOẠT ĐỘNG ĐA DẠNG, HIỆU QUẢ TẠI TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG XÃ PHỐ BẢNG, HUYỆN ĐỒNG VĂN, TỈNH HÀ GIANG

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang

(Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn)

I. Khái quát chung

Phố Bảng là một xã biên giới, vùng sâu nằm ở phía Tây Nam của huyện Đồng Văn, cách huyện lỵ 32 km, phía Bắc giáp với Trấn Đồng Cán huyện Ma Li Pho tỉnh Vân Nam Trung Quốc, phía Đông giáp với xã Phố Cáo, phía Tây giáp với xã Phố Là huyện Đồng Văn. Thị trấn Phố Bảng quản lý 1937m đường biên giới Quốc gia với 08 cột mốc (từ mốc 391 đến mốc 394), thị trấn có 4 thôn và 02 khu phố, trong đó có 01 thôn giáp biên giới (Thôn Tả Kha).

Tổng số diện tích tự nhiên là 1384 ha trong đó: Đất sản xuất nông nghiệp là 449,69 ha, đất rừng phòng hộ là 235,5 ha; đất phi nông nghiệp là 34 ha, còn lại là đồi, núi đá.

Thị trấn Phố Bảng đã từ lâu được ví là thị trấn (ngủ quên) nằm cách đường quốc lộ 4C khoảng 5 km. Toàn thị trấn Phố Bảng 8 dân tộc sinh sống, gồm các dân tộc chủ yếu là dân tộc Mông, Hoa, Hán, chiếm phần lớn dân tộc Lô Lô, Pu Páo....

Về văn hóa, giáo dục: Thị trấn Phố Bảng có hệ thống trường lớp khá đồng bộ, có trường mầm non, trường tiểu học, trường phổ thông dân tộc nội trú. Hệ thống trường lớp đã đóng góp một phần lớn vào quá trình nâng cao trình độ văn hóa cho người dân, góp phần đào tạo nguồn nhân lực có trình độ trong tương lai cho thị trấn.

II. Thuận lợi, khó khăn

1. Thuận lợi

Có hệ thống văn bản chỉ đạo cụ thể về công tác triển khai thực hiện xây dựng xã hội học tập (XHHT), tổ chức hoạt động tại trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCĐ).

Trung tâm đã được đầu tư về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu phục vụ hoạt động.

Luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, đặc biệt là sự quan tâm của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc cũng như sự hỗ trợ nhiệt tình của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội huyện, xã vì vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho TTHTCĐ nâng cao hiệu quả hoạt động.

2. Khó khăn

Một bộ phận nhân dân trong thị trấn chưa ý thức được việc học tập nâng cao trình độ là yêu cầu cấp thiết, là điều kiện giúp người dân thoát khỏi đói nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống gia đình; trình độ dân trí chưa đồng đều, nhận thức của người dân chưa cao; phong tục tập quán còn lạc hậu.

Một số gia đình còn trọng nam khinh nữ, sinh đẻ nhiều không kiểm soát được, do nhận thức chưa cao trong thâm tâm luôn muốn phải có con trai và từ đó đẻ nhiều, đẻ đến khi phải có con trai mới thôi, không đi làm được dẫn đến cái đói nghèo đeo bám trong nhiều năm liên tục. Từ đó dẫn đến không ai làm việc phải bắt trẻ em trong độ tuổi đi học phải ở nhà trông em.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị đã cơ bản được trang cấp đủ nhưng nhìn chung so với yêu cầu vẫn chưa đáp ứng được công việc chuyên môn của TTHTCD.

Điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt về mùa đông trời rét đậm, rét hại, kéo dài, đường vào các thôn bản vào mùa mưa hay sạt lở ảnh hưởng lớn đến công tác triển khai nhiệm vụ của TTHTCD.

III. Kết quả tổ chức hoạt động

Tại địa bàn thị trấn Phố Bả, đa số người dân một năm trồng một vụ ngô để nuôi sống cả gia đình trong một năm nên thường xuyên thiếu đói trong năm. Vì vậy công tác tuyên truyền cho bà con đi học lớp trồng các loại rau sạch, các lớp học cắt may, lớp nuôi ong, lớp chăn nuôi gia súc gia cầm nâng cao đời sống là rất cần thiết.

Tuy nhiên thực trạng người dân của địa bàn ban ngày đi làm nương, không có thời gian đi nghe tuyên truyền vì thế trung tâm phải tổ chức vào các buổi tối. Trong buổi tuyên truyền về công tác sinh đẻ có kế hoạch, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, an toàn giao thông, phòng chống buôn bán phụ nữ trẻ em qua biên giới, hôn nhân cận huyết thống, phòng chống tảo hôn, bạo lực gia đình, vượt biên trái phép.... Giáo viên biệt phái luôn phải tham mưu cho cấp ủy chính quyền địa phương triển khai bằng hình thức lồng ghép và giao cho các đơn vị trường học, các câu lạc bộ, các ban ngành đoàn thể xây dựng tiêu phẩm, kịch bản sát với từng nội dung và lồng ghép vào các buổi tuyên truyền. Công tác tuyên truyền phải đa dạng và có hình ảnh minh họa, hay thông qua một số hộ gia đình, người tiêu biểu của xã, thôn, về cách làm kinh tế giỏi để tuyên truyền cho dân hiểu, dân nghe, dân áp dụng vào thực tế.

Tham mưu cho các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch tuyên truyền bằng hình thức mời bà con đến xem phim, xem văn

nghệ sau đó kết hợp triển khai các nội dung của TTHTCĐ, nhiều lúc phải nhờ đến câu lạc bộ liên thế hệ giúp đỡ trong việc đưa văn hóa truyền thống vào các buổi tuyên truyền, từ đó thu hút được đông đảo người dân đến xem.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ tại TTHTCĐ, người giáo viên biệt phái phải năng động, tâm huyết với nghề, nắm bắt và triển khai kịp thời các văn bản, hướng dẫn của cấp trên, làm tốt công tác tuyên truyền và tổ chức các lớp học XMC, các lớp học nghề..., nhà nước hỗ trợ về giống, cử cán bộ hướng dẫn từ đó nhân dân mới áp dụng kỹ thuật đã được học vào thực tế sản xuất. Khi bà con tạo ra sản phẩm từ học nghề tại trung tâm thì cán bộ TTHTCĐ phải giúp bà con tìm đầu ra cho sản phẩm...

Khi mở các lớp học nghề, như cắt may đòi hỏi người cán bộ trung tâm phải rà soát nhu cầu học tập của người dân, xây dựng kế hoạch phối hợp với trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên (GDTX) huyện mở lớp học và chi trả chế độ cho học viên, đặc biệt phải cho học viên học cắt may các mặt hàng phù hợp với cách ăn mặc, trang phục của người dân, đặc biệt đào tạo được nghề và truyền nghề cho một số người dân ở các xã lân cận...

Vấn đề an toàn giao thông tại địa bàn thị trấn Phố Bàng cũng diễn ra rất phức tạp, để người dân hiểu về an toàn giao thông phải xây dựng kế hoạch gửi ra công an huyện Đồng Văn nhờ các đồng chí báo cáo viên xây dựng giáo án bằng hình ảnh minh họa, cử cán bộ vào các thôn bản trình chiếu vào các buổi chợ phiên, nhất là ngày chợ Trung Quốc và sử dụng loa di động để tuyên truyền tại vùng biên và phát các tờ rơi tại các đơn vị trường học.

Ngoài ra còn vận dụng kêu gọi các nhà đầu tư, các nhà hàng, xin kinh phí hỗ trợ và triển khai tới tất cả các đoàn thanh niên tại các thôn bản, các cơ quan đơn vị, trường học khu phố đóng góp tiền, công xuống thôn bản làm đường, sửa đường cho dân vào các ngày thứ 7, chủ nhật giúp dân xây dựng chuồng trại...

TTHTCĐ thị trấn Phố Bàng phối hợp với các đơn vị trường học xây dựng các nhóm truyền dạy dân ca, dân vũ, các bài võ thể dục tay không cho các cháu học sinh trong thời gian nghỉ hè do đồn biên phòng giúp lên lớp. Tham mưu và xây dựng kế hoạch mở các nhóm dân ca để lưu truyền và gìn giữ các nhóm dân ca, dân vũ.

Thành lập Câu lạc bộ liên thế hệ (*nằm trong độ tuổi từ 20 đến 70*) hiện tại câu lạc bộ đang hoạt động rất tốt và có hiệu quả như: giúp nhau phát triển kinh tế xóa đói giảm nghèo, hoạt động văn hóa văn nghệ thể dục dưỡng sinh và cũng là một cánh tay đắc lực cho hoạt động của TTHTCĐ tại thị trấn Phố Bàng.

Tổ chức các hoạt động giao lưu văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, đọc sách báo, tư vấn khuyến học, giáo dục cho con em nhân dân địa phương, phòng chống tệ nạn xã hội.

Trong các năm học, TTHTCĐ thị trấn Phố Bảg luôn làm tốt công tác phối hợp giữa TTHTCĐ với các cơ quan đơn vị: Công an huyện Đồng Văn, Đoàn biên phòng Phố Bảg, các đơn vị trường học trên địa bàn, trạm Khuyến nông - Khuyến lâm; Hội phụ nữ huyện; Huyện đoàn; Phòng tư pháp; Ban tuyên giáo; Phòng nông nghiệp; Phòng văn hóa; Trung tâm dạy nghề huyện cung cấp tài liệu cho các giáo viên, báo cáo viên. Phối hợp với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX huyện Đồng Văn mở các lớp học nghề ngắn hạn như: Lớp cắt may, lớp trồng rau an toàn, trồng khoai tây, chăn nuôi gia súc gia cầm, mở lớp học chữ và tiếng Mông cho các đồng chí cán bộ của thị trấn và các xã lân cận.

Xã Phố Bảg hiện đang duy trì kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, 100% trẻ mầm non trong độ tuổi đến lớp, từng bước nâng cao tỷ lệ phổ cập trung học cơ sở, huy động trẻ em trong độ tuổi phổ cập đã bỏ học quay trở lại lớp học đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch giao.

Năm học 2018-2019 TTHTCĐ thị trấn Phố Bảg đã phối hợp mở được các nhóm chuyên đề. Tổng số 47 lớp với 5.111 lượt người tham gia, cụ thể như sau:

- Tuyên truyền: 39 lớp với 4.805 lượt người tham gia
- Tập huấn: 4 lớp với 128 người tham gia
- Học nghề ngắn hạn: 3 lớp với 156 người tham gia
- Mở 01 lớp sau XMC với 22 học viên

IV. Bài học kinh nghiệm

Muốn người dân thị trấn Phố bảg thoát khỏi đói nghèo thì phải thay đổi được cách nhận thức của người dân và phải làm sao cho dân tin tưởng vào việc tổ chức hoạt động của trung tâm, tự giác tham gia các lớp học tập do trung tâm tổ chức.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức nhằm mở rộng hiểu biết, nâng cao nhận thức và cải thiện chất lượng cuộc sống của nhân dân trong cộng đồng; phối hợp triển khai các chương trình khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư và các dự án, chương trình tại địa phương.

Công tác điều tra nhu cầu học tập của người dân đòi hỏi người làm công tác điều tra nhu cầu phải thật tâm huyết, phải thường xuyên liên tục và gần với người dân, phải hiểu rõ địa bàn, tâm tư nguyện vọng của họ để xây dựng nội dung và hình thức học tập phù hợp với điều kiện cụ thể của từng nhóm đối tượng. Việc điều tra phải thực hiện linh hoạt như thông qua

các buổi họp thôn, các tổ chức đoàn thể, qua cán bộ khu phố, tổ nhân dân, các câu lạc bộ để từ đó nắm bắt nhu cầu học tập của người dân trên địa bàn để tham mưu với Ban giám đốc và xây dựng kế hoạch hoạt động sát với thực tế.

Ban chỉ đạo đổi mới giáo dục của xã phải quan tâm đến hệ thống GDTX ở cơ sở để nhân dân có điều kiện tham gia học tập, xây dựng kinh tế thoát khỏi đói nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống và tạo điều kiện để đáp ứng nhu cầu học tập của người dân theo phương châm “cần gì học nấy”, cho nhân dân trong thị trấn Phố Bàng.

Các ngành, đoàn thể phối hợp với TTHTCĐ vận động nhân dân tích cực học tập nâng cao dân trí, học nghề nhằm tăng năng lực sản xuất, chất lượng công việc và chất lượng cuộc sống. Gắn việc phát triển phong trào học tập với xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh với phong trào làm kinh tế giỏi, xóa đói, giảm nghèo và xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.

ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG NGƯỜI DÂN

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình
(Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình)

Hoà Bình là tỉnh miền núi thuộc vùng Tây Bắc, là cửa ngõ phía Tây của Thủ đô Hà Nội, cửa ngõ của vùng Tây Bắc có diện tích tự nhiên gần 4.600km², đơn vị hành chính bao gồm 10 huyện và 1 thành phố với 210 xã, phường, thị trấn. Dân số trên 88 vạn người, với 7 dân tộc cùng chung sống (*Mường, Kinh, Thái, Tày, Dao, Mông, Hoa*) trong đó dân tộc Mường chiếm trên 63%.

Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) của tỉnh Hoà Bình đã được chăm lo phát triển và đã đạt được những kết quả tốt. Công tác phát triển trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCĐ) được quan tâm: Tháng 10 năm 1998 trung tâm nghiên cứu xóa mù chữ và GDTX thuộc Viện khoa học giáo dục Việt Nam đã giúp tỉnh Hoà Bình xây dựng TTHTCĐ thí điểm tại xã Cao Sơn, huyện Đà Bắc. Đây là một trong hai TTHTCĐ (cùng với TTHTCĐ Phú Nhung, Lai Châu) được xây dựng thí điểm đầu tiên trong cả nước. Đến tháng 12/2006, toàn tỉnh Hòa Bình có 100% xã, phường, thị trấn có TTHTCĐ. Các TTHTCĐ đã đi vào hoạt động nền nếp và đã đạt được những kết quả thiết thực.

1. Trong những năm qua, tỉnh Hòa Bình đã tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp chủ yếu sau đây để nâng cao hiệu quả hoạt động của các TTHTCĐ

- Một là: *Đẩy mạnh tuyên truyền về vị trí, vai trò của TTHTCĐ.*
Tuyên truyền tới cán bộ chủ chốt toàn ngành GDĐT; với các đồng chí lãnh đạo tỉnh; các ban ngành, đoàn thể của tỉnh, của huyện, thành phố về vị trí, vai trò của TTHTCĐ trong việc xây dựng XHHT và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở các địa phương. Hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú như thông qua các báo, đài của tỉnh và địa phương; các website của ngành GDĐT, qua sổ tay; qua hội nghị, hội thảo, các cuộc tập huấn cho cán bộ quản lý các xã, phường, thị trấn, các thôn, xóm, tổ dân phố; đặc biệt mời các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, huyện, thành phố tới thăm các TTHTCĐ ... từ đó có sự ủng hộ, đồng thuận và tích cực tham gia chỉ đạo, thực hiện của lãnh đạo và người dân.

- Hai là: *Tham mưu, phối hợp ban hành văn bản chỉ đạo.*

+ Tỉnh ủy Hòa Bình ban hành Kết luận số 413/KL-TU ngày 16/5/2005 về xây dựng, củng cố và phát triển TTHTCĐ xã, phường, thị trấn; Ủy ban

nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị số 15/2005/CT-UBND ngày 9/8/2005 về việc xây dựng, củng cố và phát triển TTHTCĐ xã, phường, thị trấn; Quyết định số 1806/QĐ-UBND ngày 11/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ tham gia công tác quản lý TTHTCĐ, *theo đó Giám đốc TTHTCĐ hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm với hệ số 0,4 mức lương tối thiểu/ tháng và phó giám đốc là 0,3 mức lương tối thiểu/ tháng*; Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 26/01/2010 của Ủy ban nhân dân về việc đầu tư xây dựng các TTHTCĐ trên địa bàn tỉnh, *theo đó, mỗi huyện, thành phố được đầu tư kinh phí xây dựng 01 TTHTCĐ điểm với kinh phí bình quân 1,4 tỷ/1 TTHTCĐ*;

- Sở GDĐT phối hợp với Sở Tài chính ban hành hướng dẫn Liên Sở số 08/LS-TC-GDĐT ngày 06/10/2009, hướng dẫn chi kinh phí từ ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho TTHTCĐ, *mỗi TTHTCĐ được cấp từ 20 đến 25 triệu đồng/năm (tùy theo khu vực I, II, III) cho hoạt động thường xuyên của trung tâm và mua sắm trang thiết bị ban đầu, Giáo viên thường trực dạy chuyên đề được hưởng phụ cấp đứng lớp*.

- Sở GDĐT phối hợp với Sở Nội vụ ban hành hướng dẫn Liên Sở số 1957/LS-SNV-SGDĐT ngày 05/12/2008, hướng dẫn tổ chức, quản lý cán bộ của TTHTCĐ, *theo đó, mỗi TTHTCĐ có 01 đồng chí giám đốc là Chủ tịch (hoặc phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân cấp xã, 02 đồng chí Phó giám đốc là Hiệu trưởng trường Tiểu học (hoặc THCS) và Chủ tịch Hội khuyến học cấp xã. 01 đồng chí cán bộ thường trực là Giáo viên trường tiểu học (hoặc THCS) được biệt phái sang TTHTCĐ*.

- Ba là: Sở GDĐT tích cực chủ động trong chỉ đạo TTHTCĐ:

+ Tổ chức nhiều hội thảo cấp tỉnh bàn về các giải pháp phát triển TTHTCĐ; tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ cốt cán của các huyện, thành phố về tổ chức hoạt động TTHTCĐ hằng năm.

+ Ban hành quy định tiêu chí đánh giá xếp loại TTHTCĐ xã, phường, thị trấn; đồng thời hướng dẫn đánh giá xếp loại TTHTCĐ 2 lần/năm (tháng 6 và tháng 12); ban hành quy định hồ sơ quản lý và tổ chức hoạt động của TTHTCĐ; hướng dẫn các TTHTCĐ thành lập các Tổ giáo viên chuyên đề cấp huyện, cấp xã; phát triển các Câu lạc bộ phát triển cộng đồng thôn (bản, tổ); xây dựng TTHTCĐ điểm, nhân rộng mô hình tổ chức và hoạt động cho các TTHTCĐ trên địa bàn.

+ Tổ chức Hội thi Chủ nhiệm câu lạc bộ phát triển cộng đồng giỏi, báo cáo viên giỏi cấp tỉnh, cán bộ thường trực TTHTCĐ giỏi cấp tỉnh 2 năm một lần.

+ Hàng năm, tổ chức kiểm tra định kỳ, đánh giá hoạt động của TTHTCĐ; tổ chức Hội nghị tổng kết về công tác chỉ đạo và kết quả tổ chức hoạt động của TTHTCĐ.

- Bốn là: Phát triển các Câu lạc bộ phát triển cộng đồng thôn

Hiện tại, toàn tỉnh có 210 TTHTCĐ/210 xã, phường, thị trấn có 2045/2068 xóm, bản, tổ có Câu lạc bộ phát triển cộng đồng thôn với 4724 nhóm thành viên.

+ *Câu lạc bộ phát triển cộng đồng thôn* là một tổ chức sinh hoạt xã hội tự nguyện, tự quản ở cấp cơ sở được thành lập theo đơn vị hành chính thôn (xóm, bản, tổ) nhằm duy trì học tập suốt đời của mọi người.

+ *Mỗi thôn, xóm, bản, tổ dân phố thành lập một câu lạc bộ phát triển cộng đồng.* Chủ nhiệm câu lạc bộ là Trưởng thôn (xóm, bản, tổ); Phó chủ nhiệm là cán bộ Hội phụ nữ (Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh...); Hướng dẫn viên là giáo viên các trường trên địa bàn (các cán bộ nghỉ hưu, những người tình nguyện); Ủy viên là đại diện các nhóm người có cùng sở thích.

Như vậy, để TTHTCĐ phát triển bền vững, thì các Câu lạc bộ phát triển cộng đồng thôn (xóm, bản, tổ) phải duy trì tốt các hoạt động.

+ *Các hoạt động có thể triển khai tại các câu lạc bộ:* Triển khai các chương trình phát triển cộng đồng. Các buổi sinh hoạt câu lạc bộ sẽ tập trung chủ yếu vào việc xác định các vấn đề bức xúc, tồn tại trong cộng đồng mà cần phải giải quyết. Các thành viên câu lạc bộ cùng nhau phân tích và giải quyết các vấn đề của cộng đồng. Mọi kế hoạch hoạt động khác của câu lạc bộ sẽ tập trung xoay quanh những yêu cầu cần thiết để giải quyết những vấn đề này. Để duy trì tốt hoạt động của Câu lạc bộ, thì nguyên tắc xuyên suốt của Câu lạc bộ là công khai minh bạch, dân chủ và vì lợi ích của cộng đồng.

2. Một số kết quả đạt được

Sở GDĐT phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, các tổ chức xã hội đã xây dựng và triển khai nhiều chuyên đề tại TTHTCĐ: Kỹ thuật trồng ngô; Kỹ thuật chăn nuôi lợn; Kỹ thuật nuôi gà thả vườn; Kỹ thuật cải tạo vườn quả gia đình; Kỹ thuật trồng cây mía; Kỹ thuật trồng cây luống; Xây dựng gia đình văn hoá; Sức khoẻ gia đình; Nước uống, nước sạch; Luật bảo vệ và phát triển rừng; Luật đất đai; Luật hôn nhân và gia đình; giao thông đường; Những điều cần cho sự sống; Vai trò của người vợ, người mẹ; Giúp con học tốt lớp 1 ở gia đình; Kỹ thuật trồng cây có múi; kỹ thuật thâm canh cây đậu tương; Kỹ thuật chăn nuôi lợn nội, lợn ngoại; Vai trò của người phụ nữ; Dạy thêm học thêm; Nuôi con bằng sữa mẹ. Tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao; các hoạt động thông tin, tư vấn nhằm phát triển cộng đồng.

- Về đội ngũ được hình thành và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ:

+ *Về bộ máy quản lý:* Ban giám đốc TTHTCĐ của xã, phường, thị trấn được kiện toàn theo đúng quy định tại Quyết định hợp nhất số 10/VBHN-BGDĐT ngày 14/3/2014 của Bộ GDĐT ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của TTHTCĐ tại xã, phường, thị trấn.

Hiện tại, toàn tỉnh có 840 cán bộ quản lý, cán bộ thường trực tại TTHTCĐ: mỗi TTHTCĐ có 01 Giám đốc; 02 Phó giám đốc và 01 cán bộ thường trực (giáo viên được điều động làm việc tại TTHTCĐ).

+ *Bồi dưỡng đội ngũ:* Hàng năm, vào tháng 7 và tháng 8, Sở GDĐT tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho 100% cán bộ quản lý và cán bộ thường trực tại các TTHTCĐ về nghiệp vụ quản lý và tổ chức hoạt động. Các cán bộ thường trực tại phải tham gia bồi dưỡng thường xuyên theo quy định, nội dung bồi dưỡng tập trung vào các hoạt động TTHTCĐ.

+ *Thành lập đội ngũ giáo viên, hướng dẫn viên, cộng tác viên cấp huyện và cấp xã,* đội ngũ này hầu hết thực hiện kiêm nhiệm, là giáo viên, cán bộ của các ban ngành đoàn thể đang công tác hoặc đã nghỉ hưu, những người thợ, nghệ nhân có tay nghề, có kinh nghiệm... Đến nay, toàn tỉnh có 3.296 giáo viên, hướng dẫn viên, cộng tác viên dạy chuyên đề cấp huyện và cấp xã trong đó, đội ngũ cấp huyện 498 người, đội ngũ cấp xã 2.798 người.

- Về cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư:

Tính đến tháng 12/2020, toàn tỉnh có: 135/210 TTHTCĐ có trụ sở hoạt động riêng (bình quân mỗi TTHTCĐ xây dựng 3 đến 5 tỷ đồng); 210/210 TTHTCĐ đã khắc dấu; 107/210 TTHTCĐ đã mở tài khoản hoạt động; 210/210 TTHTCĐ có máy vi tính, trong đó có 100% TTHTCĐ có nối mạng internet phục vụ khai thác tài liệu hoạt động chuyên đề; 210 trung tâm kết nối với nhà văn hóa xã; 210/210 TTHTCĐ có tủ sách cộng đồng; 140/210 TTHTCĐ được trang bị loa, đài, tivi, các thiết bị nghe nhìn.

3. Đánh giá các hoạt động của TTHTCĐ tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế - văn hóa – xã hội của địa phương

- TTHTCĐ đã góp phần củng cố kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Ngoài việc tổ chức các lớp giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ theo nội dung, chương trình Quy định của Bộ GDĐT, các lớp giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ đã phát triển học thông qua học chuyên đề tại các TTHTCĐ theo hình thức không cấp lớp phù hợp với đối tượng và thu hút nhiều người theo học, góp phần quan trọng chống tái mù chữ cho học viên mới biết chữ. Tại thời điểm tháng 12/2020, tỉnh Hòa Bình có số người trong độ tuổi 15 – 60 biết chữ đạt 99.65%. Toàn tỉnh có 11/11 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 (trong đó có 3 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3) và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- TTHTCĐ góp phần ổn định chính trị - xã hội, xây dựng khối đoàn kết nội bộ trong nhân dân và mối liên kết giữa các đoàn thể, tổ chức xã hội trong cộng đồng xã, phường, thị trấn. Một trong những hoạt động thường xuyên của các TTHTCĐ là người dân được nghe báo cáo thời sự, chính trị, trao đổi, phổ biến các chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước; chủ trương của các ban ngành, đoàn thể và tổ chức chính trị, xã hội; thảo luận những chương trình công tác sắp triển khai của địa phương theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Từ đó quyền làm chủ của nhân dân được phát huy, mối quan hệ giữa chính quyền và quần chúng nhân dân thêm gắn bó. TTHTCĐ thực sự trở thành một công cụ thiết yếu của cấp uỷ, chính quyền cơ sở trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- TTHTCĐ góp phần nâng cao nhận thức cho người dân về hiến pháp và pháp luật. TTHTCĐ đã chú trọng mở các lớp phổ biến kiến thức về pháp luật: Pháp luật bảo vệ rừng, Luật Đất đai, Luật Hôn nhân gia đình, Luật Giáo dục, Luật nghĩa vụ quân sự, Luật Khiếu nại tố cáo, Luật Giao thông đường bộ, Luật Dân sự ... Thông qua học tập, người dân có thêm kiến thức, hiểu biết về pháp luật và làm theo pháp luật, đã góp phần giảm các vụ khiếu kiện vượt cấp, giảm tai nạn giao thông, giảm tỷ lệ phát triển dân số, giảm các vụ việc đốt phá rừng, giảm các tranh chấp về đất đai ...

- TTHTCĐ góp phần giúp người dân phát triển kinh tế, biết cách xoá đói, giảm nghèo, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống, phấn đấu làm giàu chính đáng, góp phần xây dựng nông thôn mới.

- TTHTCĐ góp phần thúc đẩy việc thực hiện cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở các cộng đồng dân cư”. Học viên tham gia các hoạt động văn hoá như đọc sách báo, sinh hoạt câu lạc bộ thơ, câu lạc bộ thể dục dưỡng sinh; hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao... Đặc biệt là các nội dung sinh hoạt văn hoá dân tộc Mường, dân tộc Thái; các đội công, chiêng; các sản phẩm đặc trưng của các vùng (rượu cần của người dân tộc Mường; hàng thổ cẩm của người dân tộc Thái...) đã duy trì và phát triển bền vững những truyền thống và bản sắc văn hoá các dân tộc. Những hoạt động này đã phổ biến kiến thức về văn hoá, xã hội tới mỗi người dân, góp phần thực hiện tốt cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá.

- TTHTCĐ góp phần bảo vệ môi trường nơi sinh sống, thông qua các chuyên đề như hướng dẫn làm nhà tiêu hợp vệ sinh, làm trường trại cho gia súc, gia cầm, thu gom rác thải sinh hoạt, sử dụng thuốc trừ sâu hợp lý ... nhờ đó mà ý thức bảo vệ môi trường của người dân được nâng cao, môi trường sống của cộng đồng được cải thiện.

- TTHTCĐ góp phần nâng cao nhận thức và kỹ năng chăm sóc bảo vệ sức khỏe của người dân, thông qua các chuyên đề về lĩnh vực giáo dục y tế, người dân đã biết cách chăm sóc, bảo vệ sức khỏe; phòng chống một số bệnh thường gặp tại địa phương, như bệnh suy dinh dưỡng của trẻ em, bệnh cúm, bệnh viêm gan A, B, C, bệnh về tim mạch, bệnh huyết áp, bệnh đái tháo đường,... người học có thái độ hợp tác trong chăm sóc, bảo vệ sức khỏe; tuân thủ các nguyên tắc trong phòng chống dịch bệnh, sử dụng thực phẩm an toàn vệ sinh; không đồng tình, không tham gia vào những hành vi làm mất an toàn thực phẩm, lây lan dịch bệnh; chủ động tích cực tham gia bảo hiểm y tế, tiêm phòng bệnh cho trẻ em ...

4. Một số tồn tại và nguyên nhân

- Một số TTHTCĐ công tác quản lý, điều hành chưa sâu sát, hiệu quả chưa cao. Nguyên nhân: Do kiêm nhiệm nên Ban quản lý TTHTCĐ hoạt động chưa thường xuyên, nhiều nhu cầu học tập của cộng đồng chưa được đáp ứng.

- Cơ sở vật chất thiếu thốn, kinh phí hoạt động hạn hẹp. Nguyên nhân: Một số TTHTCĐ phải nhờ địa điểm của Ủy ban nhân dân xã để hoạt động, kinh phí tổ chức các hoạt động thì còn hạn hẹp, phải trông chờ vào hỗ trợ của cộng đồng nên nhiều hoạt động của TTHTCĐ trong kế hoạch cũng không thực hiện được.

- Công tác phối hợp còn hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu do chưa có cơ chế phối hợp, phân rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành từ trung ương xuống đến các đơn vị cơ sở nên nhiều ngành, đoàn thể chưa có trách nhiệm hỗ trợ các TTHTCĐ hoạt động, nhiều khi còn phó mặc cho ngành giáo dục.

- Một số hoạt động của TTHTCĐ chưa hấp dẫn người dân, chưa đem lại hiệu quả thiết thực. Nguyên nhân: Do trình độ cán bộ quản lý có hạn, các giáo viên, hướng dẫn viên...chưa đủ khả năng đáp ứng nhu cầu của cộng đồng cả về số lượng lẫn chất lượng do thiếu kiến thức chuyên ngành, tài liệu tham khảo, phương pháp giảng dạy...

5. Một số kiến nghị, đề xuất

- Tăng cường tổ chức các đợt tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về quản lý và tổ chức hoạt động của TTHTCĐ.

- Đề nghị tăng kinh phí cho hoạt động của các TTHTCĐ./.

MÔ HÌNH TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

(Ủy ban nhân dân Quận 11)

Xây dựng cả nước trở thành một xã hội học tập (XHHT) là một chủ trương quan trọng của Đảng và Nhà nước ta, với tiêu chí cơ bản là tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi để mọi người và mọi lứa tuổi, mọi trình độ được học tập thường xuyên, học tập liên tục, học tập suốt đời ở mọi nơi, mọi cấp, mọi trình độ, huy động sức mạnh của toàn xã hội tham gia xây dựng và phát triển giáo dục.

Ngày nay, học tập thường xuyên đã trở thành điều thiết yếu đối với mọi người dân. Các loại hình GDĐT, hình thức học tập được đa dạng hóa nhằm đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của xã hội. Trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCĐ) là một trong những cơ sở giáo dục thường xuyên (GDTX), là nơi phục vụ nhu cầu học tập thường xuyên, liên tục, suốt đời cho mọi đối tượng trong xã hội và đã được đánh giá là mô hình giáo dục có hiệu quả trong việc thực hiện xã hội hóa giáo dục, giáo dục cho mọi người, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và phát triển cộng đồng một cách bền vững.

Quận 11 gồm 16 phường, là quận nội thành nằm ở cửa ngõ phía Tây Nam thành phố, với dân số trên 251.000 người, đồng bào người Hoa chiếm tỷ lệ 48,6%. Có 110 cơ sở giáo dục, cụ thể: 53 cơ sở giáo dục, 21 trường tiểu học, 11 trường trung học cơ sở, 04 trường trung học phổ thông, 03 trường trung cấp nghề, 01 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - GDTX, 01 trường giáo dục chuyên biệt, 16 TTHTCĐ.

Những năm trước, số lượng người dân đến với TTHTCĐ còn hạn chế do phải lo lao động, chưa quan tâm đến học tập. Trước tình hình đó, câu hỏi đặt ra là những đối tượng nào có nhiều khả năng theo học tại TTHTCĐ để tập trung huy động vì trong thực tế những năm qua rất khó huy động đông đảo người dân ghi danh theo học tại TTHTCĐ như trên lý thuyết.

Qua phân tích đánh giá tình hình, chúng tôi thấy các đối tượng có thể huy động tham gia học tập tạm chia làm ba loại theo độ tuổi:

- Trong độ tuổi học phổ thông, cao đẳng, đại học (từ 06 tuổi đến 22 tuổi): Độ tuổi này khó huy động theo học tại TTHTCĐ vì đã học chính quy liên tục với khối lượng kiến thức lớn. Chỉ có thể huy động sinh viên cao đẳng, đại học tham gia hoạt động tại trung tâm với tư cách báo cáo viên, cộng tác viên.

- Độ tuổi đi làm (từ 23 tuổi đến 60 tuổi): Độ tuổi này đối với những người lao động trí thức sẽ có nhiều cách để tự thường xuyên học tập nâng cao trình độ mọi lúc, mọi nơi như tự đọc sách báo, tự học qua mạng, theo học tại các trung tâm ngoại ngữ, tin học, qua các trường nghề chính quy... nên việc đến với TTHTCĐ vào buổi tối để học tập nâng cao trình độ đối với họ dường như là cách không thích hợp, và chỉ có nhiều khả năng nếu mời họ tham gia hoạt động tại trung tâm với tư cách báo cáo viên, cộng tác viên.

Đối với những người lao động chân tay như công nhân, nông dân, người buôn bán nhỏ thì khả năng thu hút họ đến với TTHTCĐ để học tập, giao lưu là nhiều hơn. Tuy nhiên phải tích cực điều tra, tìm hiểu nhu cầu và có nhiều phương pháp để huy động họ đến với TTHTCĐ. Ngoài ra, qua quá trình học tập tại trung tâm phải làm cho họ cảm thấy những vấn đề được học là bổ ích, thiết thực với cuộc sống; giáo viên phải giảng dạy nhiệt tình, tận tâm, thu hút... mới giữ chân được họ và thu hút thêm nhiều người khác.

- Độ tuổi hưu trí, hết tuổi lao động (từ 61 tuổi trở lên): Đây là độ tuổi có nhiều điều kiện nhất để đến với TTHTCĐ vì ít vướng bận gia đình và lo toan cuộc sống. Cần tập trung chính vào những đối tượng này để tuyên truyền, huy động, không những để theo học tại trung tâm mà còn để trở thành những cộng tác viên, báo cáo viên có nhiều thời gian, nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống trong việc truyền đạt lại kiến thức, kỹ năng cho các học viên.

Để thu hút học viên, việc tổ chức các lớp học và chuyên đề được các TTHTCĐ hết sức quan tâm, không chỉ tích cực tuyên truyền, mở lớp phù hợp nhu cầu khảo sát trong dân, Ủy ban nhân dân Quận còn chú ý đến độ tuổi của học viên, địa điểm học, những lưu ý riêng cho từng loại lớp, từng loại chuyên đề và đặc biệt là hiệu quả sau khi tham gia học tập của mỗi người dân.

Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT Quận và các phường đã huy động lực lượng của cả hệ thống chính trị của địa phương, dùng nhiều phương án để huy động các đối tượng phù hợp đến các TTHTCĐ, không chỉ tham gia các lớp học về kiến thức phổ thông gia đình, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, các lớp và câu lạc bộ thể dục thể thao, âm nhạc, rèn luyện sức khỏe, ... mà còn là những cộng tác viên, báo cáo viên đặc lực cho các trung tâm.

Những năm qua, các TTHTCĐ của Quận 11 hầu hết đã phát huy được hết các chức năng, nhiệm vụ của mình, số lượng người dân đến với TTHTCĐ đều tăng hàng năm. Trong 3 năm gần đây mỗi năm đã thu hút được trên 48.000 lượt người đến tham gia học tập, sinh hoạt tại các TTHTCĐ của các phường trong Quận.

Các lớp học chủ yếu của các TTHTCĐ tại Quận 11 là lớp xóa mù chữ, pháp luật, sức khỏe, kỹ năng sống, lớp tiếng Anh, tiếng Hoa, vi tính căn bản, khiêu vũ, cắm hoa, làm bánh, đồ rau câu 3D .v.v.

Các chuyên đề thường xuyên được chọn để tổ chức về tiếng Anh, tiếng Hoa, kiến thức vi tính căn bản... vì phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh kinh tế xã hội của địa phương và của mỗi gia đình, có thể áp dụng được ngay vào cuộc sống.

Trung tâm nguồn của Quận là TTHTCĐ Phường 13, Quận 11. Đây là trung tâm đi đầu trong việc vận động nguồn xã hội hóa và mời báo cáo viên tình nguyện, tổ chức được nhiều hoạt động phục vụ người dân và hỗ trợ hoạt động cho các trung tâm khác. Đặc biệt có các lớp tiếng Anh cho người cao tuổi, TTHTCĐ đã phối hợp với một số trung tâm Anh ngữ trên địa bàn, mời giáo viên bản ngữ về giảng dạy.

Đạt được kết quả khả quan trong những năm gần đây, một số kinh nghiệm chúng tôi đúc kết được như sau:

- Quận ủy, Ủy ban nhân dân Quận đã có sự chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt các phường về mọi mặt hoạt động của TTHTCĐ, đặc biệt là vấn đề lập kế hoạch và dự trù kinh phí hoạt động, chi trả, thanh toán, quyết toán thống nhất đối với các phường; quan tâm, đầu tư về mọi mặt cho các TTHTCĐ, nhất là những nơi cơ sở vật chất bị xuống cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đến học tập.

- Văn phòng và các điểm hoạt động của TTHTCĐ được đặt ở nhiều nơi như tại Ủy ban phường, trường học, khu dân cư... để người dân dễ tiếp cận, có máy tính nối mạng và bảng thông báo lịch học của các lớp học.

- Kế hoạch hoạt động, dự trù kinh phí hàng năm của TTHTCĐ được ban hành sớm, đưa vào kế hoạch hoạt động đầu năm của Ủy ban nhân dân để thống nhất hoạt động và thuận lợi cho quá trình thu, chi, quyết toán của các phường.

- Các ban, ngành, đoàn thể của Quận, đặc biệt là Hội Khuyến học Quận 11 và Hội Khuyến học các phường có sự phối hợp, hỗ trợ TTHTCĐ bằng các hoạt động hết sức thiết thực, cụ thể. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX Quận 11 đã hỗ trợ về chuyên môn, tài liệu học tập, bố trí giáo viên giảng dạy tại các TTHTCĐ.

Đặc biệt, TTHTCĐ muốn hoạt động hiệu quả phải làm tốt công tác xã hội hóa, huy động được các nguồn lực như nhân lực, vật lực, tài lực... mới có thể mang lại hiệu quả thiết thực nhất cho hoạt động của các trung tâm và cho người học. Trong thời gian qua, Quận 11 đã cụ thể hóa việc vận động các nguồn lực xã hội để phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động các TTHTCĐ qua các hình thức như sau:

1. Vận động các lực lượng xã hội cung cấp trang thiết bị hỗ trợ học tập tại TTHTCĐ:

“Học” phải đi đôi với “hành”, nên khi tổ chức lớp học, Ủy ban nhân dân Quận thường xuyên liên hệ, phối hợp với các đơn vị trên địa bàn Quận để có thể cung cấp các vật liệu thực hành miễn phí cho người học.

1.1. Các cơ sở giáo dục hỗ trợ chỗ học, giáo viên, sân tập, nhà thi đấu, phòng máy cho các lớp học TTHTCĐ:

Khi tham gia lớp vi tính cho người lớn tuổi, các học viên được bố trí học tại phòng máy của trường học, mỗi người ngồi một máy để có thể thực hành ngay những thao tác do giáo viên hướng dẫn như mở máy, tắt máy, đọc báo, xem phim, nghe nhạc, tìm kiếm thông tin, sử dụng email... Kết thúc khóa học, các học viên đã có thể sử dụng máy vi tính một cách cơ bản để kết nối với thế giới. Nhiều học viên thấy các lớp học thực sự hiệu quả nên đã đăng ký học tiếp các khóa nâng cao. Lớp tiếng Anh giao tiếp là một ví dụ khác, không chỉ được cung cấp các kiến thức cơ bản, những câu giao tiếp thông dụng, các học viên còn được trải nghiệm giao tiếp với người bản xứ để chỉnh sửa cách phát âm và tạo sự tự tin. Nguồn giáo viên do các trung tâm Anh ngữ trên địa bàn Quận 11 hỗ trợ.

1.2. Các xưởng sản xuất, cửa hiệu hỗ trợ nguyên vật liệu thực hành:

Ở các lớp hướng dẫn trồng rau sạch tại nhà, ngoài việc được hướng dẫn cụ thể, chi tiết về kỹ thuật, khi về mỗi người đều được tặng dụng cụ trồng rau, đất trồng, hạt giống để thực hành tại nhà. Trong quá trình trồng rau tại nhà, nếu có thắc mắc có thể liên hệ với báo cáo viên để được tư vấn thêm.

Đối với các khóa học làm bánh, các nguyên liệu, dụng cụ cần thiết như bột, trứng, máy đánh trứng, lò nướng... đều được tài trợ và chuẩn bị sẵn. Học viên tham gia tập trung làm theo chỉ dẫn là có thể thưởng thức những chiếc bánh do chính tay mình làm ra.

Tương tự, các lớp dạy làm hoa voan, đồ rau câu 3D... học viên đều được hỗ trợ nguyên vật liệu thực hành miễn phí.

2. Vận động địa điểm thực hành miễn phí:

Đối với các lớp học cần thực hành trên máy móc, Ủy ban nhân dân Quận cũng liên hệ, phối hợp với các đơn vị, cơ sở sản xuất để đưa học viên của Trung tâm đến thực hành miễn phí.

Đối với các khóa học cắt may, học viên được sắp xếp học tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX, có sẵn máy may để thực hành may thành phẩm. Vận động các tiệm cắt tóc trên địa bàn Phường 5 Quận 11 hỗ trợ học viên cắt tóc thực hành...

3. Nguồn giáo viên, báo cáo viên tình nguyện:

Ủy ban nhân dân Quận 11 cũng rất chú ý đến việc động viên, khích lệ báo cáo viên và học viên. Sau khóa đào tạo ngắn hạn với các giáo viên, báo cáo viên tình nguyện, Ủy ban nhân dân Quận đều gửi Thư cảm ơn đến các giáo viên, báo cáo viên như một sự ghi nhận đóng góp. Đối với các giáo viên, báo cáo viên tham gia giảng dạy và báo cáo chuyên đề tại nhiều Trung tâm, Ủy ban nhân dân Quận chỉ đạo Phòng GDĐT tổ chức các đợt khen thưởng định kỳ kịp thời. Đối với học viên có kết quả cao trong các khóa học, Ủy ban nhân dân Quận cũng tuyên dương và tặng quà trong buổi lễ tổng kết lớp học.

Với cách tổ chức lớp học kết hợp huy động các nguồn lực xã hội hóa, hoạt động của Ủy ban nhân dân Quận 11, nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân đã có sự chuyển biến tích cực. Các học viên tham gia học tập rất tích cực, đồng thời huy động được nhiều người khác cùng tham gia học tập. Nhiều người còn chủ động đăng ký nhu cầu học tập với Ban giám đốc Trung tâm, không chờ đến đợt khảo sát sau. Đây là tín hiệu đáng mừng cho việc xây dựng XHHT tại địa phương. Những kinh nghiệm này đã và đang được tiếp tục triển khai, nhân rộng./.

BÁO CÁO ĐIỂN HÌNH VỀ PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO TỪ XA GIAI ĐOẠN 2015-2020

Trường Đại học Mở Hà Nội

I. Giới thiệu chung

1. Tình hình xây dựng xã hội học tập (XHHT) hiện nay

Ngày nay học tập suốt đời (HTSD) ở nhiều nước trong khu vực cũng như trên thế giới không chỉ là một khái niệm hay một nguyên tắc đơn thuần trong học tập mà còn trở thành một trong những chìa khóa quan trọng để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng mô hình XHHT có nghĩa là xây dựng nền giáo dục của một xã hội HTSD toàn diện và tích hợp, một xã hội mà trong đó tất cả những yêu cầu học tập của mọi người ở mọi nơi, mọi lúc đều được đáp ứng. Thế giới đang có sự phát triển mạnh mẽ và kỳ diệu của công nghệ đã làm thay đổi nhiều mặt của đời sống xã hội. Yêu cầu của kinh tế tri thức và khoa học - công nghệ làm thay đổi quan niệm về chất lượng giáo dục và đào tạo (GDĐT), chủ thể quyết định là nguồn nhân lực được đào tạo trong thời đại số hóa và toàn cầu hóa, nguồn tri thức có sự thay đổi căn bản. Ngày nay nhờ những tiến bộ về công nghệ, nhất là phổ dụng mạng internet và các công cụ truyền thông đa phương tiện, tri thức và quản trị tri thức được phổ dụng với nhiều hình thức chia sẻ phong phú và đa dạng có thể diễn ra ở mọi lúc mọi nơi. Trong điều kiện như thế, mô hình tri thức mà người thầy thu thập, lưu giữ, quản trị, truyền thụ trên giảng đường theo cách truyền thống trở nên hạn hẹp.

Tại Việt Nam, chủ trương xây dựng XHHT được khẳng định trong Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 02/2008/CT-TTg ngày 08/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 09/01/2013, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục phê duyệt Đề án “Xây dựng XHHT giai đoạn 2012 - 2020” để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng XHHT tại nước ta. Ngày 10/5/2019, Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Kết luận số 49-KL/TW về “Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13-4-2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT”. Đây là văn bản chỉ đạo quan trọng của Đảng và Nhà nước, trong đó nêu rõ phương hướng phát triển XHHT và những nhiệm vụ tiếp tục triển khai công tác khuyến học, khuyến tài. Văn bản cũng khẳng định mục tiêu, hành động lâu dài, trước mắt là giai đoạn 2020-2030, giai đoạn phát triển kinh tế tri thức dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và tổng kết sau hơn 10 năm thực hiện Chỉ thị số 11, các mô hình cộng đồng học tập đã được định hình, hàng ngàn xã học tập, phường học tập và thị trấn học tập được xuất hiện.

Hiện nay, ĐTTX của các cơ sở GDĐH Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng, trong đó điển hình là Trường Đại học Mở Hà Nội và Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Hai trường đã có hơn hai mươi năm kinh nghiệm nghiên cứu và triển khai ĐTTX, từ việc nghiên cứu đưa các mô hình giáo dục mở, ĐTTX của các nước trên thế giới vào thực tiễn trong nước, phù hợp với đặc điểm, tập quán và văn hoá của người Việt Nam đến việc phát triển ứng dụng các công nghệ mới phục vụ cho ĐTTX, đào tạo trực tuyến, trong đó các hệ thống quản lý học tập (LMS), hệ thống quản lý nội dung học tập (LCMS), hệ thống học liệu tài liệu học tập đa dạng và phong phú, phương pháp tổ chức dạy học thích hợp với việc cá nhân hoá học tập cao độ, các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập chính xác, khách quan. Bên cạnh đó, một số trường đã có những triển khai ĐTTX nhưng ở các mức độ khác nhau như nhóm các trường chưa có hệ thống tổ chức đào tạo từ hoàn chỉnh từ việc tổ chức quản lý đến việc triển khai, chưa có hệ thống công nghệ (LMS, LCMS) hỗ trợ đầy đủ. Nếu chưa được trang bị đầy đủ, hạn chế về hạ tầng công nghệ thì sẽ bộc lộ những khó khăn, thách thức khi triển khai ĐTTX. Về nhận thức xã hội, mặc dù gần đây đã có nhiều đánh giá và ghi nhận tích cực những đóng góp của ĐTTX trong việc xây dựng XHHT, cung cấp môi trường học tập thuận lợi để mọi người dân được học tập nâng cao năng lực phục vụ tốt cho công việc và cuộc sống, nhưng thực tế hiện nay chưa phải đa số nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa của ĐTTX. Một số địa phương chưa quan tâm đến việc học tập của người lớn, xây dựng XHHT; Công tác tuyên truyền về khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT ở một số nơi, nhất là cấp cơ sở vẫn còn hạn chế cả nội dung lẫn hình thức; Nhiều địa phương chưa chủ động gắn đào tạo nghề với phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết việc làm, công tác kiểm tra, đánh giá, thông tin, báo cáo không kịp thời, thiếu chính xác. Bên cạnh đó, một số cơ sở đào tạo chưa chú trọng trang bị hệ thống học liệu điện tử, thậm chí còn nghèo nàn, chưa được chuẩn hóa, đội ngũ giảng viên còn có những hạn chế nhất định về kỹ năng xây dựng bài giảng, tổ chức lớp học trực tuyến. Đáng chú ý, một số sinh viên còn khó khăn về trang thiết bị, hạ tầng mạng internet (nhất là sinh viên vùng khó khăn, vùng sâu vùng xa và kinh tế thấp), nguy cơ, rủi ro trong quá trình học tập trực tuyến như an toàn, an ninh thông tin có thể xảy ra mà sinh viên phải đối mặt và cần được cảnh báo, kỹ năng cần thiết khi học tập trên môi trường mạng.

2. Trường Đại học Mở Hà Nội đối với ĐTTX, góp phần xây dựng XHHT

Trường Đại học Mở Hà Nội là cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Bộ GDĐT. Trường được thành lập ngày 03/11/1993 theo Quyết định số 535/TTg của Thủ tướng Chính phủ với chức năng và nhiệm vụ “*đào tạo*

đại học và nghiên cứu các loại hình đào tạo mở, ĐTTX, đào tạo tại chỗ nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội, góp phần tăng tiềm lực cán bộ khoa học - kĩ thuật cho đất nước”.

Qua 27 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường luôn vững vàng, từng bước khẳng định vị thế của một mô hình giáo dục đại học đại chúng nhằm phát triển hình thức giáo dục mở, ĐTTX với nhiều hình thức khác nhau như đào tạo tập trung trực tiếp, ĐTTX, đào tạo trực tuyến, hoặc kết hợp các loại hình đào tạo, đảm bảo chất lượng đào tạo bằng các biện pháp quản lý, quy trình tổ chức triển khai chặt chẽ và ứng dụng tối đa công nghệ hỗ trợ đào tạo thích hợp và hiện đại.

Để hoàn thành sứ mạng được Đảng và Nhà nước giao phó là góp phần đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của xã hội, Trường Đại học Mở Hà Nội đã liên tục nghiên cứu áp dụng các phương pháp tổ chức đào tạo, xây dựng hệ thống học liệu phong phú, phát triển và xây dựng các chương trình đào tạo, các ngành nghề, trình độ đào tạo đa dạng hóa các loại hình đào tạo, đáp ứng và phù hợp nhu cầu học tập đa dạng của người học. Đến nay, Nhà trường đã đào tạo và cung cấp cho xã hội gần 200.000 cử nhân, kỹ sư, kiến trúc sư và thạc sĩ... Ngoài ra, Nhà trường đã kết hợp với các học viện, các trường sĩ quan quân đội đào tạo, các cơ sở giáo dục khác để bồi dưỡng, cấp chứng chỉ giáo dục đại học đại cương, năng lực nghề nghiệp, các kỹ năng chuyên sâu cho người học. Sinh viên tốt nghiệp của Nhà trường được xã hội đón nhận, có việc làm ổn định, phù hợp với ngành nghề được đào tạo. Hàng năm, khảo sát tỷ lệ sinh viên sau một năm tốt nghiệp có việc làm đạt trên 95%. Nhiều sinh viên tốt nghiệp của Trường hiện đang giữ các vị trí quan trọng trong các doanh nghiệp, cơ quan và chính quyền các cấp.

Luôn nhận thức rõ tầm quan trọng của phương thức ĐTTX trong chiến lược phát triển giáo dục và sẵn sàng đáp ứng nguyện vọng người học ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng, Trường Đại học Mở Hà Nội một mặt không ngừng nâng cao, đổi mới công tác quản lý đào tạo, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, mặt khác thường xuyên tăng cường hợp tác, mở các trạm ĐTTX trên toàn quốc. Hiện nay, Trường có 77 đơn vị hợp tác và các trạm ĐTTX thuộc hơn 40 tỉnh, thành phố từ Bắc đến Nam.

Trong mô hình ĐTTX của Trường Đại học Mở Hà Nội, người học được triển khai đào tạo theo hướng cá nhân hoá cao độ. Người học có thể đăng ký ngành học, môn học theo nhu cầu, năng lực và điều kiện tiên quyết về chuyên môn. Việc tiếp cận với giáo dục đại học thật sự thuận lợi và các rào cản được gỡ bỏ. Việc cá nhân hóa học tập được triển khai từ rất sớm tại Trường, việc học tập, bồi dưỡng của người học trở nên thường xuyên, liên tục, suốt đời, góp phần xây dựng một XHHT theo chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước.

Với chức năng và sứ mạng được giao, những kết quả nghiên cứu và triển khai trong giáo dục mở và ĐTTX của Trường Đại học Mở Hà Nội đã góp thêm minh chứng thực tiễn, cụ thể và quan trọng cho lý luận phát triển giáo dục theo hướng mở được xây dựng trong Nghị quyết 29/NQ-TW về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT.

II. Các hoạt động hợp tác, nghiên cứu về ĐTTX

1. Các nghiên cứu trong nước và quốc tế về ĐTTX

Là một trong 4 nhiệm vụ chính của một cơ sở giáo dục đại học, hoạt động nghiên cứu khoa học được Nhà trường quan tâm, đặc biệt là chú trọng trong nghiên cứu về ĐTTX. Các chính sách khuyến khích, tạo điều kiện và hỗ trợ cho cán bộ, giảng viên trong trường tham gia nghiên cứu khoa học luôn được điều chỉnh, cập nhật đáp ứng yêu cầu và thực tiễn của Nhà trường. Từ năm 2015 đến nay, Trường đã triển khai thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học trong nước của cán bộ giảng viên liên quan đến công tác ĐTTX (*Bảng 1*). Nội dung nghiên cứu của các đề tài liên quan đến các vấn đề như: đề xuất các mô hình quản lý, các giải pháp phát triển hệ thống, hạ tầng phục vụ đào tạo trực tuyến, tham mưu chính sách quản lý và vận hành ĐTTX, đào tạo trực tuyến, xây dựng hệ thống tài nguyên giáo dục mở.

Bảng 1. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học đến ĐTTX trong nước từ năm 2015 đến 2020

Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp Trường	Tổng
02	29	31

Bên cạnh đó, các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả NCKH và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung. Cụ thể là, Trường đã phát huy thế mạnh về ĐTTX, phối hợp cùng các tổ chức quốc tế, các trường nước ngoài tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học và tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế. Trường đã phối hợp với các trường đại học Mở trong khu vực, gồm Đại học Mở Malaysia, Đại học Mở Philippines, Đại học Mở Indonesia và Đại học Mở Sukhothai Thammathirat, Thái Lan (OU5) thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học (*Bảng 2*). Các đề tài và nghiên cứu của giảng viên trong vấn đề đào tạo mở và từ xa với nhiều bài báo công bố tại các tạp chí uy tín và các hội thảo như Hội thảo thường niên AAOU. Một số kết quả tiêu biểu như: website chung dạy ngôn ngữ bản địa các quốc gia Đông Nam Á trong nhóm OU5; các khóa học MOOCs; cùng Unesco và 4 trường đại học mở của Hàn

Quốc, Mông Cổ, Nepal, Malaysia xây dựng học liệu công dân toàn cầu từ năm 2018; cùng Unesco triển khai các tiêu chí xây dựng thành phố học tập, XHHT tại Việt Nam. Những hợp tác nghiên cứu của Trường với các trường đại học Mở khu vực bước đầu đã chứng tỏ tiềm năng nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên của Trường.

Bảng 2. Các đề tài NCKH của nhóm OU5

TT	Tên đề tài
1	Chính sách ĐTTX của các nước ASEAN
2	Sự hài lòng lĩnh hội kết quả học tập của sinh viên hệ ĐTTX tại các nước Đông Nam Á
3	Chính sách di cư lao động tại các nước Đông Nam Á
4	Đánh giá thực tiễn cho việc đào tạo mở và từ xa: Định dạng và Thách thức
5	Tận dụng giáo dục mở trong ASEAN
6	Nghiên cứu sự hài lòng của người sử dụng lao động tốt nghiệp đại học từ xa tại các nước Đông Nam Á

Bảng 3. Các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế tiêu biểu đã tổ chức

TT	Năm	Hội nghị, hội thảo
1	2010	Hội nghị thường niên lần thứ 24 của Hiệp hội các trường Đại học Mở Châu Á (AAOU)
2	2012	Hội thảo quốc tế “Giáo dục mở và từ xa Đông Nam Á thế kỷ 21”
3	2015	Hội thảo quốc tế “Vai trò của ĐTTX trong phát triển nguồn nhân lực”
4	2017	Cuộc họp quốc tế của Ban chỉ đạo các khóa học trực tuyến Châu Á (Asian MOOCs) và cuộc họp thường kì của nhóm OU5
5	2018	Diễn đàn chính sách về HTSD
6	2018	Hội nghị thường niên lần thứ 32 của Hiệp hội các trường Đại học Mở Châu Á (AAOU)

Đặc biệt Hội nghị thường niên lần thứ 24 và 32 của Hiệp hội các trường Đại học Mở Châu Á (AAOU) do Trường Đại học Mở Hà Nội đăng cai tổ chức đã thu hút gần 500 đại biểu tham dự, trong đó có khoảng 250 đại biểu quốc tế tham dự với hơn 150 bài báo cáo tại các phiên thảo luận. Hội nghị nhằm khẳng định vai trò của giáo dục mở với sự phát triển kinh tế, xã hội của các quốc gia trong khu vực; tập trung nghiên cứu và chia sẻ thực tiễn về vai trò của giáo dục mở trong việc phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng các yêu cầu mới của châu Á trong giai đoạn hội nhập; thúc đẩy nghiên cứu khoa học về lĩnh vực giáo dục mở và từ xa, đồng thời mở rộng hợp tác giữa

các cơ sở giáo dục mở và từ xa trong khu vực và trên thế giới. Những báo cáo khoa học và ý kiến phát biểu của các nhà khoa học được trình bày đã góp phần tạo nên những cơ sở cần thiết để phát triển hơn nữa hệ thống, phương thức giáo dục và các chương trình để các đơn vị đào tạo đại học thuộc hệ thống giáo dục mở trở thành cái nôi cung cấp nguồn nhân lực có khả năng chuyên môn và kiến thức sâu rộng, đáp ứng cho sự phát triển nhanh chóng của toàn cầu hóa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Đồng thời, Hội nghị sẽ là cầu nối thiết lập quan hệ hợp tác thường xuyên và tin cậy giữa các nhà khoa học của các trường đại học mở trong khu vực châu Á và thế giới.

Với những đóng góp tích cực hòa nhập với cộng đồng các trường đại học mở trên thế giới, Trường Đại học Mở Hà Nội đã thể hiện được vai trò của nhà trường nói riêng và của Việt Nam nói chung trong việc phát triển ĐTTX và giáo dục mở; bên cạnh đó, thông qua các hoạt động nghiên cứu trong nước và quốc tế, nhà trường đã học hỏi và đúc kết kinh nghiệm từ đó áp dụng triển khai vào giáo dục mở tại Việt Nam.

2. Nghiên cứu và tham mưu Chính sách về ĐTTX

Trường Đại học Mở Hà Nội là một trong các trường đại học được giao nhiệm vụ tiên phong trong đào tạo mở và từ xa, có vai trò quan trọng trong xây dựng XHHT và HTSD. Với vị trí, vai trò, chức năng của mình, từ ngày thành lập Trường đã tích cực mở rộng các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế và nghiên cứu các chính sách trong giáo dục mở. Nhà trường đã cùng các trường đại học Mở Châu Á nghiên cứu tham mưu chính sách cho các Chính phủ, các phương pháp hiện đại trong giáo dục mở, các giải pháp phát triển công nghệ và xây dựng nội dung của tài nguyên giáo dục mở.

Các đề tài nghiên cứu khoa học đều có sản phẩm ứng dụng cho việc tăng cường chất lượng của hoạt động ĐTTX và trực tuyến, trong đó nổi bật là các đề tài “Xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình ĐTTX trình độ đại học của Việt Nam”, kết quả của đề tài là cơ sở khoa học để xây dựng thông tư hướng dẫn về việc quản lý chất lượng các chương trình đào tạo hệ từ xa của Bộ GDĐT (Thông tư 10/2017/TT-BGDĐT) và đề tài: “Nghiên cứu mô hình dạy học tương tác giữa giảng viên và học viên trong thiết kế môi trường đào tạo trực tuyến”, kết quả của đề tài là cơ sở để xây dựng mô hình đào tạo theo phương thức cộng tác giữa giảng viên và sinh viên, giảng viên và giảng viên, sinh viên và sinh viên, đây là xu hướng chia sẻ kiến thức phù hợp với mục tiêu phát triển XHHT.

Năm 2017, Trường Đại học Mở Hà Nội đã tham gia vào nhóm chuyên gia do Bộ GDĐT thành lập gồm các nhà quản lý, nhà khoa học am hiểu và

có kinh nghiệm trong công tác ĐTTX. Nhóm chuyên gia đã tiến hành thu thập và phân tích số liệu trong thời gian hơn 2 tháng để có thể đưa ra những ý kiến tư vấn cho Bộ về thực trạng ĐTTX ở Việt Nam và đề xuất một số giải pháp đảm bảo chất lượng của ĐTTX. Ngay sau khi có kết quả từ đội ngũ chuyên gia, Bộ đã giao cho Trường Đại học Mở Hà Nội đăng cai tổ chức Hội thảo “Nâng cao chất lượng ĐTTX theo xu thế phát triển của khu vực và thế giới” tổ chức vào tháng 4 năm 2017. Hội thảo đã thu hút sự tham dự của gần 150 nhà quản lý, nhà khoa học đến từ các đại học, học viện, trường đại học có ĐTTX và các Bộ, Ban, Ngành có liên quan. Qua Hội thảo đã nhận được rất nhiều ý kiến có giá trị đóng góp vào dự thảo quy chế ĐTTX nói riêng và công tác nâng cao chất lượng ĐTTX nói chung. Theo đó, Thông tư 10/2017/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT về việc Ban hành Quy chế ĐTTX trình độ đại học đã được ban hành. Quy chế mới quy định chặt chẽ hơn về điều kiện thực hiện và đảm bảo chất lượng chương trình. Đưa mạnh các quy định về ứng dụng công nghệ hiện đại phục vụ cho tổ chức, quản lý ĐTTX, hệ thống học liệu điện tử,... Thông tư 10/2017/TT-BGDĐT ngày 28/4/2017 và Quy chế ĐTTX kèm theo là cơ sở pháp lý thuận lợi để các cơ sở có ĐTTX có thể phát triển ĐTTX theo đúng định hướng. Hạn chế tối đa việc ĐTTX tràn lan, những cơ sở đào tạo cần đạt những yêu cầu nhất định trong Quy chế để có thể triển khai ĐTTX. Đặc biệt là đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng của ĐTTX tiệm cận với đào tạo chính quy bằng việc sử dụng các chương trình đào tạo, ngân hàng đề và cách thức đánh giá của đào tạo chính quy.

Bên cạnh đó, Trường Đại học Mở Hà Nội luôn chủ động và tích cực tham gia các Hội nghị, Hội thảo và diễn đàn trong và ngoài nước để chia sẻ kinh nghiệm, đóng góp các ý kiến trong việc ĐTTX và các chính sách về hệ thống trung tâm giáo dục thường xuyên. Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá về mục đích, ý nghĩa, nội dung của "HTSD", xây dựng XHHT, vai trò của giáo dục thường xuyên (GDTX) trong việc góp phần nâng cao dân trí, chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng cuộc sống và xây dựng XHHT ở địa phương cũng đã được Nhà trường phối hợp với địa phương triển khai với những nội dung ngày càng thiết thực hơn; hình thức tuyên truyền đa dạng và phong phú hơn và đã tạo được những chuyển biến tích cực, mạnh mẽ và rõ nét.

3. Phát triển hạ tầng công nghệ và hệ thống học liệu phục vụ ĐTTX

Sự tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đã tạo ra thay đổi lớn trong giáo dục với sự ứng dụng của công nghệ thông tin truyền thông hiện đại, tạo nhiều cơ hội cho người học để chiếm lĩnh tri thức. Và cũng chính vì sự tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 mà việc học tập, HTSD để tiếp thu, cập nhật, ứng dụng và thích nghi, hoà nhập với thời đại càng trở nên cần thiết. Đây cũng chính là cơ hội để Trường Đại học Mở Hà Nội tăng cường đầu tư và ứng dụng công nghệ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, mang cơ hội học tập, HTSD đến cho mọi người một cách thuận tiện và hiệu quả hơn nữa. Nhà trường đã tích cực hợp tác với tổ chức trong nước và quốc tế để tìm kiếm các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ không chỉ trong ĐTTX mà trong quản lý.

Được sự quan tâm của Chính phủ, Nhà trường đã được phê duyệt triển khai Dự án “Đầu tư hạ tầng và triển khai đào tạo theo phương thức E-Learning tại Viện Đại học Mở Hà Nội” bằng nguồn vốn ODA không hoàn lại của của tổ chức KOICA - Hàn Quốc (giai đoạn 1 với tổng kinh phí khoảng 3 triệu USD; trong đó vốn đối ứng là 13 tỉ đồng được trích từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của trường). Hiện nay, dự án đã đem lại cho trường những lợi thế về công nghệ và Hệ thống hạ tầng phục vụ ĐTTX tiếp cận chuẩn quốc tế và từng bước đảm bảo yêu cầu quốc tế. Đội ngũ cán bộ của trường (trên 200 lượt cán bộ) được tham gia đào tạo các lớp và khóa học như: Đào tạo đội ngũ chuyên gia, Chuyên gia quản lý đại học trực tuyến, Chuyên gia vận hành và bảo trì hệ thống, Chuyên gia phát triển hệ thống, Nâng cao trình độ ứng dụng CNTT cho giảng viên E-Learning. Với đặc thù của Trường Đại học Mở Hà Nội có nhiều trạm ĐTTX phân tán tại nhiều địa điểm khác nhau, đặc biệt là hệ thống ĐTTX được triển khai rộng khắp cả nước, nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý và đào tạo nhằm phát huy hiệu quả với phương châm quản lý và đào tạo không phụ thuộc khoảng cách địa lý. Cùng với hạ tầng công nghệ được KOICA tài trợ, hiện nay nhà trường đã và đang ứng dụng nhiều giải pháp khác nhau trong các hoạt động của trường. Theo đó, hạ tầng công nghệ để phục vụ cho quản lý và ĐTTX từng bước được chuẩn hóa và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

Trường cũng đã tiếp đón hơn 25 đoàn khách tham quan tới từ các trường đại học, tổ chức khác trong và ngoài nước như Trường Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế, Đại học Nguyễn Tất Thành, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Tập đoàn eGroup, một số đoàn từ Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc (Open Cyber University), Úc, Canada... và được đánh giá cao, mở ra

nhieu cơ hội hợp tác cho Trường trong lĩnh vực này. Đoàn kiểm tra đánh giá ngoài về công tác kiểm định chất lượng của Bộ GDĐT cũng đánh giá cao hệ thống Studio cũng như khẳng định các thế mạnh của Trường trong công tác này. Song song với cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ được nâng cao, năng lực đội ngũ cán bộ của nhà trường cũng được nâng lên thông qua các hoạt động của dự án KOICA, các chương trình tập huấn và bồi dưỡng trong nước và quốc tế. Đã có hơn 150 lượt lãnh đạo và cán bộ của HOU được đào tạo và nâng cao cả trong nước và nước ngoài, các khóa học về E-Learning và Cyber University. Có hơn 100 lượt chuyên gia trong và ngoài đã tới trường làm việc, đào tạo, tư vấn và chuyển giao công nghệ.

Nhà trường cũng đã xây dựng hệ thống hạ tầng phục vụ đào tạo qua mạng hiện đại, đã tổ chức đào tạo tại nhiều nơi có kết quả tốt. Hệ thống giáo trình, học liệu điện tử và tài liệu hướng dẫn cho tự học từ xa đã được tổ chức phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy (*Bảng 4*). Trường Đại học Mở Hà Nội đã khẳng định được vai trò, vị trí của một trường đại học trọng điểm trong hệ thống giáo dục quốc dân về ĐTTX. Hệ ĐTTX theo phương thức trực tuyến ngày càng được nhiều người biết và chọn lựa theo học. Có thể nói việc đào tạo trực tuyến phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước, đáp ứng nhu cầu phát triển công nghệ của xã hội và là một phương thức linh hoạt, phù hợp với nhu cầu học tập của người dân, nhanh chóng thích ứng trong những điều kiện hoàn cảnh khắc nghiệt khi có sự thay đổi.

Bảng 4. Số liệu về hệ thống học liệu

Học liệu điện tử	Số lượng
Số lượng eBook miễn phí cổng thông tin điện tử thư viện số	3.856
Số lượng học liệu điện tử	270
Số liệu tài liệu in ấn	19.876

Bên cạnh chương trình đào tạo trực tuyến đã triển khai trên hệ thống công nghệ e-learning nhiều năm qua, các hệ ĐTTX truyền thống, vừa học vừa làm đã bắt đầu ứng dụng đào tạo trực tuyến hỗ trợ. Đặc biệt từ khi dịch Covid-19 bắt đầu diễn biến ở Việt Nam từ đầu năm 2020 vừa qua, sinh viên các loại hình đào tạo gồm cả tập trung và từ xa đều đã được tổ chức một cách chủ động các hình thức dạy-học qua công nghệ truyền hình, học online hoặc một số học phần bằng hình thức E-learning. Sinh viên học từ xa hay tập

trung khi nhập học được nhà trường cung cấp tài khoản truy cập thư viện học liệu điện tử và thư viện số của trường để tra cứu học liệu và tài liệu tham khảo phục vụ học tập. Các đợt thi kết thúc học phần được tổ chức nghiêm túc, đúng quy chế có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong trường với các trạm đào tạo/đơn vị hợp tác. Nhà trường định kỳ bổ sung, cập nhật ngân hàng câu hỏi kiểm tra đánh giá và thi kết thúc học phần, đồng thời triển khai xây dựng ngân hàng đề thi phục vụ thi online.

III. Công tác tổ chức đào tạo và bồi dưỡng

Trường Đại học Mở Hà Nội triển khai ĐTTX từ năm 1994 và bắt đầu triển khai đào tạo trực tuyến Elearning từ năm 2008. Với phương thức ĐTTX, Nhà trường đã mang cơ hội học tập đến với nhiều người dân trên mọi miền đất nước, từ đồng bằng đến miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa thuộc mọi thành phần kinh tế, đặc biệt cho những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, những người khuyết tật,... góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng XHHT, HTSD. Luôn nhận thức rõ tầm quan trọng của phương thức ĐTTX trong chiến lược phát triển giáo dục và sẵn sàng đáp ứng nguyện vọng người học ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng, Trường Đại học Mở Hà Nội một mặt không ngừng nâng cao, đổi mới công tác quản lý đào tạo, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, mặt khác thường xuyên tăng cường hợp tác với các cơ sở liên kết đào tạo.

Trường đã liên kết với hơn 50 cơ sở đào tạo thuộc hơn 40 tỉnh, thành phố từ Bắc đến Nam để cung cấp các khóa ĐTTX phục vụ mọi nhu cầu học tập của người dân. Các Trạm đào tạo và Đơn vị phối hợp hệ không chính quy tính đến thời điểm hiện tại có 77 trạm. Trong năm 2020, số trạm/đơn vị hợp tác mở mới là 18 Trạm đào tạo và hủy 04 Trạm do không có sinh viên sau 01 năm mở Trạm.

Nhằm đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng và phát triển giáo dục đào tạo theo hướng mở, Trường đã nghiên cứu vững chắc cả về lý luận và thực tiễn loại hình ĐTTX, triển khai có chất lượng và hiệu quả các phương thức ĐTTX qua truyền hình hai chiều, kết hợp với Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình Trung ương, qua công nghệ đào tạo trực tuyến. Các học liệu phục vụ việc học từ xa và đĩa CD cho các môn học được in ấn, phát hành đầy đủ. Trường đã triển khai xây dựng hệ thống học liệu điện tử dưới dạng giàu thông tin và đa dạng với âm thanh, hình ảnh, hoạt hoạ, văn bản, hệ thống câu hỏi tương tác và bài tập, qua đó sinh viên chủ động học tập và tự kiểm tra được kết quả học tập. Các giáo trình cho hệ

ĐTTX đã được cải tiến nhiều lần theo chuẩn giáo trình ĐTTX của khu vực và thế giới.

Trong đó, qua thống kê (*Bảng 5*), nhu cầu học tập theo phương thức trực tuyến tăng cao qua các năm, thậm chí năm 2016 và 2018 tăng hơn 60% và 40% đối với hình thức từ xa trực tuyến (EHOU). Điều này cho thấy Trường đã chủ động trong nghiên cứu triển các ứng dụng công nghệ trong đào tạo rất phù hợp với xu thế phát triển ứng dụng của công nghệ nói chung và đáp ứng nhu cầu học tập của đa số người dân nói riêng. Ngoài ra, số liệu về tuyển sinh sinh viên, học viên theo học hệ ĐTTX trực tuyến (EHOU) tại *Bảng 5* cho thấy trong vòng 5 năm nhu cầu học từ xa trực tuyến của người dân tăng gấp bốn lần so với học từ xa truyền thống (Từ 1016 năm 2015 tăng lên 4921 năm 2020). Đây chính là kết quả của những đề tài nghiên cứu và nỗ lực của cán bộ giảng viên trong Nhà trường trong nhiệm vụ ứng dụng công nghệ vào đào tạo. Điều này chứng minh Trường Đại học Mở Hà Nội đi đúng định hướng của Đảng và nhà nước và theo Chiến lược phát triển của Nhà trường khi áp dụng công nghệ đào tạo trực tuyến vào ĐTTX, đáp ứng nhu cầu của xã hội, tiến tới xây dựng xã hội HTSD và góp phần vào chuyển đổi số trong giáo dục Việt Nam.

Nhà trường đã tạo lập mối quan hệ mật thiết với các doanh nghiệp, gắn liền hoạt động đào tạo với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực ngày càng cao của xã hội; đặc biệt trường đã liên kết đào tạo và góp phần đáng kể trong việc cung cấp nguồn nhân lực cho các địa phương và doanh nghiệp trên toàn quốc. Sau 27 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Mở Hà Nội đã đào tạo bậc đại học và trên đại học cho hàng vạn người thuộc nhiều đối tượng khác nhau, tại nhiều vùng miền khác nhau của Tổ quốc và cung cấp cho xã hội gần 180.000 cử nhân, kỹ sư, kiến trúc sư và thạc sỹ, trong đó có trên 70% tốt nghiệp hệ đào tạo không chính quy. Điều đặc biệt, nguồn lực tài chính cho quá trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và xây dựng cơ sở vật chất đó đều từ nguồn xã hội hoá là chủ yếu. Những con số khẳng định sứ mạng của Trường Đại học Mở Hà Nội: Mở cơ hội học tập cho mọi người, nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

**Bảng 5. Tuyển sinh và tốt nghiệp hệ đào tạo ĐHTX
từ năm 2015 đến 2020**

Năm	Tổng	Trong đó Số lượng EHOU	SV tốt nghiệp
2015	6.583	1.016	6.316
2016	6.685	1.658	5.288
2017	4.942	1.542	3.486
2018	3.851	2.974	4.373
2019	3.964	3.295	4.168
2020	6.796	4.921	4.465

**Bảng 6. Quy mô đào tạo đại học KCQ tại các khu vực trên toàn
quốc (tính đến 31/8/2020)**

TT	Khu vực	Tổng cộng
1	TP. Hồ Chí Minh	5.207
2	Trung du phía Bắc	4.197
3	Hà Nội	3.389
4	Các tỉnh Tây Bắc	2.127
5	Đà Nẵng	1.731
6	Các vùng khác	1.112
TỔNG		17.763

**Bảng 7. Quy mô đào tạo đại học KCQ theo ngành đào tạo trên
toàn quốc (tính đến 31/8/2020)**

STT	Ngành	Quy mô
1	Công nghệ thông tin	1.382
2	Kế toán	2.160
3	Luật, Luật Kinh tế	7.053
4	Ngôn ngữ Anh	2.751
5	Ngôn ngữ Trung quốc	307
6	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	209
7	Quản trị kinh doanh	3.426
8	Tài chính ngân hàng	475
TỔNG		17.763

Bên cạnh đào tạo các chương trình có cấp bằng, Trường Đại học Mở Hà Nội luôn xây dựng và phát triển các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn với số lượng đáng kể theo định hướng cung cấp và trang bị cho người học các kỹ năng, năng lực cần thiết để phát triển bản thân và phục vụ công việc hàng ngày. Một số chương trình bồi dưỡng điển hình như Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, chứng chỉ Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, chứng chỉ Nghiệp vụ điều hành du lịch, chứng chỉ Nghiệp vụ kế toán viên, chứng chỉ Bồi dưỡng quản lý kinh tế tài chính trong xu thế toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế. Để triển khai có chất lượng và hiệu quả, Trường đã xây dựng hệ thống học liệu, tài liệu dưới dạng điện tử và triển khai trên hệ thống học tập trực tuyến nhằm giúp cho người học tiếp cận dễ dàng, học tập và bồi dưỡng ở mọi lúc, mọi nơi, rất thuận tiện và linh hoạt cho mọi điều kiện làm việc, công tác và sinh hoạt của người học.

IV. Phục vụ xã hội và cộng đồng

Với chức năng, nhiệm vụ “đào tạo đại học và nghiên cứu các loại hình đào tạo mở, đào tạo từ xa, đào tạo tại chỗ nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội, góp phần tăng tiềm lực cán bộ khoa học - kỹ thuật cho đất nước”, có thể nói Trường Đại học Mở Hà Nội đã và đang thực hiện tốt vai trò của mình trong Hệ thống giáo dục người lớn tại Việt Nam. Một trong những minh chứng rằng Nhà trường đang đi đúng định hướng và chủ trương của Đảng và Nhà nước đó là Luật Giáo dục năm 2019 (gồm 9 chương, 115 điều), thay thế Luật Giáo dục năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2009 quy định rõ “Văn bằng giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm bằng cử nhân, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ và văn bằng trình độ tương đương”. Điều này đồng nghĩa với việc không ghi hình thức đào tạo khi cấp bằng cử nhân tức là đối với giáo dục đại học sẽ không còn phân biệt bằng cấp giữa các hình thức đào tạo.

Để phát huy tốt hơn nữa chức năng nhiệm vụ của Nhà trường cũng như nhiệm vụ quan trọng được Thủ tướng Chính phủ giao tại Đề án “Xây dựng XHHT giai đoạn 2012-2020”, Trường Đại học Mở Hà Nội đã tích cực phối hợp với Bộ GDĐT và Hệ thống các Trung tâm GDTX, cơ sở giáo dục cộng đồng và các cơ sở đào tạo khác để phục vụ xây dựng Hệ thống giáo dục người lớn, tiến tới xây dựng XHHT tại Việt Nam. Thực hiện chỉ đạo của Hội khuyến học Hà Nội, tháng 8/2018 Nhà trường đã ban hành Quyết định số 4597/QĐ-ĐHM v/v Thành lập Ban khuyến học tại Viện Đại học Mở Hà Nội và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban khuyến học vào tháng 01/2019.

Trường Đại học Mở Hà Nội với thế mạnh là đào tạo trực tuyến ELearning đã giúp phổ cập kiến thức cho người học từ xa không có khả năng đến trường cũng như người lớn muốn trau dồi thêm kiến thức trên khắp mọi miền của tổ quốc. Trong mô hình tổ chức học tập mới, người học giữ vị trí trung tâm vừa tiếp cận, vừa kiến tạo tri thức. Mục tiêu học tập

không chỉ học để biết mà học để làm và học để sáng tạo. Động cơ học tập cũng rõ ràng hơn. Cùng với việc phối hợp với Bộ GDĐT tổ chức các Hội nghị, Hội thảo, tập huấn trong và ngoài nước đã giúp cho người dân nâng cao nhận thức về GDTX và XHHT suốt đời. Điều này góp phần vào công cuộc xóa mù chữ của Nhà nước cũng như giúp mọi người vừa học vừa làm, học liên tục, học suốt đời nhằm hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ để cải thiện chất lượng cuộc sống, tìm việc làm, tự tạo việc làm và thích nghi với đời sống xã hội.

Để đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội, Trường Đại học Mở Hà Nội đã tổ chức thực hiện nhiều chương trình GDĐT, đặc biệt là các Chương trình bồi dưỡng kiến thức cho nhiều lĩnh vực khác nhau, nhiều đối tượng khác nhau đáp ứng nhu cầu của nhiều người học có nhu cầu nâng cao trình độ cập nhật kiến thức. Ngay từ những ngày đầu thành lập, Nhà trường đã tổ chức nhiều khoá đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp cho nhiều công ty và các tỉnh, thành phố. Viện đã phối hợp với Ban Khoa học Giáo dục của Đài Truyền hình Việt Nam thực hiện và phát sóng các chương trình giáo dục dân trí, bồi dưỡng kiến thức như: Nông dân cần biết (Khuyến nông), Chương trình Tin học phổ cập, Chương trình bảo vệ và phát huy các làng nghề truyền thống, Chương trình giáo dục thẩm mỹ về hội hoạ, kiến trúc, Chương trình công nghệ sinh học, Chương trình ôn luyện tiếng Anh... Về công tác đào tạo từ xa, để giúp cho sự phối hợp chặt chẽ, nhanh chóng và thuận tiện hơn trong công tác tuyển sinh và quản lý hồ sơ sinh viên giữa nhà trường và các đơn vị liên kết, Trường Đại học Mở Hà Nội đã xây dựng phần mềm hỗ trợ tuyển sinh đại học hệ Từ xa, đưa ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh và quản lý sinh viên; đã tổ chức 02 khóa tập huấn hướng dẫn sử dụng phần mềm cho các cán bộ tuyển sinh bao gồm của nhà trường và của các trạm đào tạo từ xa.

Bên cạnh đó, Trường Đại học Mở Hà Nội đã liên kết với nhiều cơ sở đào tạo trên cả nước tạo thành mạng lưới để phục vụ đông đảo người dân từ thành thị đến nông thôn, từ miền núi đến hải đảo; phối hợp với hệ thống các Trung tâm GDTX, cơ sở giáo dục cộng đồng vừa tổ chức tuyển sinh, đào tạo từ xa vừa chia sẻ các tài nguyên để các bên cùng phát huy các thế mạnh, khắc phục các điểm yếu. Trong hơn 27 năm kể từ ngày thành lập, Nhà trường đã phục vụ trực tiếp cho Hệ thống các Trung tâm GDTX, các cơ sở giáo dục cộng đồng và cơ sở đào tạo thông qua các giải pháp: Chuyển giao giải pháp công nghệ; Chia sẻ tài nguyên; Chia sẻ hạ tầng công nghệ trong việc dạy học bồi dưỡng; Tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ cho các cơ sở đào tạo.

Để góp phần thúc đẩy việc xây dựng XHHT thông qua các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, qua đó khẳng định năng lực đào tạo, bồi dưỡng nhân lực của Nhà trường qua các chương trình, hình thức đa dạng, phù hợp với điều kiện và nhu cầu của người học; Trường Đại học Mở Hà Nội luôn tích cực tham gia các hoạt động về GDTX như Hội

ng nghị thường niên Câu lạc bộ Giám đốc Trung tâm GDTX các tỉnh, thành phố nhằm chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm cũng như Hệ thống công nghệ cao của Trường phục vụ cho đào tạo, bồi dưỡng của hệ thống Trung tâm GDTX. Bên cạnh đó, nhà trường cũng phối hợp với các Sở GDĐT và các địa phương để tổ chức các Hội thảo để chia sẻ các kinh nghiệm, giải pháp và nhằm phát triển XHHT tại địa phương. Điển hình tại Hội thảo khoa học "Vai trò của trường đại học và hệ thống GDTX với việc xây dựng XHHT" tại tỉnh Lai Châu và Hội thảo "Đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực tại Hà Giang", thông qua các tham luận và nội dung các đại biểu đại diện các cấp, các ngành chia sẻ, các trường đại học và hệ thống GDTX, nhận thức của cán bộ và nhân dân về xây dựng XHHT sẽ được nâng cao, từ đó việc triển khai xây dựng XHHT sẽ có nhiều thuận lợi, nâng tầm dân trí, thúc đẩy phát triển của kinh tế, xã hội của địa phương. Với tiềm lực, tiềm năng và khả năng sẵn có Trường Đại học Mở Hà Nội đã giúp các địa phương thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trên nhiều lĩnh vực như: đào tạo tin học, ngoại ngữ, tài chính, ngân hàng, du lịch, luật và các khối ngành kinh tế khác... mà địa phương có nhu cầu. Bên cạnh đó, nhận thức của người dân về đào tạo từ xa, giáo dục mở và XHHT cũng được nâng cao và hiểu đúng hơn, chính xác hơn về lĩnh vực này. Có thể nói, Trường Đại học Mở Hà Nội luôn sẵn sàng mang kinh nghiệm và công nghệ tiên tiến để hỗ trợ các Trung tâm GDTX và các cơ sở giáo dục khác, cùng tạo nên một hệ sinh thái giáo dục mở, chia sẻ những tài nguyên là thế mạnh, từ đó tương trợ nhau cùng phát triển, góp phần nâng cao chất lượng và vị thế của nền giáo dục nước nhà.

Đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19, Nhà trường đã xây dựng và triển khai khoá học bồi dưỡng về sự hiểu biết và cách phòng chống dịch COVID-19 được hưởng ứng đón nhận của rất nhiều người dân với tổng số gần 7.500 người tham gia tập huấn và một số cơ sở giáo dục địa phương tiếp nhận để triển khai tại đơn vị của họ như trung tâm GDTX các tỉnh/thành phố. Ngoài ra, một số khoá học được xây dựng thông qua hợp tác với các tổ chức, đơn vị quốc tế như UNITWIN-UNESCO, OU5 nhằm trang bị năng lực số, năng lực chung cho công dân toàn cầu. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã phối hợp chia sẻ và hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục khác nhằm tổ chức dạy học trực tuyến trong điều kiện dịch COVID-19 được hiệu quả và chất lượng. Trong đó, công tác triển khai bao gồm cả tập huấn nâng cao năng lực cán bộ, giảng viên tham gia đào tạo trực tuyến; phối hợp xây dựng học liệu số, học liệu điện tử; chuyển giao các sản phẩm ứng dụng công nghệ phục vụ cho đào tạo trực tuyến như tại Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Trường Cao đẳng Sư phạm Yên Bái, Trường Trung cấp Lê Thị Riêng,... được các cơ sở giáo dục tiếp nhận, triển khai có hiệu quả và đáp ứng tốt cho công tác dạy học trực tuyến trong thời gian dịch bệnh với phương châm “tạm dừng đến trường, không dừng học”. Bên cạnh việc chia sẻ kiến thức và chuyển giao công nghệ, nhà trường còn hỗ trợ các đơn vị triển khai các dự án về đào tạo trực tuyến như

Tổ chức Cứu trợ trẻ em Quốc tế tại Việt Nam, Sáng kiến Giáo dục vì sự phát triển bền vững của UNESCO, một số khóa đào tạo bồi dưỡng giáo viên của Cục Nhà Giáo và Quản lý Cán bộ Giáo dục... Trường còn cung cấp hạ tầng công nghệ đào tạo trực tuyến cho một số cơ sở giáo dục đào tạo triển khai các khóa học trực tuyến hỗ trợ cho đào tạo chính quy và tham gia xây dựng học liệu điện tử và cung cấp hạ tầng công nghệ để tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn theo các Chương trình, Dự án do Bộ GDĐT, tổ chức UNESCO chủ trì.

Chính vì những đóng góp và cống hiến của Trường Đại học Mở Hà Nội trong hoạt động đào tạo, trong nghiên cứu khoa học, trong hợp tác quốc tế và hoạt động vì cộng đồng, Nhà trường đã có một vị trí xứng đáng trong hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam và khẳng định thực tiễn cho sự thành công của mô hình tự chủ đã được Bộ GDĐT giao ngay từ khi thành lập. Nhà trường đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì, bằng khen của Thành ủy Hà Nội, bằng khen của UBND các tỉnh Bắc Giang, Điện Biên, Quảng Ninh, Cờ thi đua của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Cờ thi đua xuất sắc của Thành đoàn Hà Nội... như một sự ghi nhận cho nỗ lực của trường.

V. Đề xuất, kiến nghị

- Hoàn thiện các cơ sở pháp lý rõ ràng, cụ thể cho hoạt động đào tạo từ xa hướng đến XHHT (thông qua chủ trương, chính sách, pháp luật); trong đó có hoạt động đào tạo, bồi dưỡng bằng ứng dụng công nghệ trực tuyến, hướng đến xây dựng một số cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trọng tâm, trọng điểm bằng hoàn toàn trực tuyến để cung cấp môi trường học tập cho người dân;

- Quan tâm chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ trong đào tạo theo xu thế chung. Cần xây dựng công tài nguyên giáo dục mở quốc gia dưới dạng các khoá học MOOCs cung cấp cho nhu cầu học tập của mọi người dân trên cơ sở huy động nguồn lực của xã hội: đơn vị cung cấp hạ tầng công nghệ; đơn vị, cá nhân, các nhà khoa học, các chuyên gia, các doanh nghiệp cung cấp nội dung và vận hành các nội dung đó trong mối liên hệ với hệ thống GDTX và Trung tâm hỗ trợ cộng đồng;

- Cần sự vào cuộc của các cấp, các ngành, tạo ra chuyển biến trong tư duy và nhận thức về XHHT và HTSD tại Việt Nam; Huy động các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia xây dựng XHHT;

- Đẩy mạnh tuyên truyền và truyền thông nâng cao, thay đổi nhận thức của người dân về HTSD, xây dựng XHHT./.

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO TỪ XA TRONG GIAI ĐOẠN 2015-2020

Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

1. Mở đầu

Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập vào năm 1990 và trở thành Trường đại học công lập vào năm 2006. Qua 30 năm kinh nghiệm trong hoạt động đào tạo, trường đã không ngừng phấn đấu xây dựng và phát triển để cung cấp cho người học những chương trình học tập đa dạng và chất lượng. Trường đã xác định sứ mạng của mình là góp phần thúc đẩy xã hội học tập và đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người thông qua việc truyền tải tri thức bằng các phương thức linh hoạt và thuận tiện nhất.

Đối với hình thức đào tạo từ xa (ĐTTX), Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những trung tâm ĐTTX có quy mô đào tạo lớn và phát triển mạnh ở khu vực phía nam. Trung tâm ĐTTX của trường đảm nhận nhiệm vụ mở rộng và phát triển hoạt động ĐTTX ngày càng chuyên nghiệp, giúp người học có hình thức học tập linh hoạt phù hợp với điều kiện, thời gian của mình và đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương.

Trong quá trình hoạt động Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh luôn thực hiện theo các Quy định, Quy chế về tổ chức hoạt động đào tạo theo hình thức ĐTTX của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như những đề án phát triển giáo dục từ xa qua từng giai đoạn như Quyết định 164/2005/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2005 phê duyệt đề án “Phát triển giáo dục từ xa giai đoạn 2005-2010” của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1559/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2015, phê duyệt đề án “Phát triển đào tạo từ xa giai đoạn 2015-2020”.

2. Nội dung

Thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp phát triển đào tạo từ xa giai đoạn 2015-2020 được nêu trong đề án “Phát triển đào tạo từ xa giai đoạn 2015-2020” ban hành theo Quyết định số 1559/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2015, nhà trường đã triển khai thực hiện công việc cụ thể như sau:

2.1. Về xây dựng và hoàn thiện chính sách phát triển ĐTTX

2.1.1. Rà soát, bổ sung và hoàn thiện các quy định

Thực hiện Quy chế Đào tạo từ xa trình độ đại học Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ

trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường đã cụ thể hóa những vấn đề mà Quy chế yêu cầu thuộc thẩm quyền của cơ sở giáo dục đại học bằng việc ban hành Quyết định số 1263/QĐ-ĐHM ngày 10 tháng 8 năm 2017 về việc Ban hành Quy chế về tổ chức đào tạo, thi, kiểm tra, cấp chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp theo hình thức đào tạo từ xa và Quyết định số 1264/QĐ-ĐHM ngày 10 tháng 8 năm 2017 về việc Ban hành Quy định về việc xét miễn giảm và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập trong chương trình đào tạo bậc đại học hình thức đào tạo từ xa và vừa làm vừa học.

Về vấn đề liên kết đào tạo nhà trường thực hiện theo thông tư số 07/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 ban hành Quy định về liên kết đào tạo trình độ đại học, nhà trường đã cụ thể hóa những vấn đề mà Quy chế yêu cầu thuộc thẩm quyền của cơ sở giáo dục đại học bằng việc ban hành Quyết định số 357/QĐ-ĐHM ngày 10 tháng 4 năm 2015 về việc Ban hành Quy định về liên kết đào tạo đại học hệ không chính quy của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1.2. Về việc áp dụng công nghệ trong ĐTTX

a) Giảng dạy qua sóng phát thanh

Hình thức đào tạo từ xa qua sóng phát thanh được nhà trường tiếp tục duy trì thực hiện, tiếp nối một quá trình dài được bắt đầu từ năm 1993 khi nhà trường bắt đầu triển khai đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh (QTKD) theo hình thức từ xa. Trong quá trình đó nhà trường không ngừng cải tiến, cập nhật nội dung bài học được giảng trên đài cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và trên thế giới, đồng thời cũng bổ sung vào chương trình phát sóng những “câu chuyện giáo dục” nhằm mở rộng hiểu biết và làm sinh động thêm nội dung giảng dạy qua đài.

Trong xu thế phát triển mạnh mẽ và ứng dụng rộng rãi của mạng máy tính, từ đầu năm 2016 trường đã phối hợp với Đài để tải nội dung phát sóng lên mạng internet thông qua trang web của Đài và như vậy bên cạnh việc nghe đài, sinh viên còn có thể nghe hoặc nghe lại bài học trên mạng internet.

Song song đó nhà trường cũng đã đầu tư trang thiết bị máy móc cho các đơn vị liên kết để triển khai việc hướng dẫn học tập qua cầu truyền hình.

b) Học trực tuyến (E-learning)

Với phương châm luôn giữ vững và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời trong quá trình hoạt động đào tạo cũng cần phải thay đổi cho phù hợp với tình hình mới, nhất là vào thời điểm hình thức đào tạo từ xa gặp nhiều khó khăn trong khâu tuyển sinh. Số lượng tuyển sinh giảm qua từng năm do ngày càng có nhiều trường đại học tham gia

triển khai hình thức đào tạo này và không phải trường nào cũng chú trọng đến chất lượng mà chủ yếu là tăng số lượng, tăng nguồn thu. Việc tổ chức đào tạo không chú trọng đến chất lượng dẫn đến hệ quả là gây ra mất niềm tin của xã hội đối với hình thức từ xa. Trường đã có những điều chỉnh theo hướng tăng cường chăm sóc sinh viên thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các khâu của hoạt động đào tạo như đăng ký môn học trực tuyến, hệ thống quản lý học tập (LMS), cổng thông tin cố vấn học tập. Vào đầu năm 2014, nhà trường chuẩn bị cơ sở hạ tầng kỹ thuật và nội dung cho phương thức đào tạo trực tuyến (e-learning). Đào tạo trực tuyến là phương pháp học tập tiên tiến phù hợp với xu hướng giáo dục trong thời đại của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Với hình thức học tập chủ yếu trực tuyến trên nhiều loại thiết bị khác nhau, e-learning giúp người học “vượt qua” rào cản về thời gian – không gian trong học tập. Phương pháp học tập này đặc biệt phù hợp với những người bận rộn, luôn tìm kiếm giải pháp nâng cao tri thức, kỹ năng với một thời gian biểu giới hạn. Sau thời gian chuẩn bị Trung tâm Đào tạo trực tuyến được thành lập theo Quyết định số 653/QĐ-ĐHM vào ngày 24 tháng 5 năm 2016. Đến cuối năm 2019, chương trình đào tạo cử nhân trực tuyến của trường đã có hơn 3300 sinh viên tham gia và trải dài khắp cả nước. Đồng thời chương trình này cũng lan tỏa sang các quốc gia khác như Malaysia, Nhật Bản, Singapore. Chương trình cử nhân trực tuyến có 9 ngành đào tạo gồm: Kinh doanh Quốc tế, Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực, Tài chính – Ngân hàng, Kiểm toán, Kế toán, Luật học, Luật Kinh tế và Ngôn ngữ Anh. Ngoài ra, Trung tâm Đào tạo trực tuyến triển khai các khóa học ngắn hạn trực tuyến: Luyện thi TOEIC 550+, Luyện thi Chứng chỉ tiếng Hàn TOPIK I.

Thông kê tình hình tuyển sinh cử nhân trực tuyến từ 10/2016)

STT	Năm học	Số lượng sinh viên	Ghi chú
1	2016 – 2017	277	
2	2017 – 2018	936	
3	2018 – 2019	1287	
4	2019 – 2020	1500	
	Tổng cộng	4,000	

Số lượng tuyển sinh tăng qua từng năm cho thấy hình thức này đã đáp ứng tốt nhu cầu học tập của xã hội. Trên cơ sở đó nhà trường tiếp tục mở rộng ngành nghề đào tạo và không ngừng mở rộng địa bàn liên kết trong thời gian tới.

c) Xây dựng các khóa học mở trực tuyến đại chúng (MOOCs)

Trước trào lưu trên thế giới đang “bùng nổ” về việc xây dựng MOOCs (được ghi nhận là vào năm 2012 và thời điểm bắt đầu từ năm 2008) nhà trường đã tiến hành xây dựng hệ thống gọi là VMOOCs. Dự án VMOOCs đào tạo ngắn hạn phục vụ cộng đồng dự kiến ra mắt vào tháng 12 năm 2020.

2.2. Phát triển mạng lưới

Thực hiện triết lý của nền giáo dục mở là “mang kiến thức đến cho mọi người”, nhà trường luôn kiên định thực hiện mục tiêu là mở rộng ngành nghề đào tạo và phạm vi hoạt động đào tạo. Trong giai đoạn 2015-2020 bên cạnh việc củng cố các đơn vị hiện đang phối hợp với trường triển khai hình thức đào tạo từ xa tại các Trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, quận, huyện; các trường Đại học, Cao đẳng, Cao đẳng cộng đồng, Trường trung cấp, Trung tâm bồi dưỡng chính trị... nhà trường cũng dần khôi phục các đơn vị liên kết gián đoạn việc mở lớp trong thời gian dài như ở các tỉnh ở địa bàn Tây Nguyên, Phú Quốc (Kiên Giang), triển khai các lớp ở huyện như Ia-grai, Chư-pah, Chư-sê, Chư-puh, Đăk-pơ, Mang-Yang (thuộc tỉnh Gia Lai), M’Đrak (thuộc tỉnh Đắk-Lắk), mở các đơn vị liên kết mới như Trung tâm GDTX tỉnh Ninh Thuận, Trường Cao đẳng Việt-Mỹ .Ngoài liên kết, đặt trạm ... Trường còn mở rộng đào tạo theo địa chỉ cho các đơn vị Học viện chính trị khu vực II, lực lượng thanh niên xung phong (Trung tâm Giáo dục thường xuyên thanh niên xung phong); các trung tâm cai nghiện ở các địa bàn Phú Đức, Phú Nghĩa (thuộc tỉnh Bình Phước), các Trung tâm bảo trợ xã hội thuộc Trung tâm GDTX Gia Định; lực lượng vũ trang, ban chỉ huy quân sự các quận huyện như tại Quận 4, Quận Bình Chánh, Quận Bình Tân, Quận Hóc Môn (thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Đến nay Trường đã xây dựng được mạng lưới các điểm vệ tinh cho hình thức đào tạo từ xa ở các tỉnh, thành với hơn 40 đơn vị liên kết và trạm đào tạo từ xa tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh từ Bình Định trở vào đến mũi Cà Mau.

2.3. Kiểm định chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đã được kiểm định và đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo Quyết định số 101/QĐ-TTKĐ ngày 18 tháng 9 năm 2017 chứng nhận Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2.4. Bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên tham gia ĐTTX

Trung tâm ĐTTX tổ chức họp mặt thường niên với các đơn vị liên kết để tổng kết và trao đổi về các phương hướng phát triển hình thức ĐTTX; tập huấn cho các cộng tác viên ở các đơn vị liên kết những thay đổi trong Quy chế, Quy định về tổ chức đào tạo. Đặc biệt là tổ chức cho lãnh đạo, cộng tác viên tại các đơn vị liên kết tham quan giao lưu học tập kinh

nghiệm về ĐTTX ở nước ngoài như Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Nhật Bản để cùng nhau thực hiện và phát triển ĐTTX ở nước nhà.

2.5. Hợp tác quốc tế trong ĐTTX

Về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ĐTTX, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh trở thành thành viên của Hiệp hội các trường Đại học Mở Châu Á (AAOU) ngày 01 tháng 01 năm 2009; thành viên của Hội đồng quốc tế về giáo dục mở và từ xa (ICDE) ngày 01 tháng 01 năm 2016 và hàng năm đều có cử đoàn cán bộ đi dự hội nghị thường niên của các tổ chức quốc tế này và đã có đóng góp các bài tham luận, cụ thể vào năm 2016 có 2 bài tham luận, năm 2017 có 1 bài tham luận, năm 2018 có 5 bài tham luận. (xem Phụ lục 1), đồng thời tích cực tham dự các hội thảo và học tập kinh nghiệm của các trường đại học trong khu vực và thế giới.

2.6. Tuyên truyền quảng bá

Để tuyên truyền, quảng bá hình thức ĐTTX trường đã thiết kế và đăng thông tin quảng bá tuyển sinh trên banner chiêu sinh trên trang thông tin điện tử của trường và các phương tiện truyền thông khác của trường, in brochure quảng bá tuyển sinh..

3. Kết luận

Qua thời gian thực hiện Đề án “Phát triển đào tạo từ xa giai đoạn 2015-2020” nhà trường đã nỗ lực phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp như trong đề án đã nêu. Điều này cũng đồng nghĩa với việc thực thi Sứ mạng của nhà trường và đề cụ thể hóa tầm nhìn “...với định hướng ứng dụng, phổ cập kiến thức và phục vụ cộng đồng, trong đó hoạt động đào tạo từ xa phát triển ngang tầm khu vực” nhà trường xác định phương hướng tiếp tục phát triển đào tạo trực tuyến, mở các ngành đào tạo Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Trung Quốc trình độ đại học, mở thêm các ngành Du lịch, Logistic và quản lý chuỗi cung ứng, xây dựng và triển khai blended learning, đồng thời tiếp tục giữ vững và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

Phụ lục

DANH MỤC BÀI THAM LUẬN TẠI HỘI NGHỊ QUỐC TẾ

STT	Tên bài tham luận	Tác giả	Tên hội nghị	Đơn vị tổ chức	Địa điểm tổ chức
1	Teacher Readiness for Online Teaching: A Critical Review	Phan Thị Ngọc Thanh, Đặng Thị Thảo Ly	The 30th Annual Conference of the Asian Association of Open Universities	Philippines Open University	Manila, Philippines October, 2016
2	Indispensable Innovations in an English Listening and Speaking Class at an E-Learning Training System at Ho Chi Minh City Open University	Nguyễn Châu Bích Tuyên	The 30th Annual Conference of the Asian Association of Open Universities (AAOU 2016) “Open Education in Asia, Changing Perspectives” <i>(Hội thảo Hiệp Hội các trường Đại học Mở Châu Á Lần thứ 30 “Giáo dục Mở ở Châu Á, những quan điểm đổi mới” - AAOU 2016)</i>	University of the Philippines Open University <i>(Trường Đại Học Mở Phillipines-UPOU)</i>	Ngày 26 – 29 tháng 10 năm 2016 Tổ chức tại Manila, Phillipines,
3	Online English Learning – The Mixed Perceptions of Learners and the Suggestions For Online Training Quality Assurance At HỒ CHÍ MINH City	Nguyễn Châu Bích Tuyên	The 31st Asian Association of Open Universities (AAOU 2017) Conference - Yogyakarta. Indonesia <i>(Hội thảo Hiệp Hội các trường</i>	<i>Trường Đại Học Mở Indonesia</i>	Báo Cáo ngày 27- 29 tháng 9 năm 2017 Tổ chức tại Yogyakarta. Indonesia

	Open University		<i>Đại học Mở Châu Á Làn thứ 31, Indonesia, AAOU 2017)</i>		
4	Ranking criteria for e-learning adoption: The case of Vietnam	Nguyen Le Hoang Thuy To Uyen, Doan Ho Dan Tam	The 32 nd Annual Conference of the Asian Association of Open Universities	AAOU (Đại học Mở Hà Nội đăng cai tổ chức)	Hà Nội – Việt Nam 24-26 October 2018
5	Enhancing the quality of student learning through an online student support system.	Hua Van Duc	The 32 nd Annual Conference of the Asian Association of Open Universities	AAOU (Đại học Mở Hà Nội đăng cai tổ chức)	Hà Nội – Việt Nam 24-26 October 2018
6	Teaching and learning EMI courses: A case study of HỒ CHÍ MINH open university	Ho Huu Thuy, Nguyen Anh Hoang Son	The 32 nd Annual Conference of the Asian Association of Open Universities	AAOU (Đại học Mở Hà Nội đăng cai tổ chức)	Hà Nội – Việt Nam 24-26 October 2018
7	Factors affecting student attrition in online distance bachelor programs at an open university	Phan Thi Ngoc Thanh, Nguyen Ngoc Thong, Dang Thi Thao Ly	The 32 nd Annual Conference of the Asian Association of Open Universities	AAOU (Đại học Mở Hà Nội đăng cai tổ chức)	Hà Nội – Việt Nam 24-26 October 2018
8	Negative Habits Making Great Barriers Of Online English Training Process At Ho Chi Minh City Open University (HỒ CHÍ MINHCOU)	Nguyễn Châu Bích Tuyền	The 32 nd Asian Association of Open Universities (AAOU 2018) Conference – (<i>Hội thảo Hiệp Hội các trường Đại học Mở Châu Á Làn thứ 32, AAOU 2018)</i>)	Ha Noi Open University (<i>Trường Đại Học Mở Hà Nội – Việt Nam</i>)	Báo cáo ngày 24 - 27 tháng 10 năm 2018 Tổ chức tại Trường Đại Học Mở Hà Nội – Việt Nam

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG ĐOÀN VIÊN, CÔNG NHÂN, LAO ĐỘNG HỌC TẬP SUỐT ĐỜI VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, NGHỀ NGHIỆP

*Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình
(Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển Đô thị tỉnh Quảng Bình)*

Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển Đô thị Quảng Bình là doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 81,49% vốn Điều lệ Công ty, hoạt động về dịch vụ công ích trên lĩnh vực vệ sinh môi trường, điện chiếu sáng công cộng, thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố. Lực lượng lao động của Công ty phần lớn là lao động phổ thông do đó việc tuyên truyền, vận động công nhân lao động tham gia học tập suốt đời (HTSD) và hỗ trợ người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp tại doanh nghiệp là rất cần thiết.

Nhằm cụ thể hóa việc thực hiện Quyết định số 231/QĐ-TTg ngày 13/12/2014, của Thủ tướng Chính phủ về “Đẩy mạnh các hoạt động HTSD trong công nhân, lao động trong doanh nghiệp đến năm 2020”, Công văn số 216/TLĐ và Chương trình số 1464/CTr-TLĐ của Tổng Liên đoàn về “Nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên và người lao động”, những năm qua, Ban chấp hành Công đoàn đã tham mưu cho Đảng ủy, phối hợp với Ban giám đốc Công ty để triển khai thực hiện Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động HTSD trong cán bộ, đoàn viên, công nhân, lao động tại doanh nghiệp” gắn với Kế hoạch số 577/KH-LĐLĐ ngày 29/10/2013 của Liên đoàn Lao động tỉnh về “Nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên và người lao động”; thường xuyên tổ chức tuyên truyền, quán triệt sâu rộng trong cán bộ, đoàn viên, công nhân, lao động trong doanh nghiệp về học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp; đẩy mạnh các hoạt động học tập.

Xác định việc nâng cao trình độ kỹ năng nghề nghiệp cho đoàn viên và người lao động là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển doanh nghiệp; do đó Ban chấp hành Công đoàn đã chủ động tham mưu Ban Lãnh đạo Đảng ủy Công ty chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm giúp cho cán bộ, đoàn viên, công nhân, lao động thấy rõ việc nâng cao trình độ kỹ năng nghề nghiệp là từng bước tri thức hóa giai cấp công nhân, xây dựng giai cấp công nhân ngày càng vững mạnh, xứng đáng là giai cấp tiên phong, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; trong những năm qua, Ban chấp hành Công đoàn Công ty đã tổ chức tuyên truyền, vận động công nhân lao động tham gia học tập nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp,

pháp luật, kỹ năng sống cho 100% cán bộ, đoàn viên và người lao động trong doanh nghiệp, tạo sự chuyển biến tích cực của Ban chấp hành công đoàn, của cán bộ công đoàn, của người quản lý Công ty về trách nhiệm của mình trong việc tiếp tục tổ chức tốt phong trào học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ công nhân, lao động.

Nhằm đẩy mạnh “Nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên và người lao động”, hàng năm, Ban chấp hành Công đoàn đã phối hợp Ban Lãnh đạo Công ty tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn cho người lao động trong Công ty về kỹ năng nghiệp vụ trong thực hiện nhiệm vụ được giao, tập huấn về an toàn lao động và vệ sinh lao động, về công tác phòng cháy, chữa cháy..., ngoài ra Công ty cũng đã phối hợp với Hội Doanh nghiệp tỉnh tổ chức tập huấn nâng cao trình độ nghiệp vụ, cập nhật kiến thức cho đội ngũ quản lý doanh nghiệp cấp từ Đội trưởng trở lên (2 năm /lần).

Hàng năm, Ban chấp hành Công đoàn Công ty đã chủ động phối hợp với các tổ chức đoàn thể, các phòng, ban chức năng trong doanh nghiệp tổ chức tuyên truyền về Chương trình “Nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên và người lao động” thông qua tài liệu sinh hoạt của các đoàn thể, các lớp tập huấn, các buổi sinh hoạt của các tổ chức...

Ban chấp hành Công đoàn đã phối hợp với Ban Lãnh đạo Công ty xây dựng và triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phối hợp tổ chức Hội nghị người lao động, ký kết Thỏa ước lao động tập thể hàng năm..., thông qua đó đã đưa nội dung về tạo điều kiện cho đoàn viên và người lao động được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp vào Thỏa ước lao động tập thể.

Việc thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020” và Kế hoạch số 577/KH-LĐLĐ ngày 29/10/2013 của Liên đoàn Lao động tỉnh tại doanh nghiệp đã đạt được kết quả như sau:

+ Công nhân, lao động tay nghề, lao động phổ thông có trình độ học vấn trung học cơ sở trở lên: 146 người (đạt 67%).

+ Cán bộ, công nhân, lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên là 72 người (đạt 33%); Trong đó: trình độ thạc sĩ 06 người (đạt 8%); Đại học là 29 người (đạt 40%).

+ Cán bộ, và công nhân, lao động có trình độ chính trị sơ cấp: 50 người; cao cấp chính trị là 04 người và đa số có kiến thức cơ bản về tin học và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

+ Những năm qua, Ban chấp hành công đoàn đã triển khai tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước đến 100% cán bộ, đoàn viên và người lao động.

+ Số đoàn viên và người lao động được học tập, tìm hiểu những kiến thức cơ bản về nắm bắt thông tin, kỹ năng hòa nhập cộng đồng, kỹ năng chăm sóc sức khỏe bản thân, kỹ năng tổ chức cuộc sống gia đình, phòng, chống tội phạm, ma túy, tệ nạn xã hội đạt tỷ lệ cao hơn so với những năm trước.

Bên cạnh đó, Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty đã thực hiện tốt công tác khuyến học, khuyến tài nhằm thúc đẩy xã hội học tập theo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 9/1/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020”; tháng 4 năm 2016 Hội khuyến học Công đoàn cơ sở Công ty được thành lập và đi vào hoạt động có hiệu quả. Hội khuyến học của Công ty đã xây dựng Quy chế hoạt động rõ ràng, cụ thể, quy chế chi tiêu của Hội được công khai, minh bạch và chịu sự giám sát của các thành viên Hội, góp phần đưa hoạt động của Hội đi vào nề nếp, Hội đã thực hiện việc thu chi quỹ Hội để phục vụ cho các hoạt động khen thưởng, khuyến khích động viên người lao động và con của công nhân lao động trong Công ty không ngừng nỗ lực vươn lên trong học tập, rèn luyện.

Để tiếp tục “Đẩy mạnh các hoạt động HTSD trong cán bộ, đoàn viên, công nhân lao động tại doanh nghiệp” thời gian tới, Công đoàn cơ sở Công ty tập trung triển khai những nội dung chủ yếu như sau:

Thứ nhất, Tiếp tục tuyên truyền, vận động đoàn viên, người lao động Công ty tích cực học tập nâng cao trình độ mọi mặt, đồng thời có ý thức tuyên truyền mọi người cùng tích cực tự học, góp phần xây dựng xã hội học tập.

Thứ hai, Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đối thoại, thương lượng với người sử dụng lao động, đưa nhiệm vụ nâng cao trình độ học vấn, tay nghề cho người lao động vào thoả ước lao động tập thể.

Thứ ba, Vận động người sử dụng lao động xây dựng kế hoạch và hỗ trợ kinh phí cho việc đào tạo và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp cho đoàn viên, người lao động.

Thứ tư, Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình, các hoạt động nhằm thực hiện tốt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 – 2020” của Ủy ban nhân dân tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh gắn công tác đào tạo, bồi dưỡng với các phong trào thi đua, đề xuất tuyên dương, khen thưởng các cá nhân tiêu biểu trong thực hiện phong trào.

Thứ năm, Tiếp tục tranh thủ sự lãnh đạo của Đảng ủy; phối hợp với Giám đốc công ty triển khai các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên, người lao động, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và công tác; thực hiện tốt hoạt động xây dựng xã hội học tập trong công đoàn cơ sở công ty.

MÔ HÌNH TỦ SÁCH NHÂN ÁI VÀ NGÔI NHÀ TRÍ TUỆ GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐỌC, NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC VÀ HỌC TẬP SUỐT ĐỜI CHO MỌI NGƯỜI

Ông Nguyễn Tuấn Anh

Người sáng lập Tủ sách nhân ái và Ngôi nhà trí tuệ

Nhà vật lý thiên văn nổi tiếng người Mỹ Neil deGrasse Tyson trong bộ phim khoa học “A Space - Time Odyssey” (2014) từng thốt lên rằng “*Trao cho trẻ một cuốn sách là bạn đã thay đổi thế giới!*” khi nói về những thôi thúc cháy bỏng được khám phá vũ trụ của Albert Einstein trong lần đầu tiên cậu bé được đọc một cuốn sách hay. Thế giới đã đổi thay như thế nào từ sau ngày hôm đó, chúng ta đều đã biết. Vậy hãy thử hình dung khi tất cả trẻ em đều được trao những cơ hội đọc sách và học tập tử tế thì thế giới sẽ còn đáng sống biết bao? Để góp phần kiến tạo nên tương lai tươi đẹp đó, Tủ sách Nhân ái và Ngôi nhà Trí tuệ đã ra đời nhằm xây dựng những cộng đồng học tập với tinh thần chia sẻ tri thức không giới hạn. Đến nay, sau những chặng đường đầy gian nan, cả hai mô hình đã bước đầu chứng minh được hiệu quả và đem lại nhiều giá trị cho cộng đồng trong việc góp phần phát triển văn hóa đọc, nâng cao năng lực tự học và học tập suốt đời cho mọi người.

1. Tủ sách Nhân ái (Compassion Books)

Những năm qua, cộng đồng biết tới Tủ sách Nhân ái là một chuỗi các mô hình tủ sách nhằm giúp cho các trường học và cộng đồng dân cư có một giải pháp đơn giản, tiết kiệm nhưng đầy hiệu quả nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc, vun bồi trí tuệ và lòng nhân ái nơi mỗi người, không giới hạn tuổi tác, ngành nghề, lĩnh vực, địa vị, tôn giáo,... Cùng với các Tủ sách Nhân ái trong các lớp học (từ mầm non tới THPT), chương trình đã triển khai rất nhiều tủ sách và thư viện ở các Ngôi nhà Trí tuệ, nhà văn hóa thôn xóm, bản làng, các bệnh viện, nhà chùa, giáo xứ, các mái ấm tình thương, trại giam, cơ quan, doanh nghiệp, chung cư, cho tới các tủ sách gia đình, tủ sách cộng đồng tại nhà,... Sau hơn bốn năm (2017 - 2021), tính đến tháng 6/2021 đã có 12.899 tủ sách và thư viện như thế được mở ở hơn 4.000 trường học và cộng đồng dân cư của 60 tỉnh thành trên cả nước. Ngoài ra, chương trình còn tổ chức tặng hàng vạn cuốn sách hay mỗi năm tới hàng chục ngàn độc giả hữu duyên mọi miền Tổ quốc thông qua mạng xã hội, mừng tuổi sách đêm giao thừa và đầu năm mới. Tổng số bản sách mà chương trình đã trao tặng tới mọi người hơn ba năm qua lên tới hơn 600.000 cuốn.

Hàng triệu độc giả ở mọi lứa tuổi, ngành nghề, khắp các địa phương trên cả nước, đặc biệt là các độc giả ở những vùng nông thôn, miền núi,

vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và những độc giả ở nhóm đối tượng yếu thế như trẻ mồ côi, khuyết tật, học sinh nghèo đã có được những cơ hội quý giá để tiếp cận tri thức chân chính theo những cách thuận tiện nhất. Với mạng lưới Tủ sách Nhân ái phục vụ tận nơi, mỗi độc giả có thể tiếp cận hàng chục tới hàng trăm đầu **sách hay** phù hợp lứa tuổi và sở thích của bản thân mỗi năm. Nhiều em học sinh tiểu học ở Thạch Hà, Nghi Xuân (Hà Tĩnh), Yên Thành, Thanh Chương (Nghệ An) đã đọc tới hơn 200 cuốn sách trong một năm học, các số liệu được tổng hợp từ nhật ký đọc sách của các em.

Để mang thật nhiều sách hay tới mọi người, không thể không có **sự chung tay của toàn xã hội**. Với mỗi chương trình tủ sách ở các địa phương, Tủ sách Nhân ái luôn kết nối đầy đủ các bên liên quan gồm chính quyền địa phương cấp tỉnh, huyện (UBND tỉnh/huyện, Tỉnh/Huyện ủy), Sở/Phòng Giáo dục và Đào tạo (một số nơi còn có sự tham gia của Công an, Đoàn Thanh niên, Hội Khuyến học,...), các trường học, phụ huynh học sinh và các nguồn lực xã hội từ các hội đồng hương, cựu học sinh, các doanh nghiệp và cá nhân các nhà nhân ái. Tất cả tạo nên một sự cộng hưởng sức mạnh của cả nội lực và ngoại lực, trong đó nội lực đóng vai trò quyết định.

Với mục tiêu phủ sách mọi nơi có độc giả yêu sách, Tủ sách Nhân ái khai thác gần như tối đa các **không gian đọc** giúp các độc giả có thể đọc sách ở bất cứ đâu, từ ở lớp, ở thư viện, sân trường, ở nhà, ở nhà văn hóa thôn xóm, dưới gốc cây trên đường làng, hay ở chung cư, ở các cơ quan, công sở, bệnh viện, nhà chùa, giáo xứ, ... và thậm chí trong các trại giam. Có thể nói, chúng tôi đang làm những gì có thể để những cuốn sách của Tủ sách Nhân ái có mặt ở mọi nơi và theo suốt mọi nẻo đường trong cuộc đời mỗi người.

Tuy nhiên, để đảm bảo hiệu quả đọc sách, các trường học phải cam kết với Tủ sách Nhân ái các điều kiện về **thời gian đọc sách** đối với học sinh. Theo đó, mỗi lớp sẽ có một tiết đọc sách trong thời khóa biểu, có thể thực hiện ở lớp hoặc thư viện tùy điều kiện từng trường. Nhiều trường còn triển khai cho học sinh đọc sách 15-30 phút đầu giờ, là những khoảng thời gian tâm trí các em còn trống rỗng và tích cực để gieo thói quen và hứng thú đọc sách cho các em. Đặc biệt, chúng tôi luôn kêu gọi các bậc cha mẹ dành 20-30 phút mỗi ngày để đọc sách cùng con ở nhà. Với những chỉ số như vậy, chúng ta dễ dàng đo được thời gian đọc sách tối thiểu của mỗi em học sinh trong một năm học. Đó là một con số không hề nhỏ và rất đáng giá nếu được thực hiện nghiêm túc. Một cuộc thí nghiệm của hai nhà nghiên cứu Nagy và Herman (Learning words from context, 1985) đã chỉ ra rằng, nếu mỗi ngày bạn đọc sách 20 phút, bạn sẽ tích lũy được 18.000.000 từ mỗi năm. Nếu ngay từ nhỏ, con trẻ được xây dựng thói quen đọc sách

mỗi ngày như vậy, câu chuyện về năng lực tự học và học tập suốt đời chỉ còn là hệ quả tất yếu.

Thực tế cho thấy, muốn triển khai đồng bộ các hoạt động đọc sách ở các địa phương cần có các **chính sách khuyến đọc** thực chất từ trên xuống. Đó là việc chỉ đạo triển khai các Ngày hội đọc sách, Tuần lễ học tập suốt đời, đưa các chỉ tiêu phát triển văn hóa đọc vào chương trình năm học, đưa tiết đọc sách vào thời khóa biểu,... Vào cuối mỗi năm học, các trường đều thống kê, đánh giá, khen thưởng những học sinh chăm đọc sách và gửi về chương trình. Một số trường và địa phương còn đạt nhiều giải Đại sứ Văn hóa đọc cho cả học sinh và thầy cô như Thạch Hà, Nghi Xuân (Hà Tĩnh), Dĩ An (Bình Dương),...

Ở chiều ngược lại (từ dưới lên), Tủ sách Nhân ái hỗ trợ các trường trong việc tổ chức các hoạt động đọc sách nhằm hình thành **kỹ năng đọc sách** cùng nhiều kỹ năng sống và đam mê về khoa học, nghệ thuật... cho các em học sinh. Đó là các tiết đọc sách, giới thiệu sách vào giờ chào cờ đầu tuần, các hội thi kể chuyện, thuyết trình, hùng biện, vẽ tranh, diễn kịch, rung chuông vàng, các hội thi trải nghiệm STEM ở cấp trường, cấp huyện. Đó là những hoạt động đã và đang diễn ra thường xuyên ở các trường học có Tủ sách Nhân ái. Khi mỗi em học sinh có kỹ năng đọc sách và năng lực tự học, mục tiêu xây dựng xã hội học tập sẽ không còn xa.

Và để đảm bảo tính bền vững của phong trào ở các địa phương, Tủ sách Nhân ái luôn coi trọng việc xây dựng các **mô hình tự quản** và khuyến khích **sự tự lực tại chỗ** ở các địa phương. Đây là một điều kiện tiên quyết khi Tủ sách Nhân ái lựa chọn các địa phương để hỗ trợ. Chẳng hạn, các trường và địa phương phải cam kết đối ứng bằng việc chủ động trang bị giá sách, kêu gọi một phần kinh phí từ các nguồn lực tại địa phương, các cựu học sinh ở quê và xa quê để cùng chia sẻ trách nhiệm. Ở các trường, các tủ sách được giao cho các em học sinh tự quản dưới sự giám sát và hướng dẫn của thầy cô. Các trường chủ động tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến đọc, các sự kiện văn hóa đọc với sự hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn từ chương trình Tủ sách Nhân ái.

Nói tóm lại, thực tế triển khai chương trình trên cả nước để lại rất nhiều kinh nghiệm và bài học quý, trong đó việc đảm bảo chất lượng sách hay, kêu gọi sự chung tay của toàn xã hội giải quyết thực trạng thiếu sách ở nông thôn, miền núi, triển khai đồng bộ các chính sách khuyến đọc, khai thác tối đa các không gian đọc, duy trì thời gian đọc sách mỗi ngày, giúp học sinh hình thành kỹ năng đọc và xây dựng các mô hình tự quản, tự lực ở các địa phương là những điểm mấu chốt. Với những giải pháp này, việc kiến tạo hệ sinh thái đọc sách trên diện rộng hoàn toàn khả thi. Vậy ở chiều sâu thì sao? Ngôi nhà Trí tuệ chính là câu trả lời.

2. Ngôi nhà Trí tuệ (The House of Wisdom):

Ngôi nhà Trí tuệ là mô hình tập trung vào việc tạo dựng, duy trì và phát triển những cộng đồng học tập suốt đời hoàn toàn miễn phí, nơi con người học chủ yếu vì mong muốn có kiến thức để áp dụng vào cuộc sống, vì niềm đam mê tri thức, sự hiểu biết, vì tình yêu vẻ đẹp trí tuệ.

Mục tiêu nhất quán của các Ngôi nhà Trí tuệ là thúc đẩy việc chia sẻ tri thức, kinh nghiệm, sự hiểu biết và lan tỏa lòng nhân ái một cách sâu rộng trong cộng đồng. Đó là những không gian nơi mọi người, đặc biệt là lứa tuổi thanh thiếu niên, nhi đồng có thể vừa học vừa chơi, được bạn bè, thầy cô lắng nghe, trân trọng và chia sẻ, được hỗ trợ giải đáp những thắc mắc, khó khăn trong những bài học tại trường lớp cũng như nhiều vấn đề các em quan tâm, băn khoăn trong cuộc sống hàng ngày. Tuy nhiên, khác với trường học, Ngôi nhà Trí tuệ không đánh giá học lực qua điểm số, không có học bạ, không thi cử, xếp hạng... Ngôi nhà Trí tuệ là không gian học tập suốt đời, không hề giới hạn bất cứ môn học nào mà học tất cả những kiến thức cần thiết cho cuộc sống, là mảnh ghép hoàn chỉnh bổ trợ cho việc học trong các hệ thống trường lớp chính quy khác. Đây là nơi giúp con người chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, sự hiểu biết cho nhau một cách dễ dàng nhất, nhanh nhất, hiệu quả nhất với phương châm bất cứ ai cũng là thầy hoặc học trò của một ai đó. Để hiện thực hóa điều đó, Ngôi nhà Trí tuệ đã và đang cung cấp những khóa học miễn phí cho các em thanh thiếu niên, nhi đồng cũng như tất cả những người có hoàn cảnh khó khăn, ít có cơ hội tiếp cận các khóa học chính quy, tập trung.

Hiện nay, các Ngôi nhà Trí tuệ đang vận hành cùng lúc khá nhiều mô đun và tiện ích phục vụ mọi người, tất cả đều hoàn toàn miễn phí, bao gồm:

Thứ nhất, là một thư viện lớn với hàng ngàn cuốn sách hay đủ các thể loại phục vụ mọi người. Hiện có hơn 2.600 độc giả thường xuyên lui tới các Ngôi nhà Trí tuệ để đọc sách, tìm kiếm các tư liệu và kiến thức phục vụ nhu cầu học tập, giảng dạy, công việc chuyên môn và sinh kế gia đình (trồng trọt, chăn nuôi, buôn bán,...). Ngoài các độc giả chính là các em học sinh, còn có các thầy cô giáo, các cán bộ về hưu, các ông bà, bố mẹ, các bác nông dân,... Từ chỗ dẫn con cháu mình tới đọc sách và vui chơi, những người lớn cũng dần dần bị cuốn hút và lui tới nhiều hơn.

Thứ hai là các lớp học miễn phí với rất nhiều môn học đa dạng, duy trì đều đặn hàng tuần. Trong năm học, Ngôi nhà Trí tuệ tổ chức mỗi tuần 1-2 buổi học/sinh hoạt vào Thứ bảy và Chủ nhật. Vào dịp nghỉ hè có thể học luôn các buổi trong tuần, có giáo viên người địa phương và giảng viên người nước ngoài tham gia giảng dạy. Ngôi nhà Trí tuệ đặc biệt ưu tiên việc góp sức đưa tiếng Anh cùng giáo viên bản ngữ về với các em học sinh

ở những khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo xa xôi của đất nước Việt Nam.

Thứ ba là các lớp học chuyên đề trau dồi kỹ năng sống, giúp các em sớm biết cách định hướng và tự quản trị cuộc đời mình, biết tối ưu hóa những năng lực của bản thân. Những lớp học này bao gồm nhưng không giới hạn các chủ đề như: hiểu về lòng nhân ái, các loại hình thông minh, phương pháp học tập hiệu quả, phương pháp ghi nhớ, sử dụng hiệu quả khả năng của bộ não, làm việc nhóm, làm thế nào để trở thành một công dân toàn cầu, các kỹ năng mềm, giá trị của việc đọc sách, phương pháp đọc sách, lập bản đồ tư duy, cho và nhận, bí mật ngôi sao may mắn, những câu chuyện thú vị trong lịch sử và những bài học cho mọi người, kỹ năng tạo động lực, tự thể hiện bản thân; thiết lập mục tiêu, sử dụng thời gian, biết tôn trọng, lắng nghe và khích lệ người khác, học làm giáo viên, cách vệ sinh, chăm sóc thân thể, kiểm soát cơn giận, bảo vệ sức khỏe, biết cách quản lý tiền bạc, chi tiêu tiết kiệm, kỷ luật ngay từ nhỏ... Ngoài ra các em còn được học cách trồng trọt, may vá, nấu ăn, làm bánh, thổi sáo, hát ru, võ thuật, lắp ráp đồ điện và sử dụng điện an toàn... Các buổi học này do nhiều thầy cô giáo tại địa phương hoặc từ nhiều vùng miền của Tổ quốc và quốc tế tham gia truyền đạt.

Thứ tư là các buổi chia sẻ kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của các chuyên gia từ nhiều lĩnh vực, đặc biệt là giáo dục, y tế và nông nghiệp với người dân địa phương. Ngôi nhà Trí tuệ cũng là nơi hội họp trao đổi, tranh luận, chia sẻ kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của người dân địa phương với nhau. Đặc biệt, những người con xuất thân từ nông thôn nghèo khó, lớn lên học hành đỗ đạt, thành công sẽ trở về chính nơi mình sinh ra để chia sẻ câu chuyện và bài học của mình cho thế hệ trẻ tại quê nhà và tất cả bà con đồng hương, bạn bè xưa cũ trong lối xóm.

Thứ năm là tài trợ các học bổng cho các em đạt yêu cầu về đạo đức và học lực bằng tiền mặt hoặc các khóa học miễn phí tùy tình hình thực tế.

Thứ sáu là một Câu lạc bộ tiếng Anh giúp các em trau dồi kỹ năng giao tiếp và thuyết trình. Ngoài ra, còn có các câu lạc bộ cho những chủ đề thiết thực khác như bảo vệ môi trường thiên nhiên, nhảy múa, vẽ tranh,...

Thứ bảy là một “khách sạn sinh thái mini” cho những thầy cô giáo từ phương xa về sống và giảng dạy: có phòng nghỉ lại, có người dân địa phương phục vụ cơm nước (hoặc khách tự nấu). Khách có thể sáng đi leo núi, tắm sông, dạo cánh đồng... và chiều dạy các em nhỏ học, tối trò chuyện cùng dân làng.

Thứ tám là các lớp học tiếng Anh trực tuyến và nhiều lớp học các môn khác trên mạng, định hướng các em tìm tòi học hỏi những chủ đề kiến thức

bổ ích ngay trên hệ sinh thái của Ngôi nhà Trí tuệ như trang Web, Facebook, Group, Fanpage...

Những mô đun tiếp theo vẫn đang lên kế hoạch để triển khai và hoàn thiện hệ sinh thái Ngôi nhà Trí tuệ. Sau gần ba năm xây dựng và phát triển, đã có 18 Ngôi nhà Trí tuệ ra đời và đang hoạt động hiệu quả tại các tỉnh thành Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Bình Dương, Đắk Lắk. Mỗi Ngôi nhà Trí tuệ có từ hàng chục tới hàng trăm em học sinh cùng người dân địa phương tham gia học tập, đọc sách, sinh hoạt. Mỗi năm, 18 Ngôi nhà Trí tuệ đón hơn 75.000 lượt người tới đọc sách, học tập, sinh hoạt và ghi nhận đây là môi trường học tập tự do, hoàn toàn miễn phí, hiệu quả, sáng tạo.

Nói tóm lại, câu chuyện của Tủ sách Nhân ái và Ngôi nhà Trí tuệ là hành trình vượt lên và hóa giải những định kiến, những rào cản trong tư duy, nếp nghĩ của không ít người trong cộng đồng. Nhu cầu đọc sách, khát khao được học của trẻ em nói riêng và người dân nói chung - dù là ở vùng nông thôn, miền núi - thực sự rất lớn và thực tế chưa được đáp ứng đúng với tiềm năng. Nhiều Tủ sách Nhân ái và Ngôi nhà Trí tuệ vừa mở ra đã đón ngay một lượng lớn các độc giả và học viên tới đọc sách, học tập, sinh hoạt, trở thành điểm đến ưa thích của trẻ em và người dân địa phương. Do đó, hai mô hình đã nhận được những sự quan tâm, ủng hộ của chính quyền địa phương ở nhiều nơi trên cả nước. Điển hình là các Ngôi nhà Trí tuệ ở huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An chỉ sau một thời gian hoạt động đã tạo dấu ấn và tiếng vang trên toàn huyện, được Ủy ban nhân dân huyện Yên Thành và Hội khuyến học huyện trích một phần quỹ khuyến học hàng năm để đầu tư, trang bị sách vở, cơ sở vật chất nhằm mở rộng và phát triển các Ngôi nhà Trí tuệ.

Có thể nói, nếu Tủ sách Nhân ái là hành trình kiến tạo hệ sinh thái đọc sách, thì Ngôi nhà Trí tuệ là hành trình kiến tạo hệ sinh thái học tập suốt đời cho người dân nông thôn, miền núi trên đất nước Việt Nam. “Hệ sinh thái” ở đây có thể hiểu là một môi trường giáo dục tích cực và toàn diện, có khả năng hướng thượng cho mỗi cá nhân khi tham gia, từng bước trở thành những người có đầy đủ trí tuệ và nhân ái để học tập, làm việc, cống hiến và làm đẹp cho đời. Hiển nhiên, môi trường đó không thể thiếu những cuốn sách hay, những người bạn tốt và những người thầy giỏi - như lời ông bà chúng ta thường dạy: “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”. Ở đó, mọi người không chỉ được khơi gợi hứng thú đọc sách, nuôi dưỡng lòng hiếu tri, tinh thần hiếu học, mà còn là nơi để bất cứ ai cũng có thể tham gia vào các hoạt động nhân ái, chia sẻ tri thức, kinh nghiệm, những giá trị sống cho nhau; bất cứ ai cũng có thể trở thành những thành viên tích cực của cộng đồng, được dự phần vào những đổi thay của ngôi làng mình đang sống, vùng quê mình đang ở và rộng hơn là cho đất nước và thế giới này.

Những cộng đồng học tập đó sẽ là khởi nguồn cho những cộng đồng sống tử tế, hòa ái, biết thương yêu đùm bọc lẫn nhau, biết nâng niu bảo vệ những vẻ đẹp của thiên nhiên, trân quý mọi sự sống, biết bảo tồn di sản văn hóa lịch sử của tổ tiên và phóng thích vào xã hội cũng như quần sinh những năng lượng tích cực thiện lành. Tất cả chúng ta đều có một phần trách nhiệm trong việc cùng nhau góp phần kiến tạo nên những cộng đồng học tập trong một xã hội học tập như thế.

Trong một xã hội học tập, nhà trường cũng chỉ là một trong rất nhiều kênh học tập của trẻ em và người dân. Do vậy, rất mong Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ dành sự quan tâm và tạo những điều kiện thuận lợi cho các mô hình xã hội hóa (mà Tủ sách Nhân ái và Ngôi nhà Trí tuệ là hai trong số đó) phát triển, cũng như tạo cơ chế khuyến khích giáo viên, học sinh và người dân tham gia tích cực hơn vào các hình thức giáo dục thường xuyên ngoài khung giáo dục nhà trường, để học tập suốt đời trở thành niềm vui và thói quen của mỗi người dân.

PHẦN III
VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

Số: 49-KL/TW

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2019

KẾT LUẬN
CỦA BAN BÍ THƯ
về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về
tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến
tài, xây dựng xã hội học tập

Vừa qua, sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập (Chỉ thị 11), Ban Bí thư kết luận như sau:

Sau 10 năm thực hiện Chỉ thị 11 đã đạt được kết quả quan trọng. Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập đã có chuyển biến mạnh mẽ; chất lượng, hiệu quả hoạt động được nâng cao; tổ chức Hội Khuyến học được củng cố và phát triển, góp phần quan trọng vào nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực trong cả nước. Tuy nhiên, công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập chưa phát triển theo chiều sâu; chất lượng và hiệu quả còn một số hạn chế, nhất là việc giáo dục cho người lớn.

Để phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp tiếp tục quán triệt sâu rộng, thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị 11; đồng thời quán triệt và tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước

Việc duy trì và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập là trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp, trước hết là người đứng đầu. Phát huy và quy định rõ trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện Chỉ thị 11, gắn với việc đánh giá kết quả công tác hằng năm. Cấp ủy, chính quyền các cấp thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chỉ thị 11 và Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020” của Thủ tướng Chính phủ. Phấn đấu mỗi tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và gia đình cán bộ, đảng viên trở thành đơn vị

học tập, công dân học tập và gia đình học tập, làm nòng cốt trong việc xây dựng các mô hình học tập trong nhân dân.

2. Đẩy mạnh và đổi mới công tác tuyên truyền

Tiếp tục đẩy mạnh và đổi mới công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Lồng ghép một số chuyên đề về công tác khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập trong chương trình giáo dục chính trị tại các cơ sở giáo dục và đào tạo, trung tâm bồi dưỡng chính trị. Phối hợp các lực lượng xã hội, các cơ quan truyền thông để tuyên truyền, vận động toàn dân tham gia tích cực hơn nữa vào công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; kịp thời biểu dương gương sáng tự học, tự học thành tài để lập thân, lập nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động và chất lượng, hiệu quả công việc, góp phần phát triển bền vững gia đình, xã hội, xây dựng đời sống văn hóa mới; tuyên dương và nhân rộng các mô hình hay, phong trào hoạt động tốt về công tác này.

3. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội

Mỗi tổ chức cần có biện pháp phù hợp thúc đẩy việc học tập suốt đời của các thành viên, hội viên trong tổ chức để góp phần cùng với gia đình, dòng họ, thôn bản, tổ dân phố, các cơ quan, doanh nghiệp, trường học, viện nghiên cứu, bệnh viện, đơn vị lực lượng vũ trang... không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập, coi đó là nội dung quan trọng trong cuộc vận động xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh. Hội Khuyến học tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong liên kết, phối hợp, thúc đẩy phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, xây dựng mô hình “Đơn vị học tập” trong các cơ quan, trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu, doanh nghiệp... và trong lực lượng vũ trang.

4. Phát triển tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động và đa dạng các mô hình học tập; chú trọng đào tạo từ xa

Củng cố và phát triển các tổ chức Hội Khuyến học ở các cộng đồng dân cư; phát triển tổ chức khuyến học trong các cơ quan, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu... và trong lực lượng vũ trang, tạo nên phong trào thi đua khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời sôi nổi rộng khắp trong cả nước, gắn kết các tiêu chí công nhận mô hình học tập, công dân học tập, gia đình học tập, đơn vị học tập... với việc công nhận các mô hình văn hóa, với các danh hiệu thi đua.

Phát huy, sử dụng có hiệu quả các thiết chế giáo dục ngoài nhà trường, các thiết chế văn hóa ở cơ sở theo hướng chú trọng các hoạt động học tập; đáp ứng nhu cầu học tập của mọi người dân.

Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Gắn kết và liên thông giữa giáo dục chính quy với giáo dục thường xuyên; giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá trong các cơ sở giáo dục thường xuyên phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Chú trọng phát triển đào tạo từ xa theo hướng coi trọng chất lượng và hiệu quả phù hợp với xu thế phát triển giáo dục trên thế giới. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy và học; hỗ trợ cho người học có thể học từ xa, tự học, tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học tập suốt đời.

5. Tiếp tục xóa mù chữ cho người lớn, thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

Nâng cao tỉ lệ và chất lượng xóa mù chữ cho người lớn gắn với việc phổ cập nghề và giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là đối với người dân tộc thiểu số và phụ nữ. Thực hiện đa dạng hóa các hình thức học tập, củng cố kết quả xóa mù chữ, chống tái mù để mọi người, mọi lứa tuổi đều có quyền học tập suốt đời phù hợp với điều kiện của mỗi cá nhân, với yêu cầu phát triển của địa phương, đất nước.

Nghiêm túc thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc đối với cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, chức danh phù hợp với đặc điểm của địa phương, cơ quan, đơn vị. Khuyến khích cán bộ, công chức cấp xã học ngoại ngữ; cán bộ công tác tại vùng có đông đồng bào dân tộc thì bắt buộc phải biết tiếng dân tộc. Nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, đổi mới chương trình, tài liệu giảng dạy, nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân, người lao động trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ, lao động năng động, sáng tạo trong điều kiện nền kinh tế số hiện nay. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cơ sở giáo dục nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề và kỹ năng sống cho người lao động.

6. Đổi mới cơ chế tài chính, đẩy mạnh xã hội hóa công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng công dân học tập, đơn vị học tập và tỉnh, thành phố học tập

Rà soát và bổ sung cơ chế, chính sách về xây dựng xã hội học tập; tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích, tôn vinh các tập thể, cá nhân đóng góp các nguồn lực cho giáo dục và đào tạo, cho công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Các địa phương cần tiếp tục hỗ trợ kinh phí để củng cố, phát triển bền vững các trung tâm học tập cộng đồng

cấp xã; tạo thuận lợi cho các trung tâm học tập cộng đồng tham gia hoạt động khuyến học, khuyến tài, đào tạo nghề, xây dựng xã hội học tập thực sự hiệu quả.

Từng bước tổ chức xây dựng mô hình "Đơn vị học tập" ở cấp quận, huyện, ở cơ quan, đơn vị; mô hình "Tỉnh học tập", "Thành phố học tập", "Công dân học tập" theo các tiêu chí được Chính phủ phê duyệt. Thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ. Bổ sung, hoàn thiện chính sách ưu đãi đối với những tài năng trẻ trong học sinh, sinh viên để đào tạo, bồi dưỡng nhân tài nhằm xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành của đất nước.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác quốc tế, nhất là đối với Tổ chức Văn hóa, Khoa học, Giáo dục Liên hợp quốc (UNESCO); nghiên cứu, học tập, chia sẻ kinh nghiệm và tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, các tổ chức quốc tế, các cơ quan nghiên cứu quốc tế về công tác khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập. Chủ động, tích cực tham gia mạng lưới "Thành phố học tập" do UNESCO điều hành.

Mở rộng, tăng cường liên kết đào tạo với những cơ sở đào tạo của nước ngoài có uy tín, đồng thời quản lý chặt chẽ chất lượng đào tạo. Khuyến khích việc học và nghiên cứu ở nước ngoài bằng nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước. Vận động đội ngũ trí thức tài năng là người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp với hoạt động khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập.

8. Tổ chức thực hiện

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân các cấp tổ chức thực hiện và động viên nhân dân tích cực thực hiện tốt Kết luận này.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc tổ chức triển khai thực hiện Kết luận; định kỳ báo cáo tình hình và khi cần thiết đề xuất với Ban Bí thư.

Kết luận này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

Nơi nhận:

- Các tỉnh ủy, thành ủy,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng,
- đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên
- Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

Đã ký

Trần Quốc Vượng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 489/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Kết luận số 49-KL/TW ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Hội Khuyến học Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, KGVX (2).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Đã ký

Vũ Đức Đam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10 tháng 5 năm 2019
của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13 tháng
4 năm 2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 489 /QĐ-TTg
ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)*

Thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xác định các nội dung, nhiệm vụ cụ thể để các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là các bộ, ngành, địa phương) tập trung chỉ đạo, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội thực hiện đồng bộ và hiệu quả Kết luận số 49-KL/TW ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập (sau đây viết tắt là Kết luận số 49-KL/TW và Chỉ thị số 11-CT/TW).

2. Nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tích cực tham gia công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

3. Tổ chức triển khai toàn diện, đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập góp phần nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, công tác quản lý của các cấp chính quyền; sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả và đồng bộ giữa các ngành, các cấp và cả hệ thống chính trị

a) Các bộ, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ với tổ chức đảng và cấp ủy cùng cấp tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai nội dung Chỉ thị số 11-CT/TW và Kết luận số 49-KL/TW trong toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội, hoàn thành trong quý II năm 2020.

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an lồng ghép chuyên đề về công tác khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập trong chương trình giáo dục chính trị tại các cơ sở giáo dục và đào tạo theo phạm vi quản lý.

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) kiện toàn bộ phận chỉ đạo công tác xây dựng xã hội học tập ở địa phương theo hướng thiết thực, hiệu quả; tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra tại kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập.

d) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020” và đề xuất định hướng, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập giai đoạn tiếp theo, hoàn thành trong quý IV năm 2020.

2. Đẩy mạnh và đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền

a) Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Khuyến học Việt Nam và các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng với các hình thức phù hợp về vai trò, vị trí quan trọng của công tác khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; về mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục triển khai công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập đã nêu trong Chỉ thị và Kết luận của Trung ương.

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW của Ban Bí thư.

c) Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam xây dựng các phóng sự, chuyên đề về những tập thể, cá nhân

điển hình, tấm gương tự học, tự bồi dưỡng thành tài, tích cực học tập suốt đời, tham gia xây dựng xã hội học tập.

3. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội

a) Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội tích cực tham gia công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; chủ động tổ chức các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập theo tinh thần xã hội hoá giáo dục; huy động hội viên tham gia chuyển giao công nghệ, hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp, phổ biến kiến thức cho người dân.

b) Hội Khuyến học Việt Nam hướng dẫn Hội khuyến học các cấp phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có kế hoạch xây dựng các tổ chức khuyến học trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện, lực lượng vũ trang trên phạm vi cả nước.

c) Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, tổ chức công đoàn tại các doanh nghiệp vận động người sử dụng lao động tạo điều kiện để công nhân, người lao động được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng phù hợp với mong muốn của người lao động và điều kiện của doanh nghiệp; thành lập quỹ khuyến học, khuyến tài hỗ trợ công nhân và con em công nhân nghèo hiếu học.

4. Phát triển tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động và đa dạng các mô hình học tập, chú trọng đào tạo từ xa

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan:

- Rà soát, hoàn thiện quy chế kiểm tra, công nhận kết quả học tập giáo dục thường xuyên; liên thông giữa giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.

- Tăng cường hợp tác xây dựng, kết nối, chia sẻ tài nguyên giáo dục mở; Việt hóa các nguồn tài nguyên giáo dục mở quốc tế; xây dựng và mở rộng các kênh và công cụ học tập, chú trọng các hình thức, nội dung, chương trình, phương pháp học trực tuyến.

- Đẩy mạnh sự tham gia của các cơ sở giáo dục đại học trong việc xây dựng xã hội học tập, phát triển giáo dục mở, đào tạo từ xa, trực tuyến và kết hợp giữa trực tiếp với trực tuyến.

b) Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan rà soát, đánh giá về tổ chức và hoạt động của Hội khuyến học các cấp; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tạo điều kiện để Hội hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, điều lệ và quy định của pháp luật.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

- Rà soát, củng cố, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên, các thiết chế giáo dục ngoài nhà trường, các thiết chế văn hóa ở cơ sở và bảo đảm các nguồn lực để các cơ sở, các thiết chế này hoạt động có hiệu quả, bền vững; đồng thời rà soát, củng cố và kiện toàn tổ chức, hoạt động của Hội khuyến học trên địa bàn.

- Tăng cường cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho việc đào tạo từ xa, đào tạo trực tuyến; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong việc cung ứng các chương trình học tập thường xuyên, suốt đời cho mọi người.

d) Hội Khuyến học Việt Nam chỉ đạo Hội khuyến học các cấp củng cố, phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức Hội và hội viên để phát huy vai trò nòng cốt của Hội trong sự nghiệp xây dựng và phát triển xã hội học tập.

5. Tiếp tục xóa mù chữ cho người lớn, thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và hướng dẫn thực hiện chương trình, tài liệu dạy học xóa mù chữ; hoàn thiện, nâng cấp phần mềm Hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

b) Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đẩy mạnh việc thực hiện bồi dưỡng theo vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức.

c) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan và địa phương mở rộng các hình thức giáo dục nghề nghiệp trong các doanh nghiệp, công ty, dạy nghề gắn với sản xuất và dạy nghề ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa; chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng cho công nhân, người lao động.

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, cập nhật thông tin về người mù chữ trên Hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ bảo đảm đúng quy định pháp luật về kiểm tra công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ.

6. Đổi mới cơ chế tài chính, đẩy mạnh xã hội hóa công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng công dân học tập, đơn vị học tập và tỉnh, thành phố học tập.

a) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát, hoàn thiện các chính sách để tăng cường huy động và đa dạng hóa các nguồn lực xã hội thúc đẩy công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; nghiên cứu, đề xuất cơ chế miễn giảm thuế đối với các doanh nghiệp tham gia các hoạt động giáo dục thường xuyên, học tập suốt đời.

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan:

- Rà soát, đề xuất hoàn thiện chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; chính sách đào tạo tài năng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ trí thức và phát triển nhân tài cho đất nước.

- Nghiên cứu, đề xuất tiêu chí đơn vị học tập ở cấp huyện, cấp tỉnh, ở cơ quan, đơn vị và tiêu chí tỉnh học tập, thành phố học tập dành cho Việt Nam; đẩy mạnh việc xây dựng cộng đồng học tập cấp xã tại các địa phương.

c) Hội Khuyến học Việt Nam chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất tiêu chí công dân học tập; tiếp tục thực hiện Đề án đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng giai đoạn 2021 - 2030.

d) Các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm:

- Rà soát quy định pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới nhằm hoàn thiện các cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân được tiếp cận hoặc tạo ra những cơ hội học tập cho mọi người dân.

- Từng bước xây dựng mô hình đơn vị học tập trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị; xây dựng mô hình tỉnh học tập, thành phố học tập.

- Có chương trình, kế hoạch hỗ trợ công tác xóa mù chữ, bảo đảm nguồn kinh phí để thực hiện các mục tiêu xóa mù chữ theo Kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập của địa phương.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành liên quan:

- Đẩy mạnh liên kết, trao đổi, hợp tác quốc tế chuyên giao công nghệ xây dựng, phát triển và khai thác tài nguyên giáo dục mở và giáo dục từ xa, trực tuyến phù hợp với điều kiện Việt Nam.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, hoạt động hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với các tổ chức quốc tế và các nước có nhiều kinh nghiệm về học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập, đặc biệt là các nước trong cộng đồng ASEAN.

- Hướng dẫn các cơ sở giáo dục mở rộng, tăng cường liên kết đào tạo với những cơ sở giáo dục của nước ngoài có uy tín, đồng thời quản lý chặt chẽ chất lượng đào tạo.

- Huy động đội ngũ trí thức tài năng là người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp với hoạt động khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp trong và ngoài nước trong việc huy động các nguồn lực tài chính hợp pháp để tổ chức các chương trình, hoạt động nhằm tạo ra các cơ hội học tập cho mọi người.

- Chủ động đăng ký hoặc lựa chọn và đề xuất các thành phố trực thuộc tham gia mạng lưới “Thành phố học tập” do Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) điều hành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

a) Xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện các nội dung được phân công tại Kế hoạch này trong quý II năm 2020, gắn với Kế hoạch thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

b) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch thực hiện của bộ, cơ quan, địa phương mình.

c) Sơ kết, đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch gắn với việc đánh giá kết quả công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình triển khai và kiến nghị, đề xuất các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện Kế hoạch đồng bộ, hiệu quả.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung thuộc Kế hoạch, các bộ, cơ quan, địa phương chủ động đề xuất, gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Phụ lục**DANH MỤC ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ**

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 489/QĐ-TTg
ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Thời gian hoàn thành
1	Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ	Quý II năm 2021
2	Đề án “Xây dựng nguồn tài nguyên giáo dục mở, phục vụ nhu cầu học tập suốt đời của mọi người”	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ	Quý IV năm 2021
3	Đề án “Xây dựng mô hình công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030”.	Hội Khuyến học Việt Nam	Các bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ	Quý IV năm 2021
4	Quy chế kiểm tra, công nhận kết quả học tập giáo dục thường xuyên; liên thông giữa giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành liên quan	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quý I năm 2023
5	Hệ thống dữ liệu và chuyên trang về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quý IV năm 2022

6	Kế hoạch củng cố, phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống cơ sở giáo dục thường xuyên tại địa phương	Ủy ban nhân dân các tỉnh	Các bộ, ngành liên quan	Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh	Quý I năm 2021
STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Thời gian hoàn thành
7	Chương trình, kế hoạch hỗ trợ công tác xóa mù chữ	Ủy ban nhân dân các tỉnh	Các bộ, ngành liên quan	Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh	Quý IV năm 2021
8	Quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức xã hội, cơ sở giáo dục và doanh nghiệp trong việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng cho công nhân, người lao động.	Ủy ban nhân dân các tỉnh	Các bộ, ngành liên quan	Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh	Quý IV năm 2022

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/CT-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2021

CHỈ THỊ
Về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài,
xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030

Trong giai đoạn 2011-2020, công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng với Hội Khuyến học Việt Nam và các bộ, ngành tích cực triển khai trên địa bàn 63 tỉnh/thành phố của cả nước. Dưới sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của cấp ủy, chính quyền các địa phương, sự hỗ trợ hiệu quả của các tổ chức, doanh nghiệp, sự vào cuộc, hưởng ứng tích cực của các tầng lớp nhân dân, ngành Giáo dục và các cấp Hội Khuyến học đã phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong nhân dân; qua đó nâng cao nhận thức của nhân dân về tầm quan trọng, ý nghĩa chiến lược của chủ trương xây dựng xã hội học tập, thúc đẩy việc học tập suốt đời cho mọi người.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập theo Kết luận số 49-KL/TW ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập (Kết luận số 49-KL/TW), Quyết định số 281/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020” và Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Đẩy mạnh và thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục và đào tạo; chú trọng nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo từ xa, xây dựng các khóa học trực tuyến mở, đại chúng trong các cơ sở giáo dục đại học; đa dạng hóa nội dung giáo dục, đào tạo, đổi mới phương thức học tập và tăng cường sử dụng các phương tiện và công nghệ hiện đại hỗ trợ học tập, nhất là các phương tiện truyền thông xã hội trong tổ chức các hoạt động của các cơ sở giáo dục thường xuyên. Nghiên cứu áp dụng các mô hình quản lý giáo dục theo tiếp cận công nghệ, quản lý nhà trường theo hướng mở, kết nối, dùng chung hạ tầng công nghệ, cơ sở dữ liệu lớn.

b) Nghiên cứu, xây dựng tiêu chí đánh giá việc thực hiện xây dựng xã hội học tập của các địa phương; rà soát, hoàn thiện quy chế kiểm tra, công nhận kết quả học tập giáo dục thường xuyên. Huy động đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên trong ngành Giáo dục chủ động, tích cực tham gia xây dựng, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên giáo dục mở và tham gia các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

c) Nghiên cứu đổi mới mô hình trung tâm học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả và tổ chức thí điểm để triển khai nhân rộng trong cả nước.

d) Tăng cường công tác chỉ đạo và đề ra những giải pháp thiết thực nâng cao tỷ lệ và chất lượng xóa mù chữ; chú trọng đối tượng là người mù chữ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là phụ nữ và trẻ em gái dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc, bồi dưỡng thường xuyên, chuẩn nghề nghiệp đối với giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục.

đ) Đẩy mạnh liên thông giữa giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên, liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo; rà soát các quy định theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định chưa thực sự tạo sự liên thông giữa các trình độ đào tạo nhằm huy động, tạo điều kiện cho các loại hình cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia giảng dạy nghề nghiệp và tham gia giảng dạy văn hóa giáo dục phổ thông.

e) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới và các giải pháp phù hợp trong hoạt động dạy và học để chủ động thích ứng với tình hình dịch bệnh.

2. Hội Khuyến học Việt Nam

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các tiêu chí đánh giá, công nhận các mô hình học tập trong xã hội giai đoạn 2021-2030 phù hợp với thực tiễn triển khai ở các địa phương trong cả nước; nghiên cứu, xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá mô hình công dân học tập và tổ chức thí điểm để triển khai nhân rộng trong cả nước.

b) Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng giai đoạn 2021 – 2030” theo hướng nâng cao chất lượng các mô hình học tập.

c) Tiếp tục củng cố và phát triển các tổ chức Hội Khuyến học ở các cộng đồng dân cư; trong các cơ quan, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu và trong lực lượng vũ trang, tạo nên phong trào thi đua khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời sôi nổi rộng khắp trong cả nước.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Đa dạng hóa phương thức đào tạo dựa theo mô hình giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt gắn với khung trình độ quốc gia và thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đẩy mạnh các hình thức đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn để giúp người lao động, đặc biệt là lao động nông thôn, người khuyết tật, người nội trợ, người cao tuổi dễ dàng tiếp cận với giáo dục nghề nghiệp để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

b) Xây dựng và nhân rộng các mô hình đào tạo, đào tạo lại nghề nghiệp cho người lao động trong các doanh nghiệp, công ty; đào tạo nghề gắn với ngành nghề truyền thống, gắn với sản xuất, kinh doanh và đào tạo nghề ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng cho công nhân, người lao động.

c) Đôn đốc các bộ, ngành, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về các cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp, phát triển nhân lực có kỹ năng nghề; tăng cường chuyển đổi số và đào tạo trực tuyến, chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên lực lượng lao động.

d) Hướng dẫn các địa phương tạo điều kiện thuận lợi để Hội khuyến học các cấp tham gia các hoạt động đào tạo nghề nghiệp cho lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật và các đối tượng chính sách khác trong các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

đ) Chủ động rà soát và phối hợp chặt chẽ với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định có liên quan về giảng dạy văn hóa trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm tạo điều kiện cho người học vừa được học nghề vừa có cơ hội học tập liên thông nâng cao trình độ.

4. Bộ Tài chính

Bố trí kinh phí và hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đảm bảo kinh phí theo phân cấp ngân sách nhà nước để thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục, giáo dục nghề nghiệp đảm bảo mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trong các đề án, dự án, chương trình đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đang trong thời gian thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

5. Các bộ, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động, tích cực phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội Khuyến học Việt Nam đẩy mạnh các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Kiện toàn bộ phận chỉ đạo xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 các cấp ở địa phương theo hướng thiết thực, hiệu quả; tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp đề ra tại Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW của Ban Bí thư ban hành theo Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Chỉ đạo thực hiện việc đánh giá, xếp loại, công nhận các mô hình học tập một cách thiết thực, hiệu quả. Chủ động đăng ký, lựa chọn và đề xuất các thành phố trực thuộc tham gia mạng lưới “Thành phố học tập toàn cầu” do Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc điều hành.

c) Tập trung chỉ đạo nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục thường xuyên; rà soát, xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ các trung tâm học tập cộng đồng, đặc biệt là các trung tâm học tập cộng đồng ở các xã biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Có chính sách thu hút, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân vào công tác xóa mù chữ; triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án hỗ trợ giáo dục cho người dân tộc thiểu số và miền núi sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chú trọng bồi dưỡng kiến thức và tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức theo dõi công tác dân tộc và công tác vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

đ) Xây dựng và phát triển các mô hình học tập, ngành nghề đào tạo, các nghề đặc thù cần học tập suốt đời đáp ứng nhu cầu xã hội và phù hợp quy hoạch của từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đến năm 2030.

e) Cân đối và bố trí ngân sách địa phương đảm bảo cho công tác kiểm tra, đánh giá, xếp loại, công nhận các mô hình học tập; huy động thêm các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục, giáo dục nghề nghiệp đảm bảo mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trong các đề án, dự án, chương trình đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

g) Chỉ đạo các sở, ban, ngành và các địa phương trong tỉnh tăng cường thông tin, tuyên truyền về vai trò, vị trí quan trọng của công tác khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; đưa nhiệm vụ khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập của chính quyền cơ sở, các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể vào nội dung đánh giá thi đua hằng năm.

7. Các cơ quan truyền thông đẩy mạnh và đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các ngành, các cấp và các tầng lớp nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

8. Đề nghị Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên phát động các cuộc vận động, phong trào thi đua về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập sâu rộng trong cả nước, gắn kết chặt chẽ và hiệu quả với các cuộc vận động, phong trào thi đua khác.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội Khuyến học Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội Khuyến học Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, KGVX (2).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Đã ký

Vũ Đức Dam